

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh): Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Mã số ngành đào tạo: 7140249

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Trình độ đào tạo: Đại học Hệ đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 4 năm

Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm Lịch sử và Địa lí có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc để phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế, phát triển KT - XH của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của khoa học Lịch sử và Địa lí vào giảng dạy, nghiên cứu.

PO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản của triết học, giáo dục chính trị và pháp luật vào quá trình dạy học.

PO3: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học và logic học vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

PO4: Sử dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn.

PO5: Thực hiện được các hoạt động thực hành giảng dạy, nghiên cứu khoa học về Lịch sử và Địa lí.

PO6: Có năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

PO7: Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội.

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại thông tư 07/2015)

2.1. Về kiến thức

* Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc. PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

* Kiến thức chuyên môn

[illegible]

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo điều 6 (Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh) của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành theo Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT ban hành tại quyết định số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT ban hành tại quyết định số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

7. Nội dung đào tạo

7.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120

Trong đó:

- Kiến thức chung: 26

+ Khối kiến thức chung¹ 26

+ Khối kiến thức chung theo lĩnh vực² 0

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 57

+ Khối kiến thức chung của khối ngành (Kiến thức cơ sở ngành): 18

+ Khối kiến thức chung của nhóm ngành (Kiến thức chuyên ngành): 39

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Khối kiến thức ngành và bổ trợ)³ 31

- Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp): 6

¹ Khối kiến thức chung bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương); *Các học phần khác* (Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng...) không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.

² Khối kiến thức chung theo lĩnh vực bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tin học); *Các học phần tự chọn* (Cơ sở văn hóa Việt Nam, Môi trường và phát triển, Tiếng Việt thực hành, Văn hóa và phát triển, logic hình thức, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành...).

³ Kiến thức nghiệp vụ sư phạm bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2 và các học phần về kiến thức nghiệp vụ theo đặc thù từng ngành); *Các học phần tự chọn* (...) khác.

7.2. Khung chương trình đào tạo

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSP, ngày tháng năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí	Thảo luận/ luận/	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lê Nin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
7	5	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5			1
8		59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5		59ENG131	2
9		59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5		59ENG132	3
10		59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4			1
11		59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36				2
12		59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36				1
13		59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36				3
14		59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung						4

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí	Thảo luận/ luận	Thực tế CM			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		57								
2.1	Kiến thức cơ sở		18								
Các học phần bắt buộc			12								
15	59GPG231	Địa lí tự nhiên đại cương	3	35	5	5	10				1
16	59GSG231	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	35	10		10				2
17	59IOH231	Nhập môn Sử học	3	36	6	6	6				1
18	59HIC231	Lịch sử văn minh thế giới	3	36	6	6	6				3
Các học phần tự chọn			6								
19	59RBV231	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3	36	6	6	6				2
20	59GME231	Bản đồ học	3	35	5	10	5				2
21	59ESD231	Môi trường và phát triển bền vững	3	35	10		10				2
22	59GEH231	Nhân học đại cương	3	36	6	6	6				2
2.2	Kiến thức ngành		39								
Các học phần bắt buộc			33								
23	59NGC331	Địa lí tự nhiên các châu lục	3	35	5	10	5				3
24	59WSG331	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	35	10		10				4
25	59NGV331	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	35	5	10	5				6
26	59VSG341	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	4	45	10	10	10				7
27	59WHP331	Lịch sử Thế giới 1	3	36	6	6	6				4

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí	Thảo luận/ luận/	Thực tế CM			
28	59WHP332	Lịch sử Thế giới 2	3	36	6	6	6				5
29	59VHP331	Lịch sử Việt Nam 1	3	36	6	6	6				4
30	59VHP332	Lịch sử Việt Nam 2	3	36	6	6	6				6
31	59NGF321	Thực địa Địa lí tự nhiên	2			60					2
32	59EGF321	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	2			60					6
33	59SPV321	Thực tế lịch sử 1	2			60					4
34	59SPV322	Thực tế lịch sử 2	2			60					7
Các học phần tự chọn			6								
35	59GOT331	Địa lí du lịch	3	35	10		10				5
36	59CND331	Biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai	3	35	5	10	5				5
37	59HSA331	Lịch sử Đông Nam Á	3	36	6	6	6				5
38	59DHO331	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	36	6	6	6				5
III	Kiến thức nghiệp vụ		31								
Các học phần bắt buộc			25								
39	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				3
40	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	4
41	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431, 59PEP431	6

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí	Thảo luận/ luận/	Thực tế CM			
42	59THG441	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	4	45		10	16	2			5
43	59MHG431	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	3	35		8	8	2		59THG441	6
44	59PPH421	Thực hành sư phạm Lịch sử	2			60					7
45	59PPG421	Thực hành sư phạm Địa lí	2			60					7
46	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông					59PPH421, 59PPG421		5
47	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421		8
Các học phần tự chọn			6								
48	59AHG431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí	3	15		60					7
49	59EHC431	Giáo dục Lịch sử Văn hoá địa phương	3	36	4	10	4				7
50	59DHG431	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	3	35		10	10				7
51	59PTG431	Địa danh và dạy học Địa lí địa phương	3	35		10	10				7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								

Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3		1			1	1								
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		1			1	1								
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		1			1	1								
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3		1				2								
Pháp luật đại cương	3		2			1	1								
Tiếng Anh 1							2	2	3						2
Tiếng Anh 2							2	2	3						2
Tiếng Anh 3							2	2	3						2
Tin học đại cương				3			2								
Giáo dục thể chất 1	2	2		2	1		3								
Giáo dục thể chất 2	2	2		2	1		3								
Giáo dục thể chất 3	2	2		2	1		3								
Giáo dục quốc phòng															
Địa lí tự nhiên đại cương	1	2	3		1	3	2	3	3	1	2	2		1	3
Địa lí kinh tế - xã hội đại cương			3		3	3	2		1		1	3			3
Nhập môn sử học					2						2	2			2
Lịch sử văn minh thế giới				3	1						2	2			2
Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam			3	3		2					1	1	1		2
Bản đồ học			3		3	3	1		1		1	1			1

Môi trường và phát triển bền vững			3	3	3	3	3	1	1	1	1	1	1	1	1
Nhân học đại cương	1			3				1	2	1		1		1	1
Địa lí tự nhiên các châu lục	1	2	3		1	3	2	1	2	1	1	2	1		2
Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	1	3			2					3				1	
Địa lí tự nhiên Việt Nam		2	3		3	3	3	2	1		3	2	3	3	3
Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	1	1	3	3	3	1	2	2	2	2	3	3	2	1	1
Lịch sử Thế giới 1				3		3					2	2			2
Lịch sử Thế giới 2				3		2	1				2	2			1
Lịch sử Việt Nam 1				2		2		2	2	1		2			2
Lịch sử Việt Nam 2				3	3	3	3	2	1		1	1	2	2	2
Thực địa Địa lí tự nhiên	1	1	2	3	2	1	2	1	2	3	3	2	1	1	2
Thực địa Địa lí kinh tế	1	1	2	3	2	1	2	1	2	3	3	2	1	1	2
Thực tế lịch sử 1				3		3		1	1		1	1	2	1	1
Thực tế lịch sử 2				3		3		1	1		1	1	2	1	1
Địa lí du lịch	1		3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	3		2
Biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai	2		3	3	3	1	2			1		2			2
Lịch sử Đông Nam Á				3		2						2	2		2
Lịch sử ngoại giao Việt Nam				3		3						2			1
Tâm lý học giáo dục		3	2	3		2	1								

[illegible]

Sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước	1	2	3		1	3	2	3	3	1	2	2		1	3
Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí	1	1	3	3	3	2	2	1	2	3	1	1	2	1	3
Chủ đề tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí				3	2	2			1			2	1		2
Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam				2				2	2		1	1		2	2

Ghi chú: Mỗi CDR được đánh số thứ tự từ 1 đến n.

Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao;
Để trống = Không đóng góp.

7.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
+ Học phần 1 Triết học Mác - Lênin	59SPH131	3	+ Học phần 1 Kinh tế chính trị Mác - Lênin	59SPE121	2
+ Học phần 2 Tiếng Anh 1	59ENG131	3	+ Học phần 2 Tiếng Anh 2	59ENG132	3
+ Học phần 3 Tin học đại cương	59GIF131	3	+ Học phần 3 Giáo dục thể chất 1	59PHE111	2
+ Học phần 4 Giáo dục thể chất 2	59PHE112	2	+ Học phần 4 Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	59GSG231	3
+ Học phần 5 Địa lí tự nhiên đại cương	59GPG231	3	+ Học phần 5 Địa lí kinh tế xã hội đại cương 1	59SEG331	3
+ Học phần 6 Nhập môn Sử học	59IOH231	3	+ Học phần 6 Thực địa Địa lí tự nhiên	59NGF321	2
Tự chọn			Tự chọn		
			+ Học phần 1 Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	59RBV231	3
			+ Học phần 2 Bản đồ học	59GME231	3
			+ Học phần 3 Môi trường và phát triển bền vững	59ESD231	3
			+ Học phần 4 Nhân học đại cương	59GEH231	3
Tổng tín chỉ		15			18



Năm thứ hai

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
+ Học phần 1	59SSO121	2	+ Học phần 1	59HCM121	2

Chủ nghĩa xã hội khoa học			Tư tưởng Hồ Chí Minh		
+ Học phần 2 Tiếng Anh 3	59ENG143	4	+ Học phần 2 Giáo dục quốc phòng	59MIE131	
+ Học phần 3 Giáo dục thể chất 3	59PHE113	2	+ Học phần 3 Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	59WSG331	4
+ Học phần 4 Lịch sử văn minh thế giới	59HIC231	3	+ Học phần 4 Lịch sử Thế giới 1	59WHP331	3
+ Học phần 5 Địa lí tự nhiên các châu lục	59NGC331	3	+ Học phần 5 Lịch sử Việt Nam 1	59VHP331	3
+ Học phần 6 Tâm lý học giáo dục	59EPS431	3	+ Học phần 6 Thực tế lịch sử 1	59SPV321	2
			+ Học phần 7 Giáo dục học	59PEP431	3
Tự chọn			Tự chọn		
Tổng tín chỉ		15			17



Năm thứ ba

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
+ Học phần 1 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	59HPV121	2	+ Học phần 1 Pháp luật đại cương	59EDL121	2
+ Học phần 2 Lịch sử Thế giới 2	59WHP332	3	+ Học phần 2 Địa lí tự nhiên Việt Nam	59NGV331	3
+ Học phần 3 Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	59THG441	4	+ Học phần 3 Lịch sử Việt Nam 2	59VHP332	3
+ Học phần 4 Thực tập sư phạm 1	59TRA421	2	+ Học phần 4 Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội 1	59EGF321	2
			+ Học phần 5 Giao tiếp sư phạm	59COS431	3
			+ Học phần 6	59MHG431	3

			Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông		
Tự chọn			Tự chọn		
+ Học phần 1 Địa lí du lịch	59GOT331	3			
+ Học phần 2 Biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai	59CND331	3			
+ Học phần 3 Lịch sử Đông Nam Á	59HSA331	3			
+ Học phần 4 Lịch sử ngoại giao Việt Nam	59DHO331	3			
Tổng tín chỉ		17			16



Năm thứ tư

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
+ Học phần 1 Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	59VSG341	4	+ Học phần 1 Thực tập sư phạm 2	59TRA432	2
+ Học phần 2 Thực tế lịch sử 2	59SPV322	2			
+ Học phần 3 Thực hành sư phạm Lịch sử	59PPH421	2			
+ Học phần 4 Thực hành sư phạm Địa lí	59PPG421	2			
Tự chọn			Tự chọn		
+ Học phần 1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí	59AHG431	3	+ Học phần 1 Sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước	59SWD931	3
+ Học phần 2	59EHC431	3	+ Học phần 2 Chuyên đề bồi dưỡng học sinh	59FHG931	3

Giáo dục Lịch sử Văn hoá địa phương			giới Lịch sử và Địa lí		
+ Học phần 3 Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	59DHG431	3	+ Học phần 3 Chủ đề tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí	59IHG931	3
+ Học phần 4 Địa danh và dạy học Địa lí địa phương	59PTG431	3	+ Học phần 4 Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam	59RVH931	3
Tổng tín chỉ		16			8



8. Mô tả học phần gồm các đề mục:

TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN
PHILOSOPHY MAX-LENIN
MÃ HỌC PHẦN: **59SPH131**

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	30		60
2	Bài tập	10		32
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	10		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		58		92

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hantt.poli@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn
6	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Khái quát được sự ra đời, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.

CO2: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3: Phân tích được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

* Về kỹ năng

CO4: Vận dụng được giá trị khoa học cách mạng của Triết học Mác – Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn và xây dựng, phát triển đất nước.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết)			[1], [2]

LLO1	1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học <i>1.1.1. Khái lược về triết học</i> <i>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[3], [4], [5] Chương 1
LLO2	<i>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội <i>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin</i>	- Thuyết trình - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO4	<i>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin</i> <i>1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</i>	- Thuyết trình - Đàm thoại - Nêu vấn đề	A1, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1 [2]: chương I và chương IV
LLO1	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Vẽ sơ đồ tư duy về vấn đề cơ bản của triết học	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân	A1, A2, A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO3	2. Chứng minh sự ra đời của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học nhân loại.	- Hướng dẫn sinh viên trình bày và báo cáo sản phẩm cá nhân.	A1, A2, A5, A7	[1] [3], [4], [5] Chương 1 [2]: chương I và chương IV
LLO5	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sinh viên	- Hướng dẫn SV thực hiện sản phẩm nhóm	A1, A3	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4 LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (13 tiết) - SV đọc Chương 1 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Nguồn gốc ra đời của triết; 2. Những giai đoạn phát triển của triết học Mác – Lênin; 3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A5, A7	[1], [2] [3], [4], [5] Chương 1

	4. Vận dụng quan điểm triết học Mác – Lênin để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống các quan điểm sai trái, thù địch.			
Chương 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Vật chất và ý thức <i>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</i> <i>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</i> <i>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1], [2] Chương 2 [3], [4], [5] Chương 4
LLO9 LLO10	2.2. Phép biện chứng duy vật <i>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBCDV</i> <i>2.2.2. Nội dung của PBCDV</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 5 chương 6 chương 7
LLO11 LLO12	2.3. Lý luận nhận thức <i>2.3.1. Các nguyên tắc cơ bản của lý luận nhận thức DVBC</i> <i>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của NT</i> <i>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</i> <i>2.3.4. Các giai đoạn của quá trình NT</i> <i>2.3.5. Tính chất của chân lý</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A5, A7	[1] [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO7, LLO8	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Chứng minh tính đúng đắn của triết học Mác - Lênin trong quan niệm về vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức;	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A5, A7	[1], [2] chương 2 [3] chương 4
LLO14	2. Phân tích các cặp phạm trù cơ bản của PBCDV	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5] chương 5

LLO15	3. Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển để định hướng nghề nghiệp cho học sinh.	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] [2] Chương 2 [3], [4], [5] chương 5
LLO9 LLO12	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề sau: - Đấu tranh phòng chống tham nhũng. - Thực hiện bình đẳng giới - Thực hiện quyền con người, quyền CD - Thực hiện đạo đức nhà giáo	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (Đóng vai, diễn đàn....)	A1, A3, A5, A7	[1], [2] Chương 2. [3], chương 4; chương 5
LLO13	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) 1. Giải thích quan điểm khách quan, bệnh chủ quan duy ý chí.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 2 [3] chương 4, chương 5
LLO10 LLO11	2. Phân tích mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, ý nghĩa của nó đối với sinh viên sư phạm	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4, A5, A7	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 7
LLO11	3. Vận dụng quan điểm thực tiễn để đánh giá về vấn đề đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 8
LLO1 – LLO15	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 1 và chương 2	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A5	[1], [2] chương 1, 2
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12	B. Nội dung tự học: (38 tiết) - SV đọc Chương 2 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất 2. Nguồn gốc và bản chất ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 3. Phép biện chứng duy vật (Nội dung của nguyên lý mối liên hệ phổ biến và nguyên lý phát triển; 6 cặp phạm trù của PBCDV; 3 quy luật cơ bản của PBCDV). 4. Vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết các vấn đề về:	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên.	A5, A7	[1] , [2] Chương 2. [3], [4], [5] chương 4

	- Đấu tranh phòng chống tham nhũng; - Thực hiện bình đẳng giới; - Thực hiện quyền con người, quyền CD; - Thực hiện đạo đức nhà giáo			
Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (26 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội <i>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội</i> <i>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i> <i>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i> <i>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10
LLO17	3.2. Giai cấp và dân tộc <i>3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</i> <i>3.2.2. Dân tộc</i> <i>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 11
LLO18	3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội <i>3.3.1. Nhà nước</i> <i>3.3.2. Cách mạng xã hội</i>	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6	[1] , [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 12
LLO19, LLO20	3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của YTXH 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3 [3], [4], [5] chương 13
LLO21, LLO22, LLO24	3.5. Triết học về con người	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	A1, A6, A7	[1] , [2] Chương 3

	3.5.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử triết học trước Mác 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về cá nhân và xã hội, về vai trò của QCND và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam 3.5.5. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông	- Nêu vấn đề - Tình huống - Đàm thoại - Nghiên cứu trường hợp		[3], [4], [5] chương 14
LLO16	* Nội dung bài tập: (4 tiết) 1. Trình bày đặc điểm LLSX, QHSX ở Việt Nam hiện nay. 2. Trình bày đặc điểm CSHT, KTTT ở Việt Nam hiện nay.	-Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10
LLO18	3. Nêu đặc điểm đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay 4. Trình bày đặc điểm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 12
LLO20	5. Đặc điểm của YTXH mới ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân/nhóm	A1, A2	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 13
LLO24	* Nội dung thực hành: (3 tiết) 1. Lựa chọn 01 nội dung về giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông để làm bài thực hành	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/ diễn thuyết/ diễn đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14
LLO26	2. Đề xuất các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhà giáo và người học.	- Hướng dẫn SV thực hành nhóm (xây dựng kịch bản để đóng vai/ diễn thuyết/ diễn đàn/bài giảng...)	A1, A3	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], chương 12, 14

LLO16	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Sự vận dụng học thuyết HTKT – XH của Đảng ta trong cách mạng Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO25	2. Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề nhà nước, dân tộc, cách mạng xã hội.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3] chương 10
LLO23	3. Trình bày các giải pháp phát triển bản thân để trở thành người giáo viên có đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	- Hướng dẫn SV thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận	A1, A4	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 14
LLO16 – LLO26	* Kiểm tra: (1 tiết) - Nội dung của chương 3	- Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo quy định	A6	[1], [2] chương 3
LLO16 LLO17 LLO18 LLO19 LLO20	B. Nội dung tự học: (41 tiết) - SV đọc Chương 3 trong các tài liệu học tập và làm rõ nội dung sau: 1. Học thuyết Hình thái KT-XH và sự vận dụng học thuyết hình thái KT-XH của Đảng ta trong việc xây dựng CNXH ở Việt Nam. 2. Vấn đề giai cấp và dân tộc. Liên hệ với vấn đề giai cấp, dân tộc ở Việt Nam. 3. Vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội. 4. Vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Con người và bản chất con người theo quan điểm triết học Mác – Lênin. Vận dụng quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người trong việc giáo dục bình đẳng giới và quyền con người cho học sinh phổ thông.	Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, nộp sản phẩm cho giảng viên	A1, A6	[1] , [2] Chương 3. [3], [4], [5] chương 10

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 hoặc 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Các nhiệm vụ/ sản phẩm tự học cần nộp: theo yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-14
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 1-14
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5
	A6. Bài kiểm tra định kì 2			Đáp án, thang điểm	CLO 6-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1,3,4,5,6,8,9

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
	5,0	Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích và có dẫn chứng minh họa.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ, đáp ứng yêu cầu có luận giải rõ ràng	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu,	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn

		câu, không luận giải được.	câu, chưa có luận giải	luận giải chưa rõ ràng	các yêu cầu, luận giải rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

7.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thị Khương chủ biên (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Công thương.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>, ...

TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

**POLITICAL ECONOMY OF MARXISM –
LENINISM**

MÃ HỌC PHẦN: 59SPE121

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20		40
2	Bài tập	06		21
3	Thực hành	06		
4	Thảo luận	06		

5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	01		
Tổng		39		61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: 55SPH131
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và phương pháp dạy học;
Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn
6.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được các nguyên lý cơ bản về kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

CO2: Phân tích được các vấn đề lý luận về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO3: Vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị để xây dựng và giải quyết các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn.

CO4: Đánh giá được một số vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị trong đời sống kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Quán triệt và hiện thực hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của CácMác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1, A5, A6	[1] chương 1 [2] chương 1
LLO1	B. Nội dung tự học: (4 tiết) Sinh viên đọc giáo trình ghi lại những nhận thức cơ bản, những thắc mắc cần giải đáp (nếu có).	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV.	A1	[1] Chương 1 [2] Chương 1

Chương 2: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường				
Nội dung chuẩn đầu ra của chương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.1.1. Sản xuất hàng hoá 2.1.2. Hàng hoá 3.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.1.1. Khái niệm, vai trò của thị trường 2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1.3. Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu và đàm thoại.	A1, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO3, 9	* Nội dung bài tập (2 tiết) Diễn giải tính kinh tế và tính toán các bài tập kinh tế (do GV xây dựng và yêu cầu).	Hướng dẫn sinh viên làm bài tập cá nhân.	A2, A5, A6	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 5-9	* Nội dung thảo luận (2 tiết)	Thảo luận nhóm (thuyết	A4, A5, A6	[1] chương 2 [2]

	1. Luận chứng vai trò của sản xuất và trao đổi hàng hoá đối với sự phát triển của con người và xã hội loài người. 2. Minh hoạ về các hành vi kinh tế có văn hoá, vì cộng đồng, thực thi đúng pháp luật, hưởng ứng chính sách của Nhà nước và ngược lại. 3. Chứng minh biểu hiện và tác động của lý luận hàng hoá, thị trường và sự điều tiết của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay. 4. Nhận diện và giải thích các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn trước tác động của quy luật khách quan và hành xử của các chủ thể kinh tế trên thế giới hoặc ở Việt Nam hiện nay.	trình; nêu vấn đề, phản biện)		Chương 3 [5] Chương 4
LLO4,9	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Xây dựng ý tưởng kinh doanh đảm bảo vừa đáp ứng yêu cầu của các quy luật thị trường, vừa đảm bảo tuân thủ pháp luật.	Thực hành nhóm (Xây dựng ý tưởng, thuyết trình - đóng vai, phản biện).	A3	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4
LLO 2-9	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm,	A1,A2, A3,A4.	[1] chương 2 [2] Chương 3 [5] Chương 4

	nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	chuẩn bị sản phẩm, TL, TH.		
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN. 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, nêu vấn đề.	A1,A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 11,16	* Bài tập cá nhân (3 tiết)	Giao bài và hướng dẫn	A2, A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2]

	Giảng viên xây dựng và giao bài tập cụ thể cho sinh viên theo dạng: Diễn giải và tính các bài tập kinh tế.			Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO12 ,13,15, 16	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Làm rõ các nội dung về nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư. Ý nghĩa nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế. 2. Làm rõ mối quan hệ giữa các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Ý nghĩa nghiên cứu đối với các chủ thể kinh tế thuộc các ngành trong liên kết kinh tế và giải quyết lợi ích nhằm phát triển nền kinh tế. 3. Nhận diện các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong các tình huống kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, đề xuất biện pháp giải quyết giữa các chủ thể kinh tế cũng như của Nhà nước nhằm đảm bảo phát triển hài hòa lợi ích của các chủ thể kinh tế cụ thể.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A5, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
LLO 14,16	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Từ lý luận về hàng hoá sức lao động và giá trị thặng dư, giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động. Liên hệ trong trường học. 2. Từ lý luận về tuần hoàn, chu chuyển tư bản và tích lũy tư bản xây dựng phương án mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đề xuất biện pháp mở rộng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất trong trường học.	Thực hành nhóm (Xây dựng tình huống – phương án, thuyết trình – đóng vai; thảo luận, phản biện) .	A3, A6	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5

LLO 10 - 16	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên. - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm TL, TH	A1, A2, A3,A4	[1] <i>chương 3</i> [2] Chương 4,5,6,7 [5] Chương 5
Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lý thuyết: (2 tiết) 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO 18 -22	* Nội dung bài tập (1tiết) 1. Làm rõ các nội dung lý luận và thực chất của độc quyền, độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN.	Giao bài và hướng dẫn	A2,A5, A6	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5]

	2. Đánh giá được biểu hiện mới và ảnh hưởng của độc quyền, độc quyền nhà nước trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. 3. Đánh giá khách quan về sự phát triển và vai trò của nền kinh tế thị trường TBCN đối với sự phát triển kinh tế thế giới. Vấn đề đặt ra trong xây dựng đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam. 4. Tính toán và nhận định đối với các bài toán kinh tế có yếu tố độc quyền.			Chương 6
LLO 17 – 22	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Làm bài tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình, làm bài tập;	A1,A2,	[1] chương 4 [2] Chương 8 [5] Chương 6
LLO1 -> LLO22	A. Nội dung thực hiện trên lớp (1 tiết) Kiểm tra định kỳ - 1 tiết Sinh viên làm bài trực tiếp trên lớp B. Nội dung tự học: (3 tiết) <i>Sinh viên chủ động ôn tập nội dung lý thuyết chương 1,2,3,4 và các vấn đề thực tế có liên quan để thực hiện bài kiểm tra định kỳ đạt kết quả tốt</i>	Kiểm tra, đánh giá; GV định hướng, nhắc nhở	A1,A5	[1].Chương 1,2,3,4
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO23	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hoà các quan hệ lợi ích và phòng, chống tham nhũng	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, đàm thoại	A1,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
LLO24 ,25,29	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Diễn giải nội dung và chứng minh biểu hiện hai mặt các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 2. Luận chứng sự đúng đắn, hợp quy luật, sáng tạo, linh hoạt của Đảng và Nhà nước trong chủ trương và chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4,A6	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
LLO 26 -29	* Nội dung thực hành: (2 tiết) 1. Dự báo xu hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam và	Thực hành nhóm (thuyết trình,	A3, A6	[1] chương 5 [2]

	các vấn đề đặt ra trong giải quyết vấn đề lợi ích ở Việt Nam hiện nay. 2. Nhận diện các hiện tượng tham ô, lãng phí, tham nhũng trong đời sống kinh tế - xã hội; đánh giá sự ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thực hiện các quan hệ lợi ích kinh tế và phát triển của xã hội. 3. Hệ thống quan điểm, cách thức tổ chức và kết quả thực hiện phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua. Liên hệ nhận thức và trách nhiệm của sinh viên.	thảo luận, phản biện) .		Chương 13,15
LLO 23 - 29	B. Nội dung tự học: (9tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận, thực hành.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm TL,TH.	A1,A3, A4	[1] chương 5 [2] Chương 13,15
Chương 6: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO31	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu,	A1,A6	[1] chương 6 [2]

	6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hoá 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	đàm thoại, nêu vấn đề.		Chương 11,12,16
LLO 32 - 35	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Hệ thống hóa các phương hướng, biện pháp để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước tác động của cách mạng 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ (<i>trong đó có sinh viên</i>). 2. Tìm hiểu những tác động của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đối với đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và hoạt động cụ thể của thế hệ trẻ (<i>trong đó có sinh viên</i>) để trở thành công dân toàn cầu, đồng thời góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong xu thế mở cửa hội nhập.	Thảo luận nhóm (thuyết trình; nêu vấn đề, phản biện)	A4, A6	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

	3.Tìm hiểu các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Minh họa các hoạt động của học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng được các tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao. Liên hệ các tiêu chí đó với việc xây dựng đạo đức nhà giáo.			
LLO30 31,32, 33,34, 35	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu và những nội dung nhận thức được, ghi lại những nội dung cần giải đáp (nếu có). - Nhóm sinh viên trao đổi hình thành đề cương bài thảo luận nhóm; phân công nhiệm vụ tìm tài liệu thông tin; thảo luận, thống nhất nội dung và hình thức cho sản phẩm thảo luận.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc giáo trình; tìm hiểu thông tin, tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thảo luận	A1, A4	[1] chương 6 [2] Chương 11,12,16

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân; nộp sản phẩm khi giảng viên yêu cầu.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01bài kiểm tra định kỳ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 9,10,11,12.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 7,8,11,12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4,9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	--------------------	---------------	---------------	----------------

Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

7.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng

				chưa trả lời được	
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), NXB Chính trị quốc gia.

[3]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản xuất TBCN*, NXB Chính trị Quốc gia.

[4]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin*, NXB Chính trị Quốc gia.

TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
(SCIENTIFIC SOCIALISM)

MÃ HỌC PHẦN: 59SSO121

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	11	9	40
2	Bài tập	4	2	21

3	Thực hành	4	2	
4	Thảo luận	4	2	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Hường	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Thị Thủy	0974146989	thanhlt@tnue.edu.vn
5	Ths. Trần Thanh An	0973474393	anttt@tnue.edu.vn
6	TS. Lý Trung Thành	0974146989	thanhlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học và luận giải được vai trò, ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.

CO2: Luận chứng được tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

CO3: Luận giải và đánh giá được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề đặt ra liên quan đến bài học.

CO5: Phản biện được những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch chống phá quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước về các nhiệm vụ chính trị trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CO7: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và tự học suốt đời để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết (2 tiết) 1.1. Sự ra đời của CNXHKH 1.1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học- một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.3. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1.C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển CNXHKH 1.2.2.V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKH trong điều kiện mới 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển CNXHKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1] Đọc chương 1
LLO1 LLO2	1.3.Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.1.Đối tượng nghiên cứu của chủ CNXHKH 1.3.2.Phương pháp nghiên cứu của CNXHKH 1.3.3.Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại	A1 A6	[1] Đọc chương 1,

LLO1 LLO2 0	*Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Tại sao nói: Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời là một tất yếu khách quan? Học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học có ý nghĩa gì đối với quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam?	Định hướng SV độc lập nghiên cứu vấn đề	A1 A2 A6	[1]. Đọc chương 1 [5]. Đọc chương 1
LLO1 LLO2	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - <i>Đọc tài liệu:</i> Học thuyết tiến hóa, Học thuyết tế bào, Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. Trên cơ sở đó chỉ rõ ý nghĩa của những phát minh này đối với sự ra đời của CNXHKH - Nêu giá trị và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và lập bảng về giá trị và hạn chế của CNXH không tưởng	A1	[1]. Đọc chương 1
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của GCCN				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN 2.1.3.2. Điều kiện chủ quan để GCCN thực hiện sứ mệnh lịch sử 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện SMLS của GCCN hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay	- Thuyết trình kết hợp với đàm thoại - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1

	2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN trên thế giới hiện nay. 2.3. Sứ mệnh lịch sử của GCCN VN 2.3.1. Đặc điểm của GCCN Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam hiện nay 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu xây dựng GCCN VN hiện nay			
LLO15 LLO19 LLO20	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.	- Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm - Cử đại diện các nhóm báo cáo, phản biện	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương II
LLO3 LLO4 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Tại sao GCCN ở các nước tư bản hiện nay chưa thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình? Điều đó có phủ nhận giá trị học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của GCCN không? Vì sao? 2. Nhận diện những điều kiện đảm bảo cho GCCN ở các nước tư bản chủ nghĩa thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ vấn đề dưới đây: + Tìm hiểu chính sách bóc lột của thực dân Pháp đối với Việt Nam để thấy sự cần thiết của việc GCCN VN thông qua ĐCSVN lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng thủ tiêu chế độ người bóc lột người, giành chính quyền về tay nhân dân lao động + Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học, rút ra kết luận cần thiết - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương II [5]. Đọc chương 1

	+ Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng nước ta. - Hiện nay, giai cấp công nhân ở các nước tư bản có còn bị bóc lột không? Nêu những biểu của sự bóc lột. - Tìm hiểu một số quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.			
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO1 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời CNXH 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay 3.3.2.1. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở VN 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay	- Nêu vấn, thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Nêu vấn đề kết hợp với đàm thoại	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương III [3]. Đọc phần phương hướng xây dựng đất nước [4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO2 0	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Phân tích làm rõ đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Ý nghĩa của việc nhận	Yêu cầu SV: Làm bài tập tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2	[1]. Đọc chương III

	thức đúng đắn vấn đề này đối với cách mạng nước ta?			
LLO1 6 LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và phê phán những quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Ý nghĩa của việc đấu tranh, phê phán những quan điểm đó đối với cách mạng nước ta hiện nay?	Hướng dẫn sinh viên thực hành nhóm; từng cá nhân tiến hành phê phán, phản biện chỉ rõ tính sai trái.	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương 3 mục 3.3 [5]. Đọc chương 2
LLO6 LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Vận dụng kiến thức đã học, nhận diện và giải thích những điều kiện đảm bảo cho Việt Nam quá độ lên CNXH theo phương thức quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.	Hướng dẫn sinh viên trao đổi theo nhóm, nộp sản phẩm và báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[5]. Đọc chương 2
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu và tóm tắt các nội dung sau + Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội CSCN + Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội + Tại sao cần thực hiện thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội? + Thu thập một số quan điểm sai trái, thù địch về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và chỉ rõ tính chất sai trái, thù địch của những quan điểm đó. - Làm bài tập: Hoàn thiện 6 câu hỏi trắc nghiệm do GV đưa ra	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học - Yêu cầu SV: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy	A1	[1]. Đọc chương III [4]. Đọc Cương lĩnh [5]. Đọc chương 2
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa				
LLO7 LLO8 LLO1 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa	- Thuyết trình, tình huống - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A1 A3 A4 A5 A6	[1]. Đọc chương IV

	4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.3. Hệ thống chính trị XHCN 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 4.3. Dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở VN 4.3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay	- Sử dụng phim tư liệu		[2]. Độc Báo cáo của Ban chấp hành TW Đảng [3]. Độc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước [5]. Độc chương 3
LLO1 7 LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) 1. Nhận diện, đấu tranh phản bác những hành vi tham nhũng ở nước ta và những biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về dân chủ. 2. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa như thế nào đối với việc thực thi quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam hiện nay?	- Hướng dẫn SV độc lập làm bài tập cá nhân - Hoàn thiện bài tập tại lớp - Trao đổi với GV (nếu cần)	A1 A2	[1]. Độc chương IV [3]. Độc Báo cáo phương hướng phát triển đất nước
LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ, hãy tham góp ý kiến vào việc xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông và thực hiện quyền	Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm, thiết lập 1 bản góp ý đối với việc	A1 A2 A4	[1]. Độc chương IV

	kiểm tra, giám sát để chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	xây dựng quy chế dân chủ ở trường phổ thông		[5]. Đọc chương 3
LLO17 LLO19 LLO20	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Xem video do GV đưa ra, nhận diện và phản bác âm mưu của các thế lực phản động thù địch trong vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhân quyền ở nước ta hiện nay. Chỉ ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục? (Xem video tại https://www.youtube.com/watch?v=x-8g-DW94cU/ Đây là 2 mũi tấn công nguy hiểm mang tên Dân chủ - Nhân quyền)	Hướng dẫn SV thảo luận theo nhóm: - Chỉ rõ được các quan điểm sai trái, thù địch - Lý giải được âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch - Xác định được nguyên nhân và các biện pháp khắc phục	A1 A2 A3	[1]. Đọc chương IV
LLO7 LLO8	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Dân chủ là gì? + Trong lịch sử có mấy nền dân chủ? + Bản chất của nền dân chủ XHCN trên từng bình diện cụ thể: Chính trị, kinh tế, văn hóa- xã hội + Dân chủ và Nhà nước XHCN có mối quan hệ như thế nào? + Bản chất của nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. + Một số những biểu hiện vi phạm dân chủ trong thực tiễn. - Làm bài tập: Trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan do GV đưa ra	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên (gửi kết quả bài tập trắc nghiệm khách quan cho GV trước buổi học)	A1	[1]. Đọc chương IV [4]. Đọc cương lĩnh [5]. Đọc chương 3
Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH				

LLO9 LLO1 0	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 5.1. Cơ cấu xã hội- giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở VN 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN 5.3.2.1. <i>Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> 5.3.2.2. <i>Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên nghĩa xã hội ở VN</i>	-Thuyết trình, tình huống - Nêu vấn đề kết hợp thảo luận nhóm	A3 A4 A5 A6	[1]. Đọc chương V
LLO1 0 LLO2 0	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luyện chứng vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	Hướng dẫn SV độc lập làm bài tập tại lớp, và nộp báo cáo cho GV	A1 A2	[1]. Đọc chương V
LLO1 0 LLO2 1	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Nhận diện và đánh giá những yếu tố tác động, chi phối đến xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta hiện nay?	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm viết báo cáo - Nộp báo cáo cho giảng viên	A4 A6	[1]. Đọc chương V
LLO1 0 LLO2 1	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Những thuận lợi, khó khăn, thách thức đối với quá trình xây dựng và phát huy	- Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, hoàn thiện báo cáo	A3 A6	[1]. Đọc chương V

	khôi liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam?	- GV gọi ngẫu nhiên SV báo cáo		
LLO9 LLO1 0	B. Nội dung tự học: (7 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH. + Cơ cấu xã hội – giai cấp ở Việt Nam hiện nay? + Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Đánh giá vai trò, vị trí của các giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Nhận diện xu hướng biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học	A1	[1]. Đọc chương V
Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO1 1 LLO1 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc 6.1.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở VN 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.1.1. <i>Bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo</i> 6.2.1.2. <i>Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</i>	- Dạy học dựa trên vấn đề thông qua tình huống thực tiễn - Kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn. - Sử dụng phim tư liệu	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương VI

	6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay 6.2.2.1. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam 6.2.2.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở VN hiện nay			
LLO1 2 LLO2 0	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Nhận diện và phân tích những khó khăn, rào cản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.	- Hướng dẫn SV làm việc độc lập tại lớp - SV báo cáo trước lớp	A1 A2	[1]. Đọc chương VI
LLO1 9 LLO2 1	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Xem video do GV đưa ra và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc để nhận diện, phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực phản động, thù địch.	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm để nhận diện, tranh luận, phê phán âm mưu, thủ đoạn và phương thức lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực phản động, thù địch	A1 A4	[1]. Đọc chương VI
LLO1 2 LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? Trách nhiệm của nhà giáo đối với việc giáo dục quyền bình đẳng dân tộc và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho học sinh ở địa phương nơi cư trú?	Hướng dẫn SV trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn của	A1 A3 A6	[1]. Đọc chương VI

		các nhóm và giảng viên.		
LO1- LO19	Kiểm tra định kỳ (1 tiết)	Tổ chức cho SV làm bài kiểm tra theo qui định	A5	[1]. Đọc chương 1,2,3,4, 5,6
LLO1 2	B. Nội dung tự học: (12 tiết) - Đọc tài liệu và khái quát nội dung chính các vấn đề sau: + Khái niệm dân tộc, tôn giáo + Phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan. + Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin? + Những biểu hiện lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc ở Việt Nam hiện nay? + Ôn tập, hệ thống hóa lại những kiến thức đã học về sứ mệnh lịch sử của GCCN; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ XHCN; Liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.	- Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên	A1	[1]. Đọc chương VI
Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
LLO1 3 LLO1 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ	- Giảng viên giảng dạy qua tình huống thực tiễn. - Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn, thảo luận nhóm - Sắm vai	A1 A5 A6	[1]. Đọc chương VII

	7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH			
LLO1 4 LLO2 0	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) Luận giải sự biến đổi trong chức năng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV làm tại lớp, trao đổi với GV	A1 A2 A6	[1]. Độc chương VII
LLO1 4 LLO1 9 LLO2 0	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng gia đình mới, tiến bộ để nhận diện và phê phán những biểu hiện bất bình đẳng giới trong gia đình Việt Nam hiện nay.	- Hướng dẫn SV trao đổi, thực hành theo nhóm - Mỗi nhóm xây dựng 1 kịch bản - - Sắm vai theo kịch bản	A1 A4	[1]. Độc chương VII
LLO1 4 LLO1 9 LLO2 0 LLO2 1	* Nội dung thảo luận nhóm: (1 tiết) 1. Nhận diện và đánh giá những yếu tố chi phối, tác động đến việc xây dựng gia đình mới, tiến bộ ở Việt Nam. 2. Những yêu cầu về phối kết hợp giữa giáo dục Nhà trường, giáo dục gia đình trong bối cảnh hiện nay?	Hướng dẫn SV trao đổi cặp đôi, cử đại diện báo cáo, trả lời phát vấn	A1 A3	[1]. Độc chương VII
LLO1 3 LLO1 4	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc tài liệu, tổng hợp và khái quát nội dung: Mối quan hệ của gia đình và xã hội; chức năng của gia đình; những xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay. - Tìm hiểu những biến đổi của gia đình ở địa phương nơi cư trú. - Những biểu hiện về bất bình đẳng giới trong thực tiễn hiện nay.	-Hướng dẫn SV đọc tài liệu và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy - Các nhóm xây dựng kịch bản và nộp GV duyệt	A1	[1]. Độc chương VII

	- Tìm hiểu những tiêu chí, yêu cầu về xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay.	trước khi thực hành trên lớp.		
--	--	-------------------------------	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
 - Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
 - Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
 - Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
 - Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 13
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 7,8,9,10,11
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, 5,6
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2, 3, 4, 5,6,7,8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần: Rubric đánh giá

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5,0%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm: *Rubric đánh giá*

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Lập luận có căn cứ khoa học và logic		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5 Thiếu rõ ràng	0,5 đến < 1,0 Tương đối rõ ràng	1,0 đến < 1,5 Khá mạch lạc, rõ ràng	1,5 đến 2,0 Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25 Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	0,25 đến < 0,5 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	0,5 đến < 0,75 Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	0,75 đến 1,0 Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25 Trả lời sai đa số các câu hỏi	0,25 đến < 0,5 Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	0,5 đến < 0,75 Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	0,75 đến 1,0 Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25 Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	0,25 đến < 0,5 Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến < 0,75 Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	0,75 đến 1,0 Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[5]. **Trần Thị Lan (2023), *Giáo trình chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.**

TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH'S THOUGHTS

MÃ HỌC PHẦN: 59HCM121

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	12	8	40
2	Bài tập	2	4	21
3	Thực hành	6		
4	Thảo luận	3	3	
5	Kiểm tra, đánh giá	1		
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: 59SSO121 - Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: TTHCM – Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
5	TS Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlysptn@gmail.com
6	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananhgdct@gmail.com
7	Th.s Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
8	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được những vấn đề về khái niệm, đối tượng, phương pháp, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Chứng minh được những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO3: Luận chứng được quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

CO4: Đánh giá được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

*** Về kĩ năng**

CO5: Phản biện được những quan điểm sai trái, thù địch, chống phá tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

CO6: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục học sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

CO8: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2 Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu	-Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1

	1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên			[4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta nhận thức, kế thừa và phát triển qua các thời kỳ cách mạng. - Đánh giá được ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên hiện nay.	Bài tập	A1, A3	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
LLO1 , LLO2	B. Nội dung tự học (6 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên	A1	[1]: Đọc chương 1 [2]: Đọc chương 1 [3]: Đọc chuyên đề 1 [4]: Đọc chương 3 [5]: Văn kiện Đại hội VII, IX
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh				
LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Giai đoạn trước 1911 2.2.2. Giai đoạn 1911 – 1920 2.2.3. Giai đoạn 1920 – 1930	Giảng viên kết hợp giữa thuyết trình, trao đổi, phát vấn.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2

	2.2.4. Giai đoạn 1930 – 1941 2.2.5. Giai đoạn 1941 – 9/1969 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại			
LLO3 LLO4	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Hãy chỉ rõ những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh ?	Thực hành nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Tại sao chủ nghĩa Mác – Lênin giữ vai trò quyết định đến bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh.	Thảo luận nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học: (8 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 2 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên	Giao nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, làm việc nhóm, chuẩn bị sản phẩm thực hành, thảo luận.	A1	[1]: Đọc chương 2 [2]: Đọc chương 2 [3]: Đọc chuyên đề 2
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội				
LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề về độc lập dân tộc 3.1.2. Vấn đề về cách mạng giải phóng dân tộc dân	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4

	3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và với chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.4. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh chủ nghĩa xã hội 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự			
--	--	--	--	--

	diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.			
LLO5 LLO6	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Trong công cuộc đổi mới hiện nay tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, vận dụng, phát triển như thế nào?	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO5 LLO6 LLO7 LLO9 LLO10	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Bằng lý luận và thực tiễn chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn có sự thống nhất giữa tư tưởng về bạo lực cách mạng và khả năng, giải pháp hòa bình. 2. Chứng minh sự sáng tạo trong quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ trương kháng chiến lâu dài trong sự nghiệp chống thực dân, đế quốc?	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1, A3	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO8 LLO9 LLO10	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Nhận diện, đánh giá những lực cản trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. - Chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.	Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giao nhiệm vụ sinh viên chuẩn bị và báo cáo theo nhóm	A1, A4	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3 [3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
LLO5 LLO6	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 3 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp.	Giảng viên yêu cầu sinh viên đọc tài liệu học tập liên quan đến	A1	[1]: Đọc chương 3 [2]: Đọc chương 3

	Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	nội dung tự học, trả lời các câu hỏi của giảng viên trong giờ học. Hoàn thành các sản phẩm cho giảng viên		[3]: Đọc chuyên đề 3 [4]: Đọc chương 4
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân				
LLO1 1 LLO1 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết) 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1.1. Nhà nước dân chủ 4.1.2. Nhà nước pháp quyền 4.1.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước	Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A5, A6	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4

LLO1 1 LLO1 2 LLO1 5	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Suu tầm, phân tích và kể chuyện các tấm gương về những đảng viên tiêu biểu trong việc phát triển kinh tế, tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương. - Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thông qua hoạt động nào?.	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp	A1, A4	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO1 1 LLO1 6	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Làm rõ tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Ý nghĩa của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền nhân nghĩa trong bảo đảm và phát huy quyền con người giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO1 2 LLO1 3 LLO1 4 LLO1 5 LLO2 3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để đánh giá công tác phòng và chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng và cơ quan Nhà nước hiện nay - Chứng minh rằng: Ở Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự thống nhất giữa Đức trị và Pháp trị trong việc xây dựng Nhà nước.	Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm, oàn thiện báo cáo bài tập và nộp cho giảng viên đúng hạn	A1, A3	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII

				[7]: Đọc Nghị quyết TW 4
LLO1 1 LLO1 4	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 4 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị nội dung báo cáo sản phẩm cho giảng viên trong giờ học.	A1	[1]: Đọc chương 4 [2]: Đọc chương 5 [3]: Đọc chuyên đề 4 [4]: Đọc chương 7 [5]. Đọc văn kiện ĐH Đảng XI, XII [7]: Đọc Nghị quyết TW 4
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế				
LLO1 7 LLO1 8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân	Giảng viên thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1, A6	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8

	tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công-nông-trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế			
LLO1 8 LLO1 9	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) - Luận giải những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam. - Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ thể của ĐĐKTD, anh chị hãy liên hệ với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO1 7 LLO1 9	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Đánh giá ý nghĩa phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam	Các nhóm viết báo cáo và thực hành trước lớp.	A1, A4	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]: Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
LLO1 7, LLO1 9	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn	A1, A3	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6

	dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	thiện báo cáo theo nhóm		[3]:Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
	*Bài kiểm tra định kì (1 tiết) <i>Thời gian làm bài: 45 phút</i> <i>Hình thức kiểm tra: Tự luận</i>	Tổ chức cho sinh viên làm bài theo quy định	A5	chương 1, chương 2, chương 3, chương 4.
LLO1 7 LLO1 8	B. Nội dung tự học: (12 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 5 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên chuẩn bị tài liệu về nội dung đã được cung cấp. Trả lời các câu hỏi của giảng viên.	A1	[1]: Đọc chương 5 [2]: Đọc chương 6 [3]:Đọc chuyên đề 5 [4]: Đọc chương 8
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người				
LLO2 0LLO 21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (4 tiết) 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng	Thuyết trình, phát vấn, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống.	A1, A6	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]:Đọc chuyên đề 7,8 [4]:Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

	6.2.3. Quan điểm về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Vận dụng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng			
LLO2 LLO2 2	* Nội dung bài tập cá nhân: (1 tiết) So sánh những chuẩn mực đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh với các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo hiện nay.	Sinh viên viết báo cáo cá nhân, giảng viên gọi ngẫu sinh viên lên báo cáo trước lớp.	A1, A2	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8 [4]: Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO2 OLOLO 21	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng kế hoạch rèn luyện đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	Sinh viên thực hành, báo cáo trước lớp, các sinh	A1, A4	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]: Đọc chuyên đề 7,8

		viên khác phản biện.		[4]:Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO2 1LLO 22 LLO2 3	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư để nhận diện và đấu tranh phòng chống tham nhũng hiện nay.	Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm và cử đại diện báo cáo.	A1, A3	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]:Đọc chuyên đề 7,8 [4]:Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị
LLO2 0 LLO2 1 LLO2 2 LLO2 3	B. Nội dung tự học: (13 tiết) Sinh viên đọc giáo trình chương 6 trước khi vào giờ lý thuyết, ghi lại kết cấu chương, những nội dung cần giải đáp. Làm bài tập cá nhân, thảo luận, thực hành nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Sinh viên đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên, làm bài tập các nội dung được giao và nộp cho giảng viên.	A1	[1]: Đọc chương 6 [2]: Đọc chương 8 [3]:Đọc chuyên đề 7,8 [4]:Đọc chương 13, 14 [5]: Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII [6]: Đọc Chỉ thị số 03, 05 của Bộ Chính trị

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1 – 14
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1 – 14
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 1 – 14
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 – 14

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50%	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham

và tham gia các hoạt động trong giờ học		nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	học tập được giao.	gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (5,0 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và

khi báo cáo và trả lời			báo cáo và trả lời	còn vài chỗ chưa đồng bộ	hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
------------------------	--	--	--------------------	--------------------------	--

7.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bật (Chủ biên): Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2000, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (Đồng chủ biên): Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Song Thành : Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, Thư viện Quốc gia, (Nguồn TTHL).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/ 2016 của Bộ Chính trị (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

[7]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>).

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HISTORY COMMUNIST PARTY VIETNAM

MÃ HỌC PHẦN: 59HPV121

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	20	0	40
2	Bài tập	6	0	21
3	Thực hành	6	0	
4	Thảo luận	6	0	
5	Thực tế chuyên môn	0	0	
6	Kiểm tra, đánh giá	1	0	61
Tổng		39	0	

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (59SPH131), Kinh tế chính trị Mác – Lênin (59SPE121), Chủ nghĩa xã hội khoa học (59SSO121), Tư tưởng Hồ Chí Minh (59HCM121)

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	TS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CO2: Luận giải được sự ra đời, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

CO3: Vận dụng được những bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động dạy học và thực tiễn.

CO5: Phản biện được các quan điểm sai trái, thù địch với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước.

CO7: Làm việc độc lập và làm việc nhóm, tự học theo nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung lí thuyết: (2 tiết) I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1. Các sự kiện lịch sử Đảng 1.2. Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn 1.3. Chỉ đạo, tổ chức thực tiễn trong tiến trình cách mạng 1.4. Hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO2	III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 3.2. Các phương pháp cụ thể IV. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1	[1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu
LLO1 LLO2	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tại sao phải học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?	Bài tập cá nhân Yêu cầu SV Sinh viên làm tại lớp, trao	A2	1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phần mở đầu

		đổi với giảng viên trên lớp.		
LLO6 LLO1 9	B. Nội dung tự học: (5 tiết) - Yêu cầu sinh viên: Tự học và rút ra ý nghĩa của việc học tập môn học và liên hệ bản thân; nộp sản phẩm cho giảng viên.	<i>SV tự học.</i> <i>Yêu cầu SV:</i> <i>tự đọc hiểu và thảo luận nhóm.</i>	A1	1].Đọc từ tr.11 – tr.33 [2]. Đọc phân mở đầu
Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO1 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1. 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1 A6	[1]. Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5] Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO4 LLO1 7	1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1, A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO5 LLO1 7	1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7

		- Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm		[3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO6 LLO1 7	1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1 [5]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO7 LLO1 7 LLO1 9	1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng năm 1930 -1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm	A1 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO1 9	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Hãy phân tích nhận định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” của Nguyễn Ái Quốc.	- Định hướng sinh viên làm bài tại lớp - Yêu cầu sinh viên: Sinh viên làm tại lớp, trao đổi với giảng viên trên lớp.	A1 A2 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO7 LLO1 8	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Tìm hiểu những hoạt động đấu tranh vì quyền con người của	- Định hướng SV tiến hành	A1 A4	[1].Đọc Chương I

LLO1 9	Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 – 1945.	thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: -Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.		[2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO7 LLO1 7 LLO1 9	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Có người cho rằng: “Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự “ăn may” của lịch sử”. Bằng kiến thức đã học, hãy nêu quan điểm của em về vấn đề này?	- Định hướng SV thảo luận nhóm - Định hướng SV viết báo cáo - Đại diện SV báo cáo trước lớp	A1 A3 A6	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
LLO3 LLO4 LLO1 9	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu và làm rõ nội dung: Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?	<i>Sinh viên tự học.</i> - Yêu cầu đối với SV: + Đọc tài liệu, khái quát nội dung, trình bày tóm tắt ra vở + Nộp sản phẩm cho giảng viên.	A1	[1].Đọc Chương I [2]. Đọc Chương 1, Chương 5, Chương 7 [3]. Đọc Chương 1
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/	Học liệu	

		phương pháp		
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8 LLO1 7 LLO1 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO9 LLO1 7 LLO1 9	2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954) 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2
LLO1 0 LLO1 7 LLO1 9	2.2 Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975) 2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954 – 1965)	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO1 1 LLO1 7 LLO1 9	2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 – 1975) 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1, A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO8 LLO1 9	* Nội dung bài tập (1 tiết) Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong việc giải quyết khó khăn, thử thách như “Ngàn cân	Yêu cầu SV - Làm bài tại lớp	A1 A2.	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc chương 2

	treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 -1946 và một số kinh nghiệm?	- Trao đổi với giảng viên trên lớp.		[3]. Đọc Chương 2
LLO10 LLO11 LLO18 LLO19	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Thiết kế 1 sản phẩm để tuyên truyền về hoạt động của phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).	- Định hướng SV tiến hành thực hành theo nhóm Yêu cầu sinh viên: -Sinh viên trao đổi theo nhóm, hoàn thiện báo cáo theo nhóm - Cử đại diện báo cáo, các thành viên còn lại trả lời phát vấn của các nhóm và giảng viên.	A1 A4 A6	[1].Đọc Chương 2 [2].Đọc Chương 3, 4 [3]. Đọc Chương 3
LLO10 LLO11 LLO19	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Phân tích vai trò của hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954-1975.	Đọc tài liệu, chuẩn bị báo cáo, - Thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A3 A6	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 3
LLO8 LLO9 LLO10 LLO11	B. Nội dung tự học: (16 tiết) - Đọc chương 2 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- GV định hướng SV đọc tài liệu - Yêu cầu sinh viên: + Tự học và hệ thống hóa các nội dung	A1	[1].Đọc chương 2 [2].Đọc Chương 2 [3]. Đọc Chương 2, Chương 3

		tự học bằng sơ đồ tư duy - Nộp sản phẩm cho giảng viên		
Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 2 LLO1 6 LLO1 7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3	[1].Đọc chương 3 [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4
LLO1 3 LLO1 6 LLO1 7	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm - Sử dụng phim tư liệu	A1 A3 A6	[1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1 4 LLO1 6 LLO1 7	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ 1996 đến nay) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu - Thảo luận nhóm	A1 A3 A6	[1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6

		- Sử dụng phim tư liệu		[3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1 4 LLO1 8	* Nội dung bài tập (2 tiết) Đánh giá những thành tựu, hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng về bình đẳng giới, quyền con người, dân chủ ở cơ sở, tham nhũng.	- Làm bài tập theo nhóm; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A2.	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1 4 LLO1 8	* Nội dung thực hành: (3 tiết) Tìm kiếm những hoạt động của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong đấu tranh, bảo vệ quyền con người giai đoạn hiện nay.	Thực hành nhóm. Yêu cầu SV: - Đọc tài liệu, thực hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV	A1 A4 A6	[1]. Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
LLO1 4 LLO1 6 LLO1 7 LLO1 8 LLO1 9	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Đánh giá thực trạng thực hiện chủ trương của Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ thời kỳ đổi mới? Liên hệ đến trách nhiệm của nhà giáo trong thực hiện chính sách của Đảng về giáo dục và đào tạo. 2. Phản biện những quan điểm sai trái, thù địch trong chống phá đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	Yêu cầu SV - Chia nhóm thảo luận. Mỗi nhóm chọn 1 nội dung để thực hiện thảo luận. - Chuẩn bị báo cáo, nộp sản phẩm.	A1 A3 A6	1). Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV

LLO8 LLO9 LLO10 LLO11 LLO12 LLO13 LLO14 LLO16	* Bài kiểm tra định kì: Thời gian làm bài: 1 tiết - Yêu cầu: + Thời gian làm bài 60 phút + Hình thức kiểm tra tự luận + Nội dung: SV cần chuẩn bị đọc tài liệu theo giới hạn của giảng viên.	Yêu cầu SV Sinh viên tự học, chuẩn bị tài liệu.	A1 A5	1].Đọc chương 2, Chương 3 [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 3, Chương 4
LLO13 LLO14 LLO19	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đọc chương 3 và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	- Tự học và hệ thống hóa các nội dung tự học bằng sơ đồ tư duy; nộp sản phẩm cho giảng viên (bài viết khoảng 4 trang).	A1	1].Đọc chương III [2]. Đọc Chương 3, Chương 6 [3]. Đọc Chương 4 [4]; [5]; [6]. Đọc theo hướng dẫn của GV
Kết luận				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO15 LLO17 LLO18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lý thuyết: (3 tiết) 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7

	3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng			
LLO1 5 LLO1 6 LLO1 8 LLO1 9	* Nội dung bài tập (1 tiết) Tìm hiểu một số hoạt động của chính quyền địa phương trong thực hiện phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” nơi cư trú.	- Làm bài tập cá nhân; thuyết trình trước lớp; nộp sản phẩm	A1 A3 A6	[1]. Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 3
LLO1 5 LLO1 9	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Sự vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	Thực hành nhóm. Yêu cầu SV - Đọc tài liệu, thực hiện yêu cầu nội dung thực hành. - Báo cáo tại lớp và nộp sản phẩm cho GV	A1 A2.	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 6
LLO1 5 LLO1 9	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Từ thành tựu của đất nước 35 đổi mới, anh (chị) hãy phân tích nhận định: “<i>Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay</i>”. (Trích: Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), <i>Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII</i>, tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.39).	Thảo luận nhóm tại lớp Yêu cầu SV: - Chia nhóm, mỗi nhóm thảo luận một lĩnh vực trong các lĩnh vực sau: Chính trị, kinh tế, văn hoá, đối ngoại. - Chuẩn bị báo cáo, trình bày, nộp sản phẩm.	A1 A4	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 7

LLO1 5 LLO1 9	B. Nội dung tự học: (9 tiết) - Đọc Kết luận và các tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu.	<i>Sinh viên tự học.</i> Yêu cầu SV tự đọc và thảo luận nhóm ; nêu các nội dung cần giải đáp (nếu có).	A1	[1].Đọc Kết luận [2]. Đọc Chương 1, Chương 3, Chương 6, Chương 7
------------------------	--	--	----	---

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3 CLO4,5,6,7 CLO9
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3, 4, CLO5, 6,7, CLO9
4	A4. Thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá thực hành nhóm	CLO 2, 3, 4, CLO5, 6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3, CLO4,5
Thi kết thúc học phần					

6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, CLO4, 5
---	-------------	----	----	--------------------	----------------------

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững

					vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
--	--	--------------------------------------	---	--	--

7.2.4. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian gia hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian gia hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Hoàng Thu Thủy (Chủ biên), Trần Thanh An, Nguyễn Thị Minh Hiền (2022), *Giáo trình Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[3]. Hoàng Thu Thủy, Nguyễn Hữu Toàn (Đồng chủ biên) (2023), *Giáo trình Văn kiện Đảng*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
(GENERAL LAW)

MÃ HỌC PHẦN: 59GEL121

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	5	15	40
2.	Bài tập	6	0	21
3.	Thực hành	6	0	
4.	Thảo luận	6	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	1	0	
Tổng		24	15	61

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
3.	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
6.	ThS. Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

7.	TS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
----	---------------------	------------	-------------------

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật vào trong hoạt động thực tiễn.

CO2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong cuộc sống và công việc.

* Về kĩ năng:

CO3. Giao tiếp hiệu quả, đúng pháp luật với người học, đồng nghiệp và phụ huynh bằng các kiến thức đã học.

CO4. Vận dụng được các kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tế.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO5. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO6. Thực hành được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Khái quát chung về nhà nước				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (03 tiết) * Nội dung lí thuyết: (02 tiết) 1.1 Nguồn gốc hình thành nhà nước 1.1.1. Một số quan điểm về nguồn gốc nhà nước giai đoạn trước Mác 1.1.2. Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.1.3. Định nghĩa nhà nước 1.2. Bản chất của nhà nước 1.2.1. Tính giai cấp của nhà nước 1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước 1.3. Đặc trưng của nhà nước	- <i>Nêu vấn đề.</i> - <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1
LLO2	1.4. Hình thức nhà nước và chế độ chính trị 1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước 1.4.2. Hình thức chính thể nhà nước 1.4.3. Hình thức cấu trúc nhà nước 1.4.4. Chế độ chính trị 1.5. Chức năng của nhà nước 1.5.1. Khái niệm chức năng của nhà nước 1.5.2. Các chức năng cơ bản của nhà nước 1.6. Kiểu nhà nước 1.6.1. Khái niệm kiểu nhà nước 1.6.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử		A1, A5, A6	[1] Đọc chương 1
LLO3	* Nội dung thảo luận: (01 tiết) 1) Chứng minh kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa có tính ưu việt hơn các kiểu nhà nước khác. 2) Phân biệt nhà nước với một tổ chức kinh tế (ví dụ: một công ty cổ phần).	<i>SV thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả thảo luận trước lớp để GV đánh giá.</i>	A3	[1] Đọc chương 1
LLO2	B. Nội dung tự học: (05 tiết)	<i>Tóm tắt lại nội dung đã</i>	A1	[1] Đọc chương 1

	- Nội dung tự học của người học: đọc tài liệu và chuẩn bị bài phần chức năng của nhà nước và kiểu nhà nước	học, GV kiểm tra lại trên lớp.		[2] Đọc chương 1
--	--	--------------------------------	--	------------------

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-9
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

* Rubric đánh giá chuyên cần

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50%	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79%	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài

và tham gia các hoạt động trong giờ học		nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80% - 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

* Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không thực hiện nhiệm vụ, hoặc thực hiện không đúng hạn.	Thực hiện, đạt 50-64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Có sử dụng công nghệ ở mức độ thấp	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Có sử dụng công nghệ đáp ứng 80% yêu cầu.

* Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm

Bài thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận rõ ràng, khoa học logic	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Lập luận còn chưa chặt chẽ, bài trình bày còn nhiều lỗi logic.	Lập luận cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Trình bày tốt	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày còn chưa chặt chẽ.	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

*** Rubric đánh giá bài thực hành nhóm**

Bài thực hành nhóm					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm có nội dung liên quan đến bài tập.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 65-79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Giải thích còn chưa chặt chẽ, bài chứng minh còn nhiều lỗi logic.	Lập luận giải thích cơ bản đảm bảo tính logic, tuy còn thiếu tính thuyết phục.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng nhưng chưa sâu sắc.	Lập luận chặt chẽ, rõ ràng, sâu sắc.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa tốt, nhóm chưa có sự hỗ trợ, phối hợp.	Trình bày tương đối rõ ràng, còn mắc một số lỗi nhỏ.	Trình bày tốt, sự phối hợp trong nhóm khi trình bày	Trình bày tốt, phối hợp trong nhóm tốt.

				còn chưa chặt chẽ.	
--	--	--	--	--------------------	--

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.

[4]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.

[5]. Bộ luật Hình sự (hiện hành) (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Luật hôn nhân và gia đình: có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.

[7]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.

[8]. Luật Phòng Chống tham nhũng (2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

[9]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013): Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

[10]. Luật Bình đẳng giới (hiện hành), Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

9.3. Website

[11]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật:

<http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

[12]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

<http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx>

TÊN HỌC PHẦN:

TIẾNG ANH 1

ENGLISH 1

59ENG131

MÃ HỌC PHẦN:

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		

5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS. Trần Thị Thảo	0986060650	thaott.flan@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.
- CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

- CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Unit 1: LIFESTYLE				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết trực tiếp và 3 tiết Elearning) 1. Grammar: present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency. 2. Vocabulary: everyday routines; leisure activities; wordbuilding: collocations with <i>do, go</i> or <i>play</i>; word focus: <i>feel</i>; medical problems. 3. Listening and speaking: Speaking: your habits; your current life; talking about illness; Listening: in search of a long life; 4. Reading and writing: Reading: How well do you sleep? The secret of long life; Nature and health; Writing: filling in a form; information on forms. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 1 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Making lives healthier B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 09-20). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp present simple and continuous; adverbs and expressions of frequency.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1 [3]
		Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
Unit 2: COMPETITIONS				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: verb + <i>ing</i> forms; like –<i>ing</i>, <i>I'd like to</i>; verbs for rules. 2. Vocabulary: sport; wordbuilding: suffixes, word forms; sport venues and equipment; competition words; word focus: <i>like</i>. 3. Listening and speaking: Listening: competition; competitive sports. Speaking: opinion about sport; Olympic sports; clubs and membership; talking about your interests. 4. Reading and writing: Reading: Crazy competitions; Bolivian wrestlers (women in sport); Write an advert or notice. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 2 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Talk about your favourite sports B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 21-32). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: verb + <i>ing</i> forms; like –<i>ing</i>, <i>I'd like to</i>; verbs for rules.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 2 [3]
		Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
REVIEW UNIT 1+2				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 1+ 2 * Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1+2

LLO9 LLO10	Bài tập phần Review Unit 1+2 trong giáo trình Life.			[2] [3]
	* Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 1+2	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kì số 1: 1 tiết			
Unit 3: TRANSPORT				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: comparatives and superlatives; as ... as; comparative modifiers. 2. Vocabulary: modes of transport, transport nouns, transport adjectives, transport verbs, taking transport. 3. Listening and speaking: Speaking: everyday journey; travel advice; alternative transport; going on a journey. Listening: using animals for transport 4. Reading and writing: Reading: transport solution; traditional transport (The end of the road); Writing reports, notes and messages. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 3 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Opinions for and against B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 33-44). - Tìm hiểu trước về các cấu trúc So sánh trong tiếng Anh.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 3 [3]
		Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]

Unit 4: CHALLENGES				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: past simple and past continuous. 2. Vocabulary: personal qualities; wordbuilding: verbs and nouns. 3. Listening and speaking: Speaking: your past; events you remember; telling a story; challenges in English; Listening: an impossible decision. 4. Reading and writing: Reading: adventurers' stories; challenge yourself (challenge your brain); Writing: challenges in English; write short stories. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 4 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Topic: Looking for evidence B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 45-56). - Tìm hiểu trước về thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 4 [3]
		Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
	Bài kiểm tra định kì số 2: 1 tiết			
CONSOLIDATION				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6 LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 1,2, 3,4

LLO10	- Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần		[3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 1 đến Unit 4		
	* Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên phần mềm Spark: listening, writing, reading tasks		
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.		
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu	[1] [2] [3]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
+ Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
- + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân và nhóm đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên Spark và lớp học ảo đúng hạn, đúng yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS,	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

				GOOGLE CLASSROOM...	
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A6. Nghe - Đọc - Viết - Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ - > không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80%-84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới	Hoàn thành đúng hạn từ 50	Hoàn thành 65 -7,9% đúng hạn	

đúng hạn bài tập được giao		50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	- 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					

Bài kiểm tra định kì (bài thi kĩ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt
Thi kết thúc học phần (50%)		
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn bộ môn duyệt và theo quy định chung của Trường.

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.

[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

8.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2

ENGLISH 2

MÃ HỌC PHẦN: 59ENG132

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	13	15	60
2	Bài tập	10		30
3	Thực hành		15	
4	Thảo luận	5		
5	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		30	30	90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 55ENG131, Tiếng Anh 1

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒
 - Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoàn Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước phương Tây.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 mức trung cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3, LLO10, LLO11	UNIT 5: THE ENVIRONMENT A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết trực tiếp, 3 tiết Elearning) 1. Grammar: quantifiers; article: <i>a/an, the</i> , no article 2. Vocabulary: materials recycling; results and figures; word focus: take. 3. Listening and speaking: Listening: extract, news environmental projects; Speaking: changing attitudes and behaviour 4. Reading and Writing: close reading; writing emails, formal words	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 5 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - How much do you recycle or reuse items in the house or at work? How easy is it to recycle where you live? - We describe people and their behaviour as 'green' when they help the environment. How green are you? - Can you think of more ways to be green in your daily life? - Call out different problems a customer can have with something they order, either by email or on line.			

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 57 đến trang 68 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	UNIT 6: STAGES IN LIFE A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: to-infinitive; future forms. 2. Vocabulary: life events; describing age celebrations; word focus: get; wordbuilding: synonyms. 3. Listening and speaking: Listening: differences between the generations, a news item about Mardi Gras; Speaking: plan the trip of a lifetime, planning a celebration, describing annual events 4. Reading and writing: read articles and write descriptions, descriptive adjectives * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 6 trong giáo trình Life. * Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What age do you think the stages of life begin and end? What is your current stage of life? - Which events do you celebrate in your country? When do you have parties? - At what age can people legally do these things: drive a car, get married, buy cigarettes, leave home, buy fireworks, open a bank account, ... ? - How is the verb GET used? - Which adjectives are used in the description?	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 6 [3]

	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Tra từ mới và đọc bài học trước ở nhà (trang 69-80). - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO1, LLO2, LLO3, LLO4, LLO5, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 5-6 A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong Unit 5+6	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5+6 [2] [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài Tập phần Review Unit 5 + 6 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (1 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 5 + 6	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO10, LLO11	UNIT 7: WORK A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: Present perfect and past simple; Present perfect with <i>for</i> and <i>since</i> ; Preposition of place and movement. 2. Vocabulary: jobs, suffixes, parts of a building, <i>make</i> or <i>do</i> , job adverts. 3. Listening and speaking: Listening: description of a job in a steel factory, an interview, giving instructions; Speaking: describing past experiences, giving direction, Jobs interview. 4. Reading and writing: articles; writing CVs. * 2 tiết kiểm tra định kì	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 7 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 7 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến)			

	Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - Think about your current job (or a job you want in the future). - Have you ever applied for any kind of job? Think about answers for any questions the interviewer might ask you. - What do you know about how to write a good CV? - Which verb + noun combinations with MAKE and DO do you know?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 81 đến trang 92 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	UNIT 8: TECHNOLOGY A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết trực tiếp, 4 tiết Elearning) 1. Grammar: zero and first conditional, definite relative clause 2. Vocabulary: Internet verb; wordbuilding: dependent prepositions, instructions 3. Listening and speaking: Listening: documentary about the importance of technology, a science programme about a new invention; Speaking: planning a trip, important inventions, design an invention for everyday life, favourite technology 4. Reading and writing: Reading: an explorer's blog, an article about biomimetics; writing: a paragraph, connecting words * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài Tập của Unit 8 trong giáo trình Life.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 8 [3]

	* Nội dung thực hành (3 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Thảo luận 1 trong số những vấn đề sau: - What problems did these famous inventions solve? - How do you use the Internet? - How are zero and first conditionals used? - Have you used a topic sentence? Have you used three supporting sentences? Have you used connecting words?			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Đọc giáo trình từ trang 93 đến trang 104 - Tra từ mới và tìm hiểu nghĩa của cấu trúc mới - Sẵn sàng tham gia vào bài giảng, phối hợp với giảng viên và sinh viên - Làm và gửi bài tập cho giáo viên qua SPARK	Viết từ, dịch bài khóa, làm bài tập vào vở		[1] [2] [3]
LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10, LLO11	REVIEW UNIT 7-8 A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) - Ôn tập các nội dung đã học trong chương trình - Hướng dẫn định dạng bài thi kết thúc học phần	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5	[1] Unit 5-6-7-8 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) - Các dạng bài tập trong phần review từ Unit 5 đến Unit 8			
	* Nội dung thực hành (2 tiết trực tuyến) Bài tập thực hành trên SPARK hoặc trên lớp học ảo: listening, writing, reading tasks			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Những nội dung đã học trong chương trình và dạng thức bài thi kết thúc học kỳ.			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Ôn tập lại các kiến thức đã học trong chương trình	Tự học, tự nghiên cứu		[1] [2] [3]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;

- + Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	A2. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	A3. Bài kiểm tra định kì (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
5	A4. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1		
6	A4. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1		
Thi kết thúc học phần					
7	A5. Vấn đáp + Viết	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64%	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia

các hoạt động trong giờ học		vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80% - 84% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp và trên hệ thống E-learning
Bài tập trên SPARK (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -7,9% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90 - 100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60%	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu

dung và hình thức.		câu về nội dung và hình thức.	yêu cầu về nội dung và hình thức.	dung và hình thức.	câu về nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì (bài thi kỹ năng Nghe - Đọc trên máy, Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vấn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường.			

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). Life: A2-B1. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge University Press.
[3] Murphy, Raymond (2019). *English grammar in use*. Cambridge University Press

8.3. Website

<https://learn.eltnl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

TÊN HỌC PHẦN:

TIẾNG ANH 3

ENGLISH 3

MÃ HỌC PHẦN:

59ENG143

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	
----	------------------	------------------	--

		Trực tiếp	Trực tuyến		Số giờ tự học
			E-learning	Lớp học ảo	
1	Lý thuyết	30	10	0	80
2	Bài tập	5	5	5	15
3	Thực hành	5	5	10	20
4	Thảo luận	5	0	0	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0	0
Tổng		45	20	15	120

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59ENG132-Tiếng Anh 2
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
4	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
5	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
6	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.
- CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO3: Vận dụng được các kiến thức được học về xã hội, văn hóa các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

- CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Unit 9: HOLIDAYS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: holiday collocations; wordbuilding: <i>-ed/-ing</i> adjectives; word focus: place; requesting and suggesting 2. Listening and speaking: a holiday; the place you live or know; requesting; a different kind of holiday 3. Reading and writing: Reading: Holiday stories; Two sides of Paris; Writing an email requesting information	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 9 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 9 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - What activities do you do during your holidays? - Who do you travel with - family, friends, alone? - What type of accommodation do you stay in - hotel, Airbnb, camping? - What kind of holidays or destinations do you prefer - beach, city, countryside etc?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9	Trên SPARK		

		hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: past perfect simple/ subject questions	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 105-116). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: past perfect simple/ subject questions - Viết bài: Your favourite holiday	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 10: PRODUCTS				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: Word forms; Describing design; Websites; Discussing opinions. 2. Listening and speaking: Describing design; webssite design; famous products; product design; using less stuff. 3. Reading and writing: Reading: A lesson in logos; Is stuff winning? Writing a review; giving your opinion. * Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 10 trong giáo trình Life. * Nội dung thảo luận (1 tiết) - What is the logo/significance of the logo? What does it symbolize? - Would you consider the logo/brand to be successful? Why or why not? - In your opinion, is the logo/branding effective at representing the company? - Do you have any favorite logos from well-known global brands? * Nội dung thực hành (3 tiết)	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 10 [3]
		Trên SPARK		

	Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 10	hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Present simple passive; structure <i>used to</i> .	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 118-128). - Tìm hiểu các hiện tượng ngữ pháp: Present simple passive; structure <i>used to</i> . - Viết bài: Using less stuff	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
REVIEW				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) - Ôn tập các nội dung của Unit 9+10 - Kiểm tra 1	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1]
LLO2				Unit 9 +10
LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết) Bài tập phần Review Unit 9+10 trong giáo trình Life.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		[2]
LLO4				[3]
LLO9	* Nội dung thực hành (1 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 9 + Unit 10.	Trên hệ thống LMS		
LLO10				
	B. Nội dung thực hiện Elearning (3 tiết) (Lý thuyết: 1 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Unit 9 + Unit 10			
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) Ôn tập và tự củng cố lại các kiến thức đã học trong Unit 9+10	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 11: HISTORY				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)			[1]

LLO5 LLO6 LLO9 LLO10	* Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: wordbuilding: verb + prepositions; communication; ancient history; emotion words; word focus: one 2. Listening and speaking: Listening: A message in a bottle; reporting a story; Saving history; giving a short presentation 3. Reading and writing: Reporting a story; Reading: Stealing history; Writing: a biography	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	Unit 11 [3]
* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 11 trong giáo trình Life.				
* Nội dung thảo luận (1 tiết) - How does learning about history help you understand the present day better? - What important historical events or periods do you think everyone should know about? - Do you feel history is taught well in schools? If not, how could teaching be improved? - What resources do you use to learn history outside the classroom (books, documentaries, podcasts, etc.)?				
* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 11.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo			
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: Reported speech, Reporting verbs (<i>say</i> and <i>tell</i>).	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 129-140). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: reported speech, Reporting verbs (<i>say</i> and <i>tell</i>). - Viết bài: Saving history	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]
Unit 12: NATURE				
LLOs	Nội dung	Hình thức/		

		phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9 LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết) 1. Vocabulary: extreme weather; nature; word focus: start; Finding a solution. 2. Listening and speaking: Speaking: hopes and dreams; questions with <i>any</i> ; an interview; Listening: a documentary. 3. Reading and writing: Reading: What if...; The life of Jane Goodall (living with chimpanzees); Writing: an article; planning an article.	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, thực hành	A1, A2, A3, A4, A5, A6	[1] Unit 12 [3]
	* Nội dung bài tập cá nhân (2 tiết) Bài tập của Unit 12 trong giáo trình Life.			
	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - Why is it important to protect nature and the environment? - What are some of the main benefits of nature to humans and the planet? - What are some major environmental issues we face today, like climate change, pollution, etc.? - What can individuals do daily to help protect nature?			
	* Nội dung thực hành (3 tiết) Bài thực hành nghe - đọc - viết các nội dung của Unit 12.	Trên SPARK hoặc trên lớp học ảo		
	B. Nội dung thực hiện Elearning (4 tiết) (Lý thuyết: 2 tiết + Bài tập: 1 tiết + Thực hành: 1 tiết) Grammar: <i>any-, every-, no-, some- and – thing, -where, -one, -body</i> ; second conditional;	Trên hệ thống LMS		
	C. Nội dung tự học: (20 tiết) - Tra từ mới và đọc bài đọc hiểu trước ở nhà (trang 141-152). - Tìm hiểu trước về các hiện tượng ngữ pháp: đại từ bất định với <i>any-, every-, no-, some- and – thing, -where, -one, -body</i> ; câu điều kiện loại 2.	Tự học, tự nghiên cứu	A1	[1] [2] [3]

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên SPARK và LMS	20	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM,...		4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (Viết)		1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Nghe - Đọc - Viết + Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học trên lớp bắt buộc (nghỉ quá 20% số giờ - > không đủ đk dự thi)	5,0	1 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự 80%-84% số giờ lên lớp	Dự 85%- 89% số giờ lên lớp	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp
Bài tập trên SPARK và LMS (10%)					
Mức độ hoàn thành đầy đủ và đúng hạn bài tập được giao	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Hoàn thành đúng hạn dưới 50% các bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đúng hạn từ 50 - 64% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 65 -79% đúng hạn bài tập hoặc nhiệm vụ được giao	Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn 80-100% bài tập hoặc nhiệm vụ được giao.
Chất lượng nội dung bài tập được giao đáp ứng yêu cầu.	7,0	0 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến < 6,5	6,5 đến 7,0
		Bài tập được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 50 - 64% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 65 -79% yêu cầu về nội dung.	Bài tập được giao đáp ứng 80-100% yêu cầu về nội dung.
Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ... (10%)					
Tham gia đầy đủ các bài thực hành theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tham gia dưới 50% các bài thực hành theo yêu cầu	Tham gia từ 50 - 60% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia từ 70 -80% các bài thực hành theo yêu cầu.	Tham gia đầy đủ từ 90-100% các bài thực hành theo yêu cầu.
Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức.	6,0	0 đến < 3	3,0 đến < 3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Kết quả thực hiện các bài thực hành được giao đáp ứng từ 50 - 60% yêu cầu	Kết quả thực hiện các bài thực hành từ 70 -80% yêu cầu về nội dung và hình thức.	Kết quả thực hiện các bài thực hành đáp ứng từ 90-100% yêu cầu về

		câu về nội dung và hình thức.	câu về nội dung và hình thức.		nội dung và hình thức.
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành kém.	Đã có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành, nhưng chưa tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tương đối tốt.	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để làm bài thực hành tốt.
Bài kiểm tra định kì (20%)					
Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe-Đọc-Viết)	20,0	Theo đáp án, thang điểm đã được Hội đồng chuyên môn duyệt			
Thi kết thúc học phần (50%)					
Nghe – Đọc – Viết - Vắn đáp	10,0	Theo đáp án đề thi và Rubric đánh giá đã được Hội đồng chuyên môn duyệt và theo quy định chung của Trường			

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2022). *Life: A2-B1*. Student's Book 2nd Edition. (Vietnam Edition). Singapore: Cengage Learning Asia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

8.3. Website

<https://learn.eltngl.com/>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

BASIC INFORMATICS

MÃ HỌC PHẦN: 59GIF131

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	

1.	Lý thuyết	10	8	40
2.	Bài tập	6	0	40
3.	Thực hành	30	10	
4.	Thảo luận	0	4	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2	0	0
Tổng		48	22	80

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin, Khoa Toán

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Văn Trường	0915016063	truongnv@tnue.edu.vn
2.	TS. Trần Ngọc Hà	0915168400	hatn@tnue.edu.vn
3.	TS. Ngô Thị Tú Quyên	0915023306	quyenntt@tnue.edu.vn
4.	Th.S Lê Bích Liên	0983444586	lienlb@tnue.edu.vn
5.	Th.S Phạm Văn Tiến	0912515028	tienpv@tnue.edu.vn
6.	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982203129	hienntt.math@tnue.edu.vn
7.	TS. Vũ Đức Quang	0352340851	quangvd@tnue.edu.vn
8.	Th.S Cáp Thanh Tùng	0912735670	tungcp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành trong học tập và công việc.

CO2. Sử dụng được phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint để soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu trên bảng tính và tạo bài trình chiếu với nhiều loại dữ liệu đa phương tiện khác nhau.

CO3. Áp dụng được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong làm việc trực tuyến; mô tả được đặc điểm của một số dịch vụ trên mạng Internet.

* Về kỹ năng:

CO4. Thành thạo kỹ năng soạn thảo văn bản, xây dựng bảng tính và tạo bài trình chiếu phù hợp với ngành đào tạo.

CO5. Quản lý được thông tin trên máy tính và thông tin cá nhân trên mạng máy tính; áp dụng được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO6. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Khái niệm cơ bản về tin học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 1.1. Phần cứng máy tính 1.2. Phần mềm máy tính 1.3. Hệ điều hành Windows 1.4. Các lỗi máy tính thường gặp	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	* Nội dung thực hành: (3 tiết) - Bài tập: 1-4 [1, Trang 82-83] - Bài tập: 2, 3 [2, Trang 24-31]; 3, 4 [2, Trang 37-39].	Thực hành.	A1 A2 A4, A7	[1] [2]
LLO1, LLO2, LLO3	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 1 - Đọc thêm chương 1: Hiểu biết cơ bản về hệ điều hành. - Làm bài tập thực hành: 7-10 [2, Trang 21-23] - Đọc trước kiến thức Chương 2.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3] [4]
Chương 2. Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO4, LLO5, LLO6, LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Định dạng văn bản 2.2. Chèn và định dạng các đối tượng trong văn bản. 2.3. Hiệu chỉnh văn bản 2.4. Các công cụ trợ giúp soạn thảo 2.5. Tạo mục lục và tài liệu tham khảo 2.6. In ấn và phân phối văn bản	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	* Nội dung thực hành: (6 tiết) - Bài tập: 1-9 [1, Trang 117-124] - Bài tập: 1-4 [2, Trang 102-104]; 1-4 [2, Trang 111-114].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
LLO4, LLO5, LLO6	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 2. - Làm bài tập thực hành: 1-3 [2, Trang 91-93]; 2, 3 [2, Trang 118-120]. - Tự đọc về các nội dung sau: + Gộp tài liệu, tạo section. + Tạo mẫu văn bản. + Sửa lỗi không gõ được tiếng Việt có dấu. + Chuyển mã phong chữ.	Tự nghiên cứu.	A1	[1] [2] [3] [4]

Chương 3. Phần mềm bảng tính Microsoft Excel

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8, LLO9, LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính 3.2. Các thao tác cơ sở trên bảng tính 3.3. Định dạng và xử lý dữ liệu 3.4. Công thức và các hàm cơ bản 3.5. Tạo lập và hiệu chỉnh biểu đồ 3.6. In ấn và phân phối bảng tính	Thuyết trình; đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A1 A5 A6	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	*Nội dung thực hành: (12 tiết) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 176-181] - Bài tập 2 [2, Trang 159]; 6-11 [2, Trang 166-170]; 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Thực hành.	A1 A2 A4 A7	[1] [2]

LLO8, LLO9, LLO10, LLO17, LLO18	* Nội dung bài tập: (6 tiết) - Bài tập: 1-16 [1, Trang 173-175] - Bài tập: 3, 4 [2, Trang 186-190]; 7 [2, Trang 214]; 1-3 [2, Trang 217-218].	Đàm thoại; nêu vấn đề; hợp tác.	A3	[1] [2]
LLO8, LLO9, LLO10	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Tổng hợp kiến thức phần hệ thống các hàm cơ bản của Chương 3 bằng sơ đồ tư duy. - Chuẩn bị trước dữ liệu cho các bài thực hành. - Đọc trước kiến thức Chương 4.	Tự nghiên cứu.		[1] [2] [3] [4]
Chương 4. Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11, LLO12, LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) *Nội dung lý thuyết: (4 tiết Elearning) 4.1. Kiến thức cơ bản về thuyết trình và trình chiếu 4.2. Các thao tác cơ bản với slide 4.3. Chèn và định dạng các đối tượng 4.4. Thiết lập hiệu ứng 4.5. Tạo siêu liên kết 4.6. Trình chiếu, phân phối và in ấn bài thuyết trình	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A5 A6	[1] [2]
LLO11, LLO12, LLO13	* Nội dung thực hành: (5 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 1-6 [1, Trang 222-227] - Bài tập 3, 4 [2, Trang 144], 1-6 [2, Trang 147-148].	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2 A4 A7	[1] [2]
	- Bài kiểm tra định kỳ số 01: 1 tiết (thực hành)		A4	
LLO11, LLO12, LLO13 LLO17, LLO18	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết Elearning) Ứng dụng PowerPoint thiết kế một bài trình chiếu về chủ đề tự chọn	- Thảo luận nhóm trên hệ thống LMS	A1	[1] [2] [3] [4]
LLO11, LLO12, LLO13	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 4. - Đọc trước kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập 10 [2, Trang 148].	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]
Chương 5. Mạng máy tính				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14, LLO15, LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết Elearning) 5.1. Tổng quan về mạng máy tính 5.2. Ứng dụng cơ bản trên mạng Internet 5.3. An toàn thông tin	Học tập trên hệ thống LMS	A1 A5 A6	[1], [2]
LLO14, LLO15, LLO16	* Nội dung thực hành: (4 tiết trực tiếp và 5 tiết Elearning) - Bài tập: 5-12 [1, Trang 83] - Bài tập 2, 3 [2, Trang 286-287]; 1-4 [2, Trang 290-293]; 1-5 [2, Trang 299]. - Thực hành sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến (Meet, Zoom, Microsoft Teams).	Thực hành, học tập trên hệ thống LMS	A1 A2	[1], [2]
	Bài kiểm tra định kỳ số 02: 1 tiết (trắc nghiệm)		A6	
LLO14, LLO15, LLO16	B. Nội dung tự học: (8 tiết) - Ôn tập lại các kiến thức của Chương 5. - Làm bài tập thực hành.	Tự nghiên cứu, học tập trên hệ thống LMS		[1] [2] [3] [4]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. Tham gia học tập trên hệ thống LMS (chương 4,5).

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập thực hành. Xem hướng dẫn thực hành trên hệ thống LMS (chương 4, chương 5).

- Thảo luận: Hoàn thành bài thảo luận nhóm tại Chương 4 (nộp bài trên hệ thống LMS).

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO12, 13
2	A2. Thực hành	15	01	Rubric đánh giá bài tập thực hành	CLO7-11

3	A3. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO3, CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
7	A7. Thực hành	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4, CLO7-9

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Luôn thụ động trong các quá trình học tập.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự <80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (15%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1.5	1.5 đến <1,95	1,95 đến < 2,4	2,4 đến 3
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1

Ý tưởng sáng tạo		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài tập (5%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ	3	0 đến < 1.5	1.5 đến <1,95	1,95 đến < 2,4	2,4 đến 3
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ	Thực hiện 50 - 66% nhiệm vụ	Thực hiện 65 - 80% nhiệm vụ	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Bài kiểm tra định kỳ (25%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền (2023), Tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (2008), Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

8.3. Website:

[4]. <https://support.microsoft.com/en-us/training>

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GDTC I

(MÔN BƠI - SWIMMING)

MÃ HỌC PHẦN: PHE111S

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8

2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Giáo dục thể chất không chuyên ngành; Khoa TĐTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuand@tnue.edu.vn
3	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
4	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
5	Th.S Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
8	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
9	T.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
10	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vnt@tnue
11	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd@tnue.edu.vnt@tnue
12	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuanmd@tnue.edu.vn
13	T.S. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm@tnue.edu.vnt@tnue

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Bơi trong chương trình GDTC 1: Lịch sử hình thành và phát triển, các kỹ thuật trong các kiểu bơi.

CO2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Bơi, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được các kỹ thuật của kiểu Bơi ếch thể thao.

CO4: Thực hiện được phương pháp xử lý đuối nước, sơ cứu chấn thương trong thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng được học để rèn luyện thể lực thường xuyên, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật

động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Bài 1: Giới thiệu môn học				
LLO s	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Nội dung lý thuyết: (04 tiết) 1. Lý thuyết chung: 1.1 Sơ lược lịch sử sự hình thành và phát triển của môn bơi lội. 1.2 Đặc điểm vật lý học của môi trường nước 1.3 Mối quan hệ của đặc điểm kết cấu giải phẫu cơ thể với kỹ thuật bơi.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A2	[1] Chương 1,2
LLO 3,4	1.4 Phương pháp tạo ra lực cản, lực hữu ích và lực nổi thay nhau tác động đẩy cơ thể tiến về phía trước. 1.5 Thế nào là kỹ thuật bơi hợp lý.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	
LLO 5	1.6. Các Phương pháp phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1	
LLO 3,4,5	B. Nội dung tự học: (8 tiết) 1. Các yếu lĩnh kỹ thuật Bơi thể thao 2. Kỹ thuật các bài tập trên cạn trong kiểu Bơi ếch thể thao	Chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện tự học và hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	A1	[1] Chương 1,2
Bài 2: Các kỹ thuật cơ bản				

LLO s	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 6,7,8	* Nội dung thực hành (34 tiết) - Đặc điểm của kỹ thuật bơi thể thao. - Phân tích yếu lĩnh kỹ thuật bơi thể thao: Tư thế thân người, kỹ thuật động tác chân, động tác tay, thở, phối hợp tay với thở, phối hợp tay với chân và phối hợp toàn bộ kỹ thuật bơi. - Phương pháp dạy bơi cho người mới học, các bước giảng dạy và sửa chữa sai sót kỹ thuật thường mắc. - Ý nghĩa của bơi thực dụng - cứu đuối. - Làm quen nước, tập làm nổi người, tập lướt nước - Học kỹ thuật động tác chân - Học, ôn luyện, củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác chân bơi ếch. - Học kỹ thuật động tác tay, ôn luyện kỹ thuật động tác chân	Thuyết trình, đàm thoại, thực hành	A1; A2	[1] Chương 3
LLO 6,8	- Ôn luyện, củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác tay, tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật động tác chân, tập động tác xuất phát - Củng cố và hoàn thiện kỹ thuật động tác tay, tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật động tác chân, tập bơi phối hợp tay với chân. - Học kỹ thuật động tác thở cơ bản trong Bơi - Ôn kỹ thuật động tác chân, tay và phối hợp chân với tay - Ôn luyện phối hợp toàn bộ kỹ thuật kiểu bơi ếch: Phối hợp tay, chân, thở.	Thuyết trình, đàm thoại, thực hành	A1; A3	[1] Chương 3
LLO 6,7,8	B. Nội dung tự học: (52 tiết) Nín thở, ngụp lặn và thở ra trong nước. - Tập làm nổi người. - Học kỹ thuật động tác chân. - Bám bờ tập động tác chân: Có điểm tựa hoặc người giúp đỡ - Luật bơi. - Tập không có dụng cụ (tăng độ khó bài tập), tập phối hợp hai tay. - Tập mô phỏng động tác phối hợp kỹ thuật tay với chân. - Tập bơi phối hợp tay với chân. - Thực hiện lặp lại từ chậm đến nhanh, tăng dần cự ly bơi.	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.	A1	

	- Tập bơi phối hợp chân – tay, không có người giúp đỡ. - Động tác mô phỏng kỹ thuật phối hợp toàn bộ kỹ thuật (đứng hoặc nằm trên ghế tập bơi). - Phối hợp với thở 2 - 3 chu kỳ tay một lần thở sau đó rút ngắn dần hai rồi một chu kỳ một lần thở. - Tăng dần độ khó, tăng số chu kỳ và cự ly bơi. - Động tác mô phỏng kỹ thuật phối hợp toàn bộ kỹ thuật (đứng hoặc nằm trên ghế tập bơi). - Phối hợp với thở 2 - 3 chu kỳ tay một lần thở sau đó rút ngắn dần hai rồi một chu kỳ một lần thở. - Tăng dần độ khó, tăng số chu kỳ và cự ly bơi.			
	C. các nội dung kiểm tra (2 tiết) - Kiểm tra thường xuyên: Kỹ thuật đạp chân éch 20m chiều ngang bề bơi (có thể lên lấy hơi sau 5 chu kỳ đạp chân, chấm điểm kỹ thuật đạp chân). Kiểm tra định kỳ: Bơi kết hợp lấy hơi 50 m tối đa đối với nam; 35m tối đa với nữ dọc bề từ đầu bục xuất phát.		A2,A3	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...

- Sinh viên phải mặc đúng trang phục theo quy định là bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nữ; trang phục quần bơi hoặc bộ quần áo bơi và kính bơi đối với nam để tạo điều kiện học tập bơi đạt kết quả cao nhất.

- Đối với những sinh viên có dị tật bẩm sinh, dị ứng với môi trường nước... Tùy từng trường hợp cụ thể sẽ phải nộp các giấy chứng nhận bệnh lý, bệnh án của bệnh viện cấp huyện hoặc tương đương trở lên để được xem xét giảm lượng vận động trong quá trình học, kiểm tra, thi.

- Thực hành:

- + Kiểm tra: Hoàn thành 02 bài thực hành cá nhân theo yêu cầu của giáo viên.

- + Thi: Hoàn thành 01 bài thực hành Bơi hoàn chỉnh kỹ thuật Bơi éch thể thao. Sinh viên thực hiện 01 lần thi bơi từ đầu bể 1,8m có bục xuất phát; Được xem xét thực hiện lần 02 trong một số trường hợp như: Sau khi xuất phát từ 15m trở lại mà bị tuột kính, bị sắc nước, trơn trượt khi xuất phát,....

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (Trọng số 30%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2: Bài kiểm tra thường xuyên	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3
3	A3: Bài kiểm tra định kì	15%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4
Thi kết thúc học phần (Trọng số 70%)					
4	Thực hành	70%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 2-5

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Đào Thị Hoa Quỳnh, Nguyễn Huy Ánh, Trần Minh Khương (2023), Giáo Trình Bơi , NXB Thể thao và Du lịch, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ngô Xuân Viên (2015), Giáo trình bơi thể thao, NXB – TĐTT, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN .

[3] Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TĐTT, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GDTC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày ... tháng ... năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TÊN HỌC PHẦN: AEROBIC, BÓNG RỔ, ĐÁ CẦU, VÕ THUẬT

MÃ HỌC PHẦN: AER121S, BAS121S, ATH121S, MAR121S

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT Không chuyên, Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	ThS. Đào Ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	ThS. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	ThS. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	ThS. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	ThS. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	ThS. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	ThS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	ThS. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn
20	ThS. Phạm Thị Bích Thảo	0838888758	thaoptb@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

*** Về kỹ năng**

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 2

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu.

CO6: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

CO7: Vận dụng khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Môn Aerobic				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2 LLO3	Phần 1: Lý thuyết chung A. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRÊN LỚP (04 tiết) 1.1. Khái niệm, lịch sử, đặc điểm và phân loại Thể dục Aerobic - Khái niệm về Thể dục Aerobic - Lịch sử phát triển của Thể dục Aerobic - Đặc điểm và phân loại Thể dục Aerobic - Ý nghĩa và tác dụng của việc tập luyện Thể dục Aerobic 1.2. Phương pháp biên soạn bài thể dục Aerobic	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử.	A1 A3	[1] Đọc chương I, từ trang 7-39; chương IV, V từ trang 179-217 [2] Đọc chương I từ trang 7-31

	B. NỘI DUNG TỰ HỌC (08 tiết) - Đọc phần lịch sử ra đời, đặc điểm, phân loại môn Thể dục Aerobic. - Đọc phần phương pháp biên soạn bài Thể dục Aerobic.	Sinh viên sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học		
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	Phần 2: Thực hành A. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRÊN LỚP (34 tiết) 2.1. Các tư thế cơ bản của chân - Bước điều hành. - Bước chạy bộ. - Bước nhảy cách quãng. - Bước bật nhảy nâng gối. - Bước bật nhảy đá chân. - Bước bật nhảy tách ngang. - Bước bật nhảy tách dọc. 2.2. Các động tác khó tiêu biểu của Thể dục Aerobic <i>* Nhóm A: Các động tác động lực</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm B: Các động tác tĩnh lực.</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm C: Các động tác bật nhảy</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A. - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. <i>* Nhóm D : Mềm dẻo và thăng bằng</i> - Yêu cầu tối thiểu của nhóm A - Mô tả một số động tác độ khó tiêu biểu. 2.3. Biên soạn bài Thể dục Aerobic.	- GV hướng dẫn SV vào xem bài giảng điện tử. - SV xem video và ghi chép nội dung bài học. - Tập luyện theo hướng dẫn trong video.	A1 A2 A4	[1] Đọc chương II từ trang 40-120 [2] Đọc chương 5 từ trang 45-87
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: 7 bước cơ bản, một số động tác độ khó tiêu biểu (1 tiết) - Bài kiểm tra định kỳ (A3): Trình diễn bài Aerobic tự biên soạn 1p30 (1 tiết).	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2 A3	[1] Đọc chương IV, V từ trang 179-217
Môn Bóng rổ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO9 LLO10 LLO11	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) + Đặc điểm, ý nghĩa môn Bóng rổ + Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Bóng rổ + Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu Bóng rổ.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1, A2	Tài liệu học tập [2],[3] Tài liệu tham khảo [10]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ: + Đặc điểm, ý nghĩa môn Bóng rổ + Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Bóng rổ + Luật thi đấu.	SV nghiên cứu tài liệu		
LLO12 LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Kỹ thuật di chuyển không bóng. - Kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực. - Kỹ thuật dẫn bóng - Phối hợp: Kỹ thuật di chuyển chuyền bắt bóng bằng hai tay trước ngực. - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao - Kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 2 tay trước ngực. - Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao hoặc 2 tay trước ngực. - Thi đấu tập - Thẻ lức	- Thuyết trình GV, thực hành	A1;A2;A3, A4	Tài liệu học tập [2],[3] Tài liệu tham khảo [10]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ - Thẻ lức	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		

	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài kiểm tra thường xuyên: Dẫn bóng tốc độ 20m (giây). - Bài kiểm tra định kỳ: Tại chỗ ném rổ.	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2 A3	
Môn Đá cầu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18 LLO19	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lí thuyết: (04 tiết) + Đặc điểm, ý nghĩa môn Đá cầu. + Nguyên lý kỹ, chiến thuật môn Đá cầu. + Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.	- Thuyết trình, thực hành	A1,A 2	Tài liệu học tập [4],[5] Tài liệu tham khảo [11]
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23 LLO24	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) Kỹ thuật di chuyển: - Di chuyển ngang, Bước chéo, Bước trượt - Di chuyển chéo - Di chuyển tiến lùi - Kỹ thuật tâng cầu bằng mu giữa bàn chân - Kỹ thuật tâng cầu bằng lòng bàn chân Kỹ thuật tâng cầu bằng mu ngoài bàn chân - Kỹ thuật tâng cầu bằng đùi - Kỹ thuật chuyền cầu - Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện - Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình - Kỹ thuật tâng cầu nhịp 1 tấn công nhịp 2 - Chiến thuật trong môn đá cầu	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1;A 2;A3, A4	Tài liệu học tập [4],[5] Tài liệu tham khảo [11]

	- Thẻ lược			
	B. Nội dung tự học (52 tiết) + Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn đá cầu + Các bài tập phát triển thể lực	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: Kỹ thuật tăng cầu - Bài kiểm tra định kỳ (A3): Kỹ thuật phát cầu	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	
Môn Võ thuật				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Dạy học	
LLO25 LLO26 LLO27	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Lịch sử phát triển của võ thuật. - Tác dụng của tập luyện võ thuật đối với sức khỏe. - Phương pháp tập luyện và phòng tránh chấn thương trong võ thuật. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu võ thuật	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A2	Tài liệu học tập [6],[7],[8] Tài liệu tham khảo [12],[13]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Võ thuật: - Lịch sử phát triển của võ thuật. - Tác dụng của tập luyện võ thuật đối với sức khỏe. - Phương pháp tập luyện và phòng tránh chấn thương trong võ thuật	Sinh viên nghiên cứu tài liệu		
LLO28 LLO29 LLO30 LLO31 LLO32	Phần 2: Thực hành A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết)	- Thuyết trình, thực hành	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [6],[7],[8]

	a. Nghi lễ trong luyện tập võ thuật. b. Bài tập khởi động chung và chuyên môn c. Kỹ thuật: - Tấn pháp: Lập tấn, Trung bình tấn, Đỉnh tấn - Kỹ thuật đòn tay: Đấm thẳng, đấm móc; Chém cạnh tay số 1, 2, 3, 4 - Kỹ thuật đòn chân: Đá thẳng, Đá vòng cầu, Đá ngang. - Kỹ thuật phòng thủ: Gạt cạnh tay số 1, 2, 3, 4 - Phương pháp di chuyển - Đòn đối luyện số 1, 2, 3, 4, 5, 6 - Liên hoàn kỹ thuật số 1, 2, 3, 4, 5, 6 - Kỹ, chiến thuật trong thi đấu - Phương pháp tấn công và phòng thủ - Tổ hợp kỹ thuật đòn tay và đòn chân d. Thẻ lực			Tài liệu tham khảo [12],[13]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) + Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong môn võ thuật + Các bài tập phát triển thể lực	SV chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) - Bài thực hành A2: Tấn pháp (Đỉnh tấn); Kỹ thuật đòn chân (Đá thẳng, đá vòng cầu); Đòn đối luyện số 1, 2, 3; Thẻ lực. - Bài kiểm tra định kỳ (A3): Liên hoàn kỹ thuật số 1, 2, 3; Kỹ thuật đá ngang; thẻ lực	<i>Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>	A2,A3	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ được xây dựng theo đáp án và thang điểm cụ thể của từng môn học.

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

- [1]. Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Kim Lan, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TDTT, Năm 2014, Thư viện Trường ĐHSPT – ĐHTN.
- [2]. Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng (2019), Giáo trình Bóng rổ, Nxb ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSPT – ĐHTN.
- [3]. Tổng cục TDTT, Luật thi đấu Bóng rổ, NXB TDTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSPT - ĐHTN.
- [4] Đào Thị Hoa Quỳnh (2021), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐHT Thái Nguyên, thư viện trường ĐHSPT -ĐHTN.
- [5] Tổng cục TDTT, Luật thi đấu đá cầu, NXB TDTT, Hà Nội, 2015, Thư viện trường ĐHSPT - ĐHTN.

- [6] Nguyễn Văn Chung, Giáo trình Võ thuật, 2007, NXB Đại học Sư phạm (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN)
- [7] Lê Quốc Ân chủ biên, Kỹ thuật Vovinam Việt võ đạo (tập 1), 2009, NXB Thể dục thể thao Hà Nội (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)
- [8] Tổng cục Thể dục Thể thao, Luật thi đấu Vovinam, 2018, NXB Hồng Đức (Tài liệu có tại Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN)

8.2. Tài liệu tham khảo

- [9]. TS Nguyễn Văn Thời, ThS. Lê Minh Hùng, ThS. Trần Thị Thu Trang, *Giáo trình thể dục Aerobic* tập 1, NXB TĐTT Hà Nội, thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.
- [10]. Đinh Quang Ngọc, *Bóng rổ trong trường phổ thông*, NXB TĐTT, năm 2013, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.
- [11] Vụ TĐTT quần chúng, *Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu*, NXB Đại học Sư phạm, năm 2009, Thư viện Trường ĐHSP ĐHTN
- [12] Website: Vovinamthainguyen.vn
- [13] Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật trên Youtube: <https://www.youtube.com/>

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GDTC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TÊN HỌC PHẦN: KHIÊU VŨ THỂ THAO; BÓNG ĐÁ; BÓNG CHUYỀN; CẦU LÔNG

MÃ HỌC PHẦN: DAN131S, FOO131S, SVB131S, [BAD131S](#)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	4	0	8
2	Thực hành	34	0	52
3	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		40	0	60

- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TĐTT Không chuyên, Khoa TĐTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn

3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Tuân	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	Th.S. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	Th.S. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO2: Biết được cách thức thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO3: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện được kỹ, chiến thuật cơ bản của một trong các môn thể thao thuộc học phần GDTC 3

CO5: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu.

CO6: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

CO7: Vận dụng khả năng giao tiếp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ môn học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự tập luyện độc lập hoặc tập luyện theo nhóm để rèn luyện sức khỏe, nâng cao trình độ thể lực.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Bài 1. Môn Khiêu vũ thể thao				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2 LLO3	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) 1. Khái niệm, lịch sử phát triển của điệu nhảy chachacha và bebo. 2. Nhạc lý và nguyên lý kỹ thuật của vũ điệu Chachacha và bebo. 3. Thể thức thi đấu và Luật thi đấu 4. Cơ sở khoa học của tập luyện Khiêu vũ Thể thao. 5. Cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện Khiêu vũ thể thao.	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1,A2	Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
	B. Nội dung tự học (8 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Khiêu vũ thể thao: + Khái niệm, ý nghĩa, tác dụng của KVTT; + Nguyên lý kỹ, chiến thuật; + Lịch sử hình thành và phát triển của KVTT;	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
LLO4 LLO5 LLO6 LLO7 LLO8	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) Nội dung giảng dạy thực hành: (34tiết) 1. Giới thiệu các bước cơ bản của vũ điệu Cha cha - Tập kỹ thuật nhịp 1 - 2 và di chuyển 1 bước - Tập nhịp Chachacha tại chỗ: + Đọc + Ngang - Tập nghe nhạc và vào nhạc từ tư thế chuẩn bị - các bước cơ bản đọc	- <i>Thuyết trình, Thực hành</i>	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]

	- Kỹ thuật chuyển từ bước ngang sang bước dọc và ngược lại. - Kỹ thuật bước chéo. - Kỹ thuật bước mở tiến khi di chuyển ngang. - Kỹ thuật bước mở lùi khi di chuyển ngang. - Kỹ thuật bước quay ngang 360° phải và trái. - Kỹ thuật bước quay dọc 360°. 2. Kỹ thuật Basic tại chỗ. - Kỹ thuật bước ngang. - Kỹ thuật bước dọc. - Bước tiến quay 180. - Bước lùi. - Kỹ thuật đổi tay quay 180 - kỹ thuật các bước di chuyển quay 360° - Liên kết các kỹ thuật đã học. 3. Ghép đôi kết hợp với nhạc. 4. Thẻ lược chuyên môn. 5. Hướng dẫn bài quy định và bài tự soạn			
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kỹ thuật đã học - Thẻ lược	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		Tài liệu học tập [1] Tài liệu tham khảo [6]
	C. Nội dung kiểm tra (2 tiết) - Kiểm tra điểm thành phần 1: Kỹ thuật chachacha bước ngang và bước dọc (ghép đôi). Kiểm tra 2: Kỹ thuật Bebo, Kỹ thuật Basic tại chỗ, Kỹ thuật bước ngang; Kỹ thuật bước dọc.	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	
Bài 2. Môn Bóng đá				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO9 LLO10 LLO11	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (08 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Sơ lược lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng của môn Bóng đá. - Luật thi đấu. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu. 2. Nội dung giảng dạy thực hành: (04 tiết) - Một số động tác khởi động chuyên môn không bóng, có bóng. - Một số bài tập cảm giác bóng	- <i>Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1,A 2	Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]
	B. Nội dung tự học (12 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng đá: + Đặc điểm, ý nghĩa, + Nguyên lý kỹ + Luật thi đấu.	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		
LLO12 LLO13 LLO14 LLO15 LLO16	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản trong bóng đá A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Học kỹ thuật khởi động chuyên môn không bóng; có bóng. - Học các kỹ thuật dẫn bóng (mu trong, mu giữa, mu ngoài...) - Học kỹ thuật tâng bóng, khống chế bóng. - Học kỹ thuật đá bóng bằng cạnh trong bàn chân + Học kỹ thuật đá bóng bằng mu trong, mu giữa bàn chân. + Học kỹ thuật đá bóng bằng mũi bàn chân. + Học kỹ thuật ném biên. + Học kỹ thuật đánh đầu bằng chân giữa. - Thi đấu tập - Thể lực	- <i>Thuyết trình, Thực hành</i>	A1;A 2;A3	Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kỹ thuật đã học - Thể lực	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		Tài liệu học tập [2] Tài liệu tham khảo [7;8]
	C. Các nội dung kiểm tra (2 tiết)	<i>Sinh viên thực hiện</i>	A2,A 3	

	* Kiểm tra bài thường xuyên. (theo ngân hàng thi và đáp án k59) *Kiểm tra bài định kỳ (theo ngân hàng thi và đáp án k59)	các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.		
Bài 3. Môn Bóng chuyền				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17 LLO18 LLO19	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) + Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền + Luật Bóng chuyền: Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền. - Cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A 2	Tài liệu học tập [3] Tài liệu tham khảo [9]
	B. Nội dung tự học (8 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền: + Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền + Luật Bóng chuyền: Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức trọng tài môn Bóng chuyền.	Sinh viên nghiên cứu tài liệu		
LLO20 LLO21 LLO22 LLO23 LLO24	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản B. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Các kỹ thuật di chuyển. - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay. - Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt với nam - Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt với nữ 2. Thi đấu tập. 3. Thể lực	- Thuyết trình, thực hành	A1;A 2;A3, A4	Tài liệu học tập [3] Tài liệu tham khảo [9]
	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kĩ thuật đã học - Thể lực	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội		

		dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) Kiểm tra 1: Chuyên bóng cao tay trước mặt Kiểm tra 2: kỹ thuật đệm bóng	<i>Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.</i>	A2,A3	
Bài 4. Môn Cầu lông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Dạy học	
LLO25 LLO26 LLO27	Phần 1: Lý thuyết chung A. Nội dung thực hiện trên lớp (04 tiết) 1. Nội dung giảng dạy lý thuyết: (04 tiết) - Lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam . - Luật thi đấu cầu lông - Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức thi đấu cầu lông	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Thảo luận nhóm	A1,A2	Tài liệu học tập [4;5]
	B. Nội dung tự học (08 tiết) - Đọc trước những kiến thức cơ bản của môn Cầu lông: + Lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam . - Luật thi đấu cầu lông - Một số điều luật cơ bản và phương pháp tổ chức thi đấu cầu lông	<i>Sinh viên nghiên cứu tài liệu</i>		
LLO28 LLO29 LLO30 LLO31 LLO32	Phần 2: Các kỹ thuật cơ bản A. Nội dung thực hiện trên lớp (34 tiết) 1. Nội dung giảng dạy thực hành: (34 tiết) - Kỹ thuật di chuyển đơn bước - Kỹ thuật di chuyển đa bước - Cách cầm vợt Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay - Kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay Kỹ thuật giao cầu thuận tay. - Kỹ thuật giao cầu trái tay. - Kỹ thuật đánh cầu cao sâu thuận tay - Kỹ thuật đánh cầu cao trái tay - Kỹ thuật đập cầu. - Thi đấu tập. - Thẻ lực.	- Thuyết trình, thực hành	A1;A2;A3,A4	Tài liệu học tập [4;5]

	B. Nội dung tự học (52 tiết) - Luyện tập các kỹ thuật đã học - Thẻ lục	Sinh viên chủ động sắp xếp thời gian và điều kiện để tự học và hoàn thành nội dung bài học.		
	C. CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA (2 tiết) Kiểm tra 1: Kỹ thuật giao cầu thuận tay Kiểm tra 2: KT giao cầu trái tay	Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra theo sự sắp xếp của giảng viên.	A2,A3	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ và các bài kiểm tra thường xuyên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài kiểm tra thường xuyên	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 4-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động,	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết

2. Rubric đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ được xây dựng theo đáp án và thang điểm cụ thể của từng môn học.

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Vũ Thanh Mai, *Khiêu vũ Thể thao*, NXB TĐTT, Năm 2011, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2] PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo Trình Bóng đá*, Nxb TĐTT, Hà Nội 2007, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Nguyễn Đức Tuấn (Chủ biên), Trương Tấn Hùng, *Giáo trình bóng chuyên*, NXB ĐHTN (2020), Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh (2016) *Giáo trình cầu lông* NXB TĐTT. Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[5]. Tổng cục TĐTT, *Luật thi đấu Cầu Lông*, 2015, NXB TĐTT, thư viện trường ĐHSP TN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[6] Băng đĩa hình; video – Giảng viên giảng dạy cung cấp cho sinh viên.

[7] Luật thi đấu Bóng đá, Tổng cục TĐTT - NXB TĐTT 2014.

[8]. Tổng cục TĐTT, *Luật Bóng chuyên và luật Bóng chuyên bãi biển*, NXB TĐTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[9]. *Bóng chuyên*, Iu. KLESEP – AG. AIRIANX NXB TĐTT, Hà Nội 1997, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN ĐẠI CƯƠNG
GENERAL COURSE OF PHYSICAL
GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59GPG231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		60
2.	Bài tập	5		35
3.	Thực hành	5		
4.	Thảo luận	10		
5.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: (□)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Địa lí cơ sở và phương pháp giảng dạy Địa lí;
Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Lê Thị Nguyệt	0973880523	nguyetlt@tnue.edu.vn
2.	ThS Trần Đức Văn	0866522882	vantd@tnue.edu.vn
3.	TS. Phạm Thu Thủy	0915314070	Thuypt.geog@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Biết và hiểu được đặc điểm của Vũ Trụ, Hệ Mặt Trời, Trái Đất và các quyển của lớp vỏ địa lí.

CO2: Phân tích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên trên Trái Đất bao gồm: địa hình, khí quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và các quy luật địa lí chung của Trái Đất.

CO3: Đánh giá được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong lớp vỏ địa lí. Thiết kế được nội dung dạy học địa lí tương ứng ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng:

CO4: Làm được các bài tập cơ bản về khoa học Trái Đất.

CO5: Khai thác và phân tích thông tin trên bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Thiết kế được các dạng bài thực hành cho học sinh phổ thông.

CO7: Có ý thức và hành vi bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay.

CO8: Có năng lực thuyết trình, giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu và năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin,...

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm ba chương: Chương 1: Trái Đất, Chương 2: Lớp vỏ Địa lí, Chương 3: Các quy luật địa lí chung của Trái Đất. Chương 1 nghiên cứu Trái Đất trong vũ trụ; cấu tạo, hình dạng kích thước Trái Đất và những hệ quả của nó; vận động của Trái Đất và những hệ quả địa lý. Chương 2 nghiên cứu các thành phần trong lớp vỏ địa lí bao gồm: địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Chương 3 nghiên cứu các quy luật địa lí chung trên Trái Đất.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Trái Đất				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 1.1. Trái Đất trong Vũ trụ 1.1.1. Vũ Trụ 1.1.2. Hệ Mặt trời 1.2. Hình dạng, kích thước và cấu tạo Trái Đất 1.2.1. Quan niệm về hình dạng Trái Đất 1.2.2. Kích thước Trái Đất 1.2.3. Ý nghĩa của hình dạng và kích thước Trái Đất 1.2.4. Cấu tạo Trái Đất 1.3. Sự vận động của Trái Đất và hệ quả của nó 1.3.1. Vận động tự quay quanh trục 1.3.2. Vận động quay quanh Mặt trời	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình, thảo luận nhóm.	A1, A2	[1] Chương 1
LLO3	* Nội dung bài tập: (02 tiết) Bài tập tính giờ, tính góc nhập xạ.	Đàm thoại, thuyết trình, làm bài tập	A1, A2	
LLO3	* Nội dung thực hành: (02 tiết) Vẽ sơ đồ chuyển động tự quay quanh trục, chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất	Đàm thoại, thuyết trình, thực hành	A1, A2	
LLO1-3	B. Nội dung tự học: (20 tiết) SV tìm hiểu các tài liệu phim khoa học trên trang web, GV cung cấp cho SV đường link đến các video trên trang You Tube.	SV tìm hiểu và học tập trên trang		[1]

	- SV đọc tài liệu - Một số video bằng tiếng Anh: movement of earth, what causes tides, the coriolis effect, mechanism of the seasons.	Youtube, GV tương tác online qua nhóm zalo GV hướng dẫn SV đọc tài liệu.		
Chương 2: Lớp vỏ địa lí				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4, 5,6,7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (36 tiết) * Nội dung lí thuyết: (18 tiết) 2.1. Địa chất-địa hình 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản về địa hình 2.1.2. Địa hình kiến tạo 2.1.3. Địa hình bóc mòn bồi tụ 2.1.4. Địa hình bờ biển, địa hình dưới đáy đại dương 2.2. Khí hậu 2.2.1. Thành phần và cấu trúc của khí quyển 2.2.2. Bức xạ và nhiệt độ 2.2.3. Khí áp và hoàn lưu khí quyển 2.2.4. Nước trong khí quyển 2.2.5. Khí hậu 2.3. Thủy văn 2.3.1. Sự phân bố của nước trên địa cầu 2.3.2. Đại dương và biển 2.3.3. Sông ngòi, hồ và nước ngầm 2.4. Thổ nhưỡng 2.4.1. Các nhân tố hình thành thổ nhưỡng 2.4.2. Thành phần và hình thái của thổ nhưỡng 2.4.3. Các đới thổ nhưỡng trên Trái Đất 2.5. Sinh vật 3.1. Sinh vật và môi trường 3.2. Quần thể và quần xã sinh vật 3.2.3. Một số vấn đề sử dụng và bảo vệ tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh vật 3.3. Các đới sinh vật trên Trái Đất	Thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, báo cáo/bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	A1, A5	[1] [2] [3]
LLO4-8	* Nội dung bài tập: (3 tiết) - Phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng trong công thức tính cân bằng bức xạ B. - Phân tích và so sánh các yếu tố địa hình của miền núi và đồng bằng.	Đàm thoại, làm bài tập	A2, A3	

	- Phân tích bảng số liệu về phân bố nước trên Trái Đất, độ mặn. - Phân tích bảng số liệu về hiện trạng tài nguyên đất trên thế giới. Phân tích nguyên nhân suy thoái tài nguyên đất. - Phân tích bảng số liệu về phân bố rừng trên Trái Đất và ở Việt Nam. - Lập bảng so sánh quần thể và quần xã sinh vật.			
LLO4-8	* Nội dung thảo luận nhóm (8 tiết) - Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu đến Việt Nam. - Vấn đề suy thoái đất trên thế giới và ở Việt Nam. - Đa dạng sinh học và sự suy thoái đa dạng sinh học trên Trái Đất và ở Việt Nam.	Thảo luận theo nhóm	A1, A4	[1] [2] [3]
LLO4-8	* Nội dung thực hành (3 tiết) - Vẽ sơ đồ vòng tuần hoàn nước trên Trái Đất và phân tích. - Vẽ sơ đồ hình dạng lưới sông và lưu vực sông - Vẽ lược đồ dòng biển. - Vẽ sơ đồ chuỗi, lưới thức ăn - Vẽ lược đồ phân bố các loại đất và thảm thực vật trên Trái Đất.	Đàm thoại, thuyết trình, thực hành	A1, A2	[1] [2] [3]
	B. Nội dung tự học: (55 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu - Hoàn thành bài tập - Hoàn thành bài tập thực hành - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	GV hướng dẫn SV nghiên cứu các loại tài liệu.	A2	[1] [2] [3]
Chương 3. Các quy luật địa lí chung của Trái Đất				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO9, 10,11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Quy luật tính thống nhất của cảnh quan 3.2. Quy luật tuần hoàn vật chất và năng lượng 3.3. Quy luật nhịp điệu 3.4. Quy luật địa đới và phi địa đới	Thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng phương tiện trực	A1, A6	[3]

		quan, đàm thoại, báo cáo/bài tập cá nhân, bài tập nhóm.		
LLO9, 10,11	* Nội dung thảo luận nhóm: (02 tiết) - Ý nghĩa của các quy luật chung trên Trái Đất	Thảo luận nhóm	A1, A4	
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - SV đọc tài liệu chương 3 - Hoàn thành bài tập - Hoàn thành bài tập thực hành - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu.	A2	[3]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu. nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,2,3,5,6,7, 8,9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2,3,5,6,7
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,7,8,9
4	A4. Thực hành	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO5,6,7

5	A5. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,10,15
6	A6. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,10,15
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1,2,3,5,6,7,8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận nhóm (10 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia nhóm	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa chủ động	Chủ động tham gia	Rất tích cực tham gia
Chất lượng sản phẩm thảo luận	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày kết quả thảo luận	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa rõ ràng.	Trình bày khá rõ ràng, đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít sự phối hợp, hỗ trợ	Phối hợp, hỗ trợ ở mức trung bình	Tích cực phối hợp, hỗ trợ	Rất tích cực phối hợp, hỗ trợ hỗ trợ
Thực hành (5 %)					
Tham gia thực hành trên lớp	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Vắng trên 50% tiết thực hành trên lớp	Vắng từ 30- 50% tiết thực hành trên lớp	Vắng từ 20- 29% tiết thực hành trên lớp	Vắng dưới 20% tiết thực hành trên lớp
Thực hiện đúng các	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm	Thực hiện tốt nhiệm vụ,

thao tác, quy trình		ứng dưới 50% yêu cầu.	vụ học tập được giao.	vụ học tập được giao.	đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả bài thực hành	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng được dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Trọng Hiếu (2010), Địa lí tự nhiên đại cương 1, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên), (2010), Địa lí tự nhiên đại cương 2, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[3] Nguyễn Kim Chương (2010), giáo trình Địa lí tự nhiên đại cương 3, NXB Đại học sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4]. Nguyễn Thị Hồng - Trần Đức Văn, (2011), *Bài tập Địa lí tự nhiên* (học phần Trái Đất), NXB Đại học Thái Nguyên.

[5]. Nguyễn Thị Hồng, (2014), giáo trình *Địa lí tự nhiên đại cương 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[6]. Nguyễn Thị Hồng, (2014), giáo trình *Địa lí tự nhiên đại cương 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[7]. X.V. Kalecnik (1973), *Những quy luật chung của trái đất*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẠI CƯƠNG
GENERAL COURSE OF SOCIAL -
ECONOMIC GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59GSG231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lí thuyết	35	70
2	Bài tập	10	15
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	10	10
5	Thực tế chuyên môn	0	0
	Tổng	55	95

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐(☐) Tiếng Anh: ☐ (☐)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và thế giới, Khoa: Địa lí

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Văn Anh	0912687173	anhvv@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thanh Mai	0972751579	maint@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường địa lí và tài nguyên thiên nhiên, địa lí dân cư và quần cư; lí luận cơ bản về phát triển kinh tế, nguồn lực, địa lí các ngành kinh tế.

CO2: Vận dụng và phân tích được vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên; vấn đề dân số, đặc điểm dân cư thế giới, quần cư và đô thị hóa; kiến thức tăng trưởng, phát triển kinh tế, vùng kinh tế, nguồn lực. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng và thực trạng phát triển và phân bố các ngành công nghiệp, nông – lâm – thủy sản và dịch vụ.

CO3: Có khả năng đánh giá các hiện tượng dân cư, kinh tế xã hội, quy luật phân bố sản xuất các ngành kinh tế và phân hóa lãnh thổ diễn ra trên thế giới. Phân biệt được các hình thức tổ chức lãnh thổ trong công nghiệp, nông – lâm – thủy sản và một số ngành dịch vụ. Thiết kế được nội dung dạy học địa lí tương ứng ở trường phổ thông.

* Về kĩ năng

CO4: Làm các bài tập cơ bản về dân số, tính toán các chỉ số, cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

CO5: Khai thác và phân tích số liệu thống kê, thông tin trên biểu đồ, bản đồ, bảng số liệu.

CO6: Vẽ các biểu đồ, lược đồ, nhận xét và giải thích sự phân bố tài nguyên thiên nhiên, các thành phần dân cư, kinh tế cơ bản trên thế giới, các hoạt động kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Thiết kế được các dạng bài tập thực hành cho học sinh phổ thông.

CO8: Đề xuất được các nội dung kiến thức môn học để thiết kế bài học, hoạt động giáo dục cho học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Địa lí kinh tế - xã hội đại cương là môn khoa học chuyên ngành dành cho sinh viên ngành địa lí, có ý nghĩa to lớn trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của địa lí kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm 4 chương tập trung nghiên cứu những khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên, về phát triển bền vững; những vấn đề cơ bản của địa lí dân cư (biến động dân số, kết cấu dân số, phân bố dân cư), quần cư (nông thôn và thành thị) và các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế, vấn đề nguồn lực, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng, thực trạng phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phần mở đầu				
LLO s	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Tài liệu
		Dạy học	Đánh giá	
	MỞ ĐẦU A. Nội dung thực hiện trên lớp (2 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 1. Vị trí của địa lí kinh tế - XH trong khoa học địa lí 2. Đối tượng nghiên cứu của Địa lí kinh tế - xã hội 3. Nhiệm vụ của địa lí kinh tế - xã hội. 4. Phương pháp luận và PPNC của Địa lí kinh tế - XH. 5. Mối quan hệ của địa lí KTXH với các khoa học khác. 6. Các trường phái địa lí kinh tế - XH trong lịch sử.	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình.	A1, A2	[1] Phần I
	B. Nội dung tự học: (5 tiết) <i>SV tự đọc trước ở tài liệu số 2, mục 6</i> Các trường phái địa lí kinh tế - XH trong lịch sử.	SV đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu.		
Chương 1. Môi trường địa lí và tài nguyên thiên nhiên				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (6 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) Chương 1. Môi trường địa lí và tài nguyên thiên nhiên 1.1. Môi trường địa lí 1.1.1. Khái niệm môi trường địa lí 1.1.2. Vai trò của môi trường địa lí 1.1.3. Các chức năng của môi trường địa lí	Đàm thoại, thuyết trình, thực hành	A1, A3, A4	[1] Phần I, II [2] chương II

	1.1.4. Các quan niệm khác nhau về môi trường địa lí 1.2. Quản lí và sử dụng tài nguyên thiên nhiên 1.2.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 1.2.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 1.2.3. Quản lí và sử dụng tài nguyên thiên nhiên 1.3. Phát triển bền vững 1.3.1. Khái niệm phát triển bền vững 1.3.2. Vấn đề phát triển bền vững ở các nước phát triển 1.3.3. Vấn đề phát triển bền vững ở các nước đang phát triển			
	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Vẽ biểu đồ, phân tích và giải thích. Phân tích mối quan hệ giữa tài nguyên và con người. Yêu cầu sinh viên: Vẽ đúng, đẹp, nhận xét và giải thích chính xác nội dung bài tập. * Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết) - Đánh giá giá trị kinh tế của các loại tài nguyên thiên nhiên và việc sử dụng chúng.			
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) SV tự đọc về vấn đề dân số, tài nguyên và môi trường, đọc ở tài liệu số 2 Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		
Chương 2. Địa lí dân cư và quần cư				
LLO 3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Địa lí dân cư 2.1.1. Động lực dân số 2.1.2. Kết cấu dân số 2.1.3. Phân bố dân cư 2.2. Quần cư và đô thị hóa 2.2.1. Quần cư nông thôn 2.2.2. Quần cư thành thị 2.2.3. Đô thị hóa	Đàm thoại, thuyết trình,	A1, A4, A5, A6	[1] chương II [2] Chương III

	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm: (5 tiết) - Phân tích, tổng hợp, xử lý các số liệu thống kê về dân cư trên thế giới. - Vẽ lược đồ phân bố dân cư trên thế giới * Nội dung seminar/thảo luận: (1 tiết) - Vấn đề đô thị hóa ở các nước phát triển và các nước đang phát triển			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Tự học và đọc trước giáo trình ở nhà, Đọc tài liệu và thảo luận, ghi chép những nội dung cốt yếu. SV thảo luận mục 2.2. SV tự học các nội dung phân tích hậu quả của gia tăng dân số, so sánh các loại quần cư. SV đọc ở tài liệu SV tự đọc ở tài liệu số 2, vấn đề đô thị hóa Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu. SV tự học các nội dung phân tích chế độ phân biệt chủng tộc trên thế giới, vấn đề tôn giáo ở Việt Nam.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		
Chương 3. Lý luận cơ bản về phát triển kinh tế và nền kinh tế				
LLO 4,5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (5 tiết) 3.1. Lý luận cơ bản về phát triển kinh tế 3.1.1. Các chỉ tiêu đánh giá nền kinh tế quốc dân 3.1.2. Phân bố sản xuất 3.1.3. Quy hoạch lãnh thổ 3.2. Một số vấn đề về nền kinh tế 3.2.1. Nguồn lực 3.2.2. Cơ cấu nền kinh tế	Đàm thoại, thuyết trình, thực hành	A1, A4	[1] chương IV [2] Chương V
	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm: (4 tiết) - Phân tích, tổng hợp, xử lý các số liệu thống kê về dân cư trên thế giới Yêu cầu sinh viên: Vẽ đúng, đẹp, nhận xét và giải thích chính xác nội dung bài tập. - Vẽ lược đồ phân bố HDI trên thế giới * Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết) SV thảo luận mục Các loại vùng kinh tế			
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tự đọc ở tài liệu số 2 vấn đề quy hoạch và tổ chức lãnh thổ Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu,		

		SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		
Chương 4. Địa lí các ngành kinh tế				
	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (15 tiết) 4.1. Địa lí ngành nông nghiệp thế giới 4.1.1. <i>Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp</i> 4.1.2. <i>Địa lí ngành trồng trọt</i> 4.1.3. <i>Địa lí ngành chăn nuôi</i> 4.1.4. <i>Địa lí lâm ngư nghiệp</i> 4.1.5. <i>Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp</i> 4.2. Địa lí ngành công nghiệp thế giới 4.2.1. <i>Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp</i> 4.2.2. <i>Địa lí các ngành công nghiệp</i> 4.2.3. <i>Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp</i> 4.3. Địa lí ngành dịch vụ thế giới 4.3.1. <i>Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ</i> 4.3.2. <i>Địa lí các ngành dịch vụ</i> 4.3.3. <i>Các hình thức tổ chức lãnh thổ của ngành dịch vụ</i>			
	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm: (10 tiết) - Phân tích, tổng hợp, xử lí các số liệu thống kê về các ngành kinh tế trên thế giới Yêu cầu sinh viên: Vẽ đúng, đẹp, nhận xét và giải thích chính xác nội dung bài tập. - Vẽ lược đồ phân bố cây công nghiệp, đàn gia súc * Nội dung seminar/thảo luận: (5 tiết) SV thảo luận địa lí ngành công nghiệp thế giới			
	B. Nội dung tự học: (50 tiết) SV tự đọc ở tài liệu số 2 vấn đề liên hệ các hình thức tổ chức lãnh thổ ở Việt Nam Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu.			

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Bài tập, tiểu luận: hoàn thành các bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của giảng viên và nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Bài tập thực hành	5%	01	Bài thực hành	CLO4, 5,6
4	A4. Bài tập nhóm	5%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO4, 5,6
5	A5. Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO2, 3
6	A6. Bài kiểm tra định kì	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	2,5 đến < 3,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Thực hiện nhiệm vụ đáp	0,5 đến < 0,6 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm	0,6 đến < 0,8 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm	0,8 đến 1,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên

		ứng dưới 50% yêu cầu.	vụ học tập được giao.	vụ học tập được giao.	80% yêu cầu.
Bài tập nhóm (5 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Ý kiến đóng góp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít ý kiến	Thỉnh thoảng đưa ra ý kiến	Thường xuyên đưa ra ý kiến	Luôn đóng góp ý kiến
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng sản phẩm giao nộp	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (5 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận (5 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông, *Giáo trình địa lí kinh tế xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Vũ Thị Mai Hương (chủ biên), Lê Mỹ Dung, *Giáo trình Cơ sở địa lí kinh tế - xã hội*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2024.

8.3. Websites

[3]. Mạng Internet: trang website:

- Tổng cục thống kê Việt Nam: [http:// www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) Các số liệu thống kê nước ngoài, Các tài liệu cập nhật (Niên giám thống kê hàng năm của Việt Nam, Thống kê của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế như FAO).

TÊN HỌC PHẦN: **NHẬP MÔN SỬ HỌC**

INITIATION OF HISTORY

MÃ HỌC PHẦN: **59IOH231**

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34	0	72
2.	Bài tập	6	0	24
3.	Thực hành	6	0	
4.	Thảo luận	6	0	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		54		96

- Loại học phần: Bắt buộc.

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành: 55VAM331, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại; 55WAM331, Lịch sử Thế giới cổ trung đại.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: p Tiếng Anh: o

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phương pháp dạy học Lịch sử; Khoa Lịch sử.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Khánh Như	0989850885	nhunk@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Văn Quyết	0353684145	quyetnv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

*** Về kiến thức**

CO1: Có những hiểu biết cơ bản về lịch sử và khoa học lịch sử.

CO2: Bước đầu vận dụng vấn đề lý luận Sử học trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

*** Về kỹ năng**

CO3: Có kỹ năng xác định các nguồn sử liệu, phân tích, kỹ năng phân tích, đánh thành tựu và vai trò của Sử học.

CO4: Có kỹ năng vận dụng các vấn đề lý luận Sử học trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập (bài tập, thảo luận, thảo luận, thực hành) về vấn đề lịch sử, sử học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử, Khoa học Lịch sử; những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng trong nghiên cứu, học tập lịch sử.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Lịch sử là gì				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1-3	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết (12 tiết) 1.1. Lịch sử 1.2. Hiện thực lịch sử và nhân thức lịch sử	- Thuyết trình của GV. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A5	[1] [5] [6] [7] [9] [10]
LLO2	* Nội dung bài tập (2 tiết) Nêu và phân tích những nhận thức không đúng về bộ môn và phương pháp học tập Lịch sử còn tồn tại trong chúng ta.	- Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A2	
LLO2 ,3	* Nội dung thực hành (2 tiết) Xây dựng dòng thời gian các sự kiện tiêu biểu lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam.	- Thực hành	A1 A3	
LLO3	* Nội dung sermina/thảo luận (2 tiết) 1.Vì sao cần học Nhập môn Sử học? 2.Mối quan hệ giữa tri thức lịch sử và cuộc sống.	- Hoạt động nhóm - toàn lớp	A1 A4	

	B. Nội dung tự học: (32 tiết) - Đọc tài liệu giáo trình; Nghiên cứu tài liệu tham khảo ở thư viện, internet... - Thực hành tại nhà việc sưu tầm sử liệu, xây dựng dòng thời gian.		A1	
Chương 2: Lịch sử là một khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 4-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Đối tượng của khoa học lịch sử 2.2. Chức năng của khoa học lịch sử 2.3. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử 2.4. Sự ra đời của khoa học lịch sử	-Thuyết trình -Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A6	[1] [2] [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]
LLO 4	* Nội dung bài tập (2 tiết) Phân tích những nguyên tắc cơ bản và các lĩnh vực của Sử học. Nêu ví dụ minh họa.	-Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A2	
LLO 4,6	* Nội dung thực hành (2 tiết) Thiết kế sách ảnh/PPT về các tác phẩm sử học, nhà sử học tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam.	-Thực hành theo nhóm	A1 A3	
LLO 4,5	* Nội dung sermina/thảo luận (2 tiết) Những yêu cầu đối với việc tìm hiểu, đánh giá một nhân vật lịch sử.? Cho dẫn chứng cụ thể?	-Hoạt động cá nhân và toàn lớp	A1 A4	
	B. Nội dung tự học: (32 tiết) - Đọc tài liệu giáo trình; Nghiên cứu tài liệu tham khảo ở thư viện, internet... - Thực hành thiết kế PPT trình bày những thành tựu tiêu biểu của sử học thời cổ đại; thiết kế sách ảnh về các tác phẩm sử học, nhà sử học tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam.		A1	

Chương 3: <u>Những quan điểm cơ bản của CN Mác-Lênin và TT Hồ Chí Minh được vận dụng trong nghiên cứu, học tập lịch sử</u>				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, 8,9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) <u>3.1. Quan điểm, tư tưởng chỉ đạo công tác nghiên cứu và học tập lịch sử</u> <u>3.2. Nội dung quan điểm cơ bản của CN Mác-Lênin và TT Hồ Chí Minh được vận dụng trong nghiên cứu, học tập lịch sử</u> <u>3.3. Tính khoa học và tính Đảng trong nghiên cứu lịch sử</u> <u>3.4. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập lịch sử</u> <u>3.5. Một số phương pháp học tập và nghiên cứu lịch sử</u>	-Thuyết trình -Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A5 A6	[1] [9] [10]
LLO7, 8	* Nội dung bài tập (2 tiết) “Sự kiện lịch sử” là gì? Trình bày các cách phân loại sự kiện lịch sử?	-Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A2	
LLO10	* Nội dung thực hành (2 tiết) Vẽ sơ đồ tư duy/thiết kế PPT về sự thống nhất giữa tính khoa học và tính đảng trong sử học mácxít.	-Thực hành theo nhóm	A1 A3	
LLO8, 9	* Nội dung sermina/thảo luận (2 tiết) Vì sao “phương pháp lịch sử” là phương pháp thích hợp nhất đối với học tập, nghiên cứu lịch sử?	-Hoạt động nhóm	A1 A4	
	B. Nội dung tự học: (32 tiết)		A1	

	Đọc tài liệu giáo trình; Nghiên cứu tài liệu tham khảo ở thư viện, internet... Vẽ sơ đồ tư duy/thiết kế PPT về sự thống nhất giữa tính khoa học và tính đảng trong sử học mácxít.			
--	--	--	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm.

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung GV yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)				
1	A1. Chuyên cần	5%	01	CLO1-8
2	A2. Bài tập	5%	02	CLO1-8
3	A3. Thực hành	5%	02	CLO1-8
4	A4. Thảo luận	10%	02	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	CLO1-8
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	CLO1-8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
7	A7. Tự luận	50%	01	CLO1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.

					- Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					

Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Giải thích và chứng minh không rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	Đúng format và nộp đúng hạn

7.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn	Lập luận có chú ý đến sử	Lập luận có căn cứ khoa	Lập luận có căn cứ khoa

		cứ khoa học và logic	dụng căn cứ và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng (2001), *Nhập môn sử học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.(907NHA)

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lương Ninh (chủ biên) (1999), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Phan Ngọc Liên, *Lịch sử thế giới cận đại (tập 1)* (2013), NXB ĐHSP HN.

[4] Đỗ Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Lịch sử thế giới hiện đại (Quyển 1)*, NXB ĐHSP.

[5] Trương Hữu Quýnh (2008), *Lịch sử Việt Nam từ TK X đến 1858*, NXB ĐHSP.

[6] Hoàng Ngọc La, Hà Thị Thu Thủy (đồng chủ biên) (2011), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam 1858 – 1945*, NXB Giáo dục.

[7] Nguyễn Xuân Minh (chủ biên) (2010), *Lịch sử Việt Nam 1945-2000*, NXB ĐHQG.

- [8] Trần Bá Đệ (chủ biên) (2007), Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay, NXB ĐHSP.
 [9] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi (2012), Phương pháp dạy học Lịch sử, T1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [10] Phan Ngọc Liên (chủ biên), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi (2012), Phương pháp dạy học Lịch sử, T2, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
 HISTORY OF CIVILIZATION

MÃ HỌC PHẦN: 59HIC231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		70
2.	Bài tập	6		26
3.	Thực hành	6		
4.	Thảo luận	6		
5.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		54		96

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*.
- Học phần học trước: *Không*.
- Học phần học song hành: *Không*.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam & thế giới; Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nghiêm Thị Hải Yến	0947071866	yennth@tnue.edu.vn
2.	Ths. Nguyễn Thị Trang	0912153607	trangnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

** Về kiến thức*

CO1: Hệ thống kiến thức về các vấn đề cốt lõi của lịch sử văn minh nhân loại từ những dấu hiệu văn minh trong thời nguyên thủy đến thời đại văn minh công nghệ thông tin.

*** Về kĩ năng**

CO2: Hình thành và rèn luyện kĩ năng tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu; Kĩ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử; Lập luận, nhìn nhận, đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ.

CO3: Hình thành và rèn luyện kĩ năng thuyết trình, báo cáo, sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, lược đồ...); kĩ năng biên tập và sử dụng video trong học tập, giảng dạy, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy - học, quản lý lớp học... qua quan sát GV và thực hành.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết. Thích ứng với thay đổi của nhu cầu đào tạo.

CO5: Thực hiện đúng và đủ các yêu cầu của học phần, có ý thức trách nhiệm thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập; các bài kiểm tra kiến thức và thi vấn đáp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn minh nhân loại. Các nền văn minh trong lịch sử; sự xuất hiện, các phát minh lớn, các thành tựu, sự suy tàn và tình kế thừa của các nền văn minh từ cổ xưa đến hiện đại. Sự khác biệt giữa văn minh phương Đông và phương Tây cũng như sự va chạm giữa các nền văn minh trong lịch sử nhân loại. Thành tựu nổi bật thay đổi sức sản xuất, kỹ thuật, năng suất lao động của văn minh công nghiệp và sự ra đời của chủ nghĩa Tư bản. Bước phát triển nhảy vọt của văn minh hiện đại với những hình thức nhà nước mới, những học thuyết xã hội mới, ảnh hưởng của thành tựu khoa học công nghệ mới đối với nhân loại. Những cơ hội và thách thức mới đối với nhân loại hiện nay.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Văn minh thế giới cổ đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 1.1. Những vấn đề chung 1.2. Văn minh phương Đông cổ đại 1.3. Văn minh phương Tây cổ đại	- Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] [2] [3] [4]

LLO1, 7	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1-Những dấu hiệu của văn minh trong xã hội nguyên thủy? 2-Anh hưởng của các giá trị văn minh phương Tây cổ đại đối với nền văn hóa, nghệ thuật Châu Âu và Bắc Mỹ hiện nay.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
LLO7 LLO8	*Nội dung bài tập: (1 tiết) 1-Tìm hiểu sự khác biệt giữa văn minh và văn hóa, giữa văn minh và hình thái kinh tế - xã hội 2- Tìm hiểu về 7 kỳ quan của thế giới cổ đại	Làm vào vở bài tập cá nhân	A2	
	*Thực hành: (1 tiết) - Xây dựng cây sơ đồ về: Quá trình phát triển của văn minh nhân loại theo hướng dẫn của giảng viên.	Chuẩn bị trước ở nhà trình bày trên lớp	A4	
LLO2, 9	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - Lý thuyết (18 tiết): + Các phát minh đánh dấu bước tiến lớn lao của con người thời nguyên thủy. + 3 làn sóng văn minh trong quá trình phát triển của văn minh nhân loại. + Các hình thức nhà nước ở Hy Lạp và La Mã cổ đại. + văn minh châu Mỹ. - Bài tập (2 tiết): Tôn giáo là gì? Nội dung cơ bản của học thuyết Phật giáo. - Thảo luận (2 tiết): Vì sao Nhà nước là thành tố của văn minh ? - Thực hành (2 tiết): Xây dựng bài thuyết trình bằng phần mềm Power Point có clip minh họa về 1 kỳ quan của thế giới cổ đại.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	
Chương 2: Văn minh thế giới Trung đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3, LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 2.1. Văn minh phương Đông trung đại 2.2. Văn minh Tây Âu trung đại 2.3. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới thế kỉ XVI	Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1]
LLO4, 8	* Nội dung thảo luận: (2 tiết)	Thảo luận	A3	

	- Nội dung của văn hóa phục hưng. Đánh giá tính chất tư sản tiên bộ và hạn chế của văn hóa phục hưng. - Tìm hiểu các thành tựu của văn minh phương Đông đã được cư dân phương Tây kế thừa và phát triển?			
LLO7	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Tìm hiểu và thuyết trình về kịch Shakespeare. 2. Thuyết minh quá trình phát kiến ra Châu Mỹ.	Bài tập cá nhân	A2	
LLO8	* Thực hành: (1 tiết) 1- Sân khấu hóa hình tượng Romeo và Juliet	Thực hành	A4	
LLO3, LLO4	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: (01 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV chuẩn bị nội dung chương 2.	Kiểm tra	A5	
LLO3, 8	C. Nội dung tự học: (23 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): + Các thành tựu văn hóa tiêu biểu từ thế kỉ XI - đầu thế kỉ XIV ở Tây Âu thời Trung đại. + Các cuộc Thập tự chinh và tác dụng của nó đối với giao thoa văn hóa thế giới. - Bài tập (2 tiết): - Chế độ phong kiến Tây Âu được hình thành như thế nào? Hãy nêu những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế Tây Âu thời trung đại. - Thảo luận (2 tiết): - Giá trị 4 phát minh khoa học – kĩ thuật lớn của Trung Quốc thời Trung đại - Thực hành (2 tiết): - Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về các nền văn minh tiền Colombo. Đánh giá, làm rõ mặt tích cực và tiêu cực của các cuộc phát kiến địa lý. Bản chất của chủ nghĩa thực dân.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	
Chương 3: Văn minh thế giới Cận đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 3.1. Hình thức nhà nước 3.2. Trình độ mới của khoa học kĩ thuật 3.3. Những thành tựu văn hóa tư tưởng	- Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân. - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1]
LLO5, 9	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Văn hóa thời Cận đại. (bài tập nhóm - 4 nhóm).	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	

	- N1: Cách mạng công nghiệp và các phát minh kỹ thuật. - N2: Các dòng văn học và tác giả tác phẩm tiêu biểu. - N3: Các học thuyết xã hội xuất hiện trong thời cận đại. - N4: Nghệ thuật cận đại: các loại hình, tác phẩm tiêu biểu. Các nhóm trình bày về Văn hóa Cận đại.			
LLO7	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Sưu tầm tranh, ảnh về cuộc cách mạng công nghiệp	Làm vào vở bài tập cá nhân, báo cáo kết quả trên lớp	A2	
LLO8		Chuẩn bị trước ở nhà trình bày trên lớp	A4	
	*Thực hành: (2 tiết) Thuyết trình về đóng góp và hạn chế của Chủ nghĩa Tư Bản đối với văn minh thế giới.			
LLO5	* Bài kiểm tra định kỳ số 2: (01 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV chuẩn bị nội dung chương 3.	-Làm bài kiểm tra điều kiện số 2	A6	
LLO5, 9	B. Nội dung tự học: (25 tiết)			
	- Lý thuyết (18 tiết): + Các hình thức nhà nước tư bản. + Thành tựu của cách mạng công nghiệp Âu - Mỹ. + Những phát minh khoa học lớn thời kỳ cận đại. + Văn hóa phục hưng. - Bài tập (3 tiết): - Các hình thái kinh tế xã hội; Các nhà triết học lớn thời cận đại. - Thảo luận (2 tiết): - Đánh giá tính tích cực và hạn chế của Chủ nghĩa xã hội không tưởng. - Thực hành (2 tiết): - Thuyết minh về sự xuất hiện của các học thuyết xã hội mới.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	
Chương 4: Văn minh thế giới thế kỷ XX				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	

LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 4.1. Các hình thức nhà nước thế kỷ XX 4.2. Cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa sau thế kỷ XX 4.3. Tư tưởng, văn hóa	-Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân. - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] [2]
LLO7	* Nội dung seminar: (2 tiết) Những nguy cơ có thể đe dọa sự tồn tại của nền văn minh hiện đại ngày nay. Đề xuất những giải pháp để cải thiện vấn đề này.	Thảo luận	A3	
LLO8	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1- Đánh giá hệ quả của cách mạng công nghệ và sự bùng nổ thông tin	Bài tập cá nhân	A2	
	*Thực hành: (2 tiết) Vẽ sơ đồ tư duy về cuộc cách mạng 4.0 và dự đoán quá trình phát triển trong tương lai của nền văn minh trí thức.	Thực hành	A4	
LLO6, 10	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): +Thành tựu chính trị - xã hội của văn minh thời hiện đại. + Đặc trưng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa thời hiện đại. + Cách mạng KHKT hiện đại và tác động của nó đến sự phát triển của văn minh. - Bài tập (3 tiết): + Giải thích và chứng minh sự lan tỏa của văn minh xã hội chủ nghĩa. + Đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật thế kỉ XX. - Thảo luận (2 tiết): Đặc trưng của nền văn minh trí tuệ trong thế kỷ XXI. - Thực hành (2 tiết): Thuyết trình về quá trình hội nhập văn hóa và những thách thức.Liên hệ thực tế với trường hợp Việt Nam.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành: 2 bài kiểm tra định kỳ.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/nhóm theo các chương học.

- Seminar: Hoàn thành bài thảo luận theo nội dung yêu cầu của GV; nộp sản phẩm đúng hạn và trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Nhiệm vụ tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân (tự học) nộp vào cuối kì.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1: Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,2,3
2	A2: Bài tập cá nhân	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,6
3	A3. Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO2,3,6,7
3	A4: Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO4,5
4	A5: Bài kiểm tra số 1.	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,6,7
5	A6: Bài kiểm tra số 2.		01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,6,7
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
-Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Bài tập cá nhân (5%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 65 -79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (5%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến <1	1 đến <1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo	Trình bày báo cáo tương đối	Trình bày báo cáo	Trình bày báo cáo rõ ràng

		không rõ ràng	rõ ràng nhưng chưa khoa học	tương đối rõ ràng, khoa học	khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6	0 đến <3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2000), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Almanach - những nền văn minh thế giới* (1999), NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[3]. Scott Morton W. (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, NXB Tổng hợp, Hà Nội.

[4]. Đỗ Đình Hằng, Đinh Trung Kiên (1996), *Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa*, Tập III: Văn minh Hi Lạp, Văn minh La Mã, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: TÔN GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM
RELIGIONS AND BELIEFS IN VIETNAM

MÃ HỌC PHẦN: 59RBV231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		56
2.	Bài tập	6		20
3.	Thực hành	6		10
4.	Thảo luận	6		10
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		0
Tổng		54		96

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*.
- Học phần học trước: *Không*.
- Học phần học song hành: *Không*.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam & thế giới; Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn
2.	ThS. Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Có hệ thống kiến thức về sự hình thành, phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử Việt Nam.

*** Về kỹ năng**

CO2: Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để khai thác, xử lý tư liệu/thông tin trong học tập.

CO3: Rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, lắng nghe, giải quyết vấn đề, phản biện, tự học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Có ý thức tôn trọng, thực hành hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định của pháp luật.

CO5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết, thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị kiến thức về: Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo, tín ngưỡng; các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và các tôn giáo được nhà nước công nhận ở Việt Nam; vai trò, tác động và chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Những vấn đề chung về tôn giáo tín ngưỡng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 1.1. Các khái niệm 1.2. Nguồn gốc, chức năng và vai trò của tôn giáo tín ngưỡng 1.3. Phân loại tôn giáo, tín ngưỡng 1.4. Mối quan hệ giữa các tôn giáo, tín ngưỡng hiện nay	- Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] Chương 1 mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 [2], [3].
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Lý thuyết (10 tiết): Hình thức và cấp độ đầu tiên của tôn giáo tín ngưỡng. Tương lai và thể ứng xử của tôn giáo tín ngưỡng. - Bài tập (5 tiết): Đánh giá vai trò của TGTN với bản thân. - Thực hành (2 tiết): Thiết kế infographic phân biệt Tôn giáo và tín ngưỡng - Thảo luận (2 tiết): Bản chất của tôn giáo tín ngưỡng.	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	
Chương 2: Các hình thức tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7-13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (17 tiết) 2.1. Các hình thức tôn giáo nguyên thủy và tín ngưỡng truyền thống 2.1.1. Tô tem giáo 2.1.2. Hồn linh giáo	-Thuyết trình - Thảo luận nhóm	A1,4	[1] chương 2 mục 2.1,2.2, 2.3

	2.1.3. Bái vật giáo; Ma thuật giáo 2.1.4. Tang ma và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên 2.1.5. Đạo thánh 2.1.6. Đạo mẫu 2.2. Các tôn giáo được Nhà nước công nhận	- Báo cáo bài tập cá nhân. - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu		[4] [5]
	* Nội dung bài tập: (4 tiết) - Tìm hiểu về các tà đạo/giáo phái chưa được công nhận tư cách pháp nhân như: "Tân Thiên Địa", "Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ", "Dương Văn Minh" và đề xuất giải pháp ngăn chặn.	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A2	
	* Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) - Hình thức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt: Diễn xướng lên đồng. - "Niềm tin tôn giáo" và "mê tín"	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A1	
	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A4	
	B. Nội dung tự học: (47 tiết) - Lý thuyết (27 tiết): Tìm hiểu Đạo Tứ ân hiếu nghĩa. Tinh độ cư Phật hội Việt Nam, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Việt Nam (nguồn gốc, nội dung, tín đồ, phạm vi ảnh hưởng). - Bài tập (10 tiết): Đánh giá sự đa dạng về tổ chức, hệ phái của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay. Nêu các hệ phái Tin Lành được công nhận tư cách pháp nhân. - Thực hành (5 tiết): Tra cứu tài liệu, sưu tầm hình ảnh có liên quan tới nội dung chương học. - Thảo luận (5 tiết): Nguyên nhân cơ bản nào dẫn tới sự hình thành, duy trì các tín ngưỡng này trong văn hóa người Việt?	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	
Chương 3: Ảnh hưởng của tôn giáo tín ngưỡng và chính sách tôn giáo tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO14-18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Ảnh hưởng của tôn giáo, tín ngưỡng 3.1.1. Ảnh hưởng đến tinh thần 3.1.2. Ảnh hưởng đến kinh tế 3.1.3. Ảnh hưởng đến chính trị 3.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước VN 3.2.1. Quan điểm của Đảng 3.2.2. Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước Việt Nam 3.2.3. Pháp lệnh, Luật Tín ngưỡng tôn giáo	-Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân. - Day học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] chương 3 mục 3.1,3.2 . [6]
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Tìm hiểu Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước Việt Nam	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A2	
	* Nội dung thực hành: (6 tiết) Xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TGTN cho HSSV.	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A1	
	* Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) Nguyên nhân của các cuộc thánh chiến; hành vi tử đạo.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
	* Bài kiểm tra định kì số 2: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận.	Kiểm tra	A5	
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Lý thuyết (19 tiết): Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. - Bài tập (5 tiết): Thống kê các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng đã được ban hành (1986 - 2023). Đánh giá ảnh hưởng Phật giáo đối với đời sống cư dân địa phương. - Thực hành (3 tiết): Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TGTN cho HSSV. - Thảo luận (3 tiết): Ảnh hưởng của TGTN đối với người trẻ/HSSV	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận	A1	[1] chương 3 mục 3.1,3.2 . [6]

		báo cáo tại lớp		
--	--	--------------------	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, làm bài tập và đọc tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Seminar: Hoàn thành 1 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 1 bài seminar nhóm ở chương 3, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.
- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4, 5,6
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận	CLO1,2,3,4, 5,6
4	A4. Bài kiểm tra định kì (tự luận)	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1, 3,4,5,6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (tự luận)	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,5,6,8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Bài tập lớn	50	01	- Phiếu đánh giá bài tập lớn	CLO 1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Chuyên cần					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5 Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	2,5 đến < 3,3 Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	3,3 đến < 4,0 Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	4,0 đến 5,0 Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 65 -79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến <4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1

Lập luận có căn cứ khoa học và logic		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến <1 Trình bày báo cáo không rõ ràng	1 đến <1,2 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	1,2 đến < 1,6 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	1,6 đến 2 Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5 Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,5 đến <0,6 Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,6 đến < 0,8 Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,8 đến 1 Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5 Không trả lời câu hỏi đầy đủ	0,5 đến <0,6 Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	0,6 đến < 0,8 Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	0,8 đến 1 Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5 Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến <0,6 Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,6 đến < 0,8 Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,8 đến 1 Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Minh, (2013), *Tôn giáo tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lương Thị Hoa, (2015), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*, Nxb Chính trị Quốc Gia.

[3] Đỗ Quang Hưng, (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long, Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

[4] Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Công Oánh và Bùi Thành Phương, (2006), *Nhập môn tôn giáo học*, Nxb Tôn giáo.

[5] Nguyễn Thị Quế Loan, (2017), *Giáo trình Đại cương nhân học*, Nxb. Đại học Thái Nguyên.

[6] *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và nghị định hướng dẫn thi hành*, (2005), Nxb Chính trị Quốc gia.

**TÊN HỌC PHẦN: BẢN ĐỒ HỌC
CARTOGRAPHY**

MÃ HỌC PHẦN: 59GME231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

T T	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	18	15	65
2	Bài tập	05	00	30
3	Thực hành	10	00	
4	Thảo luận	05	00	
5	Kiểm tra, đánh giá	02	00	
Tổng		40	15	9 5

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Địa lí cơ sở và phương pháp giảng dạy; Khoa Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS Phạm Tất Thành	0974074007	thanhtp@tnue.edu.vn
2.	ThS Trần Đức Văn	0915.330.772	vantd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức:**

CO1: Trình bày được những nét khái quát về bản đồ học và bản đồ địa lí.

CO2: Phân tích được các đặc điểm chính về cơ sở toán học, ngôn ngữ của bản đồ.

*** Về kỹ năng:**

CO3: Thực hiện được các tính toán về khoảng cách, tỉ lệ, diện tích... trên bản đồ.

CO4: Vận dụng được các phương pháp sử dụng bản đồ trong dạy học ở trường phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông; Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần Bản đồ học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Bản đồ học bao gồm 4 chương cung cấp nội dung cơ bản về bản đồ. Chương 1 nghiên cứu khái quát về Bản đồ học và bản đồ địa lí. Chương 2 nghiên cứu các cơ sở toán học liên quan đến bản đồ như hình cầu Trái Đất, hệ quy chiếu, phép chiếu bản đồ. Chương 3 nghiên cứu các yếu tố của ngôn ngữ bản đồ bao gồm kí hiệu, màu sắc, chữ viết, chú thích và phương pháp biểu hiện bản đồ. Chương 4 nghiên cứu phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ cho các mục đích khác nhau.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Những vấn đề chung về tôn giáo tín ngưỡng				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 1.1. Các khái niệm 1.2. Nguồn gốc, chức năng và vai trò của tôn giáo tín ngưỡng 1.3. Phân loại tôn giáo, tín ngưỡng 1.4. Mối quan hệ giữa các tôn giáo, tín ngưỡng hiện nay	- Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] Chương 1 mục 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 [2], [3].
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Lý thuyết (10 tiết): Hình thức và cấp độ đầu tiên của tôn giáo tín ngưỡng. Tương lai và thể ứng xử của tôn giáo tín ngưỡng. - Bài tập (5 tiết): Đánh giá vai trò của TGTN với bản thân. - Thực hành (2 tiết): Thiết kế infographic phân biệt Tôn giáo và tín ngưỡng - Thảo luận (2 tiết): Bản chất của tôn giáo tín ngưỡng.	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	
Chương 2: Các hình thức tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7-13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (17 tiết) 2.1. Các hình thức tôn giáo nguyên thủy và tín ngưỡng truyền thống	-Thuyết trình - Thảo luận nhóm	A1,4	[1] chương 2 mục

	2.1.1. Tô tem giáo 2.1.2. Hồn linh giáo 2.1.3. Bái vật giáo; Ma thuật giáo 2.1.4. Tang ma và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên 2.1.5. Đạo thánh 2.1.6. Đạo mẫu 2.2. Các tôn giáo được Nhà nước công nhận	- Báo cáo bài tập cá nhân. - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu		2.1,2.2, 2.3 [4] [5]
	* Nội dung bài tập: (4 tiết) - Tìm hiểu về các tà đạo/giáo phái chưa được công nhận tư cách pháp nhân như: "Tân Thiên Địa", "Hội thánh của Đức Chúa Trời Mẹ", "Dương Văn Minh" và đề xuất giải pháp ngăn chặn.	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A2	
	* Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) - Hình thức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt: Diễn xướng lên đồng. - “Niềm tin tôn giáo” và “mê tín”	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A1	
	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A4	
	B. Nội dung tự học: (47 tiết) - Lý thuyết (27 tiết): Tìm hiểu Đạo Tứ ân hiếu nghĩa. Tịnh độ cư Phật hội Việt Nam, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Việt Nam (nguồn gốc, nội dung, tín đồ, phạm vi ảnh hưởng). - Bài tập (10 tiết): Đánh giá sự đa dạng về tổ chức, hệ phái của đạo Tin Lành ở Việt Nam hiện nay. Nêu các hệ phái Tin Lành được công nhận tư cách pháp nhân. - Thực hành (5 tiết): Tra cứu tài liệu, sưu tầm hình ảnh có liên quan tới nội dung chương học. - Thảo luận (5 tiết): Nguyên nhân cơ bản nào dẫn tới sự hình thành, duy trì các tín ngưỡng này trong văn hóa người Việt?	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	
Chương 3: Ảnh hưởng của tôn giáo tín ngưỡng và chính sách tôn giáo tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO14-18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 3.1. Ảnh hưởng của tôn giáo, tín ngưỡng 3.1.1. Ảnh hưởng đến tinh thần 3.1.2. Ảnh hưởng đến kinh tế 3.1.3. Ảnh hưởng đến chính trị 3.2. Quan điểm, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước VN 3.2.1. Quan điểm của Đảng 3.2.2. Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước Việt Nam 3.2.3. Pháp lệnh, Luật Tín ngưỡng tôn giáo	-Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân. - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] chương 3 mục 3.1,3.2 . [6]
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Tìm hiểu Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Nhà nước Việt Nam	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A2	
	* Nội dung thực hành: (6 tiết) Xây dựng nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TGTN cho HSSV.	- Bài viết. - Vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp	A1	
	* Nội dung seminar/thảo luận: (3 tiết) Nguyên nhân của các cuộc thánh chiến; hành vi tử đạo.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
	* Bài kiểm tra định kì số 2: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận.	Kiểm tra	A5	
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Lý thuyết (19 tiết): Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. - Bài tập (5 tiết): Thống kê các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng đã được ban hành (1986 - 2023). Đánh giá ảnh hưởng Phật giáo đối với đời sống cư dân địa phương. - Thực hành (3 tiết): Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TGTN cho HSSV. - Thảo luận (3 tiết): Ảnh hưởng của TGTN đối với người trẻ/HSSV	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận	A1	[1] chương 3 mục 3.1,3.2 . [6]

		báo cáo tại lớp		
--	--	--------------------	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% số giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm. Nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,3,5
3	A3. Thực hành	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1-4,6
4	A4. Thảo luận	5	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1,4,6
5	A5. Bài KT định kì 1	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
6	A6. Bài KT định kì 2	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	A7. Trắc nghiệm trên máy	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực	3,0	0 đến < 1,5 Chủ động thực hiện,	1,5 đến < 2,0 Chủ động thực hiện, đạt	2,0 đến < 2,4 Chủ động thực hiện, đạt	2,4 đến 3,0 Chủ động, tích cực chuẩn

chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 4,5	4,5 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (5 %)					
Thực hiện đúng các	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ	Thực hiện được 50 -	Thực hiện được 65 -	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp

thao tác, quy trình		đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	64% nhiệm vụ học tập được giao.	79% nhiệm vụ học tập được giao.	ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3,0	3,0 đến < 4,0	4,0 đến < 5,0	5,0 đến 6,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận (05 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (25%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đỗ Vũ Sơn (2011), *Giáo trình Bản đồ học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Lâm Quang Dốc (2010), *Bản đồ học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Ngô Đạt Tam, Nguyễn Quý Thao (2020), *Atlas địa lí Việt Nam : Dùng trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.3. Website

<https://www.google.com.vn/intl/vi/earth/>

www.google.com/maps

<https://www.newworldencyclopedia.org/entry/Cartography>

TÊN HỌC PHẦN: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ENVIRONMENT AND SUSTAINABLE
DEVELOPMENT

MÃ HỌC PHẦN:

59ESD331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		70
2.	Bài tập	10		25
3.	Thực hành	0		
4.	Thảo luận	10		
5.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: (□)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và Thế giới; Cơ sở và Phương pháp giảng dạy Địa lí
- Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Lê Thị Nguyệt	0973880523	nguyetlt@tnue.edu.vn
2.	PGS.TS Dương Quỳnh Phương	0983022774	phuongdq@tnue.edu.vn
3.	TS Phạm Hương Giang	0943977009	giangph@tnue.edu.vn
4.	TS. Vũ Văn Anh	0912687173	anhvv@tnue.edu.vn
5.	TS Phạm Thu Thủy	0913844417	thuypt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về môi trường và phát triển bền vững.

CO2: Phân tích được những vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.

CO3: Đánh giá được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên, môi trường và những thách thức đối với phát triển bền vững ở Việt Nam.

* Về kỹ năng:

CO4: Xác định được các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững.

CO5: Khai thác và phân tích được thông tin trên bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu về môi trường và phát triển bền vững.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO7: Có ý thức và hành vi bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu vì sự phát triển bền vững của đất nước.

CO8: Có năng lực thuyết trình, giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu và năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin,...

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm ba chương: Chương 1 nghiên cứu những vấn đề chung về Môi trường, bao gồm khái niệm và phân loại môi trường, các chức năng của môi trường, an ninh môi trường và an toàn môi trường, ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Chương 2 nghiên cứu những vấn đề chung về

Phát triển bền vững, bao gồm lịch sử hình thành khái niệm phát triển bền vững, mục tiêu, nội dung của phát triển bền vững, các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững, các nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững, các lĩnh vực phát triển bền vững; Chương 3 nghiên cứu về Môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam, bao gồm những vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Định hướng chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Môi trường				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-5, 12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (11 tiết) 1.1. Khái niệm và phân loại môi trường 1.2. Các chức năng của môi trường 1.3. Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về môi trường 1.4. An ninh môi trường và an toàn môi trường 1.5. Ô nhiễm môi trường 1.6. Mối quan hệ giữa dân số - tài nguyên – môi trường	Dạy học trực tiếp - Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm.	A1, A6	[1] Chương 1, [2], [3]
	* Bài tập: (4 tiết) Phân tích bảng số liệu về ô nhiễm môi trường nước, không khí,... Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng môi trường nước, không khí,...	- Thảo luận nhóm. - Sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại.	A1, A2, A6	[1] Chương 1
	* Thảo luận (2 tiết) Mối quan hệ giữa môi trường với dân số và đói nghèo.	- Thảo luận nhóm. - Đóng vai - Dạy học thông qua dự án	A1, A3	[1] Chương 1

	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về môi trường - Hoàn thành bài tập phân tích bảng số liệu về ô nhiễm môi trường nước, không khí,... - Hoàn thành bài tập thực hành - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1, A6	[1],[2], [3]
Kiểm tra định kì (1 tiết)			A4	
Chương 2: Phát triển bền vững				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5-9,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Lịch sử hình thành khái niệm phát triển bền vững 2.2. Mục tiêu, nội dung của phát triển bền vững 2.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững 2.4. Các nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững 2.5. Phát triển bền vững lĩnh vực kinh tế 2.6. Phát triển bền vững lĩnh vực xã hội 2.7. Phát triển bền vững lĩnh vực tài nguyên - môi trường	Dạy học trực tiếp - Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Chương 2 [2], [3] [5]
	* Bài tập (3 tiết) Xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển bền vững ngành du lịch.	- Đàm thoại. - Sử dụng phương tiện trực quan.	A1,A4, A6	[1] Chương 2
	* Thảo luận (3 tiết) Các nguyên tắc và mô hình phát triển bền vững.	- Thảo luận nhóm.	A2,A3	[1] Chương 2

		- Dạy học thông qua dự án		
	B. Nội dung tự học: (29 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về phát triển bền vững. - Hoàn thành bài tập thực hành - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1, A6	[1],[2], [3] [5]
Chương 3: Môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO9-12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam 3.2. Phát triển bền vững lĩnh vực kinh tế - xã hội ở Việt Nam 3.3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 3.4. Định hướng chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)	Dạy học trực tiếp - Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] Chương 3 [2], [3] [5] [6]
	* Bài tập: (3 tiết) - Phân tích bảng số liệu về môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.	- Thảo luận nhóm. - Sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại.	A1,A2, A6	[1] Chương 3
	* Thảo luận (5 tiết) - Vấn đề biến đổi khí hậu ở Việt Nam. - Vấn đề ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.	- Thảo luận nhóm.	A1,A3, A6	[1] Chương 3

	- Các giải pháp thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.	- Phương pháp dự án		
	B. Nội dung tự học: (36 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. - Hoàn thành bài tập phân tích bảng số liệu về môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1, A6	[1],[2], [3],[4] [5] [6]
Kiểm tra định kì (1 tiết)			A5	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu. nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Bài kiểm tra định kì: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.

- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,7,8,9

4	A4. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4
5	A5. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO6,7,8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận hoặc vấn đáp (chọn một trong hai hình thức)	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp hoặc tự luận	CLO1-9

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt

		ứng dưới 50% yêu cầu.	vụ học tập được giao.	vụ học tập được giao.	80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận nhóm (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

				được 65 - 79% yêu cầu	
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Dương Quỳnh Phương, Lê Thị Nguyệt, Vũ Văn Anh (2023), *Đề cương bài giảng Môi trường và phát triển bền vững*.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2013), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Đình Hoà (2000), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

8.3. Website:

[4]. Website: <https://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/phan-tien-ben-vung-nhan-thuc-ket-qua-va-van-de-dat-ra.html>

[5]. <https://irs.vass.gov.vn/Pages/home.aspx>

[6]. <https://www.novaland.com.vn/bao-cao-phat-tien-ben-vung>

TÊN HỌC PHẦN: NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG
GENERAL HUMANITY

MÃ HỌC PHẦN: [59GEH231](#)

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		56
2.	Bài tập	6		20
3.	Thực hành	6		10
4.	Thảo luận	6		10
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		0
Tổng		54		96

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*.

- Học phần học trước: *Không*.

- Học phần học song hành: *Không*.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam & thế giới; Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn
2.	Ths. Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức hệ thống về nhân học và các lĩnh vực, một số vấn đề nghiên cứu của nhân học

* Về kỹ năng

CO2: Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, giảng dạy, NCKH; quan sát, giao tiếp, làm việc nhóm, lắng nghe, giải quyết vấn đề, phản biện.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO3: Có khả năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc nhóm, thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần nhân học đại cương.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức tổng quan về ngành Nhân học: khái niệm, đối tượng, quan điểm nghiên cứu, lịch sử hình thành và phát triển, các trường phái và các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học; kiến thức về một số vấn đề nghiên cứu của nhân học cũng như các vấn đề của đời sống con người dưới góc độ tiếp cận Nhân học: 1- nguồn gốc, về sự tiến hóa của loài người và các chủng tộc trên thế giới; 2- tộc người và quá trình tộc người; 3- thân tộc, dòng họ, hôn nhân và gia đình; 4- văn hóa, ngôn ngữ tộc người; 5- kinh tế; 6- tổ chức xã hội và phân tầng xã hội.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Những vấn đề chung của nhân học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (11 tiết) 1.1. Khái niệm, đối tượng và quan điểm nghiên cứu của nhân học 1.2. Chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ của nhân học với các khoa học khác 1.3. Sự hình thành và phát triển của nhân học 1.4. Các lĩnh vực nghiên cứu của nhân học 1.5. Một số trường phái chính trong nghiên cứu nhân học 1.6. Phương pháp nghiên cứu của nhân học	- Thuyết trình (của GV) - Thảo luận nhóm - Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm) - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A2, A5	[1] chươn g 1 mục 1.1, 1.2, 1.3 [2]
LLO1	* Bài kiểm tra định kì số 1: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Vấn đáp.	Kiểm tra	A3	
LLO8, 9	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) 1. Xây dựng 5 câu hỏi đóng và 5 câu hỏi mở để thực hiện điền dã nghiên cứu về văn hóa của 1 tộc người nào đó	Bài tập cá nhân	A1; A2	
LLO8, 9	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Thực hành xây dựng phiếu điều tra 2. Thực hành phỏng vấn sâu	Giao nhiệm vụ thực hành, hướng dẫn SV làm và báo cáo, nộp sản phẩm	A1	
LLO1, 8, 9	* Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết)	Giao nhiệm vụ cho SV/nhóm	A1	

	1. Ưu và nhược điểm của điều tra phiếu 2. Điểm khác giữa điều tra phiếu và phỏng vấn sâu 3. Tại sao phải tổ chức tọa đàm/hội nghị/hội thảo khoa học?	SV chuẩn bị trước nội dung, báo cáo. Tổ chức thảo luận tại lớp		
LLO1, LLO9	B. Nội dung tự học: (40 tiết) - Lý thuyết (20 tiết): Các trường phái chính trong nhân học. Các yêu cầu về quan sát, giao tiếp khi điền dã - Bài tập (10 tiết): Chứng minh Nhân học là ngành khoa học nghiên cứu về con người 1 cách toàn diện hơn cả - Thực hành (5 tiết): Điều tra phiếu nghiên cứu về 1 vấn đề tự chọn tại trường. - Thảo luận (5 tiết): Những lưu ý khi đi điền dã dân tộc học	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	
Chương 2: Một số vấn đề nghiên cứu của nhân học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2, 3,4, 5, 6,7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (36 tiết) * Nội dung lý thuyết: (23 tiết) 2.1. Sự xuất hiện của con người và các chủng tộc loài người 2.1.1. Sự xuất hiện của con người 2.1.2. Các chủng tộc loài người 2.1.3. Chủ nghĩa chủng tộc và vấn đề chủng tộc ở Việt Nam 2.2. Tộc người và quá trình tộc người 2.2.1. Các tiêu chí hình thành tộc người và nhân tố tác động đến tộc người 2.2.2. Các loại hình cộng đồng tộc người 2.2.3. Quá trình tộc người và quá trình tộc người ở Việt Nam. 2.3. Thân tộc, dòng họ, hôn nhân và gia đình 2.3.1. Thân tộc 2.3.2. Dòng họ 2.3.3. Hôn nhân	- Thuyết trình (của GV) - Thảo luận nhóm - Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm) - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A2, A5	[1] chươn g 2, 3, 4,5,6

	2.3.4. Gia đình 2.4. Văn hóa và ngôn ngữ 2.4.1. Văn hóa tộc người 2.4.2. Ngôn ngữ tộc người 2.5. Một số vấn đề khác			
LLO5-7	* Bài kiểm tra định kì số 2: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Vấn đáp	Kiểm tra	A4	
LLO10	* Nội dung thực hành (5 tiết) - Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, quan sát tham dự sinh hoạt kinh tế sản xuất, văn hóa của 1 gia đình tộc người thiểu số ở địa phương cụ thể để nhận diện các vấn đề nghiên cứu của nhân học.	- Tại thực địa. - Quay phim, chụp ảnh. - Phỏng vấn sâu - Nộp báo cáo	A1, A2	
LLO8, 9	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) 1. Màu da và hình thái bề ngoài có liên quan đến trí thông minh không. Tại sao? 2. Tìm hiểu quan niệm về cái đẹp hình thể của một số dân tộc trên thế giới, liên hệ bản thân. 3. Quan niệm của cá nhân về lựa chọn bạn đời và hạnh phúc gia đình. Trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ và duy trì hạnh phúc gia đình. 4. Nguyên nhân bất bình đẳng giới và biện pháp thực hiện bình đẳng giới	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A1; A2	[3] [4]
LLO8, 9	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Nội hôn tộc người: Mặt tích cực và hạn chế trong sự phát triển tộc người. 2. Giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống tộc người trong bối cảnh toàn cầu hóa. 3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam về dân tộc/tộc người trong tiến trình lịch sử.	- Làm vào vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp.	A1, A2	[1] [3] [4]
LLO9	B. Nội dung tự học: (56 tiết) - Lý thuyết (36 tiết): Các hình thức cơ bản quá trình tộc người ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. Trong quá trình	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở	A1	[1] [3] [4]

	tộc người ở Việt Nam, quá trình nào là bao trùm. - Bài tập (10 tiết): Phân biệt Tộc người – Bộ lạc – Dân tộc - Thực hành (5 tiết): Giới thiệu đặc trưng văn hóa của tộc người mình. Vai trò của cá nhân trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. - Thảo luận (5 tiết): Điểm mới trong Luật hôn nhân gia đình Việt Nam được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 19/ 06/ 2014.	bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp		
--	--	---	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực địa. Làm bài tập và đọc tài liệu học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.
- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập nhóm	20	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,3,4,6,8
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1 (vấn đáp)	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,4,8
4	A4. Bài kiểm tra định kì 2 (vấn đáp)	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,4
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Tiểu luận	50%	01	- Phiếu chấm	CLO1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập nhóm (20%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	1 đến < 1,3 Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,3 đến < 1,6 Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,6 đến 2,0 Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	2 đến < 2,6 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	2,6 đến < 3,2 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	3,2 đến 4 Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	0,5 đến < 0,65 Hình thức đảm bảo ít sáng tạo	0,65 đến < 0,8 Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1,0 Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kỹ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1 Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	1 đến < 1,3 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít	1,3 đến < 1,6 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	1,6 đến 2,0 Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt

			tương tác phi ngôn ngữ		
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời	1	0 đến < 0,5 Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến < 0,65 Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,65 đến < 0,8 Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,8 đến 1,0 Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Quế Loan, (2017), *Đại cương nhân học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

☐2 ☐ Khổng Diễn, (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb KHXH.

☐3 ☐ Lê Sĩ Giáo (chủ biên), (2000), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục.

☐4 ☐ Nguyễn Văn Huy, (2001), *Bức tranh văn hóa các dân tộc học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC

NATURAL GEOGRAPHY OF CONTINENTS

MÃ HỌC PHẦN: 59NGC331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33		65
2	Bài tập	05		30
3	Thực hành	10		
4	Thảo luận	05		
5	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và Thế giới; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phạm Hương Giang	0943977009	giangph@tnue.edu.vn
2.	ThS. Phạm Tất Thành	0974074007	thanhpt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Hiểu được các điều kiện tự nhiên ở các châu lục: Phi, Á - Âu, Mỹ, Úc (Đại Dương) và Nam Cực.

CO2: Phân tích được đặc điểm, mối quan hệ của các đối tượng và quá trình tự nhiên trên các châu lục.

CO3: Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở các châu lục.

* Về kỹ năng:

CO4: Thực hiện được các bài tập cơ bản về địa lý tự nhiên các châu lục.

CO5: Sử dụng được các công cụ địa lý học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, mô hình, phần mềm tin học, Internet,...) để tìm kiếm, thu thập các thông tin liên quan đến môn học.

CO6: Thiết kế và tổ chức được một số hoạt động trải nghiệm có liên quan đến môn học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO7: Xây dựng được các dạng bài thực hành cho học sinh phổ thông.

CO8: Chọn lọc được các nội dung kiến thức của môn học để lập kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Phi; Chương 2 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Á; Chương 3 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Âu; Chương 4 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Mỹ; Chương 5 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Úc (Đại Dương); Chương 6 nghiên cứu về địa lý tự nhiên châu Nam Cực. Nội dung các chương đều tập trung vào đặc điểm vị trí địa lý, hình dạng và giới hạn lãnh thổ, đặc điểm địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn và cảnh quan tự nhiên của các châu lục.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Châu Phi			
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2,3,4,5,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 1.1. Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ 1.2. Địa hình và khoáng sản 1.3. Địa hình và khoáng sản 1.4. Thủy văn 1.5. Các đới cảnh quan tự nhiên * Nội dung bài tập: (1 tiết) Phân tích các biểu đồ khí hậu; Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ dựa vào kinh vĩ độ của châu Phi. * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh và giải thích khí hậu châu Phi nóng và khô hạn. * Nội dung thực hành: (2 tiết) Vẽ một số bản đồ khung châu Phi, sau đó dựa bản đồ tự nhiên châu Phi (bản đồ treo tường hoặc tập bản đồ thế giới), hãy xác định, đánh dấu và ghi tên các đối tượng địa lí tự nhiên: các dãy núi, đỉnh núi, sông, hồ, sơn nguyên, đồng bằng, bồn địa, khoáng sản chính.	- Hình thức: Trục tiếp; - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận.	A1, A2, A3, A4, A5, A7	[1], Tập 1, Chương 2, mục A; [2]; [3]; [4]
LLO1, 2,3	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo có liên quan đến môn học và trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)	SV tự tìm hiểu	A1	[1], Tập 1, Chương 2, mục A; [2]; [3]; [4];...
Chương 2: Châu Á				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, 8,9,10, 11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lý thuyết: (8 tiết) 2.1. Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ	- Hình thức: Trục tiếp;	A1, A2, A3,	[1], Tập 2, Chương 7,

	2.2. Địa hình và khoáng sản 2.3. Khí hậu 2.4. Thủy văn 2.5. Các đối cảnh quan tự nhiên * Nội dung bài tập: (1 tiết) Vẽ và phân tích các biểu đồ khí hậu; Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ dựa vào kinh vĩ độ của châu Á. * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh và giải thích khí hậu (sông ngòi) châu Á rất đa dạng và phức tạp. * Nội dung thực hành: (2 tiết) Vẽ một số bản đồ khung châu Á, sau đó dựa bản đồ tự nhiên châu Á (bản đồ treo tường hoặc tập bản đồ thế giới), hãy xác định, đánh dấu và ghi tên các đối tượng địa lí tự nhiên: các dãy núi, đỉnh núi, sông, hồ, sơn nguyên, đồng bằng, bồn địa, khoáng sản chính. * Kiểm tra bài định kì số 1	- Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận.	A4, A5, A7	mục A; [2]; [3]; [4];
LLO7, 8,9	B. Nội dung tự học: (20 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)	SV tự tìm hiểu	A1	[1], Tập 2, Chương 7, mục A; [2]; [3]; [4];..
Chương 3: Châu Âu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13, 14, 15, 16, 17, 18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 3.1. Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ 3.2. Địa hình và khoáng sản 3.3. Khí hậu 3.4. Thủy văn 3.5. Các đối cảnh quan tự nhiên	- Hình thức: Trực tiếp; - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan,	A1, A2, A3, A4, A5, A7	[1], Tập 1, Chương 3, mục A; [2]; [3]; [4]

	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Vẽ và phân tích các biểu đồ khí hậu; Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ dựa vào kinh vĩ độ của châu Âu. * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh và giải thích phần lớn lãnh thổ châu Âu có khí hậu ẩm và ấm. * Nội dung thực hành: (2 tiết) Vẽ một số bản đồ khung châu Âu, sau đó dựa bản đồ tự nhiên châu Âu (bản đồ treo tường hoặc tập bản đồ thế giới), hãy xác định, đánh dấu và ghi tên các đối tượng địa lí tự nhiên: các dãy núi, đỉnh núi, sông, hồ, sơn nguyên, đồng bằng, bồn địa, khoáng sản chính.	thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận.		
LLO13,14,15	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)			[1], Tập 1, Chương 3, mục A; [2]; [3]; [4];...
Chương 4: Châu Mỹ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO19,20,21,22,23,24	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 4.1. Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ 4.2. Địa hình và khoáng sản 4.3. Khí hậu 4.4. Thủy văn 4.5. Các đới cảnh quan tự nhiên * Nội dung bài tập: (1 tiết) Vẽ và phân tích các biểu đồ khí hậu; Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ dựa vào kinh vĩ độ của châu Mỹ. * Nội dung thảo luận: (1 tiết)	- Hình thức: Trực tiếp; - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận.	A1, A2, A3, A4, A6, A7	[1], Tập 1, Chương 4, mục A; [2]; [3]; [4];...

	Chứng minh sông ngòi châu Mĩ phát triển và phân bố khá đồng đều trên toàn lãnh thổ. * Nội dung thực hành: (2 tiết) Vẽ một số bản đồ khung châu Mĩ, sau đó dựa bản đồ tự nhiên châu Mĩ (bản đồ treo tường hoặc tập bản đồ thế giới), hãy xác định, đánh dấu và ghi tên các đối tượng địa lí tự nhiên: các dãy núi, đỉnh núi, sông, hồ, sơn nguyên, đồng bằng, bồn địa, khoáng sản chính.			
LLO19 ,20,21	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)		A1	[1], Tập 1, Chương 4, mục A; [2]; [3]; [4];...
Chương 5: Châu Úc (Đại Dương)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO25 ,26,27, 28,29, 30	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lý thuyết: (6 tiết) 5.1. Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ 5.2. Địa hình và khoáng sản 5.3. Khí hậu 5.4. Thủy văn 5.5. Các đối cảnh quan tự nhiên * Nội dung bài tập: (1 tiết) Vẽ và phân tích các biểu đồ khí hậu; Tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ dựa vào kinh vĩ độ của châu Úc. * Nội dung thảo luận: (1 tiết) Chứng minh và giải thích sông ngòi châu Úc kém phát triển. * Nội dung thực hành: (2 tiết) Vẽ một số bản đồ khung châu Úc, sau đó dựa bản đồ tự nhiên châu Úc (bản đồ treo tường	- Hình thức: Trực tiếp; - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận.	A1, A2, A3, A4, A6, A7	[1], Tập 2, Chương 6, mục A; [2]; [3]; [4];

	hoặc tập bản đồ thế giới), hãy xác định, đánh dấu và ghi tên các đối tượng địa lí tự nhiên: các dãy núi, đỉnh núi, sông, hồ, sơn nguyên, đồng bằng, bồn địa, khoáng sản chính. * Kiểm tra bài định kì số 2			
LLO25 ,26,27	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)		A1	[1], Tập 2, Chương 6, mục A; [2]; [3]; [4];...

Chương 6: Châu Nam Cực

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13 ,14,15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (3 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) 6.1. Đặc điểm địa chất và địa hình 6.2. Đặc điểm thời tiết và khí hậu 6.3. Đặc điểm giới sinh vật Hình thức tổ chức dạy học: Thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận cá nhân hoặc nhóm. Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, nghe giảng, ghi chép, làm bài và trả lời câu hỏi.	- Hình thức: Trực tiếp; - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận	A1, A7	[1], Tập 2, Chương 5, mục A; [2]; [3]; [4];
LLO13 ,14	B. Nội dung tự học: (15 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết của chương ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...)	SV tự tìm hiểu	A1	[1], Tập 2, Chương 5, mục A; [2]; [3]; [4];...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành nội dung vẽ các lược đồ tự nhiên do giảng viên yêu cầu ở các chương.
- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung mà giảng viên yêu cầu; nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì theo hình thức, đáp án và thang điểm của giảng viên đưa ra.
- Bài thi kết thúc học phần: Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần có đáp án đề thi và Rubric đánh giá vấn đáp theo quy định chung của Trường.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	05	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1,2,3,4,5
4	A4. Thảo luận nhóm	05	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1,2,3,5,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 01	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3
6	A5. Bài kiểm tra định kì 02	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (10 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 -64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận nhóm (05%)					
	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng (Mỗi bài kiểm tra định kì: 10%)					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Phi Hạnh và nnk (2009), *Địa lí các châu lục, tập I và II*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Quý Thao (2006), *Tập bản đồ thế giới và các châu lục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Đình Giang (2000), *Giáo trình thực hành địa lý tự nhiên các lục địa*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), *Địa lí các lục địa, tập I và II*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: **ĐỊA LÍ KINH TẾ- XÃ HỘI THẾ GIỚI**
ECONOMIC SOCIAL WORLD
GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59WSG331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33		65
2	Bài tập	10		30
3	Thảo luận	10		
4	Kiểm tra đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Địa lí Việt Nam và Thế giới; Khoa: Địa Lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	0918203929	nguyetntm.geog@tnue.edu.vn
2	TS. Vũ Văn Anh	0912 687173	anhvv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, dân cư-xã hội của châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ.

CO2: Phân tích được đặc trưng cơ bản về địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội của châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ.

CO3: Đánh giá được vấn đề dân cư, lịch sử, văn hóa; Sự phát triển kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ của châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ.

CO4: Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của VTĐL, ĐKTN và TNTN đối với sự phát triển KT-XH châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ.

CO5: Phân tích và so sánh được những thế mạnh và hạn chế giữa các châu lục trong phát triển kinh tế- xã hội.

* Về kỹ năng

CO6: Củng cố và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá sự vật và hiện tượng địa lí, nhất là địa lí KT-XH.

CO7: Sử dụng thành thạo bản đồ, đồ thị, số liệu thống kê, tư liệu để thu thập, xử lý thông tin.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO9: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Địa lí kinh tế- xã hội thế giới, gồm 5 chương: Chương 1. Khái quát chung về địa lí kinh tế- xã hội châu Á; Chương 2. Khái quát chung về địa lí kinh tế- xã hội châu Âu; Chương 3. Khái quát chung về địa lí kinh tế- xã hội châu Phi; Chương 4. Khái quát chung về địa lí kinh tế- xã hội châu Mỹ; Chương 5. Khái quát chung về địa lí kinh tế- xã hội châu Đại Dương.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ -XÃ HỘI CHÂU Á				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO,2 1	1.1. Khái quát chung châu Á 1.1.1. VTDL, đặc điểm môi trường tự nhiên và TNTN 1.1.1.1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ 1.1.1.2. Điều kiện tự nhiên và TNTN	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A6	Tài liệu học tập [2] <i>chương 1</i> Tài liệu tham khảo [4,5]
LLO3- 6	1.1.2. Đặc điểm dân cư - xã hội 1.1.2.1. Dân cư 1.1.2.2. Xã hội 1.1.3. Kinh tế 1.1.3.1. Quá trình phát triển 1.1.3.2. Các ngành kinh tế 1.1.4. Sự phân hóa lãnh thổ kinh tế- xã hội châu Á 1.2. Tìm hiểu quốc gia tiêu biểu 1.2.1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 1.2.1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và TNTN 1.2.1.2. Dân cư và xã hội 1.2.1.3. Các ngành kinh tế 1.2.1.4. Sự phân hóa lãnh thổ kinh tế 1.2.1.5. MQH Việt Nam- Trung Quốc	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Báo cáo bài tập cá nhân - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A2, A7	Tài liệu học tập [2] <i>chương 1</i> Tài liệu tham khảo [4,5]
LLO1- 6	B. Nội dung tự học: (22 tiết) - Thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài tập cá nhân	Sinh viên thu thập, xử lý tài liệu, số liệu	A1	Tài liệu học tập [2] <i>chương 1</i>

	- Thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài tập nhóm - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	phục vụ cho bài tập các nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận.		Tài liệu tham khảo [4,5]
--	--	--	--	--------------------------

Chương 2: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ -XÃ HỘI CHÂU PHI				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (7 tiết) * Bài tập (1 tiết), *Thảo luận (2 tiết) 2.1. Khái quát chung châu Phi 2.1.1. VTĐL, đặc điểm môi trường tự nhiên và TNTN 2.1.1.1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ 2.1.1.2. Điều kiện tự nhiên và TNTN	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A7	Tài liệu học tập [2] <i>chương 2</i> Tài liệu tham khảo [4,5]
LLO3, 6	2.1.2. Đặc điểm dân cư - xã hội 2.1.2.1. Dân cư 2.1.2.2. Xã hội 2.1.3. Kinh tế 2.1.3.1. Quá trình phát triển 2.1.3.2. Các ngành kinh tế 2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội 2.1.4. Sự phân hóa lãnh thổ kinh tế- xã hội châu Phi	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Báo cáo bài tập nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A3, A7	Tài liệu học tập [2] <i>chương 2</i> Tài liệu tham khảo [4,5]
LLO1- 6	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài tập thảo luận - củng cố các nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kì - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	Sinh viên tự nghiên cứu	A1	Tài liệu học tập [2] <i>chương 2</i> Tài liệu tham khảo [4,5]

Chương 3: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ -XÃ HỘI CHÂU ÂU				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1,2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) * Bài tập (3 tiết), * Thảo luận (2 tiết) 3.1. Khái quát chung về châu Âu <u>3.1.1. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</u> <u>3.1.1.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ</u> <u>3.1.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</u>	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A5, A7	Tài liệu học tập [1] chương 1 Tài liệu tham khảo [3]
LLO3	<u>3.1.2. Đặc điểm dân cư, xã hội và chế độ chính trị</u> <u>3.1.2.1. Đặc điểm dân cư</u> <u>3.1.2.2. Đặc điểm xã hội</u> <u>3.1.2.3. Chế độ chính trị ở châu Âu</u>	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A5, A7	Tài liệu học tập [1] chương 1 Tài liệu tham khảo [3]
LLO4-7	<u>3.1.3. Kinh tế</u> <u>3.1.3.1. Tổng quan nền kinh tế</u> <u>3.1.3.2. Các ngành kinh tế</u> <u>1.1.4. Sự phân hóa các khu vực kinh tế - xã hội ở châu Âu</u>	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A5, A7	Tài liệu học tập [1] chương 1 Tài liệu tham khảo [3]
LLO1,7	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Thu thập, xử lí tài liệu hoàn thành bài tập thảo luận - củng cố các nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kì - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	Sinh viên tự nghiên cứu.	A1	Tài liệu học tập [1] chương 1 Tài liệu tham khảo [3]
LLO1,7	Bài kiểm tra định kì số 1 (1 tiết)		A5	
Chương 4: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI CHÂU MỸ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) <i>* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (8 tiết)</i> <i>* Bài tập (1 tiết),</i> <i>* Thảo luận (2 tiết)</i> 4.1. Khái quát chung về châu Mỹ 4.1.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ 4.1.1.1. Vị trí địa lí 4.1.1.2. Phạm vi lãnh thổ 4.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A7	[Tài liệu học tập [1] chương 2 Tài liệu tham khảo [3]
LLO3,4	4.1.3. Dân cư - xã hội 4.1.3.1 Dân cư 4.1.3.2. Xã hội	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Báo cáo bài tập nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A4, A7	Tài liệu học tập [1] chương 2 Tài liệu tham khảo [3]
LL04-6	4.1.4. Kinh tế 4.1.4.1. Châu Mỹ là châu lục có nền kinh tế lớn và giàu có nhất thế giới (Bắc Mỹ) 4.1.4.2. Sản xuất hàng hoá đã trở thành tập quán phổ biến của các nước châu Mỹ 4.1.4.3. Châu Mỹ nói chung là nơi có mức độ tập trung kinh tế cao 4.1.4.4. Kinh tế châu Mỹ phát triển rất chênh lệch giữa các nước 4.1.4.5. Sự phát triển kinh tế của châu Mỹ gây ra nhiều vấn đề về xã hội và môi trường 4.1.4.6. Trong xu thế toàn cầu hoá, các nước châu Mỹ đã liên kết với nhau để giải quyết các vấn đề kinh tế- xã hội 4.1.5. Sự phân hóa lãnh thổ 4.1.6. Tìm hiểu Khu vực Mỹ La Tinh 4.1.6.1. Vị trí địa lí 4.1.6.2. Điều kiện tự nhiên và TNTN 4.1.6.3. Dân cư - xã hội và chế độ chính trị	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Báo cáo bài tập nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A4, A7	Tài liệu học tập [1] chương 2 Tài liệu tham khảo [3]

	4.1.6.4. Kinh tế 4.1.6.5. MQH Việt Nam- Mỹlatinh			
LLO1-10	B. Nội dung tự học: (22 tiết) - Thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài tập thảo luận - củng cố các nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kì - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	Sinh viên tự nghiên cứu.	A1	Tài liệu học tập [1] chương 2 Tài liệu tham khảo [3]
Chương 5: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ -XÃ HỘI CHÂU ĐẠI DƯƠNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Đánh giá	
LLO1,3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (3 tiết) * Bài tập (2 tiết), *Thảo luận (2 tiết) 5.1. Khái quát chung về châu Đại dương 5.1.1. Khái quát chung về châu Đại Dương 5.1.2. Dân cư – xã hội 5.1.3. Kinh tế	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A6, A7	Tài liệu học tập [1] chương 3 Tài liệu tham khảo [3]
LLO4,6	5.2. Một số các quốc gia cụ thể 5.2.1. Ôxtraylia 5.2.1.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ 5.2.1.2. Điều kiện tự nhiên và TNTN 5.2.1.3. Dân cư - xã hội 5.2.1.4. Hiện trạng phát triển kinh tế 5.2.1.5. MQH Việt Nam- Ôxtraylia 5.2.2. Các đảo châu Đại Dương	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề.	A1, A6, A7	Tài liệu học tập [1] chương 3 Tài liệu tham khảo [3]
LLO1,8	B. Nội dung tự học (14 tiết) -Tìm hiểu nền kinh tế biển của các nước châu Đại Dương -Tìm hiểu về xuất khẩu giáo dục của Ôxtraylia	Sinh viên tự nghiên cứu.	A1	Tài liệu học tập [1] chương 3 Tài liệu tham khảo [3]
LLO1,8	Bài kiểm tra định kì số 2 (1 tiết)		A6	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ bài tập, thảo luận; chuẩn bị cho bài học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm, 01 bài tiểu luận. (01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm báo cáo trước lớp, 01 bài tập tiểu luận nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên)

- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp. Bài tập

- Các yêu cầu khác: Có đầy đủ học liệu phục vụ cho môn học như Atlas địa lý thế giới, thường xuyên cập nhật số liệu mới liên quan đến nội dung môn học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-11
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-9
4	A4. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì (1)	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
6	A6. Bài kiểm tra định kì (2)	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-11

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80%

					nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài tập nhóm (05 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Ý kiến đóng góp		Không hoặc rất ít ý kiến	Thỉnh thoảng đưa ra ý kiến	Thường xuyên đưa ra ý kiến	Luôn đóng góp ý kiến
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng sản phẩm giao nộp	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác tốt với GV và bạn học	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Thị Minh Nguyệt, *giáo trình Địa lí kinh tế-xã hội thế giới 1 (châu Âu, châu Mỹ, châu Đại Dương)*, NXB Đại học Thái Nguyên, 2021.

[2] Ths. Thân Thị Huyền (2016), *Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 2 (phần châu Á và châu Phi)*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Địa lí kinh tế-xã hội châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương*, NXB Giáo dục, Hà Nội

[4] Bùi Thị Hải Yến (2011), *Địa lí kinh tế-xã hội châu Á*, NXB Giáo dục, Hà Nội

[5]. Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh (2008), *Giáo trình Địa lí các châu lục (tập 2)*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.3. Website (nếu có)

Data.worldbank.org

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM
NATURAL GEOGRAPHY VIETNAM
MÃ HỌC PHẦN: 59NGV331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33	0	65
2.	Bài tập	5	0	30
3.	Thực hành	10	0	
4.	Thảo luận	5	0	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		55	0	95

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và thế giới; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Phạm Thu Thủy	0913844417	thuypt.geog@tnue.edu.vn
2.	TS Đào Duy Minh	0865200487	minhdd@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật); Đặc điểm tự nhiên của các miền, các khu vực địa lý tự nhiên ở Việt Nam

CO2: Hiểu được nguyên nhân, cơ chế hình thành và phát triển của các thành phần tự nhiên Việt Nam. So sánh được sự khác biệt về đặc điểm tự nhiên giữa các miền tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam.

CO3: Đánh giá được mối liên hệ và sự tác động qua lại giữa các thành phần của tự nhiên Việt Nam.

* Về kỹ năng:

CO4: Vẽ được các dạng lược đồ, biểu đồ thể hiện đặc điểm của các thành phần tự nhiên Việt Nam.

CO5: Khai thác và phân tích được thông tin trên bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu về Địa lý tự nhiên Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Hình thành tình yêu quê hương đất nước; ý thức chủ quyền biển đảo; ý thức bảo vệ môi trường, thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu; ý thức khai thác tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên.

CO7: Hình thành năng lực thuyết trình, giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm và năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin,...

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Địa lý tự nhiên Việt Nam gồm 5 chương. Chương 1,2,3 nghiên cứu về đặc điểm của từng thành phần tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm: Địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Chương 4 nghiên cứu đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam và những nội dung liên quan đến sử dụng và bảo vệ các tổng thể tự nhiên một cách hợp lý và bền vững. Chương 5 nghiên cứu về đặc điểm tự nhiên của các miền tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ và địa hình Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2,3,4,5,8,9,10,11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lý thuyết: (10 tiết) 1.1. Vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ Việt Nam 1.1.1. Vị trí địa lý 1.1.2. Lãnh thổ và biên giới 1.1.3. Ý nghĩa của vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ 1.2. Lịch sử phát triển tự nhiên 1.2.1. Lịch sử phát triển 1.2.2. Sự hình thành khoáng sản	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn	A1, A7	[1] Chương 1,2

	1.3. Địa hình Việt Nam 1.3.1. Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam 1.3.2. Các kiểu địa hình 1.3.2. Các khu vực địa hình	đề; Thảo luận nhóm.		
LLO5, 12	* Thảo luận (01 tiết) Ý nghĩa của vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ đối với tự nhiên và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thảo luận nhóm.	A1,A2	
LLO9, 10	* Thực hành (06 tiết) - Vẽ lược đồ Việt Nam, xác định vị trí, ranh giới lãnh thổ Việt Nam phần đất liền và vị trí một số đảo và quần đảo trên biển Đông - Vẽ lược đồ phân bố một số khoáng sản chính ở Việt Nam. - Vẽ lược đồ lãnh thổ Việt Nam phần đất liền. Xác định trên lược đồ các dạng địa hình chính	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Đàm thoại; Sử dụng phương tiện trực quan.	A1,A3	
LLO3,4	* Bài tập: (01 tiết) Dựa vào bài giảng kết hợp với bản đồ tự nhiên Việt Nam, lập bảng so sánh đặc điểm địa hình giữa các khu vực núi, các khu vực đồng bằng	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại.	A1,A4	
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam; lịch sử phát triển tự nhiên VN, địa hình VN. - Hoàn thành bài tập thực hành - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] Chương 1,2
Chương 2: Khí hậu và Thủy văn Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2, 4,6,10, 11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (08 tiết) 2.1. Khí hậu Việt Nam 2.1.1. Các nhân tố tác động	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thuyết trình	A1, A5, A7	[1] Chương 3

	2.1.2. Đặc điểm chung của khí hậu 2.2. Thủy văn Việt Nam 2.2.1. Đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam 2.2.2. Các hệ thống sông chính 2.2.3. Hồ và nước ngầm 2.2.4. Đặc điểm hải văn biển Đông Việt Nam	kết hợp sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm		
LLO9, 10	* Thực hành (02 tiết) - Vẽ lược đồ lãnh thổ Việt Nam phần đất liền, kết hợp Atlas xác định trên lược đồ các hệ thống sông chính của Việt Nam.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Đàm thoại; Sử dụng phương tiện trực quan.	A1,A3	
LLO3,4, 10	* Bài tập: (04 tiết) - Vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa theo số liệu quan trắc tại 3 trạm khí tượng: Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh. Nhận xét, phân tích và so sánh sự diễn biến của các biểu đồ đó. - Vẽ biểu đồ lượng mưa và lưu lượng dòng chảy tại lưu vực 3 sông: sông Hồng, sông Cả, sông Cửu Long. Nhận xét, phân tích và so sánh sự diễn biến của các biểu đồ đó.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp Sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại.	A1,A4	
	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về khí hậu và thủy văn Việt Nam. - Hoàn thành bài tập vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] Chương 3
Chương 3: Thổ nhưỡng và Sinh vật Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2, 4,7,10, 11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (06 tiết) * Nội dung lí thuyết: (04 tiết) 3.1. Thổ nhưỡng Việt Nam 3.1.1. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng Việt Nam 3.1.2. Các loại đất chính ở Việt Nam 3.2. Sinh vật Việt Nam 3.2.1. Đặc điểm chung của giới sinh vật VN	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại; Dạy học	A1, A7	[1] Chương 4

	3.2.2. Các hệ sinh thái chính ở Việt Nam	dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm		
LLO9, 10	* Thực hành (02 tiết) Xác định vị trí của các Vườn Quốc gia trên bản đồ lãnh thổ Việt Nam. Ghi tên tỉnh, thành phố mà các VQG đó trực thuộc.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Đàm thoại; Sử dụng phương tiện trực quan.	A1,A3	
	B. Nội dung tự học: (09 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam. - Hoàn thành bài tập xác định vị trí của các Vườn Quốc gia trên bản đồ lãnh thổ Việt Nam. - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] Chương 4
Chương 4: Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam và bảo vệ tự nhiên Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2, 3,4,10, 11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (08 tiết) * Nội dung lí thuyết: (04 tiết) 4.1. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam 4.1.1. Đồi núi là bộ phận quan trọng của lãnh thổ Việt Nam 4.1.2. Việt Nam là nước có tính biển lớn 4.1.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa 4.1.4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng 4.2. Bảo vệ tự nhiên Việt Nam 4.2.1. Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. 4.2.2. Bảo vệ các tổng thể tự nhiên.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm	A1,A6, A7	[1] Chương 1,5
LLO8, 12	* Thảo luận (04 tiết) Sự suy thoái và vấn đề khai thác, bảo vệ các nguồn tài nguyên: rừng, đất, nước, biển ở Việt Nam.	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thảo luận nhóm.	A1,A2	
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập thực hành, bài	A1	[1] Chương 1,5

		tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.		
Chương 5: Các miền tự nhiên ở Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2,3,4,10,11,12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (09 tiết) * Nội dung lý thuyết: (09 tiết) 5.1. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ 5.2. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ 5.3. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ	- Hình thức dạy học: Trực tiếp - Phương pháp: Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan; Đàm thoại; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm	A1, A7	[2] Chương 3,4
	B. Nội dung tự học: (18 tiết) Đọc tài liệu [3] Yêu cầu sinh viên: Nhớ được đặc điểm của từng khu vực địa lý tự nhiên trong các miền tự nhiên ở nước ta.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu của GV.	A1	[2] Chương 3,4

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu. nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài tập: Hoàn thành toàn bộ bài tập của các chương.
- Bài kiểm tra định kì: Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	----------	---------	-------------------	------------

		điểm (%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-7
2	A2. Thảo luận nhóm	05	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 3,5,6,7
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 4,5,6
4	A4. Bài tập cá nhân	05	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,5
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp/Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thảo luận nhóm (5 %)					
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Thời gian tham gia họp nhóm		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia nhóm	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa chủ động	Chủ động tham gia	Rất tích cực tham gia
Chất lượng sản phẩm thảo luận	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày kết quả thảo luận	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày chưa rõ ràng.	Trình bày khá rõ ràng, đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít sự phối hợp, hỗ trợ	Phối hợp, hỗ trợ ở mức trung bình	Tích cực phối hợp, hỗ trợ	Rất tích cực phối hợp, hỗ trợ hỗ trợ
Thực hành (10 %)					
Tham gia thực hành trên lớp	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Vắng trên 50% tiết thực hành trên lớp	Vắng từ 30-50% tiết thực hành trên lớp	Vắng từ 20-29% tiết thực hành trên lớp	Vắng dưới 20% tiết thực hành trên lớp
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả bài thực hành	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Báo cáo thực hành đúng yêu cầu		Đáp ứng được dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài tập cá nhân (05 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Thu Thủy, Đào Duy Minh (2023), Giáo trình Địa lí tự nhiên Việt Nam 1, NXB Đại học Thái Nguyên.

[2]. Đặng Duy Lợi (chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu (2015), *Giáo trình Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (phần khu vực)*, NXB Đại học Sư Phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đặng Duy Lợi (chủ biên), Nguyễn Thị Kim Chương, Đặng Văn Hương, Nguyễn Thục Nhu (2016), *Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (phần đại cương)*, NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Atlas địa lí Việt Nam (2020), NXB Giáo dục, Công ty bản đồ - tranh ảnh giáo khoa, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Thị Kim Chương (2003), *Địa lí tự nhiên đại cương 3: Thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí chung của Trái đất*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

- [6]. Nguyễn Thị Hồng (2014), giáo trình Địa lí tự nhiên đại cương 1, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7]. Nguyễn Thị Hồng (2014), giáo trình Địa lí tự nhiên đại cương 2, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8]. Vũ Tự Lập (2012), Địa lý tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.
- [9]. Vũ Tự Lập (chủ biên), Nguyễn Văn Âu, Nguyễn Kim Chương, Nguyễn Thục Nhu, Trịnh Sanh (2012), Địa lí tự nhiên Việt Nam (phần đại cương), Trường ĐHSP Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM
ECONOMIC – SOCIAL GEOGRAPHY OF
VIET NAM

MÃ HỌC PHẦN: 59VSG341

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	43		95
2.	Bài tập	10		30
3.	Thực hành	10		
4.	Thảo luận	10		
5.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		75		125

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh:
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và Thế giới; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Dương Quỳnh Phương	0983022774	phuongdq@tnue.edu.vn
2	TS. Nghiêm Văn Long	0395313947	longnvgeo@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Phân tích được các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam

CO2: Phân tích được đặc điểm dân cư, dân tộc của Việt Nam

CO3: Phân tích được tổng quan nền kinh tế Việt Nam và đánh giá được vai trò của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ

CO4: Đánh giá được lợi thế và hạn chế của nguồn lực trong phát triển kinh tế và phân tích được thực trạng phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

CO5: Vận dụng các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, các ngành kinh tế của Việt Nam vào nghiên cứu những vấn đề tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế

*** Về kĩ năng:**

CO6: Sử dụng và thành lập các lược đồ, bản đồ, biểu đồ thể hiện các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam; các ngành kinh tế, các vùng kinh tế

CO7: Phân tích bảng số liệu thống kê, xử lý số liệu và vẽ các biểu đồ, các lược đồ phân bố và hiện trạng phát triển của từng ngành kinh tế, các vùng kinh tế.

CO8: Kĩ năng làm việc nhóm và thuyết trình, phản biện các vấn đề liên quan đến nguồn lực phát triển kinh tế và các lĩnh vực kinh tế, các vùng kinh tế của đất nước.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO9: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng các nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO10: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong môn học Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam I bao gồm 04 chương. Chương 1: Phần khái quát, trong đó đề cập đến về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của đất nước; Đặc điểm khái quát nền kinh tế - xã hội của Việt Nam; Chương 2 gồm các vấn đề chính: sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, vấn đề bảo vệ môi trường. Chương 3: Địa lí dân cư Việt Nam, với các nội dung: Dân số và sự biến động dân số; Lao động và vấn đề việc làm; Quần cư và đô thị hóa; Chất lượng cuộc sống; Cộng đồng các dân tộc Việt Nam... Chương 4: Các ngành kinh tế của Việt Nam, bao gồm từng lĩnh vực kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Chương 5: Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế - xã hội.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Khái quát				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (07 tiết) * Nội dung lí thuyết (5 tiết)	Dạy học trực tiếp	A1, A2, A7	[1] Chương 1

	1.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ - Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 1.2. Khái quát đặc điểm tự nhiên Việt Nam 1.3. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội Việt Nam 1.4. Việt Nam trên con đường Đổi mới và Hội nhập	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình; thảo luận		[2]
LLO 1,2	* Nội dung thực hành (2 tiết) - Vẽ lược đồ Việt Nam, xác định hệ toạ độ và biên giới quốc gia trên đất liền; trên biển - Vẽ sơ đồ vùng biển theo luật biển quốc tế - Sử dụng phần mềm google earth và google map để xác hệ toạ độ, các điểm cực và biên giới quốc gia trên đất liền; trên biển	Thuyết trình, thực hành, thảo luận; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	A1,A4, A7	[1] Chương 1 [4] [7]
	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào nội dung bài học - Truy cập https://data.worldbank.org/ để thu thập, tổng hợp thông tin về nền kinh tế Việt Nam so với các nước/ khu vực - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam qua các năm	SV tìm hiểu và học tập trên Internet và tương tác với giáo viên và các bạn qua nhóm zalo hoặc zoom		[2] [3]
Chương 2: Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 5,6,7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Đặc điểm chung 2.2. Đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 2.3. Tiềm năng và tình hình sử dụng một số loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu	Dạy học trực tiếp Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết	A1, A2, A4, A7	[1] Chương 2 [2]

	2.4. Vấn đề sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	trình; thảo luận; dạy học dự án		
LLO 7,8	* Nội dung thảo luận (2 tiết) - Phân tích các mối liên hệ không gian giữa các đối tượng địa lí, các nguồn tài nguyên quan trọng đối với sự phát triển của khu vực miền núi/ đồng bằng/ ven biển. - Đề xuất các hoạt động giáo dục trong nhà trường với các chủ đề về việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Thuyết trình, thực hành, thảo luận;	A1,A4, A5, A7	[1] Chương 2 [4] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (21 tiết) - SV đọc tài liệu về định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam; Các vấn đề cần ưu tiên phát triển bền vững (Truy cập các trang Web chính thống trên Internet) - SV đọc tài liệu kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững .- Tìm các video, tư liệu về việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường			[2] [3] [8]
Chương 3: Địa lí dân cư Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 9-15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 3.1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam 3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 3.1.2. Thành phần dân tộc và phân bố dân tộc 3.1.3. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc 3.2. Dân số 3.2.1. Quy mô dân số, biến động dân số 3.2.1. Cơ cấu dân số	Dạy học trực tiếp Phương pháp: thuyết trình, giảng giải, đàm thoại; dạy học dự án;	A1, A3, A5, A7	[1] Chương 3 [2]

	3.2.3. Phân bố dân cư 3.3. Lao động và việc làm của Việt Nam 3.3.1. Nguồn lao động 3.3.2. Vấn đề việc làm 3.4. Quần cư và đô thị hóa 3.5. Chất lượng cuộc sống dân cư	dạy học trải nghiệm		
LLO 13-16	* Nội dung bài tập (3 tiết), thảo luận (3 tiết) - Làm các bài tập về dân số (tỉ suất sinh/ tử/ tổng tỉ suất sinh/ gia tăng cơ học...); năng suất lao động; thu nhập và mức sống dân cư; chỉ số HDI. - Phân tích nguyên nhân và giải pháp xóa đói giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc - Scan vẽ lược đồ phân bố dân tộc theo các nhóm ngôn ngữ; lược đồ phân vùng văn hoá Việt Nam. - Dựa trên lược đồ, xác định các mối liên hệ sinh thái - tộc người trên mỗi vùng cảnh quan nhất định - Đề xuất các hoạt động giáo dục trong nhà trường với các chủ đề về giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc - Viết báo cáo về các vấn đề dân cư, dân tộc	Thuyết trình – báo cáo, thực hành; Thảo luận	A1,A3, A4, A7	[1] Chương 3 [4] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - SV đọc tài liệu về văn hóa các dân tộc Việt Nam; Các vùng văn hóa - Truy cập gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp các số liệu về dân cư, dân tộc Truy cập https://data.worldbank.org/ để thu thập, tổng hợp thông tin về chất lượng cuộc sống của dân cư Việt Nam so với các nước/ khu vực - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về dân số, nguồn nhân lực, vấn đề việc làm, vấn đề đô thị hóa của Việt Nam qua các năm	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		[2] [3] [8]
Kiểm tra định kì (01 tiết)			A5	
Chương 4. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế				

	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 13-18	A. Nội dung thực hiện trên lớp (22 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 4.1. Ngành nông – lâm - thủy sản Việt Nam 4.1.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành nông – lâm - thủy sản 4.1.2. Vai trò của ngành nông lâm thủy sản trong nền kinh tế Quốc dân 4.1.3. Ngành nông nghiệp 4.1.4. Ngành lâm nghiệp 4.1.5. Ngành thủy sản 4.1.6. Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của Việt Nam 4.1.7. Các vùng nông nghiệp sinh thái 4.2. Ngành công nghiệp Việt Nam 4.2.1.Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành công nghiệp 4.2.2.Vai trò của ngành công nghiệp trong nền kinh tế Quốc dân 4.2.3.Các ngành công nghiệp chủ yếu của Việt Nam 4.2.4. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Việt Nam 4.3. Ngành dịch vụ của Việt Nam 4.3.1. Vai trò của ngành dịch vụ trong đời sống xã hội 4.3.2. Đặc điểm tổ chức lãnh thổ dịch vụ 4.3.3. Hiện trạng phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ chủ yếu	Dạy học trực tiếp Phương pháp: thuyết trình, giảng giải, đàm thoại; dạy học dự án; dạy học trải nghiệm; Thảo luận	A1, A2, A7	[1] Chương 4 [2] [4]
LLO 11-18	* Nội dung thực hành (3 tiết), bài tập (3 tiết), thảo luận (4 tiết) - Phân tích, tổng hợp, xử lí các số liệu thống kê về quy mô, tốc độ tăng trưởng, giá trị sản xuất, cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp và ngành công nghiệp trọng điểm - Phân tích mối quan hệ giữa các ngành với nguồn tài nguyên; nguồn nhân lực.	Thuyết trình – báo cáo, thực hành; Thảo luận; Trải nghiệm ngoài thực địa	A1,A3, A4, A7	[1] Chương 4 [4] [7] [8]

	- Đi thực địa tại nơi trồng và chế biến chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên - Cập nhật số liệu, xử lý số liệu, tổng hợp số liệu về các ngành kinh tế			
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - SV đọc tài liệu Địa lí ngành nông nghiệp Việt Nam; Địa lí ngành công nghiệp Việt Nam; Địa lí ngành du lịch Việt Nam (tài liệu có trên thư viện) - Truy cập gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp các số liệu về các ngành kinh tế - Truy cập https://data.worldbank.org/ để thu thập, tổng hợp thông tin về các ngành kinh tế Việt Nam - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về các ngành kinh tế của Việt Nam qua các năm (chinhphu.vn; tạp chí kinh tế Việt Nam....)	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		[5] [6] [8]
	Chương 5. Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế - xã hội Việt Nam			
LLO 8, 10, 15-18	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (14 tiết) 5.1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ 5.1.1. Nguồn lực phát triển của vùng 5.1.2 Thực trạng phát triển 5.1.3. Định hướng phát triển 5.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng 5.2.1. Nguồn lực phát triển của vùng 5.2.2 Thực trạng phát triển 5.2.3. Định hướng phát triển 5.3. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 5.3.1. Nguồn lực phát triển của vùng 5.3.2 Thực trạng phát triển 5.3.3. Định hướng phát triển 5.4. Tây Nguyên 5.4.1. Nguồn lực phát triển của vùng 5.4.2 Thực trạng phát triển 5.1.3. Định hướng phát triển 5.5. Đông Nam Bộ 5.5.1. Nguồn lực phát triển của vùng	Dạy học trực tiếp Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải, sử dụng phương tiện dạy học trực quan, ứng dụng CNTT trong dạy học	A1,A3, A7	[2] Chương 5 [4] [6] [8] [2]

- Bài tập thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 3,4 nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: 02 bài
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7.Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO2-10
2	A2. Bài tập/ tiểu luận	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân, tiểu luận	CLO1-8
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
6	A6. Bài kiểm tra định kì	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO5-8
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập/ tiểu luận (10 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64%	Thực hiện được 65 - 79%	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp

đáp ứng yêu cầu		ứng dưới 50% yêu cầu.	nhiệm vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài thực hành (5 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận nhóm (5 %)					

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Dương Quỳnh Phương (2011), *Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Phần 1)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Dương Quỳnh Phương, Nghiêm Văn Long, Phạm Thu Thủy (2016), *Đại cương Địa lí Việt Nam*, NXB Đại học Thái Nguyên

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Vũ Tự Lập, *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm 2012.
- [4]. Nguyễn Xuân Trường, Dương Quỳnh Phương (2015), *Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Các vùng kinh tế)*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
- [5]. Lê Thông (chủ biên) và nnk (2011), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, (tái bản lần thứ 5).
- [6]. Tổng cục thống kê, *Niên giám Thống kê các năm*, NXB Thống kê, Hà Nội (gso.gov.vn)
- [7]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2013), *Địa lý nông lâm thủy sản Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.
- [8]. Mạng Internet:
- Tổng cục thống kê Việt Nam: [http:// www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)
 - Tổng cục du lịch: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>
 - Bộ Công nghiệp: <http://www.moit.gov.vn>
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam: [http:// www.mov.gov.vn](http://www.mov.gov.vn)
 - <https://data.worldbank.org/>

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1
WORLD HISTORY PART-1

MÃ HỌC PHẦN: 59 WHP 231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		70
2.	Bài tập	6		26
3.	Thực hành	6		
4.	Thảo luận	6		
5.	Kiểm tra, đánh giá	02		

Tổng	54		96
------	----	--	----

- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Học phần tiên quyết: *Không*.
- Học phần học trước: *Không*.
- Học phần học song hành: Lịch sử Việt Nam 1 (59VHP331)
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam & thế giới; Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nghiêm Thị Hải Yến	0947071866	yennth@tnue.edu.vn
2.	TS. Hoàng Xuân Trường	0974908031	truonghx@tnue.edu.vn
3.	Ths. Nguyễn Thị Trang	0912153607	trangnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Có hệ thống kiến thức cốt lõi về các vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến thời kỳ cổ - trung đại.

* Về kỹ năng

CO2: Hình thành và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, báo cáo, sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, lược đồ...); kỹ năng biên tập và sử dụng video trong học tập, giảng dạy, tổ chức hoạt động dạy - học, quản lý lớp học.

CO3: Rèn luyện kỹ năng hướng dẫn người học tự nghiên cứu, sử dụng được các phương pháp trong nghiên cứu lịch sử, lập luận, nhìn nhận, đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có khả năng làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân, tư duy phản biện trước các vấn đề cần giải quyết.

CO5: Có ý thức trách nhiệm thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập; Đáp ứng yêu cầu đổi mới của môi trường học tập, nghiên cứu và giảng dạy các cấp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về sự hình thành và tiến hóa của loài người; lịch sử chính trị, kinh tế, văn hóa các quốc gia cổ đại và các quốc gia phong kiến. Học phần làm rõ về 3 hình thái kinh tế - xã hội trong tổng số 5 hình thái kinh tế - xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử loài người.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Xã hội nguyên thủy			
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2 LLO3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 1.1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy 1.2. Người tinh khôn và tổ chức xã hội nguyên thủy 1.3. Sự giải thể của xã hội nguyên thủy	- Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] chương 1 mục I, II, III [2], [5]
LLO3, LLO10	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1- Quá trình phát triển của các loại hình công cụ và tác dụng của nó đối với sự biến đổi của thể chế xã hội loài người?	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1: Đặc điểm của người Tối cổ và người tinh khôn 2: Những chuyển biến của xã hội loài người khi con người phát minh ra kĩ thuật chế tác công cụ đá mới. 3: Những chuyển biến của xã hội loài người khi con người phát minh ra công cụ lao động kim loại.	Làm vào vở bài tập cá nhân	A2	
	*Thực hành: (2 tiết) 1- Vẽ sơ đồ tư duy về quá trình tiến hóa của loài người. 2- Sơ đồ hóa về sự phát triển tổ chức xã hội loài người thời kỳ nguyên thủy đến khi hình thành giai cấp và nhà nước.	Thảo luận nhóm (Nhóm SV trình bày trên lớp)	A4	
LLO1, LL12	B. Nội dung tự học: (32 tiết) - Lý thuyết (24 tiết): + Quá trình giải thể của công xã nguyên thủy. + Cơ sở hình thành các La-ti-phun-đi-a ở Rô-ma cổ đại. + Đặc điểm lịch sử của nhà nước phương Đông cổ đại. - Bài tập (3 tiết): + Cách mạng đá mới là gì ? Tìm hiểu một số công trình khảo cổ tại Việt Nam. + Thành tựu khoa học tự nhiên của cư dân phương Đông, phương Tây thời cổ đại. - Thảo luận (3 tiết):	- SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc	A1	

	Sự chuyển biến toàn diện trong hoạt động kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của con người thời kì đá mới. - Thực hành (2 tiết): + Tự học và nhận diện được người Tỏi cổ và Tinh khôn qua quan sát mô hình . + Xem phim tư liệu theo đường links khoa học GV cung cấp làm rõ: Nguyên nhân xuất hiện các chủng tộc trên thế giới; Đời sống tinh thần của con người thời kỳ nguyên thủy.	chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.		
Chương 2: Lịch sử thế giới cổ đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4 LLO5 LLO6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 2.1.1. Điều kiện tự nhiên 2.1.2. Nền tảng kinh tế 2.1.3. Thể chế chính trị 2.1.4. Cơ cấu và quan hệ xã hội 2.1.5. Văn hóa phương Đông cổ đại 2.2 Các quốc gia cổ đại phương Tây 2.2.1. Điều kiện tự nhiên 2.2.2. Nền tảng kinh tế 2.2.3. Thể chế chính trị 2.2.4. Cơ cấu và quan hệ xã hội 2.1.5. Văn hóa phương Tây cổ đại	Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] chương 2 mục I,II, chương 3 mục I,II,III [2],[3]
LLO 4	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1-Sự tương đồng văn hóa của các quốc gia phương Đông cổ đại 2- Phân tích quá trình phát triển từ thị quốc phát triển thành đế quốc (Aten, Xpac, Rô-ma) ?	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Xây dựng nội dung thuyết trình về Văn hóa Hy Lạp và văn hóa Rô-ma	Làm vào vở bài tập cá nhân	A2	
	*Thực hành: (2 tiết) - Trình bày về Kim tự tháp gắn với nhận định “Mọi thứ đều sợ thời gian nhưng thời gian lại sợ Kim tự tháp	Thảo luận nhóm	A4	

	- Thuyết trình về các bộ luật thời cổ đại	(Nhóm SV trình bày trên lớp)		
LLO4 LLO5 LLO6	* Bài kiểm tra định kì số 1: (01 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV cần chuẩn bị nội dung chương 2.	- Làm bài kiểm tra điều kiện số 1	A5	
LLO4, LL11	B. Nội dung tự học: (32 tiết) - Lý thuyết (24 tiết): Nội dung và tác dụng của các cuộc cải cách ở các nước phương Tây cổ đại. - Bài tập (3 tiết): + Mô hình nhà nước và pháp luật của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây. + Tìm hiểu các tôn giáo lớn của phương Đông và phương Tây cổ đại. - Thảo luận (2 tiết): Vai trò của nô lệ với kinh tế, xã hội, văn hóa Rô-ma cổ đại. - Thực hành (3 tiết): Lập bảng so sánh giữa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.	- SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	
Chương 3: Lịch sử thế giới trung đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7 LLO8 LLO9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lý thuyết: (12 tiết) A – CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI 3.1. Phân kì lịch sử 3.2. Sơ kì trung đại Tây Âu	-Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân.	A1	[1] Phần thứ 2 mục A và B [4]

	3.2.1. Sự thành lập các quốc gia “<i>man tộc</i>” Giéc-man 3.2.2. Quá trình phong kiến hóa 3.2.3. Văn hóa Tây Âu thời Sơ kì 3.3. Trung kì trung đại 3.3.1. Thành thị trung đại 3.3.2. Cuộc đấu tranh thống nhất vương quyền 3.3.3. Văn hóa Tây Âu thời Trung kì 3.4. Hậu kì trung đại 3.4.1. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội. 3.4.2. Phát kiến địa lí 3.4.3. Đấu tranh giai cấp thời Hậu kì trung đại B – CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN CHÂU Á 3.5. Trung Quốc thời phong kiến 3.5.1. Thế thứ các triều đại phong kiến Trung Quốc và chính sách đối ngoại. 3.5.2. Những chính sách phát triển kinh tế đáng chú ý và tác dụng 3.5.3. Văn hóa Trung quốc thời trung đại 3.6. Ấn Độ thời phong kiến 3.6.1. Các giai đoạn lịch sử và đặc điểm lịch sử chế độ phong kiến 3.6.2. Văn hóa Ấn Độ thời phong kiến 3.7. Đông Nam Á thời phong kiến 3.7.1. Khái quát chung về Đông Nam Á 3.7.2. Các giai đoạn phát triển của Đông Nam Á thời phong kiến	- Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu		
LLO8 LLO14	* Nội dung thảo luận : (2 tiết) -Xây dựng phong tranh về một số tác phẩm Hội họa trong bài dạy về Văn hóa Phục Hưng thuộc chương trình lớp 10.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	[1] Phần thứ 2 mục A và B [4]

LLO11 LLO15				
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Các cuộc chiến tranh xâm lược nước ta của các triều đại phong kiến Trung Quốc (từ thế kỉ III TCN đến thế kỉ XVIII TCN) (4 nhóm) 2. Những thành tựu hoạt động kinh tế đáng chú ý thời Đường, Tống, Minh 3. Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến 4. Các thành tựu văn hóa Ấn Độ và Sự chuyển biến văn hóa Ấn Độ từ thế kỉ XIII.	Làm vào vở bài tập cá nhân, báo cáo kết quả trên lớp	A2	[1] Phần thứ 2 mục A và B [4]
	*Thực hành: (2 tiết) Lựa chọn 1 trong những bài tập sau: 1- Xây dựng Poster về Quá trình phong kiến hóa ở Tây Âu 2- Viết một đoạn thông báo về Đặc điểm của phường hội. 3- Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về các thành tựu của phong trào văn hóa Phục hưng?	Thảo luận nhóm (Nhóm SV trình bày trên lớp)	A4	[1] Phần thứ 2 mục A và B [4]
LLO7 LLO8 LLO9	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV cần chuẩn bị nội dung chương 3.	-Làm bài kiểm tra điều kiện số 2	A6	
LLO11	B. Nội dung tự học: (32 tiết) - Lý thuyết (22 tiết): + Vương quốc Phơ-răng là vương quốc quan trọng nhất trong các vương quốc “man tộc” Giec-man. + Quá trình nông dân hóa của người nông dân trên đất A- lơ.	- SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập	A1	[1] Phần thứ 2 mục A và B [4]

	- Bài tập (4 tiết): Phân tích cụ thể về hoàn cảnh ra đời, đặc điểm, nội dung, ý nghĩa và ảnh hưởng của các loại hình văn hóa truyền thống của Ấn Độ và Trung Quốc. - Thảo luận (3 tiết): Nông dân công xã Mác-cơ khác nông dân công xã ở các quốc gia phương Đông như thế nào ? - Thực hành (3 tiết): Tìm hiểu một số tác phẩm Văn học nổi tiếng trong phong trào Văn hóa Phục Hưng.	cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.		
--	--	--	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành: 2 bài kiểm tra định kỳ.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm theo yêu cầu tại mỗi chương học.

- Seminar: Hoàn thành bài thảo luận theo hướng dẫn và yêu cầu của GV; Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định.

- Nhiệm vụ tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân (tự học) nộp vào cuối kì.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1.Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,2,3,4,5,6,7
2	A2.Bài tập cá nhân	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,6,7
3	A3.Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1,2,3,4,6,7
4	A4.Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2,3,4,5,6,7

5	A5.Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,6
6	A6.Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,6
Thi kết thúc học phần					
7	A7.Vấn đáp	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
-Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Bài tập cá nhân (5%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, nộp chưa đúng hạn	Thực hiện 50 - 64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 65 - 79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 4	4 đến < 4	4 đến 5
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu

				tương đối tốt yêu cầu	
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (5%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến <2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến <1	1 đến <1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mặt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không tương tác bằng mặt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mặt và cử chỉ	Có tương tác bằng mặt và cử chỉ	Tương tác bằng mặt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưngchưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong

		trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	nhau trong khi báo cáo và trả lời	trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	khi báo cáo và trả lời
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6	0 đến <3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2	0 đến <1	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1.] Nghiêm Đình Vỹ (Chủ biên) (2000), *Lịch sử thế giới cổ trung đại*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Đặng Đức An (chủ biên) (2001), *Lịch sử thế giới Cổ đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Lương Ninh (chủ biên) (2001), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] Vũ Dương Ninh (2008), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, Tập 2, NXB, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[5] Phan Thanh Quang (2001), *Sự sống nguồn gốc và quá trình tiến hóa*, NXB KHXH, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ THẾ GIỚI 2

WORLD HISTORY PART-2

MÃ HỌC PHẦN: 59WHP332

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	34	70
2	Bài tập	6	26

3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	6	
5	Kiểm tra, đánh giá	02	
Tổng		54	96

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lịch sử Việt Nam & Thế giới; Khoa: Lịch sử.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Xuân Trường	0974908031	truonghx@tnue.edu.vn
2	TS. Nghiêm Thị Hải Yến	0947.071.866	yennth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

Kiến thức

CO1: Người học có được những kiến thức nền tảng, cốt lõi, mang tính hệ thống, chuyên sâu về những nội dung chính của lịch sử thế giới cận - hiện đại.

CO2: Đánh giá được những sự kiện, nhân vật lịch sử, nguồn gốc, quy luật vận động, xu hướng phát triển của lịch sử thế giới cận hiện đại để phục vụ cho quá trình học tập và công tác chuyên môn sau này.

CO3: Vận dụng được những kiến thức của lịch sử thế giới cận - hiện đại trong học tập và nghiên cứu các vấn đề thuộc hướng chuyên ngành lịch sử thế giới và liên ngành các khoa học lịch sử.

Kỹ năng

CO4: Thực hành được các phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản để giải quyết những vấn đề của lịch sử thế giới cận - hiện đại theo phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp luận Mác-xít - phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

CO5: Có được năng lực tư duy, sống và làm việc trong mối quan hệ tương tác với cá nhân, tập thể thông qua việc thường xuyên thực hiện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Người học có thái độ đánh giá đúng đắn, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết của lịch sử thế giới cận - hiện đại.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Lịch sử thế giới cận - hiện đại trình bày những kiến thức toàn diện, hệ thống tri thức lịch sử thế giới từ năm 1566 đến năm 2010 bao gồm: Lịch sử hình thành, phát triển của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thời kì cận - hiện đại; Phong trào đấu tranh chống xâm lược và phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh; Quá trình hình thành và những biến

chuyển của quan hệ quốc tế qua các giai đoạn lịch sử; Những thành tựu văn minh thời kì cận - hiện đại. Đồng thời, học phần cũng trang bị cho người học năng lực tư duy, kĩ năng và năng lực thực hành chuyên môn về lịch sử thế giới, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng chuyên môn phục vụ cho nhu cầu phát triển và hội nhập thế giới ngày một sâu rộng của Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Lịch sử chủ nghĩa tư bản thời kì cận - hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A.Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 1.1 Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII	Thuyết trình (của GV) kết hợp tranh luận	A1, A3	[1] [2] [6]
LLO1	1.2. Quá trình tiến tới toàn thắng của CNTB (nửa đầu thế kỉ XIX).	Thuyết giảng kết hợp trình chiếu.	A1	[1] [2] [6]
LLO1	1.3 Sự xác lập của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới (giữa thế kỉ XIX đến năm 1870)	Thuyết giảng kết hợp trình chiếu.	A1	[1] [2] [6]
LLO2	1.4 Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)	Thuyết trình	A1	[1] [2]
LLO3	1.5 Các nước tư bản giai đoạn 1919 – 1929	Thuyết trình	A1	[1] [4]
LLO3	1.6 Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 và lối thoát khỏi khủng hoảng của CNTB	Thuyết trình (của GV) kết hợp tranh luận	A1,A3	[1] [4]
LLO3	1.7 Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản từ 1945 đến nay	Thuyết trình	A1	[1] [4]
LLO4	1.8 Chủ nghĩa tư bản hiện đại.	Thuyết trình	A1	[1] [4]
LLO5	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Vận dụng được kiến thức đã học để soạn giảng và trình bày chủ đề CMTS và sự phát triển của CNTB trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông.	Thực hành	A4	[1] [2] [6]
LLO1 LLO3	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Đánh giá mặt tích cực và hạn chế của cách mạng tư sản và chủ nghĩa tư bản.	Thảo luận nhóm	A3	[1] [4]

	- Xây dựng chủ đề và trình bày về: Khủng hoảng kinh tế và cách thức ứng phó của từng nước qua các giai đoạn lịch sử từ 1945 – 2009.			
LLO1,2 3	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Thiết kế infographic về các giai đoạn hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản.	Bài tập cá nhân	A2	
LLO1	B. Nội dung tự học: (21 tiết) - Lý thuyết (15 tiết): Nguyên nhân sâu xa và tóm lược diễn biến chính của các cuộc CMTS thời cận đại. Đánh giá vai trò của các cuộc cách mạng tư sản đối với việc phát triển kinh tế, xã hội ở các nước tư bản Âu – Mỹ. - Bài tập (2 tiết): Đọc tác phẩm: Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn phát triển của CNTB và rút ra ý kiến của mình về tác phẩm này. - Thảo luận (2 tiết): Đọc tài liệu để làm rõ vai trò của cách mạng khoa học – kĩ thuật với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Thực hành (2 tiết): Tiềm năng, giới hạn và những mâu thuẫn của CNTB hiện đại	Đọc tài liệu để hoàn thành vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả bài tập, thảo luận, thực hành tại lớp	A1	[1] [2] [6]
LLO2				
LLO3				
LLO4				
Chương 2: Lịch sử hình thành, phát triển, khủng hoảng của CNXH				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6	A.Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 1.1. Những học thuyết lý luận về CNXH thời cận đại	Thuyết giảng (của GV)	A1	[1] [4]
LLO7	1.2. Sự hình thành Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1,A3	[1] [4]
LLO7	1.3 Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - trước những năm 70 thế kỉ XX)	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1	[1] [4]
LLO7,8	1.4 Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1,A3	[1] [4]
LLO7,8	1.5 Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	Thuyết giảng (của GV)	A1	[1] [4]
LLO1,2 ,3,7,8	* Kiểm tra bài định kì số 1: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút	Kiểm tra	A5	

	- Hình thức: Tự luận			
LLO7,9	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Sưu tầm tài liệu (ảnh, phim tư liệu) về cách mạng tháng Mười Nga. Viết báo cáo, thuyết trình.	- Thực hành nhóm - Sử dụng phim tư liệu, PowerPoint.	A4	[1]
LLO6	* Nội dung thảo luận (1 tiết) - So sánh chủ nghĩa xã hội khoa học với chủ nghĩa xã hội không tưởng.			[1]
LLO8	- Những sai lầm trong quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu.	Báo cáo nhóm	A3	[4]
LLO8	Ý kiến đánh giá của anh (chị) - Triển vọng của CNXH			
LLO8	B. Nội dung tự học: (19 tiết) - Lý thuyết (15 tiết): Quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô và Đông Âu từ 1945 đến những năm 70 thế kỉ XX - Bài tập (4 tiết): Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	Đọc tài liệu để hoàn thành vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả bài tập tại lớp	A1	[1]
Chương 3: Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thời kì cận - hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 2.1 Phong trào công nhân thế giới nửa đầu thế kỉ XIX.	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1,A3	[1] [3] [6]
LLO10	2.2 Sự ra đời và những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1,A3	[1] [3]
LLO10	2.3 Sự thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất (1864)	Đàm thoại	A1	[1] [3] [6]
LLO10	2.4 Công xã Pari (năm 1871)	Thuyết giảng	A1	[1]
LLO10	2.5 Phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và Quốc tế thứ hai (1889).	Thuyết giảng kết hợp thảo luận	A1,A3	[1] [3] [6]

LLO10	2.6 Phong trào công nhân Nga và Cách mạng dân chủ tư sản 1905-1907	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1	[1]
LLO11	2.7. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ năm 1918 đến 1945 và Quốc tế thứ ba	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1	[3] [4]
LLO11	2.8 Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ sau 1945 đến 1991	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1	[1] [4]
LLO11	2.9 Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ sau 1991 đến nay	Đàm thoại kết hợp tranh luận	A1	[1] [4]
LLO10	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Xây dựng biên niên tiểu sử, quá trình hoạt động và luận giải vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin với phong trào công nhân quốc tế.	- Thực hành nhóm - Sử dụng phim tư liệu, PowerPoint.	A4	[1]
LLO10	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Nhận xét khái quát về phong trào công nhân quốc tế từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Hãy liên hệ với phong trào công nhân Việt Nam để thấy rõ tình cảnh của giai cấp công nhân dưới sự đàn áp và bóc lột của tư sản và quy luật “có áp bức có đấu tranh”.	Báo cáo nhóm	A3	[1] [3] [4]
LLO11	- Tình hình phong trào công nhân từ năm 1991 đến nay.			
LLO10	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Vẽ sơ đồ bộ máy Công xã Pari và giải thích nguyên tắc tổ chức nhà nước theo sơ đồ Công xã.	Báo cáo bài tập cá nhân	A2	[1] [3] [6]
LLO11	- Đặc điểm của PTCS và công nhân quốc tế từ 1917 đến 1991			
LLO10, 11	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Lý thuyết (10 tiết): Nội dung và cơ chế hoạt động của Quốc tế I, - Thảo luận (4 tiết): Quốc tế II, Quốc tế III	Đọc tài liệu để hoàn thành vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả thảo luận tại lớp	A1	[1] [3]
Chương 4: Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á, châu Phi				

và khu vực Mĩ Latinh thời kì cận - hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (6 tiết) 4.1. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân	Thuyết trình kết hợp với đàm thoại	A1	[1] [3] [6]
LLO12	4.2 Phong trào đấu tranh chống xâm lược của các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh nửa đầu thế kỉ XIX.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1	[1] [3] [6]
LLO12	4.3 Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1	[1] [5] [6]
LLO13	4.4 Phong trào giải phóng dân tộc từ năm 1918 đến năm 1939	Thuyết trình	A1	[1] [4]
LLO13	4.5 Phong trào giải phóng dân tộc từ năm 1945 đến cuối thế kỉ XX	Thuyết trình kết hợp với trình chiếu	A1	[1] [4]
LLO12	* Nội dung thực hành: (1 tiết) - Thiết kế bản đồ sự phân chia thuộc địa của các nước tư bản phương Tây và phong trào đấu tranh chống xâm lược tiêu biểu ở châu Á, châu Phi, Mĩ Latinh thời cận đại.	Thực hành	A4	[1]
LLO12	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - So sánh về chính sách cai trị thuộc địa của một số nước thực dân tiêu biểu. - Quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào ? Tại sao trong hoàn cảnh khu vực Đông Nam Á, Xiêm là nước duy nhất không trở thành thuộc địa của các nước phương Tây ?	Thảo luận nhóm	A3	[1]
LLO12, 13	* Nội dung bài tập: (1 tiết) - Lập niên biểu phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở các nước Á, Phi, Mĩlatinh từ thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX	Bài tập cá nhân	A2	[1] [3]
LLO12	B. Nội dung tự học: (14 tiết)	Đọc tài liệu để hoàn thành	A1	[1] [3]

	- Lý thuyết (10 tiết): Tìm hiểu về châu Phi và Mĩ Latinh trước khi có sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây. - Bài tập (4 tiết): Nhật xét khái quát về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX về mục tiêu, hình thức đấu tranh, nguyên nhân thất bại.	vào vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả bài tập tại lớp		[6]
Chương 5: Lịch sử quan hệ quốc tế thời kì cận - hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 5.1. Sự hình thành quan hệ quốc tế trên phạm vi thế giới.	- Thuyết trình (của GV); Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] [5] [6]
LLO14	5.2 Trật tự Viên	Thuyết trình kết hợp thảo luận	A1	[1] [5] [6]
LLO14	5.3 Quan hệ quốc tế cuối XIX đầu XX và CTTGI	Thuyết trình (của GV); Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [5] [6]
LLO15	5.4 Quá trình hình thành và sụp đổ của hệ thống Vécxai – Oasinhton	Thuyết trình	A1,A3	[1] [4]
LLO15	5.5 Quan hệ quốc tế 1918 - 1939	Thuyết trình; Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [5]
LLO15	5.6 Chiến tranh thế giới II	Thuyết trình ;Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [4]
LLO15	5.7 Hội nghị Ianta và trật tự thế giới 2 cực (1945 - 1991)	Thuyết trình ; Thảo luận nhóm	A1,A3	[1] [4]
LLO15	5.8 Chiến tranh lạnh	Thuyết trình;Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [4]
LLO15	5.9 Quan hệ quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh lạnh	Thuyết trình; Thảo luận nhóm	A1,A3	[1]

LLO15	* Nội dung thực hành: (1 tiết): Vẽ bản đồ và thuyết trình các cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ trong Chiến tranh Lạnh.	Thực hành	A4	[1]
LLO15	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) - Đánh giá về cục diện thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). - Vì sao nói : toàn cầu hóa vừa là “thời cơ” vừa là “thách thức” đối với các nước đang phát triển ? - Quan hệ quốc tế sau ngày 11/9/2001	Thảo luận nhóm	A3	[1] [3]
LLO15	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - So sánh trật tự thế giới Vécxai – Oasinhton và Trật tự hai cực Ianta. - Phân tích những xu thế chủ đạo của QHQT sau Chiến tranh lạnh	Bài tập cá nhân	A2	[1] [4]
LLO14, 15	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Lý thuyết (10 tiết): Lập bảng so sánh điểm giống và khác nhau về nguyên nhân, tính chất, kết cục của Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) và Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945). - Thảo luận (4 tiết): Thái độ của anh (chị) đối với chiến tranh như thế nào ?	Đọc tài liệu để hoàn thành vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả thảo luận lớp	A1	[1] [3] [4]
Chương 6: Sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật thời cận - hiện đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (5 tiết) 6.1 Thành tựu kĩ thuật, khoa học tự nhiên 6.1.1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (nửa sau thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX). 6.1.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (nửa sau thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX). 6.1.3. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỉ XX). 6.1.4. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (những năm đầu thế kỉ XXI).	Thuyết trình (của GV); Thảo luận nhóm	A1,A3	[1] [4] [6]

	6.1.5. Thành tựu khoa học xã hội. 6.1.6. Thành tựu về văn học, nghệ thuật.			
LLO10, 11,13,1 5,16	* Kiểm tra bài định kì số 2: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A6	
LLO16	* Nội dung thực hành: (1 tiết): Thiết kế infographic và thuyết trình chủ đề: Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới.	- Thực hành	A4	[1] [4] [6]
LLO17, 18	* Nội dung thảo luận: (1 tiết): Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp đối với đời sống xã hội loài người.	Thảo luận nhóm	A3	[1] [4] [6]
LLO16	B. Nội dung tự học: (14 tiết) - Lý thuyết (10 tiết): Tìm hiểu những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận đại. - Thực hành (4 tiết): Đặc điểm, thành tựu cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp.	Đọc tài liệu để hoàn thành vở tự học. GV kiểm tra khi kết thúc chương. Nộp vở vào cuối kì. Báo cáo kết quả thực hành tại lớp	A1	[1] [4] [6]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% tổng số giờ lý thuyết. Sinh viên nào nghỉ học quá số giờ quy định sẽ không được tham gia thi hết môn và phải học lại theo quy định của Nhà trường. Sinh viên phải tích cực tham dự đầy đủ và nghe tất cả các buổi thuyết trình, đọc kỹ tài liệu tham khảo, chuẩn bị tốt các bài tập được giao, tích cực tham gia thảo luận, thực hành trên lớp. Ngoài ra sinh viên phải đọc nhiều học liệu khác nhau (bao gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí, thông tin trên mạng internet) để tích lũy lượng kiến thức cần thiết theo yêu cầu của môn học.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành bài tập cá nhân theo từng chương và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành theo nhóm.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.

- Nhiệm vụ tự học cần nộp: Hoàn thiện nội dung tự học vào vở, nộp vào cuối kì cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1.Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2.Bài tập cá nhân	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5,6,8,9,10
3	A3.Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1,2,3,4,5,6,8,9,10
4	A4.Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2,3,5,7,8,9
5	A5.Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,6,8,9,10
6	A6.Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO2,4,5,8,9,10
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65-79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết.
Bài tập cá nhân (5%)					
	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		Thực hiện đạt <50% nhiệm vụ, nộp muộn.	Thực hiện đạt 50-64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn.	Thực hiện đạt 65-79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn.	Thực hiện đạt 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn hoặc trước thời hạn.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50% - 64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% -79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm tốt, đáp ứng đáp ứng 80% -100 % yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Sử dụng công nghệ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Biết sử dụng công nghệ đáp ứng 50% - 64% yêu cầu.	Ứng dụng tốt công nghệ để giải quyết 65%-79% yêu cầu.	Sử dụng tốt công nghệ đáp ứng 80 - 100% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Ít sáng tạo, giải quyết dưới 50% nhiệm vụ học tập.	Có ý tưởng sáng tạo để giải quyết 50 - 64% nhiệm vụ học tập.	Sáng tạo tương đối tốt để giải quyết 65-79% nhiệm vụ học tập.	Ý tưởng rất sáng tạo trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập.
Thảo luận (5%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% - 79% yêu cầu đặt ra.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu (trên 80%).
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Lập luận giản đơn, thiếu logic, chỉ giải quyết được dưới 50% nội dung thực hành.	Bước đầu có lập luận khoa học, giải quyết được 50-64% nội dung thực hành.	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic, giải quyết được 65-79% nội dung thực hành.	Lập luận có căn cứ, dẫn chứng khoa học và logic, giải quyết trên 80% nội dung thực hành.
Trình bày báo cáo rõ ràng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Trình bày thiếu mạch lạc	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học.	Trình bày báo cáo rất rõ ràng, khoa học, tự tin.
	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		Ít có sự tương tác.	Có sự tương tác cơ bản.	Tương tác tốt.	Tương tác rất tốt, phối hợp linh hoạt các thao tác.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trả lời đạt dưới 50% yêu cầu, chưa thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng.	Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi đầy đủ, nội dung trả lời có lập luận, khoa học
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến ≤2,0
		Nhóm ít có sự phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo và trả lời, chỉ giải quyết 50% nhiệm vụ được giao.	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, đạt từ 50 - 64% nhiệm vụ học tập.	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, giải quyết được 65 - 79% nhiệm vụ học tập.	Nhóm phối hợp rất tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo, giải quyết được trên 80% nhiệm vụ học tập.
Thực hành (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít nêu ý kiến, nêu vấn đề.	Chủ động nêu vấn đề thảo luận.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Chủ động, linh hoạt, sáng tạo tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Chỉ thực hiện được dưới 50% thao tác, quy trình.	Thực hiện được 50%-64% thao tác, quy trình.	Thực hiện đủ thao tác, quy trình (từ 65-79%).	Thực hiện đầy đủ, linh hoạt các thao tác (trên 80%)
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Có kết quả đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Kết quả về cơ bản đầy đủ, đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao.	Kết quả đầy đủ, đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao.	Kết quả rất đầy đủ, đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao.
Kết quả được giải thích và chứng minh	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít giải thích và chứng minh.	Bước đầu có sự giải thích, chứng minh.	Có lập luận để giải thích và chứng minh	Lập luận, dẫn chứng chặt chẽ, khoa học

				nội dung thực hành.	để giải thích và chứng minh kết quả nội dung thực hành.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Báo cáo đạt dưới 50% yêu cầu	Báo cáo thực hành đạt 50-64% yêu cầu	Báo cáo thực hành đúng, đủ đạt 65-79% yêu cầu	Báo cáo rất tốt, đạt trên 80% yêu cầu.

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Hoàng Xuân Trường (2021), *Giáo trình Đại cương lịch sử thế giới*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phan Ngọc Liên (chủ biên), (2008), *Lịch sử thế giới cận đại*, Tập 1, Nxb ĐHSB, Hà Nội.

[3] Phan Ngọc Liên (chủ biên), (2008), *Lịch sử thế giới cận đại*, Tập 2, Nxb ĐHSB, Hà Nội.

[4] Nguyễn Anh Thái (chủ biên) (2006), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb GD, Hà Nội.

[5] Phan Văn Ban, Nguyễn Văn Tận, Trần Thị Vinh (chủ biên), *Lịch sử quan hệ quốc tế: Từ đầu thời cận đại đến kết thúc thế chiến thứ hai*, Nxb ĐHSB, Hà Nội.

[6] Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2006), *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VIỆT NAM 1

VIETNAMESE HISTORY 1

MÃ HỌC PHẦN: 59VHP331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		56
2.	Bài tập	6		20
3.	Thực hành	6		10
4.	Thảo luận	6		10
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		0
Tổng		54		96

- Loại học phần: Bắt buộc.

- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không.
- Học phần học song hành: Lịch sử thế giới 1, 59WHP231.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn
2.	ThS. Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Có hệ thống kiến thức về các vấn đề cốt lõi của lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.

* Về kỹ năng

CO2: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, báo cáo, sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, lược đồ...); kỹ năng sử dụng CNTT, biên tập và sử dụng video, infographic trong học tập, giảng dạy.

CO3: Rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu khoa học (Tìm kiếm và khai thác, xử lý tư liệu, thống kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá ...) và hướng dẫn học sinh tự học, tự nghiên cứu.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có khả năng làm việc độc lập, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết, ý thức trách nhiệm thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

CO5: Có năng lực làm việc theo nhóm, dẫn dắt các bạn và trách nhiệm đối với nhóm học tập.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học hệ thống hóa lịch sử Việt Nam cổ trung theo các vấn đề. Cụ thể: Thời kỳ nguyên thủy, thời Bắc thuộc, sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ. Các vấn đề trên được trình bày theo lịch đại, đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá khách quan và khoa học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Việt Nam từ nguyên thủy đến đầu thế kỉ X				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO1, 2, 3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (22 tiết) * Nội dung lí thuyết: (11 tiết) 1.1. Thời nguyên thủy 1.1.1. Dấu tích của người Việt cổ 1.1.2. Sự phát triển công cụ lao động 1.1.3. Chuyển biến kinh tế, văn hóa, xã hội 1.2. Thời dựng nước 1.2.1. Quá trình hình thành Nhà nước 1.2.2. Văn minh sông Hồng 1.3. Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc 1.3.1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến Trung Hoa 1.3.2. Những chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa 1.3.3. Các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc	- Thuyết trình (của GV) - Thảo luận nhóm - Bài tập cá nhân/nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A1; A5	[1] (chương 1, 2, 3); [4] (tr.187-210, 273-342, 355-503); [5] (tr.11-57); [6] chương 1, 2, 3, 4);
LLO1, 2, 3	* Bài kiểm tra định kì số 1: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận.	Kiểm tra	A3	
LLO4	* Nội dung bài tập cá nhân: (3 tiết) 1. Thiết kế infographic, fakebook các nhân vật lịch sử từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X 2. Lập niên biểu thống kê các sự kiện lịch sử quan trọng trong buổi đầu xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập thống nhất thế kỉ X (Năm/Tên sự kiện/Nội dung cơ bản).	Bài tập cá nhân	A1; A2	
LLO4	* Nội dung thực hành: (5 tiết) Thực hành thực tế tại Thần Sa, Võ Nhai: 1. Phân loại và nhận biết các di tích khảo cổ, các tầng văn hóa. Phân biệt công cụ đá cũ và đá mới. Thực hành Khai quật khảo cổ. 2. Thực hành làm giáo viên/hướng dẫn viên tại di chỉ/di tích.	Giao nhiệm vụ thực hành, hướng dẫn SV làm và báo cáo, nộp sản phẩm	A1	
LLO1, 2, 3, 4	* Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết) 1. Bước phát triển về công cụ lao động và đời sống kinh tế từ văn hóa Sơn Vi tới Cách mạng đá mới. 2. Bước phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập qua 4 sự kiện lịch sử: Khởi nghĩa Hai	Giao nhiệm vụ cho SV/nhóm SV chuẩn bị trước nội dung, báo	A1	

	Bà Trưng, khởi nghĩa Lí Bí, khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền. 3. Đặc điểm của các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc.	cáo. Tổ chức thảo luận tại lớp		
LLO2, 4	B. Nội dung tự học: (48 tiết) - Lý thuyết (28 tiết): Văn hóa Sa Huỳnh, Đồng Nai, Óc Eo; Hai quốc gia cổ Champa và Phù Nam và hai nền văn minh tương ứng là văn minh Champa và văn minh Phù Nam. Thành tựu văn hóa các triều đại. Phong trào đấu tranh xã hội. - Bài tập (10 tiết): Bước phát triển về công cụ lao động và đời sống kinh tế từ Sơn Vi tới Đông Sơn. - Thực hành (5 tiết): Tra cứu tài liệu, sưu tầm hình ảnh có liên quan tới nội dung chương học. Xây dựng infographic tóm lược nội dung lý thuyết của chương - Thảo luận (5 tiết): Chứng minh tính bản địa của văn minh sông Hồng.	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp	A1	[1]
Chương 2: Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5, 6,7,8, 9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (32 tiết) * Nội dung lý thuyết: (23 tiết) 2.1. Tình hình chính trị và ngoại giao 2.1.1. Khái quát về các triều đại phong kiến Việt Nam 2.1.2. Tổ chức bộ máy nhà nước 2.1.3. Luật pháp 2.1.4. Quân đội 2.1.5. Ngoại giao 2.2. Tình hình kinh tế 2.2.1. Chính sách ruộng đất và tình hình nông nghiệp 2.2.2. Thủ công nghiệp 2.2.3. Thương nghiệp 2.3. Tình hình văn hóa, xã hội 2.4. Các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm 2.5. Quá trình mở rộng lãnh thổ	- Thuyết trình (của GV) - Thảo luận nhóm - Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm) - Dạy học dựa trên vấn đề	A1; A5	[2] (chương 1, 2, 3); [5] (tr.57-130); [6] (chương 5, 6, 7, 8, 9, 10); [3] (chương 1, 2, 3); [5] (tr.131-200); [6]

				(chương 11,12, 13, 14)
LLO5, 6,7,8,9	* Bài kiểm tra định kì số 2: (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút. - Hình thức: Tự luận.	Kiểm tra	A4	
LLO10	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm: (3 tiết) 1. Thiết kế infographic, fakebook các nhân vật lịch sử, sự kiện từ thế kỉ X đến năm 1858. 2. Chia nhóm tìm hiểu, báo cáo về chiến tranh Nam - Bắc triều, chiến tranh Trịnh Nguyễn	GV yêu cầu SV đọc giáo trình, sách tham khảo làm bài tập theo sách ra bài tập hàng tuần vào vở báo cáo trên lớp hoặc gửi mail theo yêu cầu	A1; A2	
LLO10	* Nội dung thực hành: (1 tiết) 1. Thực hành kể chuyện lịch sử, thuyết trình nội dung/chủ đề/nhân vật lịch sử từ thế kỉ X đến năm 1858.	Giao nhiệm vụ thực hành, hướng dẫn SV làm và báo cáo, nộp sản phẩm	A1	
LLO5, 6, 8, 9, 10	* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết) Bước phát triển của tinh thần tự chủ qua các mốc lịch sử: 905, 938 và 968 Nghệ thuật quân sự Lý - Trần	Giao nhiệm vụ cho SV/nhóm SV chuẩn bị trước nội dung, báo cáo. Tổ chức thảo luận tại lớp	A1	
LLO7, 10	B. Nội dung tự học: (48 tiết) - Lý thuyết (28 tiết): Nguyên nhân, thời gian, phạm vi, diễn biến cụ thể, kết quả của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giữ độc lập dân tộc. Lưỡng đầu chế trong lịch sử VN	- Đọc tài liệu để hoàn thành nội dung lý thuyết, bài tập vào vở bài tập. GV	A1	[1]

	- Bài tập (10 tiết): Đánh giá tính tích cực và hạn chế trong chính sách của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX - Thực hành (5 tiết): Tra cứu tài liệu, sưu tầm hình ảnh có liên quan tới nội dung chương học. Xây dựng sơ đồ tư duy về lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX - Thảo luận (5 tiết): Các mốc sự kiện lịch sử nổi bật trong thế kỷ X và bước phát triển về tinh thần tự chủ của dân tộc.	kiểm tra khi hết chương. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp		
--	--	---	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn và hoàn thành bài tập cá nhân/nhóm (nếu có) theo yêu cầu trước khi đến lớp học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập nhóm	20	02	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-4, CLO 6-7, 10
3	A3. Bài kiểm tra định kì 1	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4,5,
4	A4. Bài kiểm tra định kì 2	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4,5,
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm; Phiếu đánh giá vấn đáp	CLO 1-5, 8-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập nhóm (20%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1 Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	1 đến < 1,3 Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,3 đến < 1,6 Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,6 đến 2,0 Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2 Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	2 đến < 2,6 Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	2,6 đến < 3,2 Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	3,2 đến 4 Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	0,5 đến < 0,65 Hình thức đảm bảo ít sáng tạo	0,65 đến < 0,8 Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	0,8 đến 1,0 Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kỹ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1 Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	1 đến < 1,3 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít tương tác phi ngôn ngữ	1,3 đến < 1,6 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	1,6 đến 2,0 Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1] Nguyễn Cảnh Minh (chủ biên) (2008), *Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập I*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Cảnh Minh (2008), *Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập II*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Cảnh Minh (chủ biên) (2008), *Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập III*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, HN.
- [5]. Nguyễn Quang Ngọc (2001, chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb GD, HN.
- [6]. Trương Hữu Quýnh (1997, chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập I*, Nxb GD, HN.

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VIỆT NAM 2

VIETNAMESE HISTORY PART-2

MÃ HỌC PHẦN: 59VHP332

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	34	70
2	Bài tập	6	26
3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	6	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	
Tổng		54	96

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Lịch sử Việt Nam 1 (59VHP231)
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1.	ThS. Lê Thị Thu Hương	0912.090681	huongaltt@tnue.edu.vn
2.	TS Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

* Về kiến thức

CO1: Có hệ thống kiến thức về các vấn đề cốt lõi về lịch sử Việt Nam thời kì cận - hiện đại, cho nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn

CO2: Vận dụng được các kiến thức về lịch sử Việt Nam thời kì cận – hiện đại vào dạy học môn Lịch sử và tổ chức các hoạt động giáo dục khác ở trường phổ thông.

* Về kĩ năng

CO3: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

CO4: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

CO5: Thành thạo trong thu thập, xử lý các nguồn tư liệu lịch sử để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu; xây dựng bộ ngữ liệu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

CO6: Lập được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động học cho học sinh trong dạy học Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông phát triển năng lực học sinh.

CO7: Vận dụng được phương pháp dạy học bộ môn, liên môn và các phương pháp giáo dục trong phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO9: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học hệ thống hóa Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại từ năm 1858 đến năm 2010, theo các vấn đề cụ thể: Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ năm 1858 và chính sách thống trị của chúng; những chuyển biến của kinh tế xã hội Việt Nam; phong trào chống thực dân Pháp xâm lược ở Việt Nam từ 1858 đến 1945; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến năm 1945; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945- 1954; cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1954- 1975; công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước từ 1975 – nay. Các vấn đề trên được trình bày theo lịch đại, đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá khách quan và khoa học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1918				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1, 2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết (9 tiết)	GV thuyết trình, phân	A1,A2	[1] [2][3]

	1.1.Thực dân Pháp xâm lược và phong trào kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến nửa sau thế kỷ XIX 1.2. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất	tích, trao đổi, hướng dẫn SV		[11]
LLO 3, 4, 5, 6	* Nội dung thực hành (2 tiết) Nhóm SV chọn thực hiện 1 trong những nội dung sau theo sự hướng dẫn của GV 1. Vẽ lược đồ và trình bày về 1 phong trào chống Pháp, 1 cuộc khởi nghĩa. 2.Khái quát về thân thế và hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc 3.Lập biểu kiến thức về phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918).	-Thực hành theo nhóm	A1, A2, A3	
LLO 3, 4, 5, 6	* Nội dung Bài tập (2 tiết) Vẽ lược đồ Việt Nam và trình bày về quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp 1858 – 1884.	Cá nhân		
LLO 3, 4, 5, 6	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Thái độ của triều đình nhà Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp. 2. Nguyên nhân mất nước của Việt Nam cuối thế kỷ XIX? Trách nhiệm của triều Nguyễn?	-Thảo luận nhóm	A1	
LLO 3, 6	B. Nội dung tự học (24 tiết) - Lý thuyết (18 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương trên lớp. - Thảo luận (2 tiết): Thái độ của triều đình nhà Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp. - Bài tập (2 tiết): Khái quát về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, Yên Thế, Thái Nguyên 1917. - Thực hành (2 tiết): Các hiệp ước (thông tin về hiệp ước 1862, 1874, 1883, 1884).	- vở bài tập cá nhân	A1	

Chương 2. Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến năm 1945

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 7, 8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lý thuyết (8 tiết) 2.1. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 2.2. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 Kiểm tra bài 1 (1 tiết)	GV thuyết trình, phân tích, trao đổi, hướng dẫn SV	A1,A4, A5	[1] [2][3] [4][5] [6]
LLO 9, 10, 11, 12	* Nội dung thực hành (2 tiết) 1.Các tổ chức cách mạng và các tổ chức cộng sản ra đời ở VN trước năm 1930? 2. Đường lối cách mạng Việt Nam 1930-1945	-SV thực hành theo nhóm, báo cáo		[1] [2][3] [4][5] [6]

	3.Thiết kế trên bản đồ và trình bày về hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.		A1,A2, A3	
LLO 9, 10, 11, 12	* Nội dung thảo luận (2 tiết) 1. Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam	-Thảo luận nhóm	A1	[1] [2][3] [4][5] [6]
LLO 9, 12	B. Nội dung tự học (24 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương 2 trên lớp. +Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam sau CTTC thứ nhất + Khái quát phong trào cách mạng ở Việt Nam 1930 - 1945 +Diễn biến và ý nghĩa của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám trong đối với tiến trình lịch sử dân tộc. - Thảo luận (3 tiết): Tìm hiểu sự ra đời và ý nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Thực hành (4 tiết): +Các tổ chức cách mạng và các tổ chức cộng sản ra đời ở VN trước năm 1930? + Đường lối cách mạng Việt Nam 1930-1945 +Thiết kế trên bản đồ và trình bày về hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc	- vở bài tập cá nhân	A1	[1] [2][3] [4][5] [6]

Chương 3. Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 13, 14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lý thuyết (8 tiết) 3.1.Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 – 1946) 3.2. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950) 3.3. Giữ vững và phát triển thể chủ động trên chiến trường chính (1951 - 1953) 3.4. Kế hoạch Nava và sự thất bại hoàn toàn của thực dân Pháp (1953-1954) 3.5. Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ cách mạng mới 3.6. Cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc và CMDTDCND ở miền Nam (1954-1965) 3.7. Cả nước trực tiếp chống Mỹ cứu nước (1965-1973) 3.8. Cả nước dồn sức giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975) Kiểm tra bài 2 (1 tiết)	GV thuyết trình, phân tích, trao đổi, hướng dẫn SV	A1, A2	[1] [2][7] [9]

LLO 15, 16, 17, 18	* Nội dung bài tập nhóm (3 tiết) 1. Vẽ lược đồ Việt Nam, xác định những vị trí kẻ thù có mặt trên đất nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. 2. Lập biểu kiến thức thống kê những thành tựu tiêu biểu trong quá trình xây dựng hậu phương kháng chiến từ sau chiến thắng Việt Bắc đến trước Biên giới Thu - Đông 1950 và nêu ý nghĩa quan trọng nhất của các thành tựu này. 3. Lập niên biểu những thắng lợi cơ bản trên mặt trận quân sự của quân dân ta từ năm 1946 đến năm 1954 (Thời gian, sự kiện, ý nghĩa của sự kiện). 4. Chia giai đoạn và làm rõ nhiệm vụ của từng giai đoạn trong 10 năm đầu xây dựng CNXH ở miền Bắc. 5. Xây dựng lược đồ và tường thuật các chiến dịch. 6. Xây dựng hệ thống phim tư liệu giai đoạn kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975). 7. Xây dựng hệ thống kênh hình và khai thác nội dung hệ thống kênh hình trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ cứu nước.	-Thực hành theo nhóm	A1, A2, A3	[1] [2][7] [9]
LLO 15, 16, 17, 18	* Nội dung thảo luận (1 tiết) Thực hiện 1 trong các nội dung sau 1. Chủ trương và biện pháp củng cố chính quyền, xây dựng chế độ mới và bảo vệ nền độc lập dân tộc. 2. Tại sao Trung ương Đảng và Chính phủ cách mạng lại xác định thực dân Pháp là kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám? 3. Đánh giá về nội dung của Hiệp định Giơnevơ. 1. Hoàn cảnh, thành tựu và ý nghĩa của cải cách ruộng đất (1954 - 1957). 2. Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận như thế nào trong Hiệp định Sơ Bộ (6/3/1946), Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) và Hiệp định Pari (27/1/1973)?	-Thảo luận nhóm	A1, A6	[1] [2][7] [9]
LLO 15, 18	B. Nội dung tự học (24 tiết) - Lý thuyết (18 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương trên lớp. +Cuộc chiến đấu trong các đô thị và tổng di chuyển cả nước vào kháng chiến lâu dài.	vở bài tập cá nhân	A1	[1] [2][7] [9]

	+Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9/1960). - Thảo luận (2 tiết): - Bài tập (2 tiết): - Tìm hiểu về nạn đói năm 1945 ở Việt Nam. - Thực hành (2 tiết): Công cuộc xây dựng hậu phương kháng chiến qua các giai đoạn 1947-1950; 1951-1953. Vai trò hậu phương của miền Bắc XHCN			
Chương 4: Lịch sử Việt Nam từ năm 1975 đến nay				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 19, 20	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết (9 tiết) 44.1. Tình hình Việt Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 4.2. Quá trình hoàn thành hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975-1976) 4.3. Bước đầu cả nước đi lên CNXH (1976-1986) 4.4. Đất nước trên con đường đổi mới đi lên CNXH (1986- nay)	GV thuyết trình, phân tích, trao đổi, hướng dẫn SV	A1	[1] [2] [8] [10]
LLO 21,22, 23, 24	* Nội dung thực hành (2 tiết) - Chủ trương Đổi mới tại Đại hội Đảng VI đã được cụ thể hóa đến địa phương như thế nào?	-Thực hành theo nhóm	A1, A4	[1] [2] [8][10]
LLO 21,22, 23, 24	* Nội dung bài tập nhóm (1 tiết) - Đường lối cách mạng vô sản Việt Nam từ 1930 đến 1945?	-Thực hành theo nhóm	A1, A2,	[1][2] [8][10]
LLO 21,22, 23, 24	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng chủ trương đổi mới đất nước như thế nào?	- Thảo luận nhóm	A1,A3	[1][2] [8] [10]
LLO 21, 24	B. Nội dung tự học (24 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương trên lớp. - Bài tập (2 tiết): +Tình hình hai miền Nam Bắc sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. +Chủ trương Đổi mới về chính trị, kinh tế, văn hóa – giáo dục, quan hệ đối ngoại tại Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Thực hành (3 tiết): + Chủ trương, biện pháp thực hiện, thành tựu từ địa phương sau hơn 35 năm đổi mới? Đánh giá những chuyển biến nổi bật, những tồn tại và thách thức; bài học kinh nghiệm.	-Vở bài tập cá nhân	A1	[1][2] [8] [10]

	- Thảo luận (2 tiết): Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng chủ trương đổi mới đất nước như thế nào?			
--	---	--	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn và hoàn thành bài tập cá nhân/nhóm (nếu có) theo yêu cầu trước khi đến lớp học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành nội dung thực hành nhóm.

- Seminar: Hoàn thành seminar theo nội dung yêu cầu ở chương 1,2,3.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: vở bài tập cá nhân

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm					
TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-10
2	A2. Bài tập	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-4, CLO6 CLO8, CLO9
3	A3. Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-4, CLO 6-7, CLO10
4	A4. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1-4, CLO5, CLO7, CLO9, CLO10
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4, CLO5
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-4, CLO5,
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm. Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1-5, 8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

động trong giờ học					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập (10%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50- 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60- 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80- 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Thảo luận (5%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50- 60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60- 80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80- 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	Hình thức đảm bảo, ít sáng tạo	Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kỹ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Thực hành (10%)					
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện đúng yêu cầu, không đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, ít đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, Thi thoảng đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6	0 đến <3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 50 - 60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 70 - 80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 90- 100%
Báo cáo thực hành	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 0-49%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 50 - 64%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 65 - 79%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 80 - 100%

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Hoàng Ngọc La, Hà Thị Thu Thủy (2011): Giáo trình Lịch sử Việt Nam 1858 – 1945

[2]. Nguyễn Xuân Minh (2006), Lịch sử Việt Nam 1945 – 2000, NXB Giáo dục Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Ngọc Cơ (2007), *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam (1885 – 1918)*, NXBĐHSP, HN.

[4] Đỗ Thị Hòa Hới (1996), *Tìm hiểu tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh*, NXBKHXH

[5] Nguyễn Văn Khánh (2000), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)*, NXB ĐHQG, HN

[6] Phan Ngọc Liên, Đinh Xuân Lâm (1998), *Hoạt động của Bác Hồ ở nước ngoài*, CTQG

[7] Nhà xuất bản CTQG (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*. T.1 (2002), HN

TÊN HỌC PHẦN: THỰC ĐỊA ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN
NATURALGEOGRAPHYFIELD

MÃ HỌC PHẦN: 59NGF321

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
----	------------------	------------------	---------------

		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết			
2	Bài tập			
3	Thực hành	60		40
4	Thảo luận			
5	Thực tế chuyên môn			
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: (□)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và Thế giới; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phạm Hương Giang	0943.977.009	giangph@tnue.edu.vn
2.	TS. Phạm Thu Thủy	0913.844.741	thuypt@tnue.edu.vn
3.	TS. Lê Thị Nguyệt	0973.880.523	nguyetlt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Trần Đức Văn	0915.330.772	vantd@tnue.edu.vn
5.	ThS. Phạm Tất Thành	0974.074.007	thanhpt@tnue.edu.vn
6.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	0973.402.465	hanttt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Hiểu được các đặc điểm của các thành phần địa lí tự nhiên ở ngoài thực địa, nhất là địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật và mối quan hệ biện chứng giữa chúng với nhau, cũng như với các thành phần địa lí kinh tế - xã hội.

CO2: Phân tích được đặc điểm của các thành phần địa lí tự nhiên ở ngoài thực địa, nhất là địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật và mối quan hệ biện chứng giữa chúng với nhau, cũng như với các thành phần địa lí kinh tế - xã hội; sự phân hóa của chúng theo không gian và thời gian.

CO3: Xác định được vai trò, sự ảnh hưởng của các thành phần địa lí tự nhiên đến cảnh quan lãnh thổ và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

* Về kỹ năng:

CO4: Có kỹ năng khảo sát các thành phần và hiện tượng tự nhiên ở ngoài thực địa.

CO5: Có kỹ năng sử dụng các công cụ địa lí để tìm kiếm, thu thập các thông tin liên quan đến môn học và nghiên cứu ở ngoài thực địa.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Xây dựng được các nội dung thực hành ngoài trời cho học sinh phổ thông.

CO7: Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm ngoài trời cho học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Thực địa Địa lí tự nhiên là môn học bắt buộc của sinh viên chuyên ngành Lịch sử - Địa lí. Môn học này giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản khi nghiên cứu các thành phần địa lí tự nhiên ở ngoài thực địa. Nội dung học phần gồm 5 chương: Chương 1 nghiên cứu về địa hình khu vực nghiên cứu; Chương 2 nghiên cứu về khí hậu khu vực thực địa; Chương 3 nghiên cứu về thủy văn khu vực thực địa; Chương 4 nghiên cứu thổ nhưỡng khu vực thực địa; Chương 5 nghiên cứu về sinh vật khu vực thực địa.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Nghiên cứu địa hình khu vực thực địa				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1- LLO5	A. Nội dung thực hành (12 tiết) 1. Xác định mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu địa hình 2. Khảo sát tại một số điểm quan trắc 3. Quan sát, tìm hiểu các đặc điểm địa hình, địa mạo: độ cao trung bình, độ cao max, độ cao min, độ dốc, các dạng địa hình chính, các quá trình địa mạo chủ yếu. 4. Xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, sự thay đổi theo không gian và thời gian của địa hình khu vực nghiên cứu. 5. Viết báo cáo tổng quan địa hình khu vực nghiên cứu (vẽ lát cắt địa hình). <i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Đọc tài liệu, lắng nghe và ghi chép vào nhật kí.	- Hình thức: Trực tiếp - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề..	A1, A2, A3, A4	[1],[2],[4]
LLO1 - LLO3	B. Nội dung tự học: (8 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết và thực hành về phần nội dung địa hình khu vực nghiên cứu.	SV tự tìm hiểu	A1	[1],[2],[4], ...
Chương 2: Nghiên cứu khí hậu khu vực thực địa				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6- LLO10	A. Nội dung thực hành (12 tiết)	- Hình thức: Trực tiếp	A1, A2, A3, A4	[1],[2],[4]

	1. Xác định mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu khí hậu 2. Khảo sát tại trạm khí tượng (nếu có) 3. Quan trắc thời tiết, tìm hiểu các chỉ tiêu khí hậu, các yếu tố thời tiết 4. Xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng và sự phân hóa theo không gian và thời gian của khí hậu khu vực nghiên cứu 5. Viết báo cáo tổng quan khí hậu khu vực nghiên cứu <i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Đọc tài liệu, lắng nghe ghi chép vào nhật kí.	- Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề..		
LLO6 - LLO8	B. Nội dung tự học: (8 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết và thực hành về phần nội dung khí hậu khu vực nghiên cứu.	SV tự tìm hiểu	A1	[1],[2],[4] ...
Chương 3: Nghiên cứu thủy văn khu vực thực địa				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11 - LLO15	A. Nội dung thực hành (12 tiết) 1. Xác định mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu thủy văn 2. Khảo sát trạm thủy văn (nếu có) 3. Quan trắc thủy văn (lựa chọn địa điểm và khảo sát đo đạc một số chỉ tiêu quan trọng) 3.1. Đặc trưng về hình thái (hướng chảy, độ dốc, mặt cắt ngang,...) 3.2. Đặc trưng về thủy chế (mức nước, tốc độ dòng chảy, lưu lượng nước sông,...) 3.3. Các đặc trưng khác 4. Xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng và sự phân hóa theo không gian và thời gian của thủy văn khu vực nghiên cứu 5. Viết báo cáo đặc điểm thủy văn <i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Đọc tài liệu, lắng nghe ghi chép vào nhật kí.	- Hình thức: Trực tiếp - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.	A1, A2, A3, A4	[1],[3],[4]
LLO11 - LLO13	B. Nội dung tự học: (8 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết và thực hành về phần nội dung thủy văn khu vực nghiên cứu.	SV tự tìm hiểu	A1	[1],[3],[4] ...

Chương 4: Nghiên cứu thổ nhưỡng khu vực thực địa				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO16 - LLO20	A. Nội dung thực hành (12 tiết) 1. Xác định mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu thổ nhưỡng 2. Đào phẫu diện đất (chọn địa điểm và tiến hành đào) 3. Mô tả phẫu diện đất (ghi thông tin theo bảng mẫu cho sẵn) 4. Xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng và sự phân hóa theo không gian của thổ nhưỡng khu vực nghiên cứu 5. Viết báo cáo đặc điểm thổ nhưỡng <i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Đọc tài liệu, lắng nghe ghi chép vào nhật kí.	- Hình thức: Trực tiếp - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.	A1, A2, A3, A4	[1],[4]
LLO16 - LLO18	B. Nội dung tự học: (8 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết và thực hành về phần nội dung thổ nhưỡng khu vực nghiên cứu.	SV tự tìm hiểu	A1	[1],[4],...
Chương 5: Nghiên cứu sinh vật khu vực thực địa				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO21 - LLO25	A. Nội dung thực hành (12 tiết) 1. Xác định mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu sinh vật 2. Lựa chọn, khảo sát và mô tả thực vật ở các ô tiêu chuẩn (ghi thông tin theo bảng mẫu cho sẵn) 3. Khảo sát nhóm cây trồng ở khu vực nghiên cứu (theo mẫu cho sẵn) 4. Xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng và sự phân hóa theo không gian và thời gian của sinh vật khu vực nghiên cứu 5. Viết báo cáo đặc điểm sinh vật (có lát cắt thổ nhưỡng - sinh vật)	- Hình thức: Trực tiếp - Phương pháp: Sử dụng phương tiện trực quan, thuyết trình, giảng giải, đàm thoại, thảo luận nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.	A1, A2, A3, A4	[1],[4]

	<i>Yêu cầu đối với sinh viên:</i> Đọc tài liệu, lắng nghe ghi chép vào nhật kí.			
LLO21 - LLO23	B. Nội dung tự học: (8 tiết) SV tìm hiểu và ghi vào sổ tay cá nhân tất cả các nội dung lý thuyết và thực hành về phần nội dung sinh vật khu vực nghiên cứu.	SV tự tìm hiểu	A1	[1],[4],...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

6.1. *Phân chuẩn bị đi thực địa*

- Tìm hiểu nội dung của đợt đi thực địa
- Xác định địa bàn thực địa, sưu tầm tài liệu, vạch kế hoạch
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị
- Biên chế tổ chức, phổ biến kế hoạch

6.2. *Phân quá trình đi thực địa*

Khảo sát, nghiên cứu, viết thu hoạch các thành phần địa lí tự nhiên sau đây:

- + Địa hình
- + Khí hậu
- + Thủy văn
- + Thổ nhưỡng
- + Sinh vật

6.3. *Phân tổng hợp tài liệu và viết báo cáo thực địa*

- Tổng hợp tài liệu, phân công công việc để viết báo cáo (nếu có).
- Viết đề cương chi tiết và viết báo cáo tổng kết thực địa.

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

+ Về chuyên cần: Tham gia đầy đủ, tích cực các buổi đi thực địa; Quan sát, ghi chép đầy đủ kiến thức; Tiến hành các bài thực hành đo vẽ ngoài thực địa.

+ Bài tập cá nhân (Nhật kí thực địa): Mỗi cá nhân làm 01 quyển nhật kí riêng. Yêu cầu: dùng quyển sổ nhỏ, viết bằng tay, ghi chi tiết, đầy đủ, chính xác các thông tin tại các điểm, tuyến thực địa mà giảng viên hoặc báo cáo viên đã hướng dẫn, giảng giải, kể cả những quan sát và cảm nhận của cá nhân.

+ Bài tập nhóm (video): Mỗi nhóm từ 4-6 sinh viên, sử dụng máy quay phim hoặc điện thoại ghi lại hành trình và những công việc đã thực hiện trong suốt quá trình đi thực địa. Trong video, cần có lời bình, đó là những cảm nhận, lời nhận xét, đánh giá của các cá nhân/nhóm về nơi đã đi qua, những công việc đã làm. Mỗi video không quá 15 phút, hình ảnh và âm thanh cần phải rõ ràng, trung thực.

+ Về bài báo cáo tổng kết: Mỗi cá nhân làm 01 báo cáo theo chủ đề mà giảng viên đã đưa ra để lựa chọn hoặc phân công từ trước. Yêu cầu của bài báo cáo tổng kết: Báo cáo cần làm đúng chủ đề mà giảng viên yêu cầu, viết bằng tay trên khổ giấy A4, trình bày sạch đẹp, có đầy đủ các đề mục theo quy định, đóng bìa mềm, viết tối thiểu 10 trang và tối đa là 30 trang, trong đó kênh hình không được quá 20% và nộp đúng hạn.

6.4. *Yêu cầu khác (nếu có)*

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	20	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-5
2	A2. Bài tập cá nhân (Nhật kí cá nhân)	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-5
3	A3. Bài tập nhóm (video)	21	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
4	A4. Báo cáo thực địa	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (20 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10 %)					
	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài tập nhóm (10 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Ý kiến đóng góp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít ý kiến	Thỉnh thoảng đưa ra ý kiến	Thường xuyên đưa ra ý kiến	Luôn đóng góp ý kiến
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn

Chất lượng sản phẩm giao nộp	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Báo cáo thực địa (50 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	1	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Tư liệu thực tế rõ ràng, có hình ảnh minh họa	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Có tính sáng tạo và tính thực tiễn	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít sự sáng tạo	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn nhưng chưa đều	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn khá cao	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn cao

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phan Khánh, Phùng Ngọc Đình, Hoàng Ngọc Oanh, Nguyễn Văn Âu (2003), *Thực địa địa lý tự nhiên* (Giáo trình), NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Hồng (2013), *Địa lí tự nhiên đại cương 1* (Giáo trình), NXB Giáo dục Việt Nam.

[3]. Nguyễn Thị Hồng (2014), *Địa lí tự nhiên đại cương 2* (Giáo trình), NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Nguyễn Thị Kim Chương (2009), *Địa lí tự nhiên đại cương 3: Thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí của Trái đất* (Giáo trình), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI
ECONOMIC – SOCIAL GEOGRAPHY
FIELDEWORK
MÃ HỌC PHẦN: 59EGF321

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	0		0
2	Bài tập	0		0
3	Thực hành	0		0
4	Thảo luận	0		0
5	Thực địa, thực tế chuyên môn	60		40
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí Việt Nam và Thế giới; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS Dương Quỳnh Phương	0983022774	phuongdq@tnue.edu.vn
2	TS. Nghiêm Văn Long	0395313947	longnv.geog@tnue.edu.vn
3	ThS. Phạm Tất Thành	0974074007	thanhpt@tnue.edu.vn
4	TS. Vũ Văn Anh	0912687173	anhvv@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt	0918203929	nguyetntmgeo@tnue.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thanh Mai	0972751579	maint@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* *Về kiến thức:*

CO1: Hiểu kiến thức thực tiễn về các vấn đề về các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của Việt Nam

CO2: Phân tích kiến thức địa lí kinh tế - xã hội về các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, các hình thức tổ chức lãnh thổ của Việt Nam và vận dụng vào thực tiễn của các địa điểm/ địa bàn thực địa

CO3: Tiếp cận được các đối tượng kinh tế - xã hội trong một không gian nhất định.

CO4: Vận dụng kiến thức và kinh nghiệm từ môn học thực địa vào việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường phổ thông.

*** Về kĩ năng:**

CO5: Đo vẽ ngoài thực địa, tổng hợp thông tin và áp dụng được các phương pháp thực địa địa lí kinh tế - xã hội vào địa bàn nghiên cứu.

CO6: Sử dụng bản đồ và các công cụ địa lí ngoài thực địa.

CO7: Khảo sát các vấn đề kinh tế - xã hội ở địa phương.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO8: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với đoàn thực địa, thực hiện đúng quy định của đoàn thực địa.

CO9: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong môn học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực địa địa lí kinh tế - xã hội 2 gồm 03 nội dung chính: (1). Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành nông lâm thủy sản, ngành công nghiệp và các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Việt Nam; (2). Khảo sát thực địa và nghiên cứu về điểm, tuyến du lịch và một số lĩnh vực của ngành dịch vụ của Việt Nam; (3). Khảo sát thực địa và nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế và sự liên kết giữa các vùng, giữa các địa phương. Môn học được tiến hành ngoài thực địa theo từng tuyến thực địa với thời gian từ 5 đến 7 ngày. Sinh viên được trải nghiệm bài học lý thuyết vào thực tế tại các điểm thực địa.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1: Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành nông lâm thủy sản, ngành công nghiệp và các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2,3,4	A. Nội dung thực hiện trong tuyến thực địa (20 tiết) 1. Vẽ lược đồ Việt Nam, xác định tuyến điểm thực địa 2. Sử dụng phần mềm google earth và google map để xác định tuyến điểm thực địa 3. Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành nông lâm thủy sản 4. Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành công nghiệp và các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp	Sử dụng phương tiện trực quan, dạy học trải nghiệm; Dạy học ngoài thực địa; thảo luận; Khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học	A1, A2, A3	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (10 tiết)	SV tìm hiểu và học		[3] [4]

	- SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào tuyến thực địa - Truy cập https://gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp thông tin về ngành nông nghiệp, công nghiệp của các địa phương đến thực địa - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của các địa phương đến thực địa qua các năm	tập trên Internet và tương tác với giáo viên và các bạn qua nhóm zalo hoặc zoom		[5] [6]
Nội dung 2: Khảo sát thực địa và nghiên cứu về điểm, tuyến du lịch và một số lĩnh vực của ngành dịch vụ của Việt Nam				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 5,6,7,8	A. Nội dung thực hiện trong tuyến thực địa (20 tiết) 1. Vẽ lược đồ Việt Nam, xác định tuyến điểm du lịch tại địa bàn thực địa 2. Sử dụng phần mềm google earth và google map để xác định tuyến điểm du lịch tại địa bàn thực địa 3. Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành du lịch 4. Khảo sát thực địa và nghiên cứu về ngành dịch vụ	Sử dụng phương tiện trực quan, dạy học trải nghiệm; Dạy học ngoài thực địa; thảo luận; Khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học	A1, A2, A3	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào tuyến thực địa - Truy cập https://gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp thông tin về ngành du lịch, dịch vụ của các địa phương đến thực địa - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của các địa phương đến thực địa qua các năm .- Tìm các video, tư liệu về tiềm năng và thực trạng phát triển các điểm, các tuyến du lịch			[3] [4] [5] [6]
Nội dung 3: Khảo sát thực địa và nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế và sự liên kết giữa các vùng, giữa các địa phương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 9-14	A. Nội dung thực hiện trong tuyến thực địa (20 tiết) 1. Khảo sát thực địa và nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ vùng Trung du miền núi phía Bắc – Vùng Đồng Bằng Sông Hồng và	Sử dụng phương tiện trực quan, dạy học trải nghiệm;	A1, A2, A3	[1] [2]

	vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (đọc theo tuyến thực địa) 2. Nghiên cứu về sự liên kết giữa các vùng, các địa phương dọc theo trục giao thông và sự gắn kết của các đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh và chùm đô thị. 3. Nghiên cứu mối quan hệ trong phát triển du lịch của các địa phương.	Dạy học ngoài thực địa; thảo luận; Khảo sát thực địa; Điều tra xã hội học		
	B. Nội dung tự học: (10 tiết) - SV đọc tài liệu về các hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế; mối quan hệ giữa các vùng kinh tế khu vực miền Bắc - Truy cập gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp các số liệu về các vùng kinh tế - Truy cập https://data.worldbank.org/ để thu thập, tổng hợp thông tin về GNDP các địa phương, các vùng... - Thu thập và nghiên cứu các báo cáo về vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; Tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc; Hành lang phát triển kinh tế; Các khu kinh tế...	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.		[3] [4] [5] [6]
Tuyến thực địa Hải Phòng – Quảng Ninh	* LỊCH TRÌNH: Ngày 1: - Xuất phát từ Thái Nguyên đi Hải Phòng - Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng: Nghiên cứu tại khu công nghiệp Nomura Hải Phòng - Đồ Sơn: Nghiên cứu địa chất, địa mạo, tình hình phát triển du lịch tại Hòn Dấu - Làm việc chuyên môn theo nhóm Ngày 2: - Tìm hiểu và nghiên cứu tại cảng Hải Phòng + Cảng Hoàng Diệu + Cảng Đình Vũ - Di chuyển đi huyện Cát Hải: Tìm hiểu các hoạt động sinh kế của dân cư tại Cát Bà (làm việc theo nhóm) Ngày 3: - Nghiên cứu tuyến du lịch môi trường tại Vườn quốc gia Cát Bà - Nghiên cứu Khu dự trữ sinh quyển – rừng ngập mặn; - Nghiên cứu các điểm du lịch Tại Cát Bà. - Họp đoàn thực địa, bốc thăm chủ đề viết báo cáo thực địa Ngày 4: - Di chuyển đi Hạ Long – Quảng Ninh - Nghiên cứu: + Thực trạng hoạt động du lịch tại Hạ Long + Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại Hạ Long - Tổ chức hoạt động tập thể Ngày 5: - Thăm quan, nghiên cứu di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long;			

	- Nghiên cứu đặc điểm địa chất địa mạo ở Vịnh Hạ Long và thực trạng phát triển du lịch tại Hạ Long - Về Thái Nguyên Lưu ý: Trong quá trình 5 ngày đi thực địa, sinh viên nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu các địa phương trong tuyến thực địa để hoàn thành nội dung: - Nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ vùng Trung du miền núi phía Bắc – Vùng Đồng Bằng Sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc - Nghiên cứu về sự liên kết giữa các vùng, các địa phương dọc theo trục giao thông và sự gắn kết của các đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh và chùm đô thị. - Nghiên cứu mối quan hệ trong phát triển du lịch của các địa phương. * PHƯƠNG TIỆN: ô tô * KINH PHÍ: theo quy chế
Các chủ đề viết báo cáo	(1). Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Đồ Sơn - Hải Phòng (2). Thực trạng và định hướng phát triển của hệ thống cảng Hải Phòng (3). Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Cát Bà - Hải Phòng (4). Thực trạng và định hướng phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ninh (5). Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Hạ Long - Quảng Ninh (6). Tìm hiểu khu công nghiệp qua thực tế khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng (7). Tìm hiểu các điểm, tuyến du lịch qua thực tế tuyến du lịch Cát Bà - Hạ Long. (8). Tính đa dạng sinh học của khu dự trữ sinh quyển - Vườn quốc gia Cát Bà và vấn đề phát triển du lịch sinh thái (9). Thực trạng mạng lưới giao thông của tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc: Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh (10). Điều kiện phát triển và thực trạng phát triển ngành thủy sản của Quảng Ninh (Hoặc Hải Phòng)

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: tham gia 100% thời gian thực địa theo đúng kế hoạch và lịch trình đã xây dựng.
- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 nhật ký thực địa cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Bài tập nhóm: Hoàn thành 01 video thực địa theo nhóm. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Báo cáo thực địa: Hoàn thành 01 báo cáo thực địa cá nhân theo chủ đề. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	20	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10

2	A2. Bài tập cá nhân (nhật kí thực địa)	15	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-8
3	A3. Bài tập nhóm (video thực địa)	15	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
4	A4. Báo cáo thực địa	50	01	Rubric đánh giá báo cáo thực địa	CLO1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (20 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (15 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Bài tập nhóm (15 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Tính sáng tạo và khoa học	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít sáng tạo	Có tính sáng tạo	Có tính sáng tạo và khoa học	Rất sáng tạo và khoa học
Thời gian giao nộp sản phẩm	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng video giao nộp	4,0	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu;
Báo cáo thực địa (50 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

Trình bày báo cáo rõ ràng	1,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Tư liệu thực tế rõ ràng, có hình ảnh minh họa	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Có tính sáng tạo và tính thực tiễn	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít sự sáng tạo	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn nhưng chưa đều	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn khá cao	Có tính sáng tạo và tính thực tiễn cao

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Dương Quỳnh Phương (2012), Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Phần 1), Nxb Giáo dục, Việt Nam. (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên)
- [2]. Lê Thông (Chủ biên - 2001), Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam, tập I, II, Nxb Giáo dục, Việt Nam. (Phòng tư liệu khoa Địa lí)
- [3]. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên – 2006), Địa lí kinh tế - xã hội đại cương, Nxb Đại học sư phạm, Việt Nam (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên)

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ, Phí Công Việt, Nguyễn Thị Sơn, Lê Mỹ Dung (2012), Việt Nam: Các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm, Nxb Giáo dục, Việt Nam. (Phòng tư liệu khoa Địa lí)

8.3. Website

- [5]. Tổng cục thống kê Việt Nam: [http:// www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)
- [6]. Tổng cục du lịch: <http://www.vietnamtourism.gov.vn>
- [7]. Các trang Web của địa phương đến thực địa

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẾ LỊCH SỬ 1

HISTORICAL FIELD TRIP 1

MÃ HỌC PHẦN: 59SPV321

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	

1.	Thực tế chuyên môn	60		20
2.	Kiểm tra, đánh giá	0		20
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn
2	Th.S Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có hiểu biết về kiến thức lịch sử một cách hệ thống và toàn diện thông qua việc nghiên cứu tại thực địa, tham quan và học tập tại các di tích lịch sử tại Bắc Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Nội.

CO2: Có hiểu biết về kiến thức chuyên ngành Lịch sử, kiến thức KHXH, và vận dụng kiến thức để lập kế hoạch tổ chức hoạt động và quản lý hoạt động học tập, trải nghiệm, rèn luyện của HS.

* Về kỹ năng

CO3: Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác, xử lý tư liệu lịch sử, viết báo cáo thu hoạch hoặc biên soạn lịch sử địa phương.

CO4: Có khả năng vận dụng linh hoạt các năng lực, kỹ năng, phương pháp trong nghiên cứu, học tập và hoạt động thực tế, tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tự học và làm việc theo nhóm trong môi trường thực tế, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tạo môi trường thực tế cho sinh viên vận dụng các kiến thức về Lịch sử đã học trong lý thuyết qua thực tiễn; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sưu tầm, khai thác, xử lý tư liệu lịch sử, viết báo cáo thu hoạch hoặc biên soạn lịch sử địa phương, cách thức tổ chức hoạt động ngoại khóa. Thông qua việc nghiên cứu tại thực địa, tham quan và học tập tại các di tích lịch sử, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành; đồng thời bồi dưỡng lòng tự hào về lịch sử dân tộc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

1. Thực tế tại chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích (Bắc Ninh)

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử xây dựng, kiến trúc độc đáo của chùa Dâu, chùa Bút Tháp và chùa Phật Tích.	- Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO1, LLO9-12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Ảnh hưởng của các ngôi chùa đối với đời sống của cư dân địa phương.	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	

2. Thực tế tại khu di tích lịch sử Lam Kinh

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử xây dựng, kiến trúc độc đáo và những cổ vật đang được lưu giữ tại khu di tích lịch sử Lam Kinh.	Yêu cầu sinh viên: - Nghe hướng dẫn viên hướng dẫn và giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO2, LLO9-12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Tìm hiểu về Lịch sử Lam Kinh	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm	A1	

		nhật ký các nhân, bài tập nhóm.		
3. Thực tế tại thành nhà Hồ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử xây dựng và cấu trúc của thành nhà Hồ.	Yêu cầu sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO3, LLO9-12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử nhà Hồ, nhân vật Hồ Quý Ly	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	
4. Thực tế tại cố đô Hoa Lư				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về vị trí địa lý và những nét đặc sắc về kiến trúc của khu di tích Quốc gia đặc biệt – Cố đô Hoa Lư.	Yêu cầu sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO4, LLO9-12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Tìm hiểu lịch sử của cố đô Hoa Lư trong lịch sử dân tộc	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình	A1	

		thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.		
5. Thực tế tại quần thể danh thắng Tràng An và chùa Bái Đính				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử, kiến trúc và những kỷ lục được ghi nhận của khu quần thể danh thắng Tràng An và chùa Bái Đính.	- Nghe hướng dẫn viên giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO5, LLO9-12	B. Nội dung tự học:(5 tiết) Đánh giá tác động của khu quần thể danh thắng Tràng An và chùa Bái Đính tới đời sống kinh tế - xã hội địa phương	Yêu cầu đối với SV: Suu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.trình thực tế chuyên môn.	A1	
6. Thực tế tại phòng tuyến Tam Điệp				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6, LLO9-12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về chiến lược xây dựng phòng tuyến Tam Điệp và những sự kiện lịch sử của phong trào nông dân Tây Sơn diễn ra ở đây.	Yêu cầu sinh viên: Nghe hướng dẫn viên giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	

LLO6, LLO9- 12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Đánh giá giá trị của phòng tuyên Tam Điệp đối với lịch sử/	Yêu cầu đối với SV: Suu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	
----------------------	---	---	----	--

7. Thực tế tại thành cổ Loa

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, LLO9- 12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về lịch sử xây dựng và kiến trúc của thành Cổ Loa, hiện vật còn lưu giữ	- Nghe hướng dẫn viên hướng dẫn và giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	
LLO7, LLO9- 12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Đánh giá giá trị, ý nghĩa thành Cổ Loa đem lại.	Yêu cầu đối với SV: Suu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	

8. Thực tế tại Hoàng thành Thăng Long

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8, LLO9- 12	A. Nội dung thực tế (7,5 tiết) Tìm hiểu về kiến trúc tiêu biểu và lịch sử hình thành Hoàng thành Thăng Long qua các triều đại.	- Nghe hướng dẫn viên hướng dẫn và giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	

LLO8, LLO9-12	B. Nội dung tự học: (5 tiết) Ý nghĩa, giá trị của Hoàng thành Thăng Long.	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	
---------------	---	---	----	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Thực hiện đúng qui định của chương trình thực tế.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng thời gian yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Bài tập cá nhân	50%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
Thi kết thúc học phần					
2	A2. Tiểu luận nhóm	50%	01	- Tiêu chí, thang điểm đánh giá tiểu luận	CLO1-7

8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (50%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Ý tưởng sáng tạo		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Tiêu luận nhóm (50%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	Hình thức đảm bảo Ít sáng tạo	Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kỹ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (Chủ biên) Trịnh Tùng, Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thế Kim, Phạm Hồng Việt (2002), *Phương pháp dạy học Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Xuân Minh (chủ biên) (2010), *Giáo trình lịch sử Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Quang Ngọc, (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Đỗ Hồng Thái, (1996), *Nghiên cứu và dạy học lịch sử địa phương ở Việt Bắc*, Nxb ĐHQG, HN.

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẾ LỊCH SỬ 2

HISTORICAL FIELD TRIP 2

MÃ HỌC PHẦN: 59SPV322

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Thực tế chuyên môn	60		20
2.	Kiểm tra, đánh giá	0		20
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn
2	Th.S Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Có hiểu biết về kiến thức lịch sử một cách hệ thống và toàn diện thông qua việc nghiên cứu tại thực địa, tham quan và học tập tại các di tích lịch sử tại Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế.

CO2: Có hiểu biết về kiến thức chuyên ngành Lịch sử, kiến thức KHXH, và vận dụng kiến thức để lập kế hoạch tổ chức hoạt động và quản lý hoạt động học tập, trải nghiệm, rèn luyện của HS.

* Về kỹ năng

CO3: Rèn luyện kỹ năng sưu tầm, khai thác, xử lý tư liệu lịch sử, viết báo cáo thu hoạch hoặc biên soạn lịch sử địa phương.

CO4: Có khả năng vận dụng linh hoạt các năng lực, kỹ năng, phương pháp trong nghiên cứu, học tập và hoạt động thực tế, tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có khả năng tự học và làm việc theo nhóm trong môi trường thực tế, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học tạo môi trường thực tế cho sinh viên vận dụng các kiến thức về Lịch sử đã học trong lý thuyết qua thực tiễn; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỷ luật tập thể. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sưu tầm, khai thác, xử lý tư liệu lịch sử, viết báo cáo thu hoạch hoặc biên soạn lịch sử địa phương, cách thức tổ chức hoạt động ngoại khoá. Thông qua việc nghiên cứu tại thực địa, tham quan và học tập tại các di tích lịch sử, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành; đồng thời bồi dưỡng lòng tự hào về lịch sử dân tộc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

1. Thực tế tại Làng Sen, Làng Hoàng trù quê Bác, xã Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO7-11	A. Nội dung thực tế (10 tiết) Tìm hiểu về thân thế, gia đình và quê hương của Bác Hồ	<i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	[1][3] [4][5]
LLO1, LLO7-11	B. Nội dung tự học: (6 tiết) Khai thác, xử lý các tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế tìm hiểu về sự nghiệp và công lao của Bác Hồ đối với dân tộc	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	[1][3] [4][5]
2. Thực tế tại khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO2,	A. Nội dung thực tế (10 tiết)	<i>Yêu cầu sinh viên:</i>	A1, A2	[2][3] [4]

LLO7-11	Tìm hiểu Ngã ba Đồng Lộc trong quá trình xây dựng và hoạt động của tuyến đường mòn Hồ Chí Minh.	- Nghe hướng dẫn viên hướng dẫn và giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.		
LLO2, LLO7-11	B. Nội dung tự học: (6 tiết) Khai thác, xử lý thêm tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế tìm hiểu và sưu tầm tư liệu hình ảnh, câu chuyện về 10 cô gái Ngã ba Đồng Lộc	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	[2],[3] [4]

3. Thực tế tại Đại Nội kinh thành Huế

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3, LLO7-11	A. Nội dung thực tế (10 tiết) Tìm hiểu về quần thể kiến trúc của Đại Nội và các hoạt động, sinh hoạt của 13 đời Vua nhà Nguyễn.	Yêu cầu sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	[1],[3] [4]
LLO3, LLO7-11	B. Nội dung tự học: (7 tiết) Khai thác, xử lý các tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế để tìm hiểu về những sự kiện diễn ra ở Đại Nội thời vương triều Nguyễn	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung	A1	[1],[3] [4]

		và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm..		
4. Thực tế tại di tích Lăng vua Tự Đức, Minh Mạng, Khải Định				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO4, LLO7- 11	A. Nội dung thực tế (10 tiết) 1. Tìm hiểu và nắm rõ về quần thể kiến trúc của Lăng, thân thế và sự nghiệp của Vua Tự Đức. 2. Tìm hiểu và nắm rõ về quần thể kiến trúc của Lăng, thân thế và sự nghiệp của Vua Minh Mạng.	- Nghe hướng dẫn viên giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. - Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	[1][3] [4]
LLO4, LLO7- 11	B. Nội dung tự học: (7 tiết) Khai thác, xử lý các tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế để đánh giá về 1 số vị vua tiêu biểu của triều Nguyễn: Gia Long, Tự Đức, Khải Định, Minh Mạng	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	[1][3] [4]
5. Thực tế tại khu bảo tồn di tích lịch sử về Huyện Trân công chúa (Khu bảo tồn di tích lịch sử về Huyện Trân công chúa, Huế)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5, LLO7- 11	A. Nội dung thực tế (10 tiết) Tìm hiểu rõ về thân thế sự nghiệp của Công chúa Huyện Trân và hệ thống quần thể của khu di tích.	Yêu cầu sinh viên: Nghe hướng dẫn viên giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh.	A1, A2	[1], [3]

		- Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.		
LLO5, LLO7-11	B. Nội dung tự học: (7 tiết) Khai thác, xử lý các tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế để đánh giá về đóng góp của Công chúa Huyền Trân đối với dân tộc	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	[1], [3]

6. Thực tế tại di tích lịch sử Thành cổ Quảng Trị

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6, LLO7-11	A. Nội dung thực tế (10 tiết) Tìm hiểu về lịch sử di tích Thành cổ; công trình kiến trúc, hiện vật và hình ảnh tại khu trưng bày.	- Nghe hướng dẫn viên hướng dẫn và giới thiệu - Lắng nghe, ghi chép - Thu thập tư liệu, hình ảnh. Đảm bảo an toàn về người và tài sản, chấp hành quy định của đoàn thực tế.	A1, A2	[2], [3]
LLO6, LLO7-11	B. Nội dung tự học: (7 tiết) Khai thác, xử lý các tài liệu, tư liệu địa phương và thực tế để tìm hiểu về trận chiến 81 ngày đêm ở Thành cổ Quảng Trị mùa hè 1972	Yêu cầu đối với SV: Sưu tầm, nghiên cứu tài liệu, đọc và tự học trước khi tham gia nội dung thực tế. Xây dựng đề cương học thực tế tại điểm, trả lời các câu hỏi theo các yêu cầu của GV trong quá trình thực tế chuyên môn. Đọc tài liệu tìm hiểu nội dung và báo cáo qua sản phẩm nhật ký các nhân, bài tập nhóm.	A1	[2], [3]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Thực hiện đúng qui định của chương trình thực tế.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng thời gian yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Bài tập cá nhân	50%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
Thi kết thúc học phần					
2	A2. Tiểu luận nhóm	50%	01	- Tiêu chí, thang điểm đánh giá tiểu luận	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (50%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	4	0 đến < 2	2 đến <2,6	2,6 đến <3,2	3,2 đến 4
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không sáng tạo	Ít sáng tạo	Tương đối sáng tạo	Sáng tạo
Tiểu luận nhóm (50%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo		Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	Hình thức đảm bảo Ít sáng tạo	Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kĩ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (Chủ biên) Trịnh Tùng, Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Hữu Chí, Phan Thế Kim, Phạm Hồng Việt (2002), *Phương pháp dạy học Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Xuân Minh (chủ biên) (2010), *Giáo trình lịch sử Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Quang Ngọc, (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Đỗ Hồng Thái, (1996), *Nghiên cứu và dạy học lịch sử địa phương ở Việt Bắc*, Nxb ĐHQG, HN.

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ DU LỊCH

TOURISM GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59GOT331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	23	10	60
2.	Bài tập	5	5	35
3.	Thảo luận	5	5	
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		35	20	95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Địa lí Việt Nam và thế giới; Khoa Địa lí

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Văn Anh	0912687173	anhvv@tnue.edu.vn ,
2.	TS. Nguyễn Thanh Mai	0972751579	maint@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về du lịch và tài nguyên du lịch, ý nghĩa kinh tế - xã hội của sự phát triển du lịch.

CO2: Phân tích được đặc điểm của tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng và tình hình phát triển địa lí du lịch thế giới và một số quốc gia.

CO3: Giải thích được sự phân hóa lãnh thổ du lịch Việt Nam về tài nguyên, sản phẩm du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO4: Khai thác và phân tích được thông tin trên bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu về tài nguyên du lịch, tình hình phát triển du lịch.

CO5: Vẽ được các dạng lược đồ, biểu đồ thể hiện sự phát triển và phân bố du lịch ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước; ý thức bảo vệ môi trường, ý thức khai thác hợp lý, hiệu quả tài nguyên du lịch.

CO7: Thể hiện được ở người học năng lực tự học, tự nghiên cứu khi học và nghiên cứu về địa lí du lịch Việt Nam.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lí du lịch (khái niệm, vai trò, nhân tố ảnh hưởng, các loại hình du lịch,..); Khái quát về tình hình phát triển và phân bố địa lí du lịch thế giới; Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch Việt Nam. Từ đó cung cấp cho sinh viên kiến thức để xây dựng tour, tuyến, những điểm đến du lịch Việt Nam. Nội dung học phần gồm 3 chương. Chương 1: Tổng quan về du lịch; chương 2: Khái quát địa lí du lịch thế giới; chương 3: Địa lí du lịch Việt Nam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

10.3. Nội dung chi tiết của học phần

Chương 1: Tổng quan về du lịch				
LLO s	Nội dung	Hình thức/Phương pháp		Tài liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1 đến LLO 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (12 tiết) Chương 1. Tổng quan về du lịch 1.1. Các khái niệm 1.2. Vai trò, đặc điểm 1.3. Nhân tố ảnh hưởng 1.4. Các yếu tố cơ bản của du lịch - Khách du lịch - Tài nguyên du lịch - Cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch - Sản phẩm du lịch 1.5. Quy trình và kỹ năng hướng dẫn du lịch * Nội dung bài tập: (2 tiết) Sơ đồ hóa: Hệ thống các ngành du lịch; Tài nguyên du lịch; Các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch. * Nội dung thảo luận nhóm: (2 tiết) - Phân tích tác động tiêu cực và tích cực của du lịch. - Tìm hiểu các kênh thông tin về du lịch : Liệt kê các kênh cung cấp thông tin cho du khách về Việt Nam; Thảo luận kỹ về	*Hình thức: Trên lớp: Phương pháp: -Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề -Thảo luận nhóm - Đóng vai *Hình thức: Elearning Phương pháp: -Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề	A1 A2 A3 A6	Tài liệu học tập [1] Chương I Tài liệu tham khảo [3] chương I, II.

	mỗi kênh thông tin. Kênh nào hiệu quả nhất và vì sao? * Yêu cầu đối với SV: Bài tập: Đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật, đầy đủ thông tin và độ chính xác, hình thành năng lực phân tích không gian lãnh thổ giữa các yếu tố du lịch. Thảo luận: Tham gia tích cực, sản phẩm nhóm đa dạng, khoa học, thẩm mỹ; chuẩn bị các câu hỏi, trao đổi, nhận định cá nhân			
LLO 1 đến LLO 4	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu. Nội dung: Tìm hiểu về sản phẩm du lịch, cho ví dụ về sản phẩm du lịch tại địa phương	GV hướng dẫn, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức hoàn thành bài tập theo yêu cầu.	A1	
Chương 2: Khái quát địa lí du lịch thế giới				
LLO 5 đến LLO 6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (10 tiết) Chương 2: Khái quát địa lí du lịch thế giới 2.1. Một số vấn đề chung về du lịch thế giới 2.2. Tình hình phát triển và phân bố địa lí du lịch thế giới 2.3. Địa lí du lịch một số khu vực và quốc gia trên thế giới Bài kiểm tra định kì số 01 * Nội dung bài tập: (4 tiết) - Bài tập tính toán số liệu liên quan đến ngành du lịch: doanh thu, số lượng khách nội địa, quốc tế 1 số quốc gia trên thế giới. - Xây dựng quy trình và kỹ năng hướng dẫn du lịch	*Hình thức: Trên lớp: Phương pháp: -Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề -Thảo luận nhóm	A1 A2 A3 A4 A6	Tài liệu học tập [1] chương 2; [2] Phần I, II chương III Tài liệu tham khảo [3], [4].

	* Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Phân tích tình hình phát triển và sản phẩm du lịch đặc trưng 1 số quốc gia trên thế giới: Trung Quốc, Pháp, Hoa Kỳ, .. - Tìm hiểu du lịch sức khỏe, du lịch ẩm thực, du lịch nông thôn.... - Xu hướng du lịch trên thế giới hiện nay? *Yêu cầu đối với SV: Bài tập: Vẽ đúng, đẹp, nhận xét và giải thích chính xác nội dung bài tập. Thảo luận: Tham gia tích cực, sản phẩm nhóm đa dạng, khoa học, thẩm mỹ; chuẩn bị các câu hỏi, trao đổi, nhận định cá nhân			
LLO 2 đến LLO 4	B. Nội dung tự học: (30 tiết) <i>Yêu cầu đối với sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép những nội dung cốt yếu.</i> SV tìm hiểu ở các tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và trên phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, tivi, mạng Internet,...) Tìm hiểu về tài nguyên du lịch Đông Nam Á, cho ví dụ. - Thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài tập thảo luận - Củng cố các nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kì - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	GV hướng dẫn, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	Vẽ đúng, đẹp, nhận xét và giải thích chính xác nội dung bài tập.
Chương 3. Địa lí du lịch Việt Nam				
LLO 7đến LLO 12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) Chương 3. Địa lí du lịch Việt Nam 3.1. Tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam	*Hình thức: Trên lớp: Phương pháp:	A1 A2 A3 A4 A5 A6	Tài liệu học tập [1] Chương 3; [2] Phần I, II chương IV

	3.2. Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch Việt Nam. 3.3. Các vùng du lịch Việt Nam. Bài kiểm tra định kì số 02 * Nội dung bài tập: (4 tiết) + Tổng hợp, tính toán, phân tích số liệu về khách du lịch, doanh thu từ du lịch, thị trường du lịch ở Việt Nam + Vẽ lược đồ phân bố các tài nguyên du lịch ở Việt Nam. + Xây dựng một chương trình du lịch cụ thể ở Việt Nam * Nội dung thảo luận (4 tiết): - Vấn đề khai thác di sản, làng nghề, lễ hội... trong du lịch ở Việt Nam - Sản phẩm du lịch của các vùng du lịch Việt Nam Yêu cầu đối với SV: Bài tập: Đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật, đầy đủ thông tin và độ chính xác, hình thành năng lực phân tích không gian lãnh thổ giữa các yếu tố du lịch. Thảo luận: Tham gia tích cực, sản phẩm nhóm đa dạng, khoa học, thẩm mỹ. Có câu hỏi, trao đổi, nhận định cá nhân	-Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề -Thảo luận nhóm - Đóng vai *Hình thức: Elearning Phương pháp: -Thuyết trình kết hợp với trình chiếu - Dạy học dựa trên vấn đề		Tài liệu tham khảo [3], [5]
LLO 5 đến LLO11	B. Nội dung tự học: (35 tiết) Nội dung: -Thực tế chuyên môn: (không bắt buộc) +Tìm hiểu ngành du lịch ở Thái Nguyên - Thu thập, xử lí tài liệu hoàn thành bài tập thảo luận - Hoàn thành các bài tập, câu hỏi thảo luận khác do GV giao cho theo nội dung bài học.	GV hướng dẫn, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	Chương 3; [2] Phần I, II chương IV Tài liệu tham khảo [3], [5]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập trước khi

đến lớp, chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ cần thiết cho các bài thực hành, bài tập, hoạt động nhóm.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 03 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 02 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của giảng viên và nhu cầu của người học.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Thảo luận nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2,3,7
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,4,5
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt

các hoạt động trong giờ học					động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận nhóm (10 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia

Ý kiến đóng góp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít ý kiến	Thỉnh thoảng đưa ra ý kiến	Thường xuyên đưa ra ý kiến	Luôn đóng góp ý kiến
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng sản phẩm giao nộp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Vũ Văn Anh, (2024), Đề cương bài giảng *Địa lí du lịch* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

[2]. Trần Đức Thanh (chủ biên) Trần Thị Mai Hoa, (2017), Giáo trình *Địa lí du lịch*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội. (Tài liệu số, có trên Thư viện trường ĐHSP)

8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Lê Thông, Vũ Đình Hòa, Lê Mỹ Dung, Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Tin, Trần Ngọc Diệp (2014), *Địa lí du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam. (Tài liệu có trên Thư viện trường ĐHSP)

[4]. Bùi Thị Hải Yến, (2020), *Tuyển, điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội. (Tài liệu có trên Trung tâm học liệu, ĐHTN)

TÊN HỌC PHẦN: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI
CLIMATE CHANGE AND DISASTER PREPAREDNESS

MÃ HỌC PHẦN: 59CND331

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

T T	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33	00	65
2	Bài tập	05	00	30
3	Thực hành	10	00	
4	Thảo luận	05	00	
5	Kiểm tra, đánh giá	02	00	
Tổng		55	00	95

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: (□)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Địa lí cơ sở và phương pháp giảng dạy; Khoa Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS Phạm Tất Thành	0974074007	thanhpt@tnue.edu.vn
2.	TS. Lê Thị Nguyệt	0973880523	nguyetlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về biến đổi khí hậu và thiên tai.

CO2: Giải thích được nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu và một số thiên tai phổ biến.

CO3: Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.

CO4: Phân tích được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

* Về kỹ năng:

CO5: Áp dụng được các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

CO6: Tổ chức được các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông; Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần Biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần bao gồm 4 chương. Chương 1 nghiên cứu nguyên nhân, biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu lên môi trường, xã hội và đời sống con người. Chương 2 nghiên cứu một số thiên tai phổ biến như lũ lụt, lũ quét, bão tố, hạn hán, sạt lở đất,... Chương 3 nghiên cứu các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai. Chương 4 nghiên cứu tổ chức các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trong nhà trường.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Biến đổi khí hậu.				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (15 tiết) 1.1. Một số kiến thức chung về biến đổi khí hậu 1.1.1. Các khái niệm cơ bản 1.1.2. Thuật ngữ liên quan đến biến đổi khí hậu 1.1.3. Kịch bản biến đổi khí hậu 1.2. Biểu hiện của biến đổi khí hậu 1.2.1. Biểu hiện của biến đổi khí hậu trên thế giới 1.2.2. Biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam 1.3. Nguyên nhân biến đổi khí hậu 1.3.1. Nguyên nhân do tự nhiên 1.3.2. Nguyên nhân do hoạt động con người 1.4. Tác động của biến đổi khí hậu 1.4.1. Tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu 1.4.2. Tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam	- Thuyết trình - Giảng giải - Nếu vấn đề - Dạy học đa phương tiện	A1 A5 A6 A7	[1] Chương 1-5
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) - Sơ đồ hóa những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu. Liên hệ Việt Nam.	SV hoạt động cá nhân	A2	
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Biểu hiện của BĐKH toàn cầu. Liên hệ biểu hiện BĐKH ở Việt Nam.	Thảo luận nhóm	A4	

	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Đọc tài liệu [1]-[4] để hoàn thành nội dung học tập lý thuyết, bài tập, thảo luận	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu.	A1	
Chương 2. Một số vấn đề về thiên tai				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 7-12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Khái niệm 2.2. Phân loại 2.3. Đặc điểm, hậu quả của thiên tai 2.3.1. Lũ lụt, lũ quét 2.3.2. Bão 2.3.3. Hạn hán 2.3.4. Sạt lở đất * Kiểm tra bài định kì số 1	- Thuyết trình - Giảng giải - Nếu vấn đề - Dạy học đa phương tiện	A1 A5 A6 A7	[2] Chương 4,5 [3] Chương 3
	* Nội dung bài tập: (3 tiết) - Phân tích hậu quả do thiên tai gây ra. - Xây dựng bảng tổng hợp số liệu về những trận lũ lụt, lũ quét, bão tố,... gây hậu quả lớn trên thế giới.	SV hoạt động cá nhân	A2	
	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) - Cơ chế hình thành, đặc điểm và hậu quả của một số thiên tai phổ biến trên thế giới. Liên hệ với Việt Nam.	Thảo luận nhóm	A4	
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - SV đọc tài liệu [1]-[4] để hoàn thành nội dung học tập lý thuyết, bài tập, thảo luận.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu.	A1	
Chương 3. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 13-15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (05 tiết)	- Thuyết trình		

	* Nội dung lí thuyết: (05 tiết) 3.1. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu 3.2. Giải pháp phòng tránh giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai	- Giảng giải - Nếu vấn đề - Dạy học đa phương tiện	A1 A5 A6 A7	[1] Chương 6 [2] Chương 4,5 [3] Chương 3
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - SV đọc tài liệu [1]-[4] để hoàn thành nội dung học tập lý thuyết.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu.	A1	

Chương 4. Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (3 tiết) 4.1. Sự cần thiết của giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai 4.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trong nhà trường * Kiểm tra bài định kì số 2	- Thuyết trình - Giảng giải - Nếu vấn đề - Dạy học đa phương tiện	A1 A5 A6 A7	[1] Chương 6 [4] Phần 1
	* Nội dung thực hành: (10 tiết) - Khai thác bản đồ, lược đồ về biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai. - Lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ứng phó với BĐKH và phòng tránh thiên tai: + Sinh hoạt tập thể + Ngoài giờ lên lớp + Seminar	SV hoạt động cá nhân	A3	
	B. Nội dung tự học: (35 tiết) - SV đọc tài liệu [1]-[4] để hoàn thành nội dung học tập lý thuyết, thực hành.	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu.	A1	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học đầy đủ.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm. Nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kì.

- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của giảng viên và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập	5	01	Rubric đánh giá bài tập	CLO1-8
3	A3. Thực hành	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-8
4	A4. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá Thảo luận nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
6	A6. Bài kiểm tra định kì	12,5	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-9

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
	3,0	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0

Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 4,5	4,5 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập (5 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 2,0	2,0 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (5 %)					
	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,0	3,0 đến 4,0

Thực hiện đúng các thao tác, quy trình		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	6	0 đến < 3,0	3,0 đến < 4,0	4,0 đến < 5,0	5,0 đến 6,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận (5 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

				được 65 - 79% yêu cầu	
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kì (25%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng (2016), *Giáo trình biến đổi khí hậu*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Cẩn, Nguyễn Đình Hoà (2005), *Tai biến Môi trường*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Nguyễn Đình Hoà, Nguyễn Thế Thôn (2001), *Địa chất môi trường*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), File: *Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ rủi ro thiên tai*.

9.3. Website

<https://phongchongthientai.mard.gov.vn/>
<http://ccdpc.gov.vn/default.aspx>
<http://dmc.gov.vn/>

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á
HISTORY SOUTHEAST ASIA
MÃ HỌC PHẦN: 59 HSA 231

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34		70
2.	Bài tập	6		26
3.	Thực hành	6		
4.	Thảo luận	6		

5.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		54		96

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*.

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam & thế giới; Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nghiêm Thị Hải Yến	0947071866	yennth@tnue.edu.vn
2.	TS. Hoàng Xuân Trường	0974908031	truonghx@tnue.edu.vn
3.	Ths. Nguyễn Thị Trang	0912153607	trangnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Có kiến thức hệ thống về các vấn đề như văn hóa, kinh tế, lịch sử, tiềm năng và triển vọng phát triển của khu vực Đông Nam Á.

* Về kỹ năng

CO2: Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm các nguồn tài liệu; phát triển khả năng tự nghiên cứu; lập luận, nhìn nhận, đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau; sử dụng được các phương pháp trong nghiên cứu lịch sử, quan hệ khu vực, quốc tế.

CO3: Vận dụng những kiến thức lịch sử khu vực Đông Nam Á vào học tập, giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông sau này cũng như trong nghiên cứu các vấn đề xã hội nảy sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

CO5: Có năng lực cập nhật kiến thức, nâng cao sự hiểu biết về lịch sử khu vực và mối quan hệ giữa lịch sử dân tộc với khu vực, có ý thức trách nhiệm thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập; các bài kiểm tra kiến thức và thi vấn đáp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Đông Nam Á là học phần tự chọn, được trình bày dưới dạng chuyên đề. Cấu trúc học phần gồm 4 chương với các nội dung chủ yếu sau: Quá trình nhận thức về khu vực Đông Nam Á; Lịch sử Đông Nam Á từ khởi đầu đến giữa thế kỷ XIX; Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Nam Á và Đông Nam Á trong quá trình hội nhập, phát triển.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Đông Nam Á- Sự nhận thức và những vấn đề khoa học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 LLO2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 1.1. Quá trình nhận thức về Đông Nam Á 1.2. Cảnh quan tự nhiên của khu vực Đông Nam Á 1.3.Đông Nam Á một trung tâm phát sinh chủng tộc (con người và ngôn ngữ) 1.4. Đông Nam Á một nền văn hóa lúa nước	- Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] [2], [3], [4]
LLO9	*Bài tập (1tiết) Vẽ sơ đồ nguồn gốc tiêu chủng Đông Nam Á.	Bài tập cá nhân	A2	
LLO9	Thảo luận (1tiết) Chứng minh Đông Nam Á là một kho tàng tri thức về kinh nghiệm lao động sản xuất trong nông nghiệp.	Thảo luận nhóm	A3	
LLO9 LLO10	*Thực hành (1tiết): Vẽ lược đồ xác định địa bàn Đông Nam Á cổ (đối sánh với khu vực Đông Nam Á hiện đại).	Thực hành nhóm	A4	
LLO8	B. Nội dung tự học (24 tiết): - Lý thuyết (18 tiết): + Tính khu vực của Đông Nam Á. + Phương thức truyền bá văn hoá Trung Hoa và văn hoá Ấn Độ vào khu vực Đông Nam Á. + Đời sống tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á thời cổ - trung đại - Bài tập (2 tiết): So sánh mức độ ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và văn hoá Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á thời cổ - trung đại. - Thảo luận (2 tiết): Chứng minh Đông Nam Á là một trong những nơi xuất hiện loài người sớm nhất. - Thực hành (2 tiết): Xây dựng bài thuyết trình về các lễ hội truyền thống của cư dân canh tác nông nghiệp Đông Nam Á.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	

Chương 2: Đông Nam Á từ khởi đầu đến giữa thế kỷ XIX				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 3 LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 2.1. Cơ sở hình thành các quốc gia cổ đại Đông Nam Á 2.2. Các nhà nước đầu tiên ở Đông Nam Á (TK I- TK VII) 2.3. Các quốc gia cổ đại Đông Nam Á (TK VII - TK X) 2.4. Sự phát triển của các vương triều phong kiến Đông Nam Á (TK X - TK XIX)	Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1]
LLO8	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Vì sao văn hoá Ấn Độ có sức mạnh lan toả ở Đông Nam Á ? (So sánh với văn hoá Trung Hoa).	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
LLO8	* Thực hành: (1 tiết) Vẽ lược đồ về địa bàn các quốc gia cổ đại Đông Nam Á.	Thực hành các nhân	A4	
LLO9	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Xác định những tiêu chí xác định sự hình thành vương quốc dân tộc Đông Nam Á. 2. Vì sao Đông Nam Á hải đảo là nơi thực dân phương Tây xâm nhập, xâm lược sớm nhất ở Đông Nam Á?	SV làm vào vở bài tập cá nhân	A2	
LLO8	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): + Sự xuất hiện các quốc gia của người Thái trên lưu vực sông Mênam. + Các giai đoạn phát triển của vương quốc Lào, Campuchia. - Bài tập (2 tiết): Phân tích nguyên nhân suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. - Thảo luận (2 tiết): + Quá trình phát triển và nguyên nhân suy vong của vương quốc Phù Nam.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc	A1	

	+ Biến động ở Đông Nam Á trước sự xâm lược của đế chế Mông Cổ thế kỷ XIII. - Thực hành (2 tiết): Vẽ lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.	chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.		
Chương 3: Cuộc đấu tranh giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3 LLO4 LLO5 LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lý thuyết: (9 tiết) 3.1. Đấu tranh tự vệ và giải phóng dân tộc (TK XVI- 1920) 3.2. Đông Nam Á giai đoạn 1920- 1945 3.3. Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai: Độc lập dân tộc và phát triển.	-Thuyết trình - Thảo luận - Báo cáo bài tập cá nhân. - Dạy học dựa trên vấn đề - Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [5]
LLO8 LLO10	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Phương pháp đấu tranh giữ nước của các dân tộc Đông Nam Á khi thực dân phương Tây xâm lược ? 2. Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Đông Nam Á là quá trình lựa chọn con đường cứu nước phù hợp nhất với mỗi dân tộc.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
LLO8	* Nội dung bài tập: (1 tiết) Phân tích những khó khăn, thuận lợi của các quốc gia Đông Nam Á trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội sau khi giành độc lập.	Làm vào vở bài tập cá nhân.	A2 A4	

LLO9	*Thực hành: (2 tiết): Đọc và thiết kế nội dung bài giảng (theo chương trình SGK lớp 12 PTTH). SV chọn một trong số các nội dung sau: + Sự thành lập các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. + Quá trình xây dựng và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á. + Sự ra đời của tổ chức ASEAN..			
LLO0 8 LLO1 1	* Bài kiểm tra định kì (01 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV cần chuẩn bị nội dung chương 3.	-Làm bài kiểm tra điều kiện .	A5	
LLO0 8 LLO1 1	B. Nội dung tự học: (25 tiết)			
	- Lý thuyết (18 tiết): + Các hình thức đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á qua các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc. + Lựa chọn con đường cứu nước của các dân tộc Đông Nam Á. + Chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á giành được độc lập sau năm 1945. - Bài tập (3 tiết): - Phân tích thời cơ giành độc lập của các dân tộc Đông Nam Á năm 1945. - Thảo luận (2 tiết): - Chính sách đối ngoại của vương quốc Xiêm (Thái Lan) - Thực hành (2 tiết): - Vẽ lược đồ xác định phạm vi thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp ở khu vực Đông Nam Á.	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành, thảo luận báo cáo tại lớp.	A1	[1] [5]
Chương 4: Đông Nam Á: Hợp tác và phát triển				

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lý thuyết: (9 tiết) 4.1. Đông Nam Á từ đối đầu đến đối thoại (1975-1990) 4.2. Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh đến nay	-Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu	A1	[1] [2]
LLO9 LLO1 1	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Quan hệ của Việt Nam với khối nước ASEAN sau khi thống nhất đất nước. 2. Liên kết ASEAN trong tiến trình phát triển.	Báo cáo cá nhân, tranh biện	A3	
LLO8	* Bài tập (2 tiết) Quan hệ của Việt Nam với các nước ASEAN sau năm 1975.		A2	
LLO0 8 LLO1 1	* Bài kiểm tra định kì số 2 (1 tiết) - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: tự luận - Yêu cầu SV cần chuẩn bị nội dung chương 3.	-Làm bài kiểm tra điều kiện .	A6	
LLO9	*Thực hành: (2 tiết) Sưu tầm tư liệu (ảnh, video) xây dựng bài báo cáo thuyết trình: “ASEAN : Lịch sử và hiện tại”.		A4	
LLO8 LLO1 0 LLO1 1	C. Nội dung tự học: (24 tiết) - Lý thuyết (17 tiết): + Hợp tác nội khối, ngoại khối của các nước ASEAN. + Quan hệ của Việt Nam với Lào và Campuchia sau năm 1995 đến nay. + Thành tựu cơ bản của tổ chức ASEAN về hợp tác kinh tế, an ninh - chính trị sau năm 1991. + Nguyên nhân và giải pháp thoát khỏi khủng hoảng an ninh - chính trị ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1979 - 1991. - Bài tập (3 tiết): Phân tích triển vọng phát triển của tổ chức ASEAN. - Thảo luận (2 tiết):	SV đọc tài liệu hoàn thành các nhiệm vụ GV giao. - Kết quả học tập ghi chép vào vở bài tập cá nhân, GV kiểm tra trực tiếp khi kết thúc chương học. - Nội dung thực hành,	A1	[1] [2]

Tác động của các nước lớn ở Đông Nam Á sau năm 1989. - Thực hành (2 tiết): Viết Báo cáo cá nhân về hoạt động của lực lượng không bộ và hợp tác chống không bộ của Mỹ với các nước ASEAN ở khu vực Đông Nam Á những năm đầu thế kỷ XXI.	thảo luận báo cáo tại lớp.		
---	----------------------------------	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập và làm bài tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm theo các chương.

- Seminar: Hoàn thành bài thảo luận theo nội dung yêu cầu ở từng chương học.

Nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Nhiệm vụ tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân (tự học) nộp vào cuối kì.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1.Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,2,3,4,5,6,7
2	A2.Bài tập cá nhân	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,6,7
3	A3.Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1,2,3,4,6,7
4	A4.Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,2,3,4,5,6,7
5	A5.Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,6
6	A6.Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,6
Thi kết thúc học phần					
7	A7.Vấn đáp	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết.	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết.
Bài tập cá nhân (5%)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện đạt <50% nhiệm vụ, nộp muộn.	Thực hiện đạt 50 - 64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn.	Thực hiện đạt 65 -79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn.	Thực hiện đạt 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn hoặc nộp trước thời hạn.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng 50% - 64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% -79% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm tốt, đáp ứng đáp ứng 80% - 100 % yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu.	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Sử dụng công nghệ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Biết sử dụng công nghệ đáp ứng 50% - 64% yêu cầu.	Ứng dụng tương đối tốt công nghệ để giải quyết 65% - 79% nhiệm vụ học tập.	Sử dụng tốt công nghệ đáp ứng 80 - 100% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Ít sáng tạo, giải quyết dưới	Có ý tưởng sáng tạo để giải quyết 50 -	Có sự sáng tạo tốt để giải quyết 65 -	Ý tưởng rất sáng tạo trong giải quyết

		50% nhiệm vụ học tập.	64% nhiệm vụ học tập.	79% nhiệm vụ học tập.	nhiệm vụ học tập.
Thảo luận (5%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% - 79% yêu cầu đặt ra.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu (trên 80%).
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Lập luận giản đơn, thiếu logic, chỉ giải quyết được dưới 50% nội dung thực hành.	Bước đầu có lập luận khoa học, giải quyết được 50-64% nội dung thực hành.	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic, giải quyết được 65-79% nội dung thực hành.	Lập luận có căn cứ, dẫn chứng khoa học và logic, giải quyết trên 80% nội dung thực hành.
Trình bày báo cáo rõ ràng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Trình bày thiếu mạch lạc.	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học.	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học.	Trình bày báo cáo rất rõ ràng, khoa học, tự tin.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Ít có sự tương tác.	Có sự tương tác cơ bản.	Tương tác tốt.	Tương tác rất tốt, có sự phối hợp linh hoạt các thao tác.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trả lời đạt dưới 50% yêu cầu, ít thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng.	Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi đầy đủ, nội dung trả lời có lập luận, khoa học
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến ≤ 2,0
		Nhóm ít có sự phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo và trả lời, chỉ giải quyết 50% nhiệm vụ được giao.	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, đạt từ 50 - 64% nhiệm vụ học tập.	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, giải quyết được 65 - 79% nhiệm vụ học tập.	Nhóm phối hợp rất tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau khi báo cáo và trả lời, giải quyết được trên 80% nhiệm vụ học tập.

Thực hành (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít nêu ý kiến, nêu vấn đề.	Chủ động nêu vấn đề thảo luận.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ.	Chủ động, linh hoạt, sáng tạo tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Chỉ thực hiện được dưới 50% thao tác, quy trình.	Thực hiện được 50%-64% thao tác, quy trình.	Thực hiện đủ thao tác, quy trình (từ 65-79%).	Thực hiện đầy đủ, chính xác, linh hoạt các thao tác, quy trình (trên 80%).
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Có kết quả đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Kết quả về cơ bản đầy đủ, đáp ứng 50-64% yêu cầu.	Kết quả đầy đủ, đáp ứng 65-79% yêu cầu được giao.	Kết quả đầy đủ, đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao.
Kết quả được giải thích và chứng minh	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít giải thích và chứng minh.	Bước đầu có sự giải thích, chứng minh.	Có lập luận để giải thích và chứng minh nội dung thực hành.	Lập luận, dẫn chứng chặt chẽ, khoa học để chứng minh kết quả nội dung thực hành.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Báo cáo đạt dưới 50% yêu cầu.	Báo cáo thực hành đạt 50-64% yêu cầu.	Báo cáo thực hành đúng, đủ đạt 65-79% yêu cầu.	Báo cáo rất tốt, đạt trên 80% yêu cầu.

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Lương Ninh (chủ biên) (2008), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Giáo dục, HN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Mai Ngọc Chừ (1998), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3] Ngô Văn Doanh (1997), *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

[4] D.G.E HALL (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Phạm Nguyên Long (1997), *ASEAN những vấn đề và xu hướng*, Nxb KHXH HN.

TÊN HỌC PHẦN:

LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM

MÃ HỌC PHẦN:

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	34	70
2	Bài tập	6	26
3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	6	
5	Kiểm tra, đánh giá	02	
Tổng		54	96

- Loại học phần: Tự chọn.
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lịch sử Việt Nam và Thế giới, Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
2	TS. Hoàng Xuân Trường	0974.908.031	truonghx@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Trang	0914.563.906	trangnt.his@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

- CO1: Người học được trang bị hệ thống những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, bản chất, nhân tố tác động đến ngoại giao Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.
- CO2: Có hiểu biết về các sự kiện có tính chất bước ngoặt, các nhân vật tiêu biểu trong mỗi giai đoạn lịch sử.

* Về kỹ năng

- CO3: Rèn luyện cho người học phương pháp tiếp cận, phân tích tình hình thế giới, khu vực và trong nước để đánh giá khách quan những hoạt động ngoại giao trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể.
- CO4: Người học có khả năng sưu tầm và khai thác được các nguồn tư liệu liên quan đến các sự kiện, nhà ngoại giao Việt Nam để thiết kế chủ đề giáo dục học sinh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Hình thành thái độ và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động ngoại giao trong lịch sử Việt Nam.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về bối cảnh, chủ trương và các hoạt động ngoại giao thời kì hiện đại, theo phân kì được tính từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Tuy nhiên, để làm rõ hơn về vai trò xuyên suốt của đấu tranh ngoại giao trong lịch sử dân tộc, học phần còn cung cấp cho sinh viên

những kiến thức cơ bản về thực tiễn ngoại giao Việt Nam từ thời kì dựng nước đến năm 1945.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Ngoại giao Việt Nam trước năm 1945				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-3 LLO4, 5,6 LLO4, 5,6 LLO4, 5,6 LLO1-3	A.Nội dung thực hiện trên lớp:(10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Ngoại giao Việt Nam thời kì dựng nước và thời kì Bắc thuộc (thế kỉ VII TCN đến thế kỉ IX) 1.2. Ngoại giao Việt Nam thời kì phong kiến độc lập (từ thế kỉ IX đến cuối thế kỉ XIX) 1.3. Ngoại giao Việt Nam từ năm 1884 đến năm 1930 1.4. Ngoại giao Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945.	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1	[1],[5]
	*Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) Phân tích ý nghĩa hoạt động ngoại giao của Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.	- Làm vào vở bài tập cá nhân. - Báo cáo kết quả trên lớp.	A2	
	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Sưu tầm những truyện đọc lịch sử, những hình ảnh, video lịch sử về hoạt động ngoại giao của Việt Nam qua các giai đoạn đã học.	Thực hành	A4	
	* Nội dung thảo luận: (1 tiết) Phân kì các giai đoạn trong lịch sử ngoại giao Việt Nam từ thời kì dựng nước đến nay. Nêu cơ sở phân kì và phân tích đặc điểm ngoại giao của từng giai đoạn. Đánh giá ý nghĩa của hoạt động ngoại giao.	- Thảo luận theo nhóm.	A3	
	B. Nội dung tự học: 25 tiết - Lý thuyết (20 tiết): Tìm hiểu quá trình xâm lược trở lại của thực dân Pháp tại Việt Nam. - Thực hành (5 tiết): Ngoại giao của Việt Nam dưới triều Nguyễn.	Đọc giáo trình và hoàn thiện nội dung tự học vào vở. Báo cáo kết quả thực hành tại lớp.	A1	

Chương 2: Ngoại giao Việt Nam thời kì 1945 - 1954				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7-9 LLO10-11 LLO10-11 LLO10-11 LLO7-9	A. Nội dung thực hiện trên lớp: (16 tiết) *Nội dung giảng dạy lý thuyết: (10 tiết) 2.1. Ngoại giao trong năm đầu đấu tranh bảo vệ và xây dựng chế độ mới (9/1945 – 12/1946) 2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 2.1.2. Chủ trương ngoại giao 2.1.3 Hoạt động ngoại giao 2.2. Ngoại giao trong thời kì toàn quốc kháng chiến (1946 - 1954) 2.2.1. Giai đoạn 1947 – 1950 2.2.2. Giai đoạn 1950 – 1954	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1	[1],[2], [3],[4]
	* Nội dung bài tập: (2 tiết) 1. Lập bảng tóm tắt các hoạt động ngoại giao tiêu biểu của chính phủ Việt Nam DCCCH từ năm 1945 đến cuối năm 1946. 2. Đánh giá vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạt động ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1945-1946.	- Bài tập cá nhân.	A2	
	* Nội dung thực hành: (2 tiết) GV tổ chức lớp học thành các nhóm học tập, các nhóm xây dựng kịch bản và diễn xuất theo 5 chủ đề về Pháp, Anh, Mỹ, Liên Xô, Việt Nam, Trung Quốc, xoay quanh nội dung kiến thức về hội nghị Giơnevơ.	Thực hành	A4	
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Giảng viên cho sinh viên xem phim tư liệu về hội nghị Genevơ, yêu cầu sinh viên thực hiện các nhiệm vụ sau: 1. Đánh giá kết quả hội nghị Giơnevơ đối với các nước tham gia. 2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của Hiệp định.	- Thực hiện thảo luận theo nhóm.	A3	
	Nội dung tự học: (25 tiết) - Lý thuyết (20 tiết): Bối cảnh quốc tế từ 1945 đến 1947? - Bài tập (5 tiết): Phân tích các yếu tố quốc tế ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.	Đọc giáo trình và hoàn thiện nội dung tự học lý thuyết vào vở. Báo cáo kết quả bài tập tại lớp.	A1	

Chương 3: Ngoại giao Việt Nam thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12-14 LLO15, 16 LLO15, 16 LLO15, 16 LLO12-14	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) *Nội dung giảng dạy lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Giai đoạn 1954 – 1967 3.2. Giai đoạn 1967 – 1973 3.3. Giai đoạn 1973 – 1975	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1	[1],[2], [3],[4]
	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) 1. Chứng minh nhận định: “ <i>Chúng ta chỉ giành được trên bàn đàm phán cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường</i> ”. 2. Đánh giá kết quả hội nghị Paris? Tại sao nói từ Hiệp định Sơ Bộ đến Hiệp định Paris ta đã giành được quyền dân tộc cơ bản?	Bài tập	A2	
	* Kiểm tra bài định kì (1 tiết) - Thời gian: 50 phút; - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A5	
	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Đọc tóm tắt cuốn sách Trung – Xô – Mỹ cuộc đối đầu lịch sử , báo cáo trước lớp nội dung quyển sách này.	Thực hành	A4	
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) 1. Mâu thuẫn Xô- Trung và ảnh hưởng đến chính sách ngoại giao của Việt Nam. 2. Tại sao từ năm 1967, ngoại giao lại chính thức trở thành một mặt trận?	- Thảo luận theo nhóm.	A3	
	Nội dung tự học: 25 tiết - Lý thuyết (15 tiết): Phân tích mối quan hệ giữa mặt trận quân sự và mặt trận ngoại giao thời kì 1967-1973 - Bài tập (5 tiết): Những hoạt động ngoại giao của Việt Nam trong việc đấu tranh thi hành hiệp định Giơnevơ.	Đọc giáo trình và hoàn thiện nội dung tự học lý thuyết vào vở. Báo cáo kết quả bài tập và thảo luận tại lớp.	A1	

	- Thảo luận (5 tiết): Bối cảnh lịch sử tác động đến ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1967 – 1973.			
Chương 4: Ngoại giao Việt Nam trong thời kì xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đổi mới và hội nhập quốc tế (1975 – nay)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO17-19 LLO3,7,8,9,13,17 LLO20,21 LLO20,21 LLO17-19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (9 tiết) 4.1. Ngoại giao thời kì 1975 – 1986 4.2. Ngoại giao thời kì 1986 – nay	- Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.	A1	[1],[2],[3],[4]
	* Kiểm tra bài định kì (1 tiết) - Thời gian: 50 phút; - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A6	
	* Nội dung thực hành: (1 tiết) Chia nhóm: Chuẩn bị cho hoạt động Sân khấu hóa lịch sử theo chủ đề: Hướng về biển đảo.	Thực hành	A4	
	*Nội dung thảo luận: (1 tiết) 1. Đánh giá chủ trương, hoạt động, đặc điểm ngoại giao (Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân) qua các giai đoạn: 1975-1986, 1986-1995, 1995-2005, 2005-nay. 2. Ôn tập thi học kì, giải đáp các thắc mắc, công bố điểm.	- SV thực hiện thảo luận theo nhóm.	A3	
	Nội dung tự học: (21 tiết) - Lý thuyết (15 tiết): Việc thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2010 - Bài tập (6 tiết): So sánh ngoại giao Việt Nam trong 2 giai đoạn: 1975-1986 và 1986 đến nay.	Đọc giáo trình và hoàn thiện nội dung tự học lý thuyết vào vở. Báo cáo kết quả bài tập tại lớp.	A1	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học theo yêu cầu của GV: Đọc tài liệu học tập và hoàn thành các bài tập trước khi đến lớp.
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.
- Thực hành: Hoàn thành nội dung thực hành theo nhóm.
- Hoàn thành nội dung thảo luận theo chương.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kì.
- Sản phẩm tự học cần nộp: Vở bài tập.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1.Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- 7
2	A2.Bài tập	5%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,3,7
3	A3.Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO14,6,7
4	A4.Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1,4,
5	A5.Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,4
6	A6.Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO1,4,7
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm	CLO1- CLO5; CLO7-CLO8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50%	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79%	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài

và tham gia các hoạt động trong giờ học		nhiệm vụ học tập được giao.	học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	2,5 đến < 3,3 Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	3,3 đến < 4,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	4,0 đến 5,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết.
Bài tập cá nhân (5%)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2,0	0 đến < 1,0 Thực hiện đạt <50% nhiệm vụ, nộp muộn.	1,0 đến < 1,2 Thực hiện đạt 50 - 64% nhiệm vụ, nộp đúng hạn.	1,2 đến < 1,6 Thực hiện đạt 65 -79% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	1,6 đến 2,0 Thực hiện đạt 80 - 100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn hoặc trước thời hạn.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5,0	0 đến < 2,5 Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu	2,5 đến < 3,3 Nội dung sản phẩm đáp ứng 50% - 64% yêu cầu	3,3 đến < 4,0 Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% -79% yêu cầu	4,0 đến 5,0 Nội dung sản phẩm tốt, đáp ứng đáp ứng 80% -100 % yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0 Sử dụng công nghệ đáp ứng dưới 50% yêu cầu	1,0 đến < 1,2 Biết sử dụng công nghệ đáp ứng 50% - 64% yêu cầu	1,2 đến < 1,6 Ứng dụng tương đối tốt công nghệ, giải quyết 65% - 79% yêu cầu.	1,6 đến 2,0 Sử dụng tốt công nghệ đáp ứng 80 - 100% yêu cầu
Ý tưởng sáng tạo	1,0	0 đến < 0,5 Ít sáng tạo, giải quyết dưới 50% nhiệm vụ học tập.	0,5 đến <0,6 Có ý tưởng sáng tạo để giải quyết 50 - 64% nhiệm vụ học tập.	0,6 đến < 0,8 Có sự sáng tạo tương đối tốt để giải quyết 65-79% nhiệm vụ học tập.	0,8 đến 1,0 Ý tưởng rất sáng tạo trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập.
Thảo luận (5%)					
	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65%-79% yêu cầu đặt ra.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu (trên 80%)
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Lập luận giản đơn, thiếu logic, chỉ giải quyết được dưới 50% nội dung thực hành	Bước đầu có lập luận khoa học, giải quyết được 50-64% nội dung thực hành	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic, giải quyết được 65-79% nội dung thực hành	Lập luận có căn cứ, dẫn chứng khoa học và logic, giải quyết trên 80% nội dung thực hành
Trình bày báo cáo rõ ràng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Trình bày thiếu mạch lạc	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học.	Trình bày báo cáo rất rõ ràng, khoa học, tự tin.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Ít có sự tương tác	Có sự tương tác cơ bản	Tương tác tốt	Tương tác rất tốt, có sự phối hợp linh hoạt các thao tác.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trả lời đạt dưới 50% yêu cầu, ít thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi đầy đủ, nội dung trả lời có lập luận, khoa học
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến ≤ 2,0
		Nhóm ít có sự phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo và trả lời, chỉ giải quyết	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, đạt từ 50 -	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, giải quyết được 65	Nhóm phối hợp rất tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, giải quyết

		50% nhiệm vụ được giao.	64% nhiệm vụ học tập	- 79% nhiệm vụ học tập	được trên 80% nhiệm vụ học tập.
Thực hành (10%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít nêu ý kiến, nêu vấn đề	Chủ động nêu vấn đề thảo luận	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Chủ động, linh hoạt, sáng tạo tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Chỉ thực hiện được dưới 50% thao tác, quy trình	Thực hiện được 50%-64% thao tác, quy trình	Thực hiện đủ thao tác, quy trình (từ 65-79%)	Thực hiện đầy đủ, chính xác, linh hoạt các thao tác (trên 80%)
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Có kết quả đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao	Kết quả về cơ bản đầy đủ, đáp ứng 50-64% yêu cầu được giao	Kết quả đầy đủ, đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao	Kết quả rất đầy đủ, đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao
Kết quả được giải thích và chứng minh	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Ít giải thích và chứng minh	Bước đầu có sự giải thích, chứng minh	Có lập luận để giải thích và chứng minh nội dung thực hành	Lập luận, dẫn chứng chặt chẽ, khoa học để giải thích và chứng minh kết quả
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	2,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Báo cáo đạt dưới 50% yêu cầu	Báo cáo thực hành đạt 50-64% yêu cầu	Báo cáo thực hành đúng, đủ đạt 65-79% yêu cầu	Báo cáo rất tốt, đạt trên 80% yêu cầu

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hà Thị Thu Thủy, Hoàng Thị Mỹ Hạnh (2020), *Lịch sử ngoại giao Việt Nam*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Bá Đệ (2000), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Trần Bá Đệ (2007), *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Nguyễn Xuân Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam 1945 – 2000*, NXB Giáo dục Hà Nội.

[5] Lưu Văn Lợi (2000), *Ngoại giao Đại Việt*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC
EDUCATIONAL PSYCHOLOGY

MÃ HỌC PHẦN: 59EPS431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	28	0	56
2.	Bài tập	06	0	34
3.	Thực hành	16	0	
4.	Thảo luận	08	0	
5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		60	0	90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoalt@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* *Kiến thức:*

CO1. Trình bày được những vấn đề cơ bản của khoa học tâm lý.

- CO2. Phân tích được lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý trẻ em qua từng thời kỳ lứa tuổi;
- CO3. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục;
- CO4. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

*** Kỹ năng**

- CO5. Vận dụng có hiệu quả kiến thức chung tâm lý học giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục.
- CO6. Nghiên cứu được các đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh.
- CO7. Thiết kế được qui trình hình thành khái niệm và các hoạt động nhằm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh.
- CO8. Hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT vượt qua những khó khăn tâm lý trong học tập và trong cuộc sống.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- CO9. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm. Lập kế hoạch, điều phối được các nguồn lực tham gia vào hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO3, 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giáo dục 1.1.1. Tâm lý học là gì? 1.1.2. Tâm lý học giáo dục là gì? 1.1.3. Đối tượng của Tâm lý học giáo dục 1.1.4. Nhiệm vụ của Tâm lý học giáo dục 1.1.5. Các phương pháp nghiên cứu của tâm	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Thảo luận nhóm	A1 A2	[1; Mục 1.1-1.2 từ trang 8-52],

	lý học giáo dục 1.1.6. Quan hệ giữa tâm lý học giáo dục với các chuyên ngành khoa học khác			[2]; [3];
LLO2	1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý 1.2.1. Bản chất của tâm lý người 1.2.2. Chức năng của tâm lý 1.2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý 1.3. Nhận thức – Tình cảm – Ý chí	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO2	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Giải thích bản chất của hiện tượng tâm lý người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. 2. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng tâm lý trong hai câu thơ sau: " <i>Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ</i> " (Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du) 3. " <i>Cùng trong một tiếng tơ đồng/Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm</i> " (Trích Truyện Kiều- Nguyễn Du). Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng tâm lý trong câu thơ trên. 4. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng <i>những em bé khi mới sinh ra không được sống trong xã hội loài người, do động vật nuôi thì tâm lý mất đi bản tính người.</i> 5. Vận dụng kiến thức về phân bản chất tâm lý người để giải thích hiện tượng <i>anh chị em sinh đôi nhưng tính cách trái ngược nhau.</i>	<i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO1, 2,3	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - Vận dụng kiến thức phân bản chất tâm lý người và kiến thức thực tiễn để làm rõ 3 mặt của đời sống tâm lý người: Nhận thức – Tình cảm – Ý chí.	<i>Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên</i>	A2	

	- Chuẩn bị các chủ đề thảo luận theo phân công của giảng viên.			
Chương 2: SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (7 tiết) 2.1. Lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1.1. Các quan niệm khác nhau về trẻ em 2.1.2. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1.3. Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý trẻ em	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i>	A1 A2	[1; Mục 2.1-2.2 từ trang 53-99]; [2]; [3]; [4]; [5]
LLO6	2.1.4. Các quy luật phát triển tâm lý trẻ em 2.1.4.1. <i>Quy luật toàn vẹn</i> 2.1.4.2. <i>Quy luật không đồng đều</i> 2.1.4.3. <i>Quy luật mềm dẻo</i>	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO5, 67,8,9, 10	2.1.5. Phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em 2.2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi 2.2.1. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn trước tuổi học sinh 2.2.2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn tuổi học sinh.	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO6, 7,8,9,10	* Nội dung thảo luận: (5 tiết) 1. Nhận định về trẻ em J. Lóc cơ cho rằng: “Trẻ em như tờ giấy trắng, như tấm bảng sạch sẽ mà người lớn, nhà giáo dục muốn vẽ gì lên đó thì vẽ”. Dựa vào các quan điểm về sự phát	<i>Thảo luận nhóm</i>		

	triển tâm lý trẻ em đã học, hãy đưa ra những đánh giá cho nhận định trên. 2. Suy tầm những câu thơ, quan niệm về tình yêu của tuổi học trò. 3. Bằng kiến thức tâm lý lứa tuổi đã học hãy chứng minh: Học sinh THCS là lứa tuổi chuyển tiếp, bắc cầu giữa trẻ em và người lớn. 4. Dựa vào phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em, hãy chứng minh: <i>Sự phát triển tâm lý trẻ em thể hiện được sự phát triển từ "không" đến "có", từ "có" đến trình độ cái tâm lý được định hình, rồi nó được chuyển hoá để phát triển ở mức độ ngày càng cao và cuối cùng đạt tới mức hoàn thiện.</i>			
LLO5-10	* Nội dung bài kiểm tra định kì số 1: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	<i>Tổ chức, triển khai kiểm tra</i>	A1; A4	
LLO5, 6,7,8,9,10	B. Nội dung tự học: (17 tiết) - Vận dụng kiến thức lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em và kiến thức thực tiễn để làm rõ các quy luật phát triển tâm lý trẻ em. - Chuẩn bị các chủ đề thảo luận, thực hành theo phân công của giảng viên.	<i>Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên</i>	A1; A2; A3	
Chương 3: CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 3.1. Hoạt động dạy 3.1.1. Khái niệm chung về hoạt động dạy 3.1.2. Đối tượng của hoạt động dạy 3.1.3. Một số đặc điểm của hoạt động dạy 3.1.4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 3.2. Hoạt động học 3.2.1. Khái niệm hoạt động học 3.2.2. Đối tượng hoạt động học 3.2.3. Đặc điểm của hoạt động học 3.2.4. Hình thành hoạt động học	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	-A1; A3	[1; Mục 3.1-3.2-3.3-3.4 từ trang 100-133] ; [2]; [3]; [4]

LLO12 ,13	3.3. Sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo 3.3.1. Sự hình thành khái niệm 3.3.2. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO11 ,12,13, 14	* Nội dung thực hành: (4 tiết) 1. Hình thành các khái niệm cho học sinh bằng một bài giảng cụ thể do nhóm tự chọn. 2. Đề xuất hệ thống Biện pháp xây dựng động cơ học tập cho sinh viên trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.	- <i>Đóng vai</i> - <i>Thực hành nhóm</i>		
LLO11 ,12,13	B. Nội dung tự học: (18 tiết) - Phân tích làm rõ mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ. - Vận dụng các lý thuyết dạy học hiện đại để xây dựng kế hoạch dạy học. - Chuẩn bị các chủ đề thực hành theo phân công của giảng viên.	<i>Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên</i>	A1;A2; A3	
Chương 4: CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC CỦA GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 4.1. Đạo đức và hành vi đạo đức 4.1.1 Khái niệm đạo đức 4.1.2. Hành vi đạo đức 4.1.2.1. Khái niệm hành vi đạo đức 4.1.2.2. Các tiêu chuẩn giá trị của hành vi đạo đức	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1;A3	[1; Mục 4.1- 4.2- 4.3 từ tran g 134- 148, [2]
LLO16	4.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 4.2.1. Các thành phần tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i>		

	4.2.2. Mối quan hệ giữa các thành phần tâm lý trong cấu trúc của hành vi đạo đức	- <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO17,18,19,24	4.3. Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO17,18,19,24	* Nội dung bài tập: (3 tiết) Làm rõ nhận định sau: + “Trong lĩnh vực đạo đức, chỉ riêng ý định trung thực chưa đủ điều kiện để hành vi đạt kết quả tốt nhất”. + “Dù anh có xây dựng được bao nhiêu khái niệm đúng đắn về điều phải làm, tôi có thể nói với anh rằng: anh chẳng giáo dục gì hết nếu không giáo dục thói quen cho các em” (Macarengo)	Làm việc nhóm		
LLO15-18	* Nội dung bài kiểm tra định kỳ số 2: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A5	
LLO15,16,17,18	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đánh giá thực trạng đạo đức của học sinh, sinh viên hiện nay và đề xuất một số biện pháp khắc phục tình trạng vi phạm chuẩn mực đạo đức của người học. - Chuẩn bị các bài tập theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	
Chương 5: HỖ TRỢ TÂM LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO20,21	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lý thuyết: (9 tiết) 5.1. Những vấn đề chung của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học 5.1.1. Bản chất của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i>		[1; Mục 5.1-5.2-5.3 từ

	5.1.2. Vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.1.3. Những chủ thể tham gia hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.1.4. Một số nguyên tắc đạo đức hỗ trợ tâm lý cơ bản trong nhà trường 5.1.5. Một số kỹ năng hỗ trợ tâm lý cơ bản trong nhà trường 5.1.6. Các bước hỗ trợ tâm lý trong nhà trường	- <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1; A2; A3	trang 149-184]; [2]
LLO21	5.2. Những khó khăn tâm lý của học sinh và hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 5.2.1. Những khó khăn tâm lý của học sinh 5.2.1.1. <i>Học sinh tiểu học</i> 5.2.1.2. <i>Học sinh THCS</i> 5.2.1.3. <i>Học sinh THPT</i> 5.2.2. Hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO22 -23,25	* Nội dung thực hành: (12 tiết) 1. Thiết kế hệ thống các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó. 2. Thực hành đóng vai các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó.	<i>Thực hành nhóm</i>		
LLO10 -23,24	* Nội dung bài tập: (3 tiết) 1. Chứng minh rằng: Tại sao để hỗ trợ cho học sinh được tốt nhất, người giáo viên cần thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về tâm lý lứa tuổi học sinh và các kiến thức về tư vấn tâm lý học đường? 2. Sưu tầm các tình huống về khó khăn tâm lý trong học tập, giao tiếp, trong các mối quan hệ... của HS tiểu học, THCS, THPT và vận dụng kiến thức thuộc phần hỗ trợ tâm lý trong trường học để giải quyết tình huống đó (thiết	<i>Làm việc nhóm</i>		

	kể dưới dạng video clip, infographic, poster...).			
LLO20-24	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - Đánh giá vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường và xác định những chủ thể tham gia hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường. - Chuẩn bị bài tập, chủ đề thực hành theo phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Bài tập, Thảo luận: Hoàn thành bài tập, 01 bài thảo luận chương 2 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 2 và chương 4 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-13
2	A2. Bài tập, Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,8
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,9,11-13
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 5,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6,0	0 đến <3,0	3,0 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%

Bài tập, Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến <2,0	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kì (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng.		
Thi kết thúc học phần (50%)					
Hình thức: Trắc nghiệm			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề.		

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, (2016), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Thành Nghị, (2013), *Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Lê Văn Hồng, (Chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Phan Trọng Ngo, (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[5] Nguyễn Quang Uẩn, (Chủ biên, 2009), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: **GIÁO DỤC HỌC**
PEDAGOGY

MÃ HỌC PHẦN: 59PEP431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	29	0	51
2	Bài tập	08	0	40
3	Thực hành	12	0	
4	Thảo luận	8	0	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	0	
Tổng		59	0	91

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59EPS331, Tâm lý học giáo dục

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Nguyễn T. Thanh Huyền	0983.856.727	huyenntt.psy@tnue.edu.vn
2	TS. Hà Thị Kim Linh	0982.207.398	linhhtk@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
4	TS. Lê Thùy Linh	0979.438.777	linhlth@tnue.edu.vn
5	TS. Hoàng Trung Thắng	0382.987.123	thanght@tnue.edu.vn
6	TS. Dương Thị Nga	0987.936.938	ngadt@tnue.edu.vn

7	TS. Đàm Thị Kim Thu	0904.532.313	thudtk@tnue.edu.vn
8	ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu	0915.212.911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

CO1: Phân tích được chức năng xã hội của giáo dục, tính quy định của xã hội đối với giáo dục, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học, cấu trúc của quá trình giáo dục, xu hướng phát triển giáo dục, mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

CO2: Phân tích được những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường.

CO3: Giải thích được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

CO4: Vận dụng được kiến thức chung của Khoa học giáo dục; Lý luận dạy học, lý luận giáo dục, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp trong thiết kế, tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục.

CO5: Có năng lực làm việc độc lập, hợp tác nhóm trong nghiên cứu và ứng dụng GDH vào thực tiễn; chịu trách nhiệm cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn...góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết): 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1.1. Sự nảy sinh phát triển của giáo dục 1.1.2. Tính qui định của xã hội đối với giáo dục	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i>	- A1	[1] chương 1 [2], chương 1

LLO2 LLO3 LLO4	1.1.3. Các chức năng xã hội của giáo dục 1.2. Giáo dục học là một khoa học 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học 1.2.3. Các phạm trù cơ bản của Giáo dục học 1.2.4. Phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 1.2.5. Các chuyên ngành của Giáo dục học 1.2.6. Mối quan hệ giữa Giáo dục học với các khoa học khác 1.3. Xu thế phát triển của giáo dục hiện nay 1.3.1. Bối cảnh của xã hội hiện nay 1.3.2. Những yêu cầu đặt ra cho giáo dục	- <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>		
LLO2 LLO3	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm (1 tiết): Xác định mục đích, nhiệm vụ, nghiên cứu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu cho đề tài thuộc lĩnh vực Khoa học giáo dục	- <i>Hoàn thành bài cá /nhóm nộp theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	* Nội dung thảo luận (1 tiết): 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Chức năng xã hội của giáo dục trong đời sống hiện nay	- <i>Thảo luận nhóm & hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1	
LLO1 LLO2 LLO3 LLO4	B. Nội dung tự học (13 tiết): 1. Chức năng xã hội của giáo dục 2. Mối quan hệ giữa yêu cầu xã hội với giáo dục 3. Xu thế phát triển của giáo dục 4. Nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Thông tư 32/2018	- <i>Nêu vấn đề, Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Viết báo cáo thu hoạch sản phẩm</i>	- A1	[1] chương 1 [2], chương 1
Chương 2: Mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân				

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5 LLO6 LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (5 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (3 tiết): 2.1 Mục tiêu và nguyên lí giáo dục 2.1.1. Mục tiêu giáo dục 2.1.2. Nguyên lí giáo dục 2.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2.2.1 Khái niệm 2.2.2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 2.3. Chương trình giáo dục 2.3.1. Chương trình giáo dục mầm non 2.3.2. Chương trình giáo dục phổ thông 2.3.3. Chương trình giáo dục nghề nghiệp 2.3.4. Chương trình giáo dục đại học	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>	- A1 - A3	[1] chương 3 [2], chương 3
LLO7	* Nội dung Bài tập cá nhân (1tiết) Vẽ sơ đồ cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và làm rõ mối quan hệ giữa các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân	- <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Làm bài tập theo hướng dẫn</i>	- A1	
LLO5 LLO6	* Nội dung thảo luận (1tiết): Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi mục đích và mục tiêu giáo dục hiện nay	- <i>Hoàn thành sản phẩm thảo luận theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1	
LLO5 LLO6 LLO7	B. Nội dung tự học (7 tiết): 1. Hệ thống giáo dục của Việt Nam 2. Mối quan hệ giữa các cấp bậc học thông qua ví dụ cụ thể	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Viết báo cáo thu</i>	- A1	[1] [2]

	3. Nghiên cứu chương trình giáo dục môn học thuộc chuyên ngành và mô tả cấu trúc môn học của cấp học hiện hành	hoạch sản phẩm		
Chương 3: Quá trình dạy học và giáo dục ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO8 LLO9 LLO10 LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (14 tiết): 3.1. Quá trình dạy học 3.1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình dạy học 3.1.2. Các nhiệm vụ của quá trình dạy học 3.1.3. Bản chất của quá trình dạy học 3.1.4. Động lực của quá trình dạy học 3.1.5. Logic của quá trình dạy học 3.1.6. Nguyên tắc dạy học 3.1.7. Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học 3.1.7.1 Phương pháp dạy học a) Phương pháp thuyết trình b) Phương pháp vấn đáp c) Phương pháp trình bày trực quan d) Phương pháp luyện tập, thí nghiệm e) Phương pháp dạy học nêu vấn đề f) Phương pháp dạy học tình huống g) Phương pháp dạy học dự án h) Phương pháp thảo luận nhóm 3.1.7.2 Hình thức tổ chức dạy học	- Thuyết trình (của GV) - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm nhỏ - Vấn đáp - Nghiên cứu tài liệu học tập - Tình huống	- A1 - A2 - A3 - A4	[1] chương 4 [2], chương 4

a) Hình thức dạy học Lớp- Bài b) Hình thức đoạt động ngoại khoá c) Hình thức tham quan học tập d) Hình thức phụ đạo (giúp đỡ riêng) e) Seminar. f) Hình thức trực tuyến, dạy học kết hợp g) Hình thức tự học Kiểm tra 1 tiết 3.2. Quá trình giáo dục 3.1.1. Những vấn đề chung về quá trình giáo dục 3.1.1.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục 3.1.1.2. Các nhiệm vụ của quá trình giáo dục 3.1.1.3. Bản chất của quá trình giáo dục 3.1.1.4. Động lực của quá trình giáo dục 3.1.1.5. Logic của quá trình giáo dục 3.1.1.6. Nguyên tắc giáo dục 3.1.1.7 Phương pháp giáo dục a) Đàm thoại b) Giảng giải c) Kể chuyện d) nêu gương e) Giao việc f) Luyện tập g) Rèn luyện h) Kỹ luật tích cực i) Đóng vai k) Thi đua l) Khen thưởng			
---	--	--	--

	3.3.2. Các hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông 3.3.2.1. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 3.3.2.2. Hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể 3.3.2.3. Hoạt động tự giáo dục			
LLO8 - LLO11; LLO14 LLO15, LLO16,	* Nội dung seminar/thảo luận (4 tiết): 1. Vấn đề đổi mới phương pháp dạy học trong các nhà trường hiện nay. 2. Những yêu cầu đối với người giáo viên trong giáo dục học sinh hiện nay 3. Hiện trạng phương pháp giáo dục học sinh ở các nhà trường hiện nay. 4. Định hướng cơ bản của chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. 5. Chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông.	- <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i> - <i>Hoàn thành sản phẩm nhóm, cử đại diện báo cáo</i>	- A1 - A2	
LLO8 - LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	* Nội dung bài tập cá nhân (4 tiết): 1. Vận dụng phương pháp thuyết trình/tình huống/nêu vấn đề... để thiết kế một nội dung dạy học gắn với chuyên ngành 2. Vận dụng các phương pháp và nguyên tắc giáo dục để xử lý các tình huống giáo dục về các vấn đề: - Học sinh học tập sa sút do hoàn cảnh gia đình - Học sinh “chênh mảng” trong học tập do xuất hiện tình yêu tuổi học trò - Học sinh đánh bạn cùng trường - Học sinh bạo lực bạn qua mạng xã hội	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>	- A1	

LLO8 - LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	* Nội dung thực hành (8 tiết): 1. Thiết kế một số chủ đề dạy học liên môn phù hợp với chuyên ngành theo học 2. Thực hành xây dựng một hoạt động trong kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại CV 5512/2020 của Bộ GD&ĐT 3. Thiết kế một hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường phổ thông 4. Thiết kế kế hoạch hoạt động xã hội ngoài nhà trường để học sinh tham gia với các chủ đề: - Tặng quà cho học sinh vùng cao - Lao động công ích dọn vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ - Bảo vệ môi trường cảnh quan quê hương	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i> - <i>Hoàn thành sản phẩm thực hành theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO8 - LLO11, LLO14 LLO15, LLO16,	B. Nội dung tự học (47 tiết): 1. Phân tích và lấy được ví dụ minh họa về các nguyên tắc dạy học 2. Thiết kế các phần nội dung dạy học gắn với chuyên ngành đang theo học có sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp 3. Phân biệt phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Cho ví dụ minh họa 4. Phân biệt phương pháp và con đường giáo dục học sinh. Cho ví dụ minh họa 5. Phân tích động lực của quá trình giáo dục 6. Phân tích mối quan hệ giữa các bước trong logic của quá trình giáo dục	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ gắn liền các vấn đề tự học</i> - <i>Viết báo cáo thu hoạch; báo cáo phân tích; bản thiết kế các nội dung gắn với phương pháp)/Hoặc hoàn thành phiếu học tập</i>	- A1	[1] chương 4 [2], chương 4

	7. Sưu tầm các tình huống giáo dục có sử dụng các phương pháp giáo dục học sinh hiệu quả			
Chương 4: Người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp				
Tuần	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12 LLO13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (6 tiết): 4.1. Nhân cách người giáo viên 4.1.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.1.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.1.2.1. Mục đích của lao động sư phạm 4.1.2.2. Đối tượng của lao động sư phạm 4.1.2.3. Công cụ của lao động sư phạm 4.1.2.4. Sản phẩm của lao động sư phạm 4.1.2.5. Không gian và thời gian của lao động sư phạm 4.1.3. Yêu cầu về nhân cách đối với người giáo viên trong môi trường làm việc đa văn hóa và cách mạng 4.0 4.2. Công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông 4.2.1. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông 4.2.1.1 Quản lý và giáo dục toàn diện học sinh trên thế giới thực và thế giới ảo 4.2.1.2 Phối hợp với giáo viên bộ môn nâng cao thành tích học tập ở học sinh	- <i>Thuyết trình (của GV)</i> - <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Thảo luận nhóm nhỏ</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu học tập</i> - <i>Tình huống</i>	- A1 - A2 - A4	[1] chương 6 [2], chương 6

	4.2.1.3 Phối hợp với cha mẹ học sinh quản lý và giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp 4.2.1.4 Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường để tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng nghiệp và phòng chống bạo lực học đường cho học sinh 4.2.1.5. Giáo dục kỹ năng sống và tôn trọng sự khác biệt cho học sinh 4.2.2 Chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp 4.2.2.1 Chức năng quản lý tập thể học sinh một lớp học 4.2.2.2. Chức năng cầu nối giữa tập thể sư phạm với tập thể học sinh 4.2.2.3 Chức năng tư vấn hỗ trợ học sinh trong học tập, đời sống tình cảm và tư vấn hướng nghiệp. 4.2.2.4.Chức năng cố vấn cho hoạt động tự quản và sinh hoạt tập thể của học sinh lớp chủ nhiệm 4.2.2.5.Chức năng phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh 4.2.2.6. Chức năng đánh giá kết quả giáo dục toàn diện học sinh			
LLO12 LLO13	* Nội dung seminar/thảo luận (2 tiết): 1. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong bối cảnh hiện nay 2. Vai trò của người giáo viên chủ nhiệm trong bối cảnh đổi mới giáo dục 3. Ảnh hưởng của môi trường công nghệ số đến hoạt động của người giáo viên chủ nhiệm lớp	- <i>Nêu vấn đề</i> - <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>	- A1 - A2	

LLO12 LLO13	* Nội dung bài tập cá nhân (1 tiết): Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp chủ nhiệm	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Phân tích và thực hiện các nhiệm vụ học tập</i>	- A1	
LLO12 LLO13	* Nội dung thực hành (4 tiết): 1. Thiết kế và tổ chức hoạt động sinh hoạt lớp của giáo viên chủ nhiệm ở trường tiểu học/THCS/THPT 2. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp chủ nhiệm ở trường tiểu học/THCS/THPT 3. Thực hành xử lý tình huống sư phạm của giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Thực hiện các nhiệm vụ học tập và hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu giảng viên</i>	- A1 - A2	
LLO12 LLO13	B. Nội dung tự học (20 tiết): 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên và rút ra kết luận sư phạm 2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương ứng với cấp học sau khi tốt nghiệp 3. Các chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp và rút ra kết luận sư phạm	- <i>Hướng dẫn, liên kết</i> - <i>Nghiên cứu tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ tự học.</i> - <i>Viết báo cáo thu hoạch; báo cáo phân tích.</i>	- A1	[1] chương 6 [2], chương 6

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu cho bài học: tích cực tham góp trong xây dựng bài học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm.
- Hoàn thành 02 bài Kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài Thi kết thúc học phần

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- *Sử dụng thang 10 điểm.*

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 14-15
2	A2. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-13
3	A3. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1-13
4	A4. Bài kiểm tra định kì	25%	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-13
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10%)					
Thái độ chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài

tập và thực hiện nhiệm vụ được giao					theo nhiệm vụ học tập do GV giao Thực hiện đạt trên 80% trở lên nhiệm vụ học tập được giao.
Kết quả bài tập cá nhân	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Vấn đề tản mạn, không thể hiện rõ nội dung yêu cầu.	Thực hiện được một số yêu cầu đặt ra.	Thực hiện đủ các yêu cầu theo quy định	Thực hiện tốt các yêu cầu. Có liên hệ, suy luận và lập luận chặt chẽ. Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Bài tập nhóm (10%)					
Thái độ chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia thực hiện nhiệm vụ	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Kết quả bài làm	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Vấn đề tản mạn, không thể hiện rõ nội dung yêu cầu.	Thực hiện được một số yêu cầu đặt ra.	Thực hiện đủ các yêu cầu theo quy định	Thực hiện tốt các yêu cầu. Có liên hệ, suy luận và lập luận chặt chẽ. Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Bài kiểm tra định kỳ (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề		
Thi kết thúc học phần (50%)					

Hình thức: Tự luận	Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề
--------------------	---

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2022), Giáo trình Giáo dục học, NXB Đại học sư phạm

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huệ, Lê Công Thành (2013), *Giáo trình “Giáo dục học”*, NXB Giáo dục.

[3]. Phan Thanh Long (chủ biên), (2013), *Lý luận giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

[4]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập I và tập II*, NXB Giáo dục

[5]. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương tập I và tập II*, NXB Giáo dục.

8.3. Website

[6] Quốc hội (2019), Luật giáo dục Việt Nam tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-175003-d1.html>

[7] Bộ GD&ĐT (2020), Công văn 5512 của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Giao-duc/Cong-van-5512-BGDDT-GDTrH-2020-xay-dung-va-to-chuc-thuc-hien-ke-hoach-giao-duc-cua-nha-truong-462988.aspx>

[8] Bộ GD&ĐT (2018); Thông tư 32/2018 tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>

TÊN HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM
(COMMUNICATION PEDAGOGY)

MÃ HỌC PHẦN: 59COS431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	11	14	50
2.	Bài tập	06	0	37
3.	Thực hành	24	0	
4.	Thảo luận	05	01	

5.	Thực tế chuyên môn	0	0	
6.	Kiểm tra, đánh giá	02	0	
Tổng		48	15	87

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 59EPS431, Tâm lý học giáo dục
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoalt@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912024817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
8	TS. Dương Thị Nga	0987936938	ngadt@tnue.edu.com
11	TS. Đặng Thị Phương Thảo	0971888243	thaodp@tnue.edu.vn
12	Th.S Nguyễn Ngọc Hiếu	0915212911	hieunn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

CO1. Phân tích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp sư phạm.

* Kỹ năng

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm vào việc phân tích các tình huống giao tiếp.

CO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm trong việc xử lý có hiệu quả những tình huống cụ thể trong các mối quan hệ giữa giáo viên với các đối tượng giao tiếp.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp.

CO5. Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP SƯ PHẠM			
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu

		Dạy học	Đánh giá	
LLO1	A. Nội dung giảng dạy trên lớp (18 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết (10 tiết) 1.1. Khái quát chung về giao tiếp sư phạm 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 1.1.1.2. Khái niệm văn hóa giao tiếp và ứng xử sư phạm 1.1.2. Đặc trưng của giao tiếp sư phạm 1.1.3. Vị trí, vai trò của giao tiếp sư phạm	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>	A1 A2	[1; Mục 1.1-1.5 từ trang 7-26]; [3]; mục 1.5 từ trang 44-48;
LLO2	1.1.4. Các giai đoạn của giao tiếp sư phạm (học E-Learning)	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		mục 2.5 từ trang 58-59; mục 2.8. từ trang 75-78]
LLO3	1.2. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp 1.2.2. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp 1.2.3. Nguyên tắc thiện chí trong giao tiếp 1.2.4. Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO4	1.3. Quy tắc ứng xử trong giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 1.3.1. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên 1.3.2. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh 1.3.3. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa học sinh với học sinh 1.3.4. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa GV với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i> - <i>Thảo luận nhóm</i>		
LLO5	1.4. Phong cách giao tiếp sư phạm (học E-Learning) 1.4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm 1.4.2.1. Phong cách độc đoán 1.4.2.2. Phong cách dân chủ 1.4.2.3. Phong cách tự do	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		

		- Thảo luận nhóm		
LLO6	1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm 1.5.1. Từ phía chủ thể giao tiếp 1.5.2. Từ phía đối tượng giao tiếp 1.5.3. Từ môi trường giao tiếp	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp - Sử dụng phim tư liệu - Thảo luận nhóm		
LLO5	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Phân biệt và chỉ ra mối quan hệ giữa giao tiếp và ứng xử sư phạm. 2. Trong giao tiếp sư phạm, người giáo viên nên sử dụng phong cách giao tiếp nào? Vì sao? 3. Xác định các Phong cách giao tiếp sư phạm của giáo viên trong các tình huống cho sẵn. (học E-Learning)	Thảo luận nhóm		[1]; 1.2 trang 11-12; phần 1.5.2 trang 21-24
LLO4, LLO5, 12,13, 14,15	* Nội dung thực hành (4 tiết) 1. Xác định những biểu hiện vi phạm quy tắc ứng xử trong trường học ở các tình huống cụ thể. 2. Đóng vai thể hiện phong cách giao tiếp sư phạm trong các tình huống khác nhau.	Thực hành nhóm	A1,A3	
LLO1, 2,3,4,5, 6	* Nội dung bài kiểm tra định kì: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	- Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A4	
LLO1, 2,3,4,6	B. Nội dung tự học: (27 tiết) - Mô tả đặc trưng của giao tiếp sư phạm; phân tích vị trí, vai trò của giao tiếp sư phạm. - Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp sư phạm. - Chuẩn bị các chủ đề thảo luận, thực hành theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A2	
Chương 2: NĂNG LỰC GIAO TIẾP SƯ PHẠM				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, 8,9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 2.1. Khái niệm năng lực giao tiếp sư phạm 2.2. Cấu trúc năng lực giao tiếp sư phạm 2.2.1. Kiến thức về giao tiếp sư phạm 2.2.2. Kỹ năng giao tiếp sư phạm	- Thuyết trình - Dạy học nêu vấn đề - Vấn đáp	A1 A2 A3	[1]; Mục 2.1-2.2 từ tran

	2.2.2.1. Phân loại KN theo diễn biến của một pha giao tiếp (học E-Learning) - Định hướng: Đọc trên nét mặt cử chỉ, điệu bộ - Định vị: không gian giao tiếp... - Điều khiển quá trình: điều khiển chủ thể, điều khiển ngôn ngữ, điều khiển phương tiện 2.2.2.2. Phân loại theo nội dung kỹ năng - Kỹ năng tìm hiểu môi trường giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng tìm hiểu đối tượng giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp (học E-Learning) - Kỹ năng lắng nghe (học E-Learning) - Kỹ năng phản hồi (học E-Learning) - Kỹ năng thấu cảm (học E-Learning) - Kỹ năng thuyết phục (học E-Learning) - Kỹ năng tự chủ cảm xúc hành vi (học E-Learning) - Kỹ năng từ chối - Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp (học E-Learning)	- Sử dụng phim tư liệu			g 53-99]; [3]; mục 2.9 từ trang g 79-88
LLO7, 8,9	* Nội dung thảo luận: (3 tiết) 1. Tại sao để giao tiếp sự phạm thành công, chủ thể giao tiếp (giáo viên) cần phối hợp một cách linh hoạt các kỹ năng giao tiếp sự phạm? 2. Những yêu cầu đặt ra đối với kỹ năng giao tiếp sự phạm của người giáo viên trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.	Thảo luận nhóm			
LLO7, 8,9,12, 13,14, 15	* Nội dung thực hành: (4 tiết) Đóng vai xử lý các tình huống giao tiếp sự phạm do GV/nhóm bạn đề xuất; phân tích các kỹ năng GTSP của GV được thể hiện qua các tình huống đó.	Làm việc nhóm			
LLO7-15	* Nội dung bài kiểm tra định kì: - Thời gian làm bài: 50 phút - Hình thức kiểm tra: Tự luận	- Tổ chức, triển khai kiểm tra	A1; A5		
LLO7, 8,9	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Vận dụng kiến thức lý luận về năng lực giao tiếp sự phạm để đánh giá năng lực giao tiếp sự phạm của người giáo viên trong những tình huống cụ thể. - Chuẩn bị chủ đề thảo luận, bài tập thực hành theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1; A2; A3		[1]; 2.2.
Chương 3: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP SỰ PHẠM					

LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (2 tiết) 3.1. Đánh giá năng lực giao tiếp 3.1.1. Công cụ đánh giá năng lực giao tiếp 3.1.1.1. Trắc nghiệm nhu cầu giao tiếp 3.1.1.2. Trắc nghiệm khả năng giao tiếp 3.1.1.3. Tìm hiểu khả năng ứng xử sự phạm của bản thân 3.1.2. Tự đánh giá năng lực giao tiếp (học E-Learning)	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>	A1; A3	[1]; Mục 3.1- 3.2- 3.3- 3.4 từ trang 100- 133; [2]; phần một và hai từ trang 7- 108; [3]; mục 7 từ trang 148- 155
LLO10 ,11	3.2. Phát triển năng lực giao tiếp sự phạm 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nội dung phát triển năng lực 3.2.2.1 Phát triển nhận thức về giao tiếp sự phạm 3.2.2.2 Rèn luyện kỹ năng giao tiếp sự phạm (học E-Learning) 3.2.3. Thực hành giải quyết các tình huống giao tiếp sự phạm	- <i>Thuyết trình</i> - <i>Dạy học nêu vấn đề</i> - <i>Vấn đáp</i> - <i>Sử dụng phim tư liệu</i>		
LLO12 ,13,14, 15	* Nội dung bài tập: (6 tiết) <i>Bài tập 1:</i> Sinh viên trong vai giáo viên đến nhận lớp lần đầu tiên (vào lớp chào học sinh, tự giới thiệu, làm quen với học sinh). Sinh viên tìm hiểu và thực hành một số nghi thức trong giao tiếp. <i>Bài tập 2:</i> Sinh viên trong vai giáo viên chủ nhiệm lớp thuyết phục phụ huynh phối hợp với nhà trường để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh. <i>Bài tập 3:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc khen thưởng hoặc trách phạt học sinh khi học sinh vi phạm kỉ luật ở nhà trường. <i>Bài tập 4:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc phối hợp với phụ huynh để hỗ trợ	<i>Làm việc nhóm</i>		

	học sinh giải quyết khó khăn tâm lý trong học tập và rèn luyện. <i>Bài tập 5:</i> Sinh viên trong vai giáo viên đến thăm gia đình học sinh và trao đổi với phụ huynh về việc học sinh vi phạm nội quy trường học. <i>Bài tập 6:</i> Sinh viên trong vai giáo viên thực hiện việc phối hợp với các lực lượng giáo dục khác để hỗ trợ học sinh giải quyết khó khăn tâm lý trong học tập và rèn luyện. <i>Bài tập 7:</i> SV trong vai giáo viên chủ nhiệm tổ chức 1 buổi sinh hoạt lớp. <i>Bài tập 8:</i> Sinh viên trong vai giáo viên xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm có yếu tố đa văn hóa và công nghệ số.			
LLO12 ,13,14, 15	* Nội dung thực hành (16 tiết) Xây dựng và xử lý các nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử (có thể lồng ghép các yếu tố đa văn hóa và công nghệ số). a. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh b. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên c. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với phụ huynh học sinh d. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa học sinh với học sinh. e. Nhóm tình huống giao tiếp- ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với các lực lượng giáo dục khác	Thực hành, làm việc nhóm	A1,A3	[1]; phần 3.1 trang 57-62
LLO12 -15	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Xây dựng các biện pháp phát triển nhận thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm cho người giáo viên. - Chuẩn bị chủ đề thực hành, bài tập theo sự phân công của giảng viên.	Tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên	A1;A2; A3	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 1 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 1 và chương 2 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kì	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,5,6,7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện 80 -100% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết

Thực hành (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6,0	0 đến <3,0	3,0 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)
Báo cáo thực hành	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%
Thảo luận (10%)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến <2,0	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kì (25%)					
Hình thức: Tự luận			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng.		
Thi kết thúc học phần (50%)					
Hình thức: Vấn đáp			Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên xây dựng theo bộ đề.		

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, 2019, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 2008, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.
[3]. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, 2017, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

TÊN HỌC PHẦN: LÍ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
THEORY OF HISTORY AND GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59THG431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	43		50
2.	Thực hành	10		27
3.	Thảo luận	16		
4.	Thực tế chuyên môn	2		
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		73		77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Khoa: Địa lí, khoa Lịch sử

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Lê Thị Thu Hương	0912346222	huongbltt@tnue.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Huyền	0912472085	huyennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được những vấn đề chung về lí luận dạy học lịch sử - địa lí: lịch sử hình thành và phát triển của LLDH lịch sử - địa lí, các lí thuyết giáo dục và mô hình LLDH.

CO2: Trình bày và giải thích được nhu cầu cần chuyển sang dạy học hướng tới hình thành năng lực cho người học.

CO3: Nhận diện và lí giải được các vấn đề liên quan đến nội dung dạy học.

CO4: Hiểu và vận dụng được các PPDH cụ thể trong dạy học lịch sử - địa lí ở trường phổ thông.

CO5: Vận dụng được các phương tiện dạy học trong các bài lịch sử - địa lí cụ thể.

CO6: Trình bày và phân tích được các HTTCDH trong dạy học lịch sử - địa lí hiện nay.

CO7: Trình bày, phân tích và vận dụng được các khái niệm về kiểm tra, đánh giá; vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá; các hình thức và các công cụ KT, ĐG.

* Về kĩ năng

CO8: Có kĩ năng xác định đúng mục tiêu, nội dung, PPDH, PTDH khi áp dụng vào một bài dạy cụ thể trong chương trình lịch sử - địa lí ở trường phổ thông.

CO9: Có kĩ năng xây dựng ma trận đề kiểm tra, bản đặc tả đề và xây dựng các câu hỏi trong bài kiểm tra.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO10: Có khả năng thiết kế hoàn chỉnh kế hoạch bài dạy có thể hiện rõ các nội dung về mục tiêu, nội dung, PPDH, PTDH, HTTCDH.

CO11: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc nhóm của môn học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học nghiên cứu quá trình dạy học lịch sử - địa lí trong nhà trường phổ thông, đặc biệt tập trung làm rõ các thành tố cơ bản của quá trình dạy học. Môn học cũng chú trọng rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn: toàn bộ những vấn đề chung về phương pháp dạy học lịch sử - địa lí đều được làm rõ bằng việc soạn giảng các bài học cụ thể trong chương trình, sách giáo khoa lịch sử - địa lí ở trường PT.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Những vấn đề chung về lí luận dạy học lịch sử - địa lí

LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1,2	A. Nội dung thực hiện trên lớp (7 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 1.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của LLDH lịch sử - địa lí 1.2. Các lí thuyết giáo dục và mô hình LLDH 1.2.1. Các lí thuyết giáo dục 1.2.1.1. Lí thuyết giáo dục nội dung 1.2.1.2. Lí thuyết giáo dục hình thức 1.2.1.3. Lí thuyết giáo dục theo phạm trù 1.2.2. Các mô hình lí luận dạy học 1.2.2.1. Lí luận dạy học biện chứng 1.2.2.2. Lí luận dạy học dựa trên lí thuyết giáo dục 1.2.2.3. Lí luận dạy học dựa trên lí thuyết dạy và học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác	A1, A5	Mục 1 tài liệu 1; Tài liệu 2
	* Nội dung thực hành cá nhân/nhóm: (2 tiết) - Phân tích ý nghĩa của LLDH đại cương và LLDH chuyên ngành trong công việc của một GV chuyên ngành. Minh hoạ ý nghĩa đó thông qua ví dụ cụ thể. - So sánh những quan niệm và những đặc điểm cơ bản của các lí thuyết học tập.	- Thực hành cá nhân	A2	Mục 1 tài liệu 1; Tài liệu 2
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu số 2	Yêu cầu sinh viên: Xác định mối quan hệ giữa LLDH lịch sử - địa lí với các khoa học chuyên ngành.	A1	[2]
Chương 2. Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử - Địa lí				
LLO3-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 2.1. Những thách thức của toàn cầu hoá và xã hội tri thức đối với giáo dục 2.2. Phát triển năng lực như là mục tiêu giáo dục 2.3. Phân loại và trình bày mục tiêu giáo dục 2.4. Chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác	A1, A5	Mục 2 tài liệu 1, tài liệu 4

	* Nội dung thực hành cá nhân/nhóm: (2 tiết) - So sánh cách phân bậc mục tiêu theo mô hình đã giới thiệu trong bài với cách xác định mục tiêu dạy học quen thuộc của anh/chị. Đánh giá khả năng vận dụng mô hình phân bậc mục tiêu này vào thực tiễn dạy học. - Nghị quyết 29 – NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách,... Hãy đề xuất một số phương hướng đổi mới việc xác định mục tiêu dạy học trong một môn học cụ thể theo định hướng năng lực. Yêu cầu sinh viên: hoàn thành bài thực hành theo yêu cầu của GV	- Thực hành cá nhân/nhóm	A2	[1], [2]
	* Nội dung thảo luận nhóm: (3 tiết) - Thời cơ và thách thức của giáo dục trong bối cảnh công nghệ 4.0 - Yêu cầu sinh viên: hoàn thành bài thực hành theo yêu cầu của GV	- Thảo luận nhóm	A3	[4]
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) 2.3. Đọc tài liệu tham khảo theo đường link: https://hoatieu.vn/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-mon-lich-su-va-dia-ly-cap-trung-hoc-co-so-1390	Yêu cầu sinh viên: Xác định năng lực và phẩm chất cần đạt của môn lịch sử - địa lí trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	A1	[5]
Chương 3. Nội dung dạy học				
LLO7	A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (5 tiết) 3.1. Nguồn gốc của nội dung dạy học 3.2. Chuẩn bị nội dung dạy học 3.3. Tinh giản nội dung dạy học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác	A1, A5	Mục 3 tài liệu 1, tài liệu 4

	* Nội dung thực hành cá nhân/nhóm: (2 tiết) Những phương hướng đổi mới nội dung dạy học trong môn lịch sử - địa lí. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Hoàn thiện và trình bày sản phẩm trước lớp	Thực hành cá nhân/nhóm	A2	
	* Nội dung thảo luận cá nhân/nhóm: (2 tiết) Vì sao trong dạy học hiện nay nội dung các môn học lại không ngừng được giảm tải và giảng dạy theo xu hướng tích hợp? <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Hoàn thiện và trình bày sản phẩm trước lớp	Thảo luận nhóm	A3	[4]
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) - Đọc tài liệu số 1, 2	Yêu cầu sinh viên: Trình bày được hệ thống tri thức dạy học lịch sử và địa lí hiện nay.	A1	[1], [2]
Chương 4. Phương pháp dạy học				
LLO8-10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 4.1. Khái niệm và phân loại phương pháp dạy học 4.2. Các quan điểm dạy học 4.3. Các phương pháp dạy học 4.4. Các kĩ thuật dạy học tích cực	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học hợp tác	A1, A4, A5	Mục 4 tài liệu 1,2
	* Nội dung seminar/thảo luận cá nhân: (3 tiết) Những biện pháp đổi mới PPDH trong môn Lịch sử - Địa lí. Cho ví dụ. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp	- Thảo luận nhóm	A3	
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Đọc tài liệu tham khảo số 4	Yêu cầu sinh viên: Chỉ ra được nguyên nhân cần phải thay đổi PPDH theo hướng tích cực.	A1	[4]
Chương 5. Phương tiện dạy học				

LLO11-13	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (7 tiết) 5.1. Khái niệm phương tiện dạy học 5.2. Vai trò của các phương tiện dạy học 5.3. Các khuynh hướng xây dựng hệ thống phương tiện dạy học lịch sử - địa lí trong nhà trường phổ thông 5.4. Các nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học 5.5. Các loại phương tiện dạy học	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải thích – minh hoạ	A1, A5	Mục 5 tài liệu 1,2
	* Nội dung seminar/thảo luận cá nhân: (3 tiết) Phân tích một cuốn sách giáo khoa theo các tiêu chí đã được xác định trước. Hãy hình dung bạn phải chỉnh lí lại cuốn sách. Bạn sẽ thay đổi những gì? Lí giải ý kiến của bạn? <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp.	- Thảo luận nhóm	A3	
	* Nội dung thực hành cá nhân: (2 tiết) Tập giảng 1 nội dung môn LS và ĐL có sử dụng PTDH <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung thực hành cá nhân và trình bày trước lớp	- Thực hành	A2	
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Đọc tài liệu số 2	Yêu cầu sinh viên: Vận dụng cách khai thác và sử dụng Atlas để hướng dẫn HS một bài cụ thể ở SGK Lịch sử - Địa lí lớp 6,7,8,9	A1	[2]
Chương 6. Hình thức tổ chức dạy học				
LLO14-15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (8 tiết) 6.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học 6.2. Phân loại hình thức tổ chức dạy học 6.3. Các hình thức tổ chức dạy học cụ thể	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải thích – minh hoạ	A1, A5	Mục 6 tài liệu 1

	* Nội dung thực hành: (2 tiết) Xây dựng một kế hoạch bài dạy (tự chọn) trong CT LS và ĐL có sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật DH. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung thực hành; Trình bày nội dung trước lớp	Thực hành cá nhân/nhóm	A2	
	* Nội dung thảo luận: (2 tiết) Vì sao trong một tiết học cần phối kết hợp nhiều hình thức dạy học với nhau? <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung và báo cáo trước lớp	Thảo luận nhóm	A3	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Đọc tài liệu tham khảo số 2,3	Yêu cầu sinh viên: Lấy ví dụ vận dụng việc áp dụng các HTTC DH vào một bài học cụ thể.	A1	[2] [3]
Chương 7. Quá trình kiểm tra - đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học				
LLO16-17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (8 tiết) 7.1. Các khái niệm về kiểm tra – đánh giá 7.2. Vai trò và chức năng của kiểm tra – đánh giá 7.3. Các hình thức kiểm tra – đánh giá 7.4. Các công cụ kiểm tra – đánh giá	- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Giải thích – minh họa	A1, A4, A5	Mục 8 tài liệu 1
	* Nội dung seminar/thảo luận cá nhân: (3 tiết)	- Thảo luận nhóm	A3	

	Hiện nay rất nhiều nhà giáo dục phê phán việc chấm điểm các thành tích học tập của HS. Sử dụng kỹ thuật “Ủng hộ và phản đối” để tranh luận về việc chấm điểm khách quan các thành tích của học sinh. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm và trình bày trước lớp.			
	B. Nội dung tự học: (11 tiết) Đọc tài liệu tham khảo số 3,4	Yêu cầu sinh viên: Trình bày được một số biện pháp cải tiến PPDH truyền thống.	A1	[3], [4]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 6, 7; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-14
2	A2. Thực hành cá nhân	10	1	Rubric đánh giá thực hành cá nhân	CLO 1-14
3	A3. Thảo luận nhóm	10	1	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1-14
4	A4. Bài kiểm tra định kì	20	2	Đáp án, thang điểm	CLO 1-14
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Tự luận	50	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1-14

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành cá nhân (10 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0

Kết quả được giải thích và chứng minh		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận nhóm (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Phương Liên, Giáo trình Phương pháp dạy học 1, NXB Giáo dục, (2013) (Thư viện trường ĐHSPTN).

[2]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), Phương pháp dạy học lịch sử, NXB ĐHSPTN, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc (2004), Lý luận dạy học Địa lí, NXB ĐHSPTN.

[4]. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2016), Lý luận dạy học hiện đại: cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học, NXB Đại học Sư phạm.

8.3. Website

[5]. <https://hoatieu.vn/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-mon-lich-su-va-dia-ly-cap-trung-hoc-co-so-1390>

TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ
ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG THCS
METHODS OF TEACHING HISTORY
AND GEOGRAPHY AT SECONDARY
SCHOOLS

MÃ HỌC PHẦN: 59MHG431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		65
2.	Thực hành	8		30
3.	Thảo luận	8		
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
5.	Thực tế chuyên môn	02		
Tổng		53		97

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 59THG441

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh:

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và PPGD; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	TS. Đỗ Văn Hào	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
2	TS. Lê Thị Thu Hương (B)	0912346222	huongbltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Phân tích được được đặc điểm, mục tiêu, nội dung chương trình lịch sử - địa lí và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất.

CO2: Vận dụng được quy trình sử dụng phương tiện và sử dụng thành thạo các phương tiện kết hợp với phương pháp trong dạy học môn Lịch sử - Địa lí hiện nay. Xây dựng được kế hoạch dạy học lịch sử - địa lí ở trường THCS.

CO3: Vận dụng được các phương tiện trong dạy học lịch sử - địa lí.

CO4. Phân tích và đánh giá được yêu cầu, mục đích và ưu, nhược điểm của các hình thức kiểm tra – đánh giá trong dạy học lịch sử - địa lí ở THCS.

* Về kỹ năng:

CO5: Khai thác và phân tích các thông tin trên bản đồ, lược đồ, tranh ảnh; Phân tích bảng số liệu thống kê, xử lí số liệu và vẽ các biểu đồ.

CO6: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình các vấn đề liên quan đến phương pháp, phương tiện dạy học lịch sử - địa lí.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO7: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO8: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng trong môn học Phương pháp dạy học lịch sử - địa lí ở trường THCS vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 4 chương: Chương 1: Chương trình môn Lịch sử - Địa lí trong nhà trường phổ thông, trong đó đề cập đến đặc điểm của môn Lịch sử - Địa lí, mục tiêu của chương trình môn Lịch sử - Địa lí, nội dung của chương trình, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực. Chương 2: Đổi mới phương pháp và xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Chương 3: Sử dụng thiết bị dạy học. Chương 4: Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí, gồm mục đích, ý nghĩa của việc kiểm tra - đánh giá, một số yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, các hình thức kiểm tra - đánh giá trong dạy học địa lí, quy trình, kỹ thuật xây dựng đề kiểm tra, biên soạn và chuẩn hóa câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (8 tiết) <u>1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử - Địa lí</u>	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp	A1, A2,A6	[1] Chương 1 [2] [4] [5]

	<u>1.1.1. Vị trí và tên môn học trong chương trình GDPT</u> <u>1.1.2. Vai trò và tính chất nổi bật của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp</u> <u>1.2. Mục tiêu của chương trình Lịch sử-Địa lí THPT</u> <u>1.2.1. Căn cứ xác định mục tiêu chương trình</u> Lỗi! Thẻ đánh dấu không được xác định. <u>1.2.2. Mục tiêu cụ thể của chương trình</u> <u>1.3. Nội dung giáo dục của chương trình Lịch sử - Địa lí</u> <u>1.3.1. Căn cứ xác định nội dung giáo dục của chương trình Lịch sử - Địa lí</u> <u>1.3.2. Nội dung giáo dục cụ thể của chương trình</u> <u>1.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực</u> <u>1.4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn học trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh</u> <u>1.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh</u> <u>1.4.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho học sinh</u>	với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Đi thực tế - Dạy học trực tiếp		
LLO 1,2	* Nội dung thảo luận (4 tiết) Phân tích, đặc điểm cấu trúc, nội dung chương trình lịch sử- Địa lí 6,7,8,9. Phân tích mối quan hệ giữa kênh chữ, kênh hình và câu hỏi bài tập sách giáo khoa Lịch sử - Địa lí. +Phân tích những điểm mới và khó SGK 6,7,8,9. Lấy ví dụ chứng minh.	- Báo cáo thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	[1] [2] [3] [4] [5]

	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào nội dung bài học - Thu thập và nghiên cứu các nội dung về chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử - Địa lí sau 2018	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	[2] [3] [4] [5]
CHƯƠNG 2: ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp Dạy học	Đánh giá Phương pháp	Học liệu
LLO 7-11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) <u>2.1. Định hướng về đổi mới phương pháp dạy học và giải pháp đổi mới phương pháp dạy học</u> <u>2.1.1. Đổi mới phương pháp dạy học chỉ có kết quả trong điều kiện đổi mới một cách toàn diện quá trình dạy học</u> <u>2.1.2. Quan niệm về một tiết học theo định hướng phát triển năng lực</u> <u>2.2. Đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực của học sinh</u> <u>2.3. Một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học</u> <u>2.3.1. Cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống</u> <u>2.3.2. Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học</u> <u>2.3.3. Vận dụng dạy học giải quyết vấn đề</u> <u>2.3.4. Vận dụng dạy học theo tình huống</u> <u>2.3.5. Vận dụng dạy học định hướng hành động</u> <u>2.3.6. Tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý hỗ trợ dạy học</u>	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Đi thực tế - Dạy học trực tiếp	A1, A2, A4, A6	[1] Chương 2 [2] [3] [4] [5]

	2.3.7. Sử dụng các kỹ năng dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo 2.3.8. Chú trọng các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn 2.3.9. Bồi dưỡng phương pháp học tập tích cực cho học sinh 2.4. Thiết kế bài dạy học 2.4.1. Chuẩn bị cho việc lập kế hoạch bài dạy học 2.4.2. Các bước thiết kế bài dạy học 2.4.3. Thiết kế các hoạt động học tập cho HS trong khi lập kế hoạch bài dạy học 2.5. Xây dựng bài học và tổ chức hoạt động học theo định hướng phát triển năng lực HS môn Địa lí 2.5.1. Định hướng chung 2.5.2. Quy trình xây dựng bài học 2.5.3. Các bước phân tích hoạt động học của HS 2.5.4. Tiêu chí đánh giá bài học 2.5.5. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh 2.6. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức hoạt động học theo nhóm và hướng dẫn học sinh tự học 2.6.1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học Lỗi! Thẻ đánh dấu không được xác định. 2.6.2. Bài soạn minh họa 2.7. Hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy của giáo viên 2.7.1. Tiêu chí đánh giá giờ dạy 2.7.2. Thực hiện đánh giá giờ dạy 2.8. Hướng dẫn thực hành soạn kế hoạch dạy học			
LLO 7,8	* Nội dung thảo luận (4 tiết) - Thiết kế 1 kế hoạch dạy học lớp 6,7,8,9 - Giảng tập trên lớp kế hoạch dạy học 6,7,8,9	- Báo cáo thảo luận nhóm	A1,A2, A6	[3] [4] [5] [6]

		- Dạy học trực tiếp		
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV đọc tài liệu về định hướng đổi mới phương pháp dạy học trên thế giới và Việt Nam (Truy cập các trang Web chính thống trên Internet) - Tìm các video, tư liệu về việc khai thác, sử dụng các phương pháp kết hợp phương tiện trực quan trong dạy học Lịch sử - Địa lí	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	[2] [7]
CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 13-16	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) <u>3.1. Sử dụng thiết bị dạy học địa lí theo tinh thần dạy học tích cực</u> <u>3.1.1. Định hướng thiết bị dạy học</u> <u>3.1.2. Mục đích của việc sử dụng thiết bị dạy học trong dạy học Lịch sử - Địa lí</u> <u>3.1.3. Yêu cầu của việc sử dụng thiết bị dạy học</u> <u>3.2. Hướng dẫn phương pháp sử dụng một số loại TBDH</u> <u>3.2.1. Phương pháp khai thác kiến thức từ bản đồ</u> <u>3.2.2. Phương pháp khai thác kiến thức qua tranh ảnh</u> <u>3.2.3. Phương pháp khai thác kiến thức từ quả địa cầu</u> <u>3.2.4. Phương pháp hướng dẫn học sinh khai thác Atlats Địa lí Việt Nam</u> <u>3.2.5. Hướng dẫn khai thác kiến thức từ bảng số liệu thống kê</u> <u>3.2.6. Khai thác kiến thức từ biểu đồ</u> <u>3.2.7. Khai thác kiến thức qua sơ đồ, lát cắt địa hình</u>	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học thông qua dự án - Đi thực tế - Dạy học trực tiếp	A1, A3, A6	[1] Chương 3 [4] [5] [7]

	3.2.8. Sử dụng các loại tranh ảnh, phim và video clip trong dạy học Lịch sử - Địa lí 3.3. Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ các loại trong giảng dạy địa lí 3.3.1. Các loại biểu đồ thông dụng 3.3.2. Quy trình vẽ biểu đồ 3.3.3. Một số phép tính học sinh thường gặp trong khi xử lý số liệu để vẽ, nhận xét biểu đồ			
LLO 13-16	* Nội dung thực hành (4 tiết) - Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức trang 4+5 At lat Địa lí Việt Nam. - Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức trang tự nhiên, dân cư At lat Địa lí Việt Nam. - Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức trang kinh tế ngành, kinh tế vùng At lat Địa lí Việt Nam. - Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức Lịch sử qua các lược đồ Sách giáo khoa.	Thuyết trình – báo cáo, thực hành; Thảo luận - Dạy học trực tiếp	A1, A3, A6	[4] [5] [7]
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV đọc tài liệu khai thác kiến thức qua Atlat Địa lí Việt Nam. - Truy cập gso.gov.vn để thu thập, tổng hợp các số liệu về dân cư, dân tộc, công nghiệp, nông nghiệp,...	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	[2][3][4] [7]
CHƯƠNG 4. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ				
	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 17-20	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 4.1. Mục đích, ý nghĩa của việc kiểm tra – đánh giá 4.1.1. Mục đích của việc kiểm tra – đánh giá 4.1.2. Ý nghĩa của việc kiểm tra – đánh giá	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề	A1, A3 A5, A6	[1] Chương 4 [2] [4] [7]

	<u>4.2. Một số yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh</u> <u>4.2.1. Đánh giá được các năng lực khác nhau của học sinh</u> 4.2.2. Đảm bảo tính khách quan 4.2.3. Đảm bảo sự công bằng 4.2.4. Đảm bảo tính toàn diện 4.2.5. Đảm bảo tính công khai 4.2.6. Đảm bảo tính giáo dục 4.2.7. Đảm bảo tính phát triển <u>4.2.8. Việc kiểm tra cung cấp dữ liệu, thông tin cho đánh giá</u> <u>4.3. Các hình thức kiểm tra – đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí ở THCS</u> <u>4.3.1. Quan sát</u> <u>4.3.2. Kiểm tra nói</u> <u>4.3.3. Bài tập</u> <u>4.3.4. Học sinh tự đánh giá</u> <u>4.3.5. Trắc nghiệm tự luận</u> <u>4.3.6. Trắc nghiệm khách quan</u> <u>4.4. Quy trình, kĩ thuật xây dựng đề kiểm tra, biên soạn và chuẩn hóa câu hỏi TNKQ</u> <u>4.4.1. Quy trình xây dựng đề kiểm tra</u> <u>4.4.2. Biên soạn và chuẩn hoá câu hỏi trắc nghiệm khách quan</u> <u>4.4.3. Kĩ thuật biên soạn câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn</u> <u>4.4.4. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan với các mức độ nhận thức</u> <u>4.4.5. Vận dụng quy trình, kĩ thuật biên soạn đề kiểm tra môn Lịch sử và Địa lí</u>	- Thảo luận nhóm - Đi thực tế - Dạy học trực tiếp		
LLO 17-20	* Nội dung thực hành (4 tiết) - Xây dựng ma trận đề kiểm tra 1 tiết lớp 6,7,8,9. - Xây dựng ma trận đề thi học kì lớp 6,7,8,9	Thuyết trình – báo cáo, thực hành; Thảo luận; Trải nghiệm ngoài thực địa - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A5, A6	[2][3][4][7]

	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - SV đọc tài liệu kiểm tra đánh giá trong dạy học. (tài liệu có trên thư viện)	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	[4][5][7]
--	--	---	----	-----------

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 3, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: 02 bài
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3,4,5,6
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-9

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
----------	------------	-----------------	------------	------------	-------------

Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên

		ứng dưới 50% yêu cầu.	vụ học tập được giao.	vụ học tập được giao.	80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kỳ 02 bài (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đỗ Văn Hảo (2020) Giáo trình phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông. NXB Đại học Thái Nguyên.

[2]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), Phương pháp dạy học lịch sử, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[3]. Bộ sách giáo khoa 6,7,8,9

8.2. Tài liệu tham khảo

[4]. Nguyễn Phương Liên, Đỗ Văn Hảo (2021) Chuyên đề bồi dưỡng Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí*.

[6]. At lat Địa lí Việt nam.

[7]. Nguyễn Thị Côi (2011), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường PT, NXB ĐHSP, Hà Nội.

TÊN HỌC PHẦN: **THỰC HÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ**
PEDAGOGICAL PRACTICE

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Bài tập	29		25
2.	Thực hành	30		15
3.	Kiểm tra, đánh giá	01		
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc.

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phương pháp dạy học Lịch sử; Khoa Lịch sử.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Văn Quyết	0988457886	quyetnv.his@tnue.edu.vn
2	TS. Mai Văn Nam	0974136822	nammv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

- CO1: Có những hiểu biết cơ bản về bài học lịch sử và cách xây dựng và tổ chức bài học lịch sử ở trường phổ thông

- CO2: Vận dụng thiết kế được kế hoạch bài dạy và giảng một bài học Lịch sử hoàn chỉnh.

* Về kỹ năng

- CO3: Có kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá... phù hợp với thực tiễn thực tập và công tác giảng dạy sau này.

- CO4: Có kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trên lớp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập (soạn giáo án, tổ chức hoạt động dạy học ở các bài lịch sử cụ thể).

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 2 chương:

Chương 1. Xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử.

Chương 2. Thực hành dạy học Lịch sử ở trường THCS.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	

LLO 1,2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung bài tập (30 tiết) 1.1. Kỹ năng cơ bản xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử 1.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử lớp 6 1.3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử lớp 7 1.4. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử lớp 8 1.5. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy Lịch sử lớp 9	Đàm thoại, thuyết trình; thảo luận	A1, A2, A3	[4] [5]
	B. Nội dung tự học: (15 tiết) - SV đọc tài liệu về định hướng đổi mới phương pháp dạy học trên thế giới và Việt Nam. - Tìm các video, tư liệu về việc khai thác, sử dụng các phương pháp kết hợp phương tiện trực quan trong dạy học lịch sử.			[4]
Chương 2: Thực hành dạy học môn Lịch sử ở trường THCS				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 5,6,7,8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (30 tiết) * Nội dung thực hành (30 tiết) 2.1. Thực hành dạy bài học Lịch sử 6 2.2. Thực hành dạy bài học Lịch sử 7 2.3. Thực hành dạy bài học Lịch sử 8 2.4. Thực hành dạy bài học Lịch sử 9	Đàm thoại, thuyết trình; thảo luận; dạy học dự án	A1, A2, A3	[1] [3]
	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - Tìm các tư liệu về việc khai thác, sử dụng các phương pháp kết hợp phương tiện trực quan trong dạy học lịch sử. - Tìm hiểu chương trình Lịch sử THCS 2018. - Tìm hiểu định hướng sử dụng phương pháp dạy học trong sách giáo khoa lịch sử.			[4]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 03 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thực hành: Hoàn thành 03 bài giảng cá nhân. Báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Tự học: Đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	40	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
8	A3. Thực hành	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá thực hành	CLO1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

1.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (tiêu chí đánh giá)					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (40 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64%	Thực hiện được 65 - 79%	Thực hiện tốt nhiệm vụ,

đáp ứng yêu cầu		ứng dưới 50% yêu cầu.	nhiệm vụ học tập được giao.	nhiệm vụ học tập được giao.	đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	0,5 đến < 0,6 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	0,6 đến < 0,8 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	0,8 đến 1,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (50 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5 Không hoặc rất ít tham gia	0,5 đến < 0,6 Tham gia nhưng chưa đều	0,6 đến < 0,8 Chủ động tham gia	0,8 đến 1,0 Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5 Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,5 đến < 1,9 Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	1,9 đến < 2,4 Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	2,4 đến 3,0 Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5 Chưa giải thích, chứng minh.	1,5 đến < 1,9 Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	1,9 đến < 2,4 Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	2,4 đến 3,0 Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5 Không đúng yêu cầu	0,5 đến < 0,6 Đáp ứng một phần yêu cầu	0,6 đến < 0,8 Đáp ứng khá	0,8 đến 1,0 Đáp ứng tốt

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1, Nxb ĐHSP, HN.

[2]. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 21, Nxb ĐHSP, HN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Thị Côi (2011), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông*, Nxb ĐHSP.

[4]. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Diễm My (2018), *Phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh phổ thông*, Nxb ĐHSP TP Hồ Chí Minh.

[5]. Nguyễn Thị Minh Phượng (2011), *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÍ

PRACTICE OF GEOGRAPHY PEDAGOGY

MÃ HỌC PHẦN: 59PPG421

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
3	Thực hành	56		40
4	Kiểm tra, đánh giá	4		
Tổng		60		40

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Thực hành sư phạm Địa lí 2.

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: ()

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và PP giảng dạy; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Đỗ Văn Hào	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
2.	PGS.TS Nguyễn Phương Liên	0913550622	liennp@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Huyền	0912472085	huyennt@tnue.edu.vn
4.	ThS Nguyễn Thị Thu Hà	0973.402.465	hantt.geog@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* *Về kiến thức:*

CO1: Mô tả được các căn cứ để thiết kế từng phần của một bài học: mục đích yêu cầu, phương tiện, tài liệu dạy học, nghiên cứu kiến thức mới, kiểm tra nhận thức của học sinh, củng cố bài, hướng dẫn học sinh tự học ở nhà.

CO2: Xác định được các tình huống sư phạm có thể xảy ra trong quá trình giảng dạy và các kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm.

CO3: Thiết kế và giảng một bài học Địa lí hoàn chỉnh.

*** Về kĩ năng:**

CO4: Rèn luyện thành thạo cho sinh viên kĩ năng soạn kế hoạch bài dạy, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá... phù hợp với thực tiễn thực tập và công tác giảng dạy ở trường phổ thông.

CO5: Rèn luyện kĩ năng hướng dẫn học sinh khai thác các phương tiện trực quan địa lí kết hợp với các phương pháp dạy học đặc thù.

CO6: Thành thạo kĩ năng xử lí tình huống sư phạm trên lớp.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

CO7: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; Có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO8: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong môn học Thực hành sư phạm Địa lí vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 2 chương: Chương 1. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học môn Địa lí cấp THPT. Chương 2. Thực hành tập giảng kế hoạch dạy học đã được biên soạn.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Thực hành kĩ năng soạn kế hoạch dạy học				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1 – LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) 1.1. Kĩ năng xác định các yếu tố của kế hoạch bài dạy 1.1.1. Xác định mục tiêu 1.1.2. Xác định phương tiện dạy học 1.1.3. Xác định nội dung dạy học 1.1.4. Xác định hình thức tổ chức dạy học 1.1.5. Xác định phương pháp dạy học 1.1.6. Xác định hình thức kiểm tra – đánh giá 1.2. Kĩ năng xử lý các tình huống sư phạm 1.3. Thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy môn Địa lí lớp 6,7,8,9	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình; thảo luận	A1, A2, A3	[1] [3]

LLO1 – LLO11	B. Nội dung tự học: (20 tiết) - SV đọc tài liệu về định hướng đổi mới phương pháp dạy học trên thế giới và Việt Nam (Truy cập các trang Web chính thống trên Internet) - Tìm các video, tư liệu về việc khai thác, sử dụng các phương pháp kết hợp phương tiện trực quan trong dạy học Địa lí	SV tìm hiểu và học tập trên Internet và tương tác với giáo viên và các bạn qua nhóm zalo hoặc zoom	A1	[4]
Chương 2: Thực hành kỹ năng lên lớp và tổ chức dạy học				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	<i>Đánh giá</i>	
LLO12 – LLO15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (40 tiết) * Thực hành tập giảng thành thực kế hoạch dạy học Địa lí 6 * Thực hành tập giảng thành thực kế hoạch dạy học Địa lí 7 * Thực hành tập giảng thành thực kế hoạch dạy học Địa lí 8 * Thực hành tập giảng thành thực kế hoạch dạy học Địa lí 9	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình; thảo luận; dạy học dự án	A1, A2, A3	[1] [2] [3]
LLO12 – LLO15	B. Nội dung tự học: (20 tiết) Nghiên cứu tài liệu 1 và 2	Yêu cầu SV: - Tìm hiểu đặc điểm sách giáo khoa địa lí. - Tìm hiểu định hướng sử dụng phương pháp dạy học trong sách giáo khoa địa lí.	A1	[1] [2]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 04 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thực hành: Hoàn thành 02 bài giảng cá nhân. Báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Tự học: Đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 40%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	30	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-11
Thi kết thúc học phần (trọng số 60%)					
8	A3. Thực hành	60	02	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-11

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (30 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thực hành (60 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5 Không hoặc rất ít tham gia	0,5 đến < 0,6 Tham gia nhưng chưa đều	0,6 đến < 0,8 Chủ động tham gia	0,8 đến 1,0 Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5 Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,5 đến < 1,9 Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	1,9 đến < 2,4 Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	2,4 đến 3,0 Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5 Chưa giải thích, chứng minh.	1,5 đến < 1,9 Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	1,9 đến < 2,4 Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	2,4 đến 3,0 Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5 Không đúng yêu cầu	0,5 đến < 0,6 Đáp ứng một phần yêu cầu	0,6 đến < 0,8 Đáp ứng khá	0,8 đến 1,0 Đáp ứng tốt

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Các bộ sách giáo khoa, sách giáo viên 10, 11, 12
- [2]. At lat Địa lí Việt Nam.
- [3]. Chương trình phổ thông 2018 (chương trình tổng thể, chương trình môn Địa lí)

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4]. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Thu Hằng (2003) *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

THỰC TẬP SƯ PHẠM 1

MÃ HỌC PHẦN: 59TRA421

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30 tiết

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	0	0
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	3 tuần	0
Tổng		40	60

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*.

- Học phần học trước: Giáo dục học, 20PEP341

- Học phần học song hành: *Không*.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: ; Khoa:

2. Thông tin về giảng viên

Giáo viên của trường phổ thông, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tế.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn.

* Về kỹ năng

CO2: Hình thành được kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO3: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của trường phổ thông.
- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch thực tập chuyên môn; kế hoạch thực tập giáo dục; báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục.

6. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

6.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
1	A1. Thực tập chuyên môn	30	01	Rubric đánh giá tiểu luận	
2	A2. Thực tập giáo dục	70	01	Rubric đánh giá thảo luận	

6.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

7. Học liệu

7.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

7.2. Tài liệu tham khảo:

THỰC TẬP SƯ PHẠM 2

MÃ HỌC PHẦN: 55TRA422

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30 tiết

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	0	0
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	7 tuần	0
Tổng			

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*.

- Học phần học trước: Thực tập sư phạm 1, 55TRA421

- Học phần học song hành: *Không*.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: ; Khoa:

2. Thông tin về giảng viên

Giáo viên của trường phổ thông, nơi sinh viên được liên hệ và cử đi thực tập sư phạm.

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn vào quá trình thực tập sư phạm.

* Về kỹ năng

CO2: Hoàn thiện những kỹ năng cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục.

CO3: Có kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng;

CO4: Có được các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giao tiếp, làm việc nhóm và thực hiện các tương tác sư phạm trong quá trình học tập.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, thực hiện đúng các yêu cầu của trường phổ thông.
- Hoàn thành hồ sơ thực tập: Kế hoạch thực tập chuyên môn; kế hoạch thực tập giáo dục; báo cáo tìm hiểu thực tế giáo dục.

6. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

6.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
1	A1. Thực tập chuyên môn	70	01	Rubric đánh giá thực tập chuyên môn	
2	A2. Thực tập giáo dục	30	01	Rubric đánh giá thực tập giáo dục	

6.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá): Theo quy định.

7. Học liệu

7.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.
- [2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

7.2. Tài liệu tham khảo:

TÊN HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG
DẠY HỌC LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ
**APPLICATION OF INFORMATION
TECHNOLOGY IN TEACHING HISTORY -
GEOGRAPHY**
MÃ HỌC PHẦN: 59AHG431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	13		50
2.	Thực hành	60		25
3.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		75		75

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành:
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phương pháp dạy học Lịch sử; Khoa Lịch sử.
Bộ môn Địa lí cơ sở và PPGD Địa lí; Khoa Địa lí.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Mai Văn Nam	0974136822	nammv@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Huyền	0912472085	huyennt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

- CO1. Trình bày được các khái niệm có liên quan đến ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử - Địa lí; xác định được vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong dạy học.
- CO2. Trình bày được các xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy học hiện nay và các cơ sở lựa chọn, ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử - Địa lí.
- CO3. Thiết kế và xây dựng được các tư liệu dạy học điện tử phục vụ cho dạy học Lịch sử - Địa lí.
- CO4. Mô tả được kỹ thuật cơ bản sử dụng PowerPoint để thiết kế bài giảng điện tử và vận dụng được các kỹ thuật để thiết kế các bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí.
- CO5. Vận dụng được các phần mềm hỗ trợ kiểm tra – đánh giá và tổ chức học tập trực tuyến trong quá trình dạy học Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng

- CO6. Có kỹ năng khai thác, xây dựng tư liệu dạy học điện tử, kỹ năng xây dựng bản đồ tư duy, kỹ năng xây dựng bảo tàng ảo bằng phần mềm, thiết kế video phục vụ bài học và xây dựng biểu đồ trong dạy học Lịch sử - Địa lí bằng phần mềm excel.
- CO7. Phát triển kỹ năng thiết kế các bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí.
- CO8. Phát triển kỹ năng thiết kế và sử dụng phần mềm trong tạo bài kiểm tra, tổ chức lớp học trực tuyến.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO9. Có khả năng tự thiết kế các sản phẩm về CNTT phục vụ hoạt động dạy học Lịch sử - Địa lí.

- CO10. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập cá nhân hoặc nhóm của môn học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí sẽ trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kỹ năng cần thiết như khai thác tư liệu dạy học điện tử, xây dựng sơ đồ tư duy, thiết kế bảo tàng ảo, xây dựng biểu đồ, thiết kế video phục vụ dạy học; thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm hỗ trợ quá trình kiểm tra – đánh giá và dạy học trực tuyến.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Những vấn đề chung về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1-4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (4 tiết) * Nội dung lí thuyết (4 tiết) 1.1. Khái quát về công nghệ thông tin, học liệu số và thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục 1.2. Vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong dạy học 1.3. Những xu hướng ứng dụng CNTT trong dạy học hiện nay 1.4. Cơ sở lựa chọn, ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử - Địa lí hiện nay. 1.5. Một số yêu cầu của việc ứng dụng CNTT vào dạy học Lịch sử - Địa lí	- Thuyết trình của GV. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề - Dạy học thông qua dự án	A1, A4	[1] Chương 1 [2] Phần 1
LLO1-5	B. Nội dung tự học: (15 tiết) Phân tích và đánh giá việc ứng dụng CNTT trong dạy học lịch sử - địa lí ở trường phổ thông hiện nay	Yêu cầu SV:	A1	[3]
Chương 2: Xây dựng tư liệu dạy học điện tử môn Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO6-12	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lí thuyết: (4 tiết) 2.1. Khai thác tư liệu dạy học điện tử qua mạng internet 2.2. Xây dựng sơ đồ tư duy trên các phần mềm sơ đồ tư duy 2.3. Thiết kế bảo tàng ảo trên phần mềm 3D Virtual Tour	-Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Dạy học hợp tác	A1, A3, A4	[1] Chương 2 [3] Chương 6

	2.4. Xây dựng video dạy học dựa trên các phần mềm hỗ trợ tạo video. 2.5. Xây dựng biểu đồ dựa trên phần mềm Excel.			
LLO6-12	* Nội dung thực hành (20 tiết) - Khai thác tư liệu dạy học điện tử - Xây dựng bản đồ tư duy trên phần mềm Mind Master - Thiết kế bảo tàng ảo trên phần mềm 3D Virtual Tour - Thiết kế và xây dựng video - Xây dựng biểu đồ trong dạy học Lịch sử - Địa lí	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thực hành	A2	[1] [2]
LLO6-12	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 2.1. Khai thác tư liệu dạy học điện tử qua mạng internet - Nêu quy trình khai thác tư liệu điện tử qua mạng internet ? - Dự kiến nội dung tư liệu dạy học điện tử cần khai thác trong dạy học lịch sử lớp 10. 2.2. Xây dựng bản đồ tư duy trên phần mềm iMindmap - Thao tác kỹ thuật cơ bản của phần mềm Mind Master ? - Xây dựng dự thảo 1 bản đồ tư duy chủ đề lịch sử ? 2.3. Thiết kế bảo tàng ảo trên phần mềm 3D Virtual Tour - Giải pháp bảo tàng ảo có giá trị như thế nào trong dạy học lịch sử ? - Dự kiến 1 chủ đề và các tài liệu cần số hóa cho cơ sở dữ liệu của bảo tàng ảo ?	Yêu cầu SV: Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.	A1	[3] [4] [5] [6]
Chương 3: Thiết kế và sử dụng bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí trên phần mềm PowerPoint				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO13-17	A. Nội dung thực hiện trên lớp (24 tiết) * Nội dung lý thuyết: (4 tiết) 3.1. Khái quát vấn đề lý luận về bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí 3.1.1. Khái niệm và cấu trúc bài giảng điện tử 3.1.2. Quy trình thiết kế bài giảng điện tử	-Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Dạy học thông qua dự án	A1, A4	[1] Chương 2 [3] Chương 7

	3.1.3. Các tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử 3.2. Một số kỹ thuật cơ bản sử dụng phần mềm PowerPoint 3.2.1. Thiết lập trang trình chiếu và xử lý văn bản 3.2.2. Chèn tranh ảnh, bản đồ 3.2.3. Chèn âm thanh và phim tư liệu 3.2.4. Thiết lập liên kết và hiệu ứng 3.3. Thiết kế bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí trên phần mềm PowerPoint 3.3.1. Thiết kế slide khởi động bài học 3.3.2. Thiết kế slide tổ chức hoạt động hình thành kiến thức 3.3.3. Thiết kế slide ôn tập, củng cố bài học 3.4. Sử dụng bài giảng điện tử môn Lịch sử - Địa lí trên phần mềm PowerPoint 3.5. Thiết kế trò chơi trên phần mềm Powerpoint	- Thực hành		[6] Chương 4,5,6
LLO13-17	* Nội dung thực hành (20 tiết) - Thực hành thao tác, kỹ thuật cơ bản của phần mềm PowerPoint. - Ứng dụng các kỹ thuật để thiết kế bài giảng điện tử.	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thực hành	A2	[1] [2]
LLO13-17	B. Nội dung tự học: (20 tiết) 3.1. Khái quát vấn đề lý luận về bài giảng điện tử môn Lịch sử - Trình bày quy trình thiết kế bài giảng điện tử môn Lịch sử? - Phân tích các tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử môn Lịch sử? 3.2. Một số kỹ thuật cơ bản sử dụng phần mềm PowerPoint - Tìm hiểu kỹ thuật đặt nền cho Slide. - Tìm hiểu kỹ thuật chèn tranh ảnh, bản đồ, bảng biểu. - Tìm hiểu kỹ thuật thiết lập liên kết và hiệu ứng. 3.3. Thiết kế bài giảng điện tử môn Lịch sử trên phần mềm PowerPoint - Dự kiến tư liệu dạy học điện tử cho 1 bài giảng điện tử cần xây dựng. - Sưu tầm 2 bài giảng điện tử môn LS.	Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.		[3] [4] [5] [6] [7] [8]
Chương 4: Sử dụng phần mềm hỗ trợ kiểm tra – đánh giá và dạy học trực tuyến trong dạy học Lịch sử - Địa lí				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp	Học liệu	

		Dạy học	Đánh giá	
LLO18-19	A. Nội dung thực hiện trên lớp (23 tiết) * Nội dung lý thuyết (3 tiết) 4.1. Sử dụng phần mềm hỗ trợ kiểm tra – đánh giá quá trình dạy học Lịch sử - Địa lí 4.1.1. Phần mềm Quizizz 4.1.2. Phần mềm Shub Classroom 4.1.3. Phần mềm Kahoot 4.2. Sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến trong quá trình dạy học Lịch sử - Địa lí 4.2.1. Phần mềm MS Teams 4.2.2. Phần mềm Zoom 4.2.3. Phần mềm Google Meet	-Thuyết trình - Dạy học dựa trên vấn đề - Thực hành	A1, A3, A4	[1] Chương 2 [3] Chương 6 [4] Chương 3
LLO18-19	* Nội dung thực hành (20 tiết) - Sử dụng các phần mềm để thiết kế đề kiểm tra – đánh giá trực tuyến. - Tạo phòng học trực tuyến qua mạng	- Thực hành	A2	[1] [2]
LLO18-19	B. Nội dung tự học (20 tiết) Tìm hiểu về ưu và nhược điểm của các phần mềm hỗ trợ kiểm tra – đánh giá; phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến.	Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.	A1	[6] [8]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 80% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Thực hành: Hoàn thành 20 bài thực hành cá nhân/ nhóm.
- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ.
- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: sổ ghi chép và minh chứng hoàn thành nhiệm vụ tự học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Thực hành	20	02	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3-11
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ	20	02	Rubric đánh giá thực hành	CLO4-9

Thi kết thúc học phần					
4	A4.Thực hành trên máy	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-11

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (20 %)					
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Đúng thao tác, quy trình dưới 50% nhiệm vụ thực hành.	Đúng thao tác, quy trình 50 -64% nhiệm vụ thực hành.	Đúng thao tác, quy trình 65 -79% nhiệm vụ thực hành. Đúng hạn.	Đúng thao tác, quy trình trên 80% nhiệm vụ thực hành.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu, nộp đúng hạn	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Nộp kết quả đúng hạn, nội dung chính xác dưới 50%	Nộp kết quả đúng hạn, nội dung chính xác 50 -64%	Nộp kết quả đúng hạn, nội dung chính xác 65 -79%	Nộp kết quả đúng hạn, nội dung chính xác trên 80%
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đỗ Hồng Thái, Phạm Đức Hậu (2010), *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử*, Giáo trình nội bộ.

[2]. Nguyễn Phương Liên, Nguyễn Thị Huyền (2022), *Giáo trình Dạy học Địa lí bằng công nghệ hiện đại*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương (2001), *Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*.

[4]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên, 2011), *Giáo trình Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm.

[5]. Nguyễn Thị Côi (chủ biên, 2006), *Hướng dẫn sử dụng các hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên CD và phần mềm Microsoft Powerpoint trong dạy học Lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm.

[6]. Trịnh Thanh Hải (2005), *Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học môn Toán*.

[7]. Nguyễn Công Minh (2012), *Tự học các kỹ năng cơ bản Microsoft Office PowerPoint 2010 cho người mới sử dụng*, Nxb Hồng Đức.

[8]. Phó Đức Hoà, Ngô Quang Sơn (2016), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, NXB Đại học Sư phạm.

TÊN HỌC PHẦN: **GIÁO DỤC LỊCH SỬ VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG**

The education of history and culture local

MÃ HỌC PHẦN: 59EHC431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	34	0	72
2.	Bài tập	4	0	24
3.	Thực hành	10	0	
4.	Thảo luận	4	0	
5.	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		54		96

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Khánh Như	0989850885	nhunk@tinue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

*** Về kiến thức**

CO1: Có những hiểu biết cơ bản về lịch sử, văn hóa địa phương.

CO2: Bước đầu tìm hiểu những vấn đề lý luận lịch sử, văn hóa phục vụ nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương.

*** Về kỹ năng**

CO3: Có kỹ năng xác định, phân tích các nguồn sử liệu, đánh giá thành tựu và vai trò của lịch sử và văn hóa với sự phát triển của địa phương.

CO4: Có kỹ năng vận dụng một số vấn đề lý luận lịch sử, văn hóa trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử và văn hóa địa phương.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập (bài tập, thảo luận, thực hành) về giáo dục lịch sử và văn hóa địa phương.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý luận lịch sử, văn hóa, phục vụ nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa tại địa phương. Người học được rèn luyện kỹ năng xác định, phân tích các nguồn sử liệu, đánh giá thành tựu và vai trò của lịch sử và văn hóa với sự phát triển của địa phương và có kỹ năng vận dụng một số vấn đề lý luận lịch sử, văn hóa trong nghiên cứu, giảng dạy.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Khái luận về lịch sử và văn hóa địa phương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1-3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết) * Nội dung lý thuyết (12 tiết) 1.1. Lịch sử địa phương 1.1.1. Khái luận lịch sử địa phương và đối tượng nghiên cứu của môn học 1.1.2. Vị trí, tác dụng của công tác biên soạn, giảng dạy, học tập môn học Lịch sử địa phương ở trường phổ thông 1.1.3. Tình hình nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử địa phương 1.2. Văn hóa địa phương 1.2.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2.2. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa	- Thuyết trình của GV. - Thảo luận nhóm - Dạy học dựa trên vấn đề	A5, A6	[1] [7]

	1.2.3.Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam 1.2.4.Không gian văn hóa Việt Nam			
LLO2	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Phân tích khái niệm và đối tượng nghiên cứu của môn giáo dục lịch sử và văn hóa địa phương. 2. Vị trí của công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương?	- Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[1] [7]
LLO2, 3	* Nội dung thực hành (3 tiết) Thực hành nhận diện các nguồn tư liệu lịch sử, văn hóa địa phương nơi anh (chị) cư trú.	- Thực hành		[2] [3]
LLO3	* Nội dung thảo luận (1 tiết) 1. Anh (chị) có nhận xét gì về tình hình nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở nước ta từ trước tới nay? Theo anh (chị), để làm tốt công tác nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông, cần phải làm những công việc gì? 2. Vì sao việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở nước ta trước năm 1976 không được đẩy mạnh?	- Hoạt động nhóm - toàn lớp		[2] [3]
	B. Nội dung tự học: (32 tiết) Tìm hiểu tình hình nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, văn hóa tại địa phương nơi anh (chị) cư trú.	Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.		
Chương 2: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử, văn hóa địa phương				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 4-6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết) 2.1. Tổ chức nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương 2.1.1. Xác định đối tượng và mục đích nghiên cứu 2.1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu 2.1.3. Các hình thức tổ chức nghiên cứu 2.1.4. Công tác chuẩn bị	-Thuyết trình -Dạy học dựa trên vấn đề	A5, A6	[1] [2] [3] [4] [5]

	2.1.5. Tổ chức nghiên cứu tại địa phương 2.2. Công tác sưu tầm tài liệu 2.2.1. Vị trí, tầm quan trọng của tài liệu và công tác sưu tầm tài liệu 2.2.2. Các nguồn tài liệu lịch sử địa phương 2.2.3. Phương pháp sưu tầm, phân loại tài liệu 2.3. Biên soạn lịch sử, văn hóa địa phương 2.3.1. Các bước chuẩn bị 2.3.2. Nội dung biên soạn			
LLO 4	* Nội dung bài tập (2 tiết) 1. Vị trí, tầm quan trọng của tài liệu lịch sử địa phương trong công việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương? 2. Các nguồn tài liệu lịch sử địa phương? 3. Phương pháp sưu tầm, xác minh các nguồn tài liệu lịch sử địa phương.	-Dạy học dựa trên vấn đề	A1	[3] [4] [5]
LLO 4,6	* Nội dung thực hành (3 tiết) Minh họa các bước chuẩn bị biên soạn cuốn lịch sử, văn hóa tại địa phương nơi anh (chị) cư trú.	-Thực hành theo nhóm	A4	[4] [5]
LLO 4,5	* Nội dung sermina/thảo luận (1 tiết) 1. Phương pháp hệ thống, phân loại các loại tài liệu lịch sử địa phương? Tại sao phải tiến hành hệ thống, phân loại các tài liệu trước khi sử dụng để biên soạn một tác phẩm lịch sử địa phương? 2. Một cuốn lịch sử địa phương thường có những phần, nội dung gì?	-Hoạt động cá nhân và toàn lớp		
	B. Nội dung tự học: (32 tiết) Tìm hiểu về công tác biên soạn lịch sử, văn hóa địa phương nơi anh (chị) cư trú.	Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.		
Chương 3: Biên soạn và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO7, 8,9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết: (12 tiết)	-Thuyết trình	A5, A6	[1] [2] [6]

	3.1. Vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông 3.1.1. Vị trí, ý nghĩa 3.1.2. Tầm quan trọng 3.2. Biên soạn bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông 3.2.1. Suu tầm tài liệu để biên soạn một bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương 3.2.2. Sử dụng tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương để biên soạn bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương trong nhà trường 3.2.3. Sử dụng tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương vào bài giảng lịch sử dân tộc	-Dạy học dựa trên vấn đề		[7] [8]
LLO7, 8	* Nội dung bài tập (1 tiết) 1. Vị trí, tầm quan trọng của việc giảng dạy, học tập lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông? 2. Phương pháp và nội dung biên soạn một bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông?	-Dạy học dựa trên vấn đề	A2	[2] [6]
LLO10	* Nội dung thực hành (4 tiết) Sưu tầm tài liệu để biên soạn một bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương nơi anh (chị) cư trú.	-Thực hành theo nhóm		[2] [6] [7]
LLO8, 9	* Nội dung sermina/thảo luận (2 tiết) 1. Việc sử dụng tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương vào bài giảng lịch sử dân tộc được thực hiện như thế nào? Có những yêu cầu, tác dụng gì đối với nhận thức của học sinh? 2. Cách thức tiến hành và nội dung bài giảng lịch sử, văn hóa địa phương tại thực địa?	-Hoạt động nhóm	A3	
	B. Nội dung tự học: (32 tiết) Nghiên cứu tài liệu tham khảo ở thư viện, internet về biên soạn và giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương ở trường phổ thông.	Đọc tài liệu tham khảo, hoàn thành câu hỏi, bài tập.		

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng*

dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung GV yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)				
1	A1. Chuyên cần	5%	01	CLO1-8
2	A2. Bài tập	5%	02	CLO1-8
3	A3. Thực hành	5%	02	CLO1-8
4	A4. Thảo luận	10%	02	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25%	01	CLO1-8
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	CLO1-8
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)				
7	A7. Bài tập lớn	50%	01	CLO1-8

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

7.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (5,0%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
-------------------------------------	--	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	--

7.2.2. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Bài tập cá nhân (5,0%)					
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0
		Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.
Ý tưởng sáng tạo	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

7.2.3. Rubric đánh giá thực hành nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thực hành nhóm (5%)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình
	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,5	2,5 đến 3,0

Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu		Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu
Kết quả được giải thích và chứng minh	3,0	0 đến < 1,0 Giải thích và chứng minh không rõ ràng	1,0 đến < 2,0 Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	2,0 đến < 2,5 Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	2,5 đến 3,0 Giải thích và chứng minh rõ ràng
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1,0	0 đến < 0,25 Không đúng format và nộp quá thời gian hạn	0,25 đến < 0,5 Format nhiều chỗ không nhất quán và nộp trong thời gian hạn	0,5 đến < 0,75 Vài sai sót nhỏ về format và nộp đúng hạn	0,75 đến 1,0 Đúng format và nộp đúng hạn

7.2.4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thảo luận nhóm (10%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 2,0	2,0 đến < 3,0	3,0 đến 4,0
		Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến < 0,5	0,5 đến < 1,0	1,0 đến < 1,5	1,5 đến 2,0
		Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi,	Trả lời đúng đa số các câu hỏi	Các câu hỏi được trả lời

			phần chưa nêu được định hướng phù hợp	và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1,0	0 đến < 0,25	0,25 đến < 0,5	0,5 đến < 0,75	0,75 đến 1,0
		Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Cảnh Minh (2008), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương*, NXB ĐHSP, Hà Nội. (907.MIN-2008-XH.031928)

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2006), *Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

[3] Đỗ Hồng Thái (2010), *Dạy học lịch sử địa phương ở Việt Bắc và Tây Bắc*, NXB Giáo dục Việt Nam.

TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ
(Curriculum Development and Assessment in History and Geography teaching)

MÃ HỌC PHẦN:

59DHG431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	33		50
2	Thực hành	10		45
3	Thảo luận	10		
4	Kiểm tra đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc/Tự chọn
- Học phần tiên quyết:(Ghi mã, Tên học phần, nếu không có ghi “Không”).
- Học phần học trước:(Ghi mã, Tên học phần, nếu không có ghi “Không”).

- Học phần học song hành...(Ghi mã, Tên học phần, nếu không có ghi “Không”).
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐(☐) Tiếng Anh: ☐ (☐)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và Phương Pháp giảng dạy
- Khoa: Địa lí

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	PGS.TS. Nguyễn Phương Liên	0913550622	Liennp@tnue.edu.vn
2.	TS. Đỗ Văn Hào	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
3.	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0912472085	huyennt@tnue.edu.vn
4.	PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy	0912804549	thuyhtt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những vấn đề lí luận và thực tiễn về chương trình, phát triển chương trình và kiểm tra, đánh giá.

CO2: Trình bày được cơ sở khoa học của phát triển chương trình và xây dựng các công cụ kiểm tra. Hiểu được quy trình phát triển chương trình và quy trình thiết kế đề kiểm tra trong dạy học. Vận dụng được kinh nghiệm phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trên thế giới và Việt Nam vào dạy học Lịch sử - Địa lí ở trường phổ thông.

CO3: Đánh giá được đặc điểm của chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử - Địa lí; đánh giá được ưu điểm, hạn chế của các phương pháp/ hình thức kiểm tra đánh giá.

* Về kĩ năng

CO4: Thực hiện được phát triển chương trình nhà trường dựa trên chương trình quốc gia. Biên soạn được các đề kiểm tra môn Lịch sử- Địa lí theo hướng phát triển năng lực.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Nhận thức đúng đắn vị trí của môn học trong chương trình đào tạo, về sự cần thiết của phát triển chương trình và đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học để có ý thức học tập tích cực, tự giác.

CO6: Hình thành và phát triển ở người học năng lực nghiên cứu tài liệu, thuyết trình, giao tiếp, tự học, tự nghiên cứu và năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin...

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về chương trình, phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá. Trên cơ sở đó có kỹ năng xây dựng, phát triển chương trình Lịch sử - địa lí và tổ chức kiểm tra đánh giá đáp ứng được mục tiêu giáo dục phổ thông sau năm 2018. Nội dung môn học gồm 3 nội dung cơ bản: (1)

Chương trình và phát triển chương trình giáo dục; (2) Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử -Địa lí; (3) Phát triển chương và biên soạn đề kiểm tra môn Lịch sử - Địa lí.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Chương trình và phát triển chương trình giáo dục				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO1, LLO2, LLO3, LLO4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (15 tiết) 1.1. Một số vấn đề về chương trình và phát triển chương trình. 1.2. Phát triển chương trình môn Địa lí ở trường phổ thông	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải	A1, A4, A6	[4] Chương 1,2 [5] Chương 1,2
LLO2	* Nội dung thảo luận: (05 tiết) - Kinh nghiệm phát triển chương trình nhà trường ở một số quốc gia. - Một số mô hình giáo dục trên thế giới và Việt Nam.	Thảo luận nhóm, cả lớp	A1, A3, A4, A6	[9] Chương 1,2
LLO2, LLO4	B. Nội dung tự học: (30 tiết) Sinh viên sử dụng Internet để tìm hiểu các thông tin về kinh nghiệm phát triển chương trình và triết lý giáo dục của một số quốc gia trên thế giới.	GV hướng dẫn, SV tự tìm hiểu	A1, A3, A4, A6	
	* Bài kiểm tra định kỳ số 1: (01 tiết)	Tự luận/ báo cáo sản phẩm theo nhóm	A4	[4] Chương 1,2
Chương 2: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí				
LLO5, LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (15 tiết) 2.1. Cơ sở lý luận về kiểm tra, đánh giá trong dạy học 2.2. Xây dựng các công cụ kiểm tra 2.3. Xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá.	Thuyết trình, đàm thoại, dạy học nêu vấn đề kết hợp với trình chiếu	A1, A5, A6	[6] Chương 1,2 [7] Chương 1,2,3 [8] Chương 1,2
LLO7, LLO8	* Nội dung thảo luận: (05 tiết) - Các xu hướng kiểm tra, đánh giá trên thế giới và Việt Nam. - Nghiên cứu các công cụ kiểm tra đánh giá	Thảo luận nhóm, cả lớp	A1, A3, A5, A6	[7] Chương 1,2,3
LLO5, LLO6, LLO7, LLO8, LLO9, LLO10	B. Nội dung tự học: (30 tiết): Sinh viên nghiên cứu tài liệu bồi dưỡng giáo viên giáo viên cốt cán Mô đun 3: Kiểm tra, đánh giá học sinh Trung học phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Địa lí. Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2020.	GV cung cấp tài liệu, SV nghiên cứu	A1, A3, A5, A6	[7] Chương 1,2,3

	* Bài kiểm tra định kì số 2: (01 tiết)	Tự luận/ báo cáo sản phẩm theo nhóm	A5	[6] Chương 1,2,3
Chương 3: Xây dựng chương trình và biên soạn đề kiểm tra môn Địa lí.				
LLO11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết)	Thuyết trình, đàm thoại,	A1, A2, A6	[1]
LLO12	* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (03 tiết)			[2]
LLO13	3.1. Giới thiệu một số văn bản chỉ đạo rà			[3]
LLO14	soát, điều chỉnh chương trình giáo dục.			
LLO15	3.2. Giới thiệu một số văn bản quy định về kiểm tra - đánh giá trong dạy học.			
LLO1	* Nội dung thực hành: (10 tiết)	Thực hành cá nhân, theo nhóm nhỏ	A1, A2, A6	[1]
LLO12	3.1. Rà soát chương trình địa lí Trung học			[2]
LLO13	phổ thông, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).			[3]
LLO14	3.2. Thiết kế và tổ chức các hoạt động trải			
LLO15	nh nghiệm trong môn Địa lí.			
LLO16	3.3. Thiết kế và tổ chức các chủ đề dạy học			
LLO17	tích hợp, liên môn trong môn Địa lí.			
	3.4. Xây dựng ma trận đề kiểm tra môn Địa lí.			
	3.5. Biên soạn đề kiểm tra môn Địa lí			
LLO1	B. Nội dung tự học: (35 tiết): Sinh viên tự	GV cung cấp tài liệu, SV nghiên cứu	A1, A2, A6	[1]
LLO12	nghiên cứu:			[2]
LLO13	- Nội dung chương trình giáo dục phổ			[3]
LLO14	thông môn Địa lí THPT (Ban hành kèm			
LLO15	theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018.			
	- Hướng dẫn xây dựng ma trận đề kiểm tra			
	môn Địa lí của Bộ Giáo dục và Đào tạo.			
	- Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.			

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học:

- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành cá nhân/ nhóm theo từng chủ đề do giảng viên yêu cầu. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.

- Thảo luận: Hoàn thành các bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu cụ thể ở chương 1,2; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1.	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5,6
2.	A2. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO8, CLO9
3.	A3. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3, CLO4, CLO5
4.	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10%	01	Đáp án, thang điểm	Từ CLO1 đến CLO7
5.	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10%	01	Đáp án, thang điểm	Từ CLO1 đến CLO7
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6.	A6. Vấn đáp hoặc tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	Từ CLO 1 đến CLO11

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Luôn thụ động trong các quá trình học tập.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự <80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%- 89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành +Thảo luận (20%)					
	4	0 đến <2	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4

Nội dung đầy đủ theo yêu cầu		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm chưa đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5 Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	0,5 đến < 0,6 Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	0,6 đến < 0,8 Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	0,8 đến 1 Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1 Trình bày báo cáo không rõ ràng	1 đến < 1,2 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	1,2 đến < 1,6 Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	1,6 đến 2 Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5 Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,5 đến < 0,6 Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,6 đến < 0,8 Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	0,8 đến 1 Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5 Không trả lời câu hỏi đầy đủ	0,5 đến < 0,6 Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	0,6 đến < 0,8 Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	0,8 đến 1 Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5 Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,5 đến < 0,6 Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,6 đến < 0,8 Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	0,8 đến 1 Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
Bài kiểm tra định kỳ (20%)					
Theo đáp án, thang điểm của giảng viên					
Thi kết thúc học phần (50%)					
Theo đáp án, thang điểm					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử - Địa lí (Ban hành kèm theo thông tư số 32/2018, ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021. Thông tư Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông.
- [3]. Các bộ sách giáo khoa Lịch sử - Địa lí 6,7,8,9
- [4]. Nguyễn Phương Liên và nnk (2018). Đề cương bài giảng Phát triển chương trình (Tài liệu lưu hành nội bộ).

[5]. Nguyễn Phương Liên (2013), Phân tích chương trình địa lí phổ thông, NXB ĐH Thái Nguyên.

[6]. Nguyễn Công Khanh (Chủ biên), Đào Thị Oanh, Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục, NXB ĐH Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo: (nếu có)

[7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên cốt cán Mô đun 3: Kiểm tra, đánh giá học sinh Trung học phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Địa lí. Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2020.

[8]. Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017). Giáo trình: Kiểm tra - đánh giá trong dạy học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[9]. Phạm Hồng Quang (2013) Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - Những vấn đề lí luận và thực tiễn.

8.3. Website (nếu có)

Copy đường dẫn địa chỉ

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA DANH VÀ DẠY HỌC ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

TOPONYM AND TEACHING LOCAL GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59PTG431

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		65
2.	Thực hành	10		30
3.	Thảo luận	10		
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và PP giảng dạy; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Văn Hảo	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Phương Liên	0913550622	liennp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Biết và hiểu được một số kiến thức cơ bản về khái niệm địa danh học, ý nghĩa, các phương pháp nghiên cứu địa danh, các nguyên tắc đặt tên và tính đa dạng của địa danh.

CO2: Phân tích được các địa danh cụ thể ở Việt nam như: Đồi núi, hồ đầm, sông ngòi, hải đảo, làng xã, quận-huyện, tỉnh-thành phố.

CO3: Biết được khái niệm, mục đích và nội dung nghiên cứu và giảng dạy địa lí địa phương. Hiểu được các quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa lí địa phương.

CO4: Vận dụng được các phương pháp, hình thức dạy học để giảng dạy địa danh và địa lí địa phương ở trường phổ thông.

* Về kĩ năng:

CO5: Hiểu được cách xác định sự phân bố các địa danh trên bản đồ...

CO6: Thành lập và phân tích được bảng biểu, sơ đồ thể hiện sự phong phú của các địa danh tự nhiên và địa danh kinh tế xã hội.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO9: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO10: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng trong môn học Địa danh và dạy học Địa lí địa phương vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 4 chương: Chương 1. Khái quát về Địa danh học đề cập tới các vấn đề như: Đối tượng, ý nghĩa, các phương pháp nghiên cứu địa danh, Các nguyên tắc đặt tên địa danh, sự thay đổi của địa danh, tính đa dạng của địa danh. Chương 2. Các địa danh tự nhiên, kinh tế - xã hội ở Việt Nam bao gồm: Địa danh sông ngòi, hồ đầm, đồi núi, hải đảo, làng xã, huyện quận, tỉnh thành phố. Chương 3. Những vấn chung về địa lí địa phương. Chương 4. Các hình thức, phương pháp dạy học Địa lí địa phương.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA DANH HỌC				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết) * Nội dung lí thuyết (8 tiết) 1.1. Đối tượng, ý nghĩa, các phương pháp nghiên cứu địa danh 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu địa danh học 1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu địa danh 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu địa danh 1.2. Các nguyên tắc đặt tên địa danh 1.2.1. Nguyên tắc chung 1.2.2. Những nguyên tắc cụ thể 1.3. Sự thay đổi của địa danh	- Đàm thoại - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1, A2,A6	[1] Chương 1 [2]

	1.3.1. Những nguyên nhân của sự thay đổi địa danh 1.3.2. Các quy luật biến đổi địa danh 1.4. Tính đa dạng của địa danh			
LLO 1,2,3,4	* Nội dung thảo luận (4 tiết) - Lập bảng thống kê các tên gọi địa danh sông ngòi ở Việt Nam - Lập bảng thống kê các tên gọi địa danh đồi núi nước ta - Lập bảng thống kê các tên gọi địa danh làng xã nước ta	- Báo cáo thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	[1] [2][4] [5]
	B. Nội dung tự học: (23 tiết) - SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào nội dung bài học - Thu thập và nghiên cứu các tài liệu chứng minh tính đa dạng của địa danh và quy luật biến đổi địa danh.	Sinh viên thu thập, xử lý tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[1] [2][4] [5]
CHƯƠNG 2: CÁC ĐỊA DANH KINH TẾ, XÃ HỘI VIỆT NAM				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 5-8	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung lí thuyết: (9 tiết) 3.1. Địa danh sông ngòi 3.1.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.1.2. Một số ví dụ cụ thể 3.2. Địa danh hồ đầm 3.2.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.2.2. Một số ví dụ cụ thể 3.3. Địa danh đồi núi 3.3.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.3.2. Một số ví dụ cụ thể 3.4. Địa danh hải đảo 3.4.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.4.2. Một số ví dụ cụ thể 3.5. Địa danh làng xã 3.5.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.5.2. Một số ví dụ cụ thể 3.6. Địa danh huyện, quận 3.6.1. Tính đa dạng và phức tạp 3.6.2. Một số ví dụ cụ thể 3.7. Địa danh tỉnh, thành phố 3.7.1. tính đa dạng và phức tạp 3.7.2. Một số ví dụ cụ thể <i>Kiểm tra định kỳ số 1</i>	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A4,A6	[1] Chương 2 [2][4] [5]

LLO 5-8	* Nội dung thực hành (4 tiết) - Lập bảng so sánh sự phong phú của địa danh sông ngòi với địa danh hồ đầm - Lập bảng so sánh sự phong phú của địa danh đồi núi với địa danh hải đảo - Lập bảng so sánh sự phong phú của địa danh làng xã với địa danh huyện quận - So sánh sự phong phú và phức tạp của các địa danh tự nhiên. - So sánh sự phong phú và phức tạp của các địa danh kinh tế xã hội	- Thuyết trình - Báo cáo, thực hành; Thảo luận - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A6	[1] [2][4] [5]
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV đọc tài liệu về tính đa dạng và phức tạp của địa danh Quốc gia. - Suu tầm và giải nghĩa các địa danh nước ngoài liên quan tới kiến thức địa lí THPT.	Sinh viên thu thập, xử lí tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[1] [2][4] [5]
CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 9,10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (14 tiết) * Nội dung lí thuyết: (8 tiết) 3.1. Quan niệm và mục đích nghiên cứu địa lí địa phương 1.1.1. 3.1.1. Quan niệm về nghiên cứu ĐLDP 1.1.2. 3.1.2. Mục đích nghiên cứu ĐLDP 1.1.3. 3.1.3. Phạm vi lãnh thổ nghiên cứu ĐLDP 1.2. 3.2. Phương pháp nghiên cứu địa lí địa phương 1.2.1. 3.2.1. Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên 1.2.2. 3.2.2. Nghiên cứu địa lí dân cư 1.2.3. 3.2. 3. Nghiên cứu địa lí kinh tế 3.3. Một số phương pháp cụ thể để khảo sát và nghiên cứu Địa lí địa phương.	- Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1, A2,A6	[3] Chương 1
LLO 9,10	* Nội dung thực thảo luận (6 tiết) 1. Đánh giá về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội đối với phát triển kinh tế của địa phương.	- Báo cáo thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	[3]

	2. Tác động tích cực và hạn chế của dân cư trong phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.			
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) - SV thu thập và nghiên cứu tìm hiểu về tự nhiên tại địa phương nơi mình cư trú. - SV thu thập và nghiên cứu tìm hiểu về kinh tế xã hội tại địa phương nơi mình cư trú.	Sinh viên thu thập, xử lý tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[3]
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC DẠY HỌC ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG				
	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 11-15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (10 tiết) 3.1. Chương trình môn ĐL và Địa lí địa phương trong nhà trường phổ thông 3.2. Cấu trúc nội dung tài liệu dạy học Địa lí địa phương 3.3. Mục đích của việc giảng dạy Địa lí địa phương 3.4. Các hình thức tổ chức dạy học Địa lí địa phương 3.5. Thiết kế một số bài giảng Địa lí địa phương <i>Kiểm tra định kỳ số 2</i>	- Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A5,A6	[3] Chương 2
LLO 11-15	* Nội dung thực hành (6 tiết) - Thiết kế 01 kế hoạch dạy học địa lí địa phương. - Thực hành dạy học môn học theo kế hoạch đã thiết kế.	- Thuyết trình - Báo cáo, thực hành; Thảo luận - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A6	[3]
	B. Nội dung tự học: (24 tiết) Tìm hiểu nội dung để thiết kế 01 kế hoạch dạy học địa lí địa phương; một số nội dung lý thuyết liên quan.	Sinh viên thu thập, xử lý tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[3]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 1,2 nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: 02 bài
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-5
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO5-8
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	3,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5	3,5 đến < 5,0	5,0 đến < 6,0	6,0 đến 7,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc rất ít tham gia	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5	1,5 đến < 1,9	1,9 đến < 2,4	2,4 đến 3,0
		Chưa giải thích, chứng minh.	Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng yêu cầu	Đáp ứng một phần yêu cầu	Đáp ứng khá	Đáp ứng tốt
Thảo luận (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0

Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Đỗ Văn Hảo (2022), *Giáo trình Địa danh trong dạy học địa lí*. NXB Đại học Thái Nguyên. (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN Thái Nguyên)
- [2]. Nguyễn Văn Âu. Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam, NXB quốc gia Hà Nội, 2002
- [3] Đỗ Văn Hảo, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huyền, *Dạy học Địa lí địa phương* (Giáo trình), NXB Đại học Thái Nguyên, 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [4]. Nguyễn Dược. Sổ tay địa danh nước ngoài, NXB Giáo dục, 2006.
- [5]. Đinh Xuân Vịnh. Sổ tay Địa danh Việt Nam.

TÊN HỌC PHẦN: SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ NƯỚC
SUSTAINABLE USE OF LAND AND WATER RESOURCES

MÃ HỌC PHẦN: 59SWD931

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		60
2.	Bài tập	10		35
3.	Thực hành	10		
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐(☐) Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và PPGD Khoa: Địa lí

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Vũ Văn Anh	0912687173	anhvv@tnue.edu.vn
2.	TS. Lê Thị Nguyệt	0973880523	nguyetlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước, đặc điểm, phân loại và ý nghĩa kinh tế - xã hội của tài nguyên đất và nước.

CO2: Phân tích được tình hình sử dụng và quản lý tài nguyên đất và nước trên thế giới và Việt Nam.

CO3: Đánh giá được vấn đề sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước, đề xuất được các biện pháp quản lý và sử dụng tài nguyên hợp lý.

* Về kỹ năng

CO4: Khai thác và phân tích số liệu thống kê, thông tin trên biểu đồ, bản đồ, bảng số liệu.

CO5: Vẽ các biểu đồ, lược đồ, nhận xét và giải thích sự phân bố tài nguyên đất và nước trên thế giới.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Có ý thức và hành vi bảo vệ môi trường; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước.

CO7: Thiết kế được các dạng bài tập thực hành cho học sinh phổ thông.

CO8: Đề xuất được các nội dung kiến thức môn học để thiết kế bài học, hoạt động giáo dục cho học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước là học phần tự chọn trong nhóm môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp, có ý nghĩa quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của địa lí học. Nội dung môn học gồm 3 chương: Chương 1. Tổng quan về tài nguyên đất và nước. Chương 2: Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất. Chương 3: Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phần mở đầu				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Tài liệu
		Dạy học	Đánh giá	
Chương 1. Tổng quan về tài nguyên đất và nước				

LLO 1,2,3	A. Nội dung thực hiện trên lớp (13 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (9 tiết) 1.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên 1.2. Khái niệm và phân loại tài nguyên đất 1.3. Khái niệm và phân loại tài nguyên nước 1.4. Vai trò của tài nguyên đất và nước đối với đời sống và các hoạt động sản xuất. 1.5. Quản lý và sử dụng tài nguyên đất và nước trong phát triển kinh tế.	- Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm.	A1 A3 A4 A5 A6	[1] Chương 1 [3] chương II
LLO 1,2,3	* Nội dung bài tập cá nhân: (2 tiết) - Phân tích, tổng hợp, xử lí các số liệu thống kê về các tài nguyên trên thế giới. - Sơ đồ hoá các tiêu chí đánh giá chất lượng nước. * Nội dung thảo luận: (2 tiết) - Phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm tài nguyên đất và nước.	- Thảo luận nhóm. - Sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại.	A1 A2 A3 A6	[1] Chương 1 [3] chương 2
LLO 1,2,3	B. Nội dung tự học: (25 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan - Hoàn thành bài tập cá nhân - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] Chương 1 [3] chương 2
Chương 2. Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất				
LLO 4-10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lí thuyết: (13 tiết) 2.1. Các nhân tố tác động đến tài nguyên đất 2.2. Đặc điểm các loại đất 2.3. Thực trạng quản lý và sử dụng tài nguyên đất 2.3. Sử dụng bền vững tài nguyên đất Bài kiểm tra định kỳ số 01	- Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm. - Đóng vai	A1 A3 A4 A6	[1] chương 2 [3] Chương 3
LLO 4-10	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết)		A1 A2	[1] chương 2

	- Phân tích, tổng hợp, xử lý các số liệu thống kê về tài nguyên đất trên thế giới. - Vẽ lược đồ phân bố tài nguyên đất trên thế giới - Xây dựng được nội dung một bài học trong chương trình phổ thông về giáo dục bảo vệ tài nguyên đất tại địa phương. * Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Vấn đề sử dụng đất ở các nước phát triển và các nước đang phát triển.	- Thảo luận nhóm. - Sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại.	A3 A6	[3] Chương 3
LLO 4-10	B. Nội dung tự học: (35 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan - Hoàn thành bài tập cá nhân - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] chương 2 [3] Chương 3
Chương 3. Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước				
LLO 4-10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (21 tiết) * Nội dung giảng dạy lý thuyết: (13 tiết) 2.1. Các nhân tố tác động đến tài nguyên nước 2.2. Đặc điểm các nguồn nước 2.3. Thực trạng quản lý và sử dụng tài nguyên nước 2.3. Sử dụng bền vững tài nguyên nước Bài kiểm tra định kỳ số 02	- Thuyết trình kết hợp sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại. - Dạy học dựa trên vấn đề. - Thảo luận nhóm. - Đóng vai	A1 A3 A5 A6	[1] Chương 3 [2] chương 3,4
LLO 4-10	* Nội dung bài tập cá nhân: (4 tiết) - Vẽ sơ đồ hình dạng lưới sông và lưu vực sông - Thống kê các hệ thống sông, hồ trên thế giới và tìm ra quy luật phân bố sông ngòi trên thế giới. - Xây dựng được nội dung một bài học trong chương trình phổ thông về giáo dục bảo vệ nguồn nước tại địa phương. * Nội dung thảo luận: (4 tiết) - Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước	- Thảo luận nhóm. - Sử dụng phương tiện trực quan. - Đàm thoại.	A1 A2 A3 A6	[1] Chương 3 [2] chương 3,4

LLO 4-10	B. Nội dung tự học: (35 tiết) - SV đọc và nghiên cứu tài liệu liên quan - Hoàn thành bài tập cá nhân - Làm việc nhóm chuẩn bị cho nội dung thảo luận trên lớp.	SV đọc và nghiên cứu tài liệu. Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm đúng thời hạn. GV tương tác online qua nhóm zalo.	A1	[1] Chương 3 [2] chương 3,4
-------------	--	---	----	--------------------------------------

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 02 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của giảng viên và nhu cầu của người học.
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-8
3	A3. Thảo luận nhóm	10%	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2,3,7
4	A4. Bài kiểm tra định kỳ số 1	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,5
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ số 2	10%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,4,5
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
6	A6. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm	CLO1-8

				- Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	
--	--	--	--	------------------------------------	--

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm	Thực hiện tốt nhiệm vụ,

đáp ứng yêu cầu		ứng dưới 50% yêu cầu.	vụ học tập được giao.	vụ học tập được giao.	đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận nhóm (10 %)					
Thời gian tham gia họp nhóm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Tham gia dưới 50% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 50 – 64% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham gia từ 65 - 79% thời lượng các buổi họp nhóm.	Tham trên 80% thời lượng các buổi họp nhóm.
Thái độ tham gia	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hợp tác nhóm	Tham gia nhưng chưa đều	Chủ động tham gia	Rất tích cực, chủ động tham gia
Ý kiến đóng góp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc rất ít ý kiến	Thỉnh thoảng đưa ra ý kiến	Thường xuyên đưa ra ý kiến	Luôn đóng góp ý kiến
Thời gian giao nộp sản phẩm	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không đúng hạn	Đúng hạn nhưng chưa đều	Đúng hạn	Trước thời hạn
Chất lượng sản phẩm giao nộp	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Sản phẩm tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
02 Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Lê Thị Nguyệt, Vũ Văn Anh (2024), Đề cương bài giảng *Sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước* (Tài liệu lưu hành nội bộ)

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Thị Nguyệt, Phạm Tất Thành (2023), *Giáo trình Tài nguyên nước và sự sống trên Trái Đất*, NXB Đại học Thái Nguyên

[3]. Đinh Đức Trường, Nguyễn Công Thành, Ngô Thanh Mai (2022), *Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội. (tài liệu số có trên thư viện trường ĐHSP)

[4]. [Nguyễn Minh Tuệ \(chủ biên\), Lê Thông, Vũ Đình Hòa, Lê Mỹ Dung, Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Tin, Trần Ngọc Diệp \(2014\), Địa lí du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.](#) (Tài liệu có trên Thư viện trường ĐHSP)

[5]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2010), *Giáo trình địa lí kinh tế xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.3. Websites

- Tổng cục thống kê Việt Nam: [http:// www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn) Các số liệu thống kê nước ngoài, Các tài liệu cập nhật (Niên giám thống kê hàng năm của Việt Nam, Thống kê của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế như FAO).

TÊN HỌC PHẦN: CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ
FOSTERING GOOD STUDENTS IN HISTORY
AND GEOGRAPHY

MÃ HỌC PHẦN: 59FHG931

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		65
2.	Bài tập	10		30
3.	Thảo luận	10		
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: ()
- Đơn vị phụ trách: Khoa Địa lí, Khoa Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Đỗ Văn Hảo	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Huyền	0912472085	huyennt@tnue.edu.vn
2	TS Mai Văn Nam	0974136822	nammv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1: Phân tích được cơ sở lí luận về bồi dưỡng học sinh giỏi

CO2: Phân tích được các chuyên đề bồi dưỡng HSG Lịch sử và Địa lí

CO3: Hiểu và phân tích được các phương tiện dạy học được sử dụng trong bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí.

* Về kĩ năng:

CO4: Thành thạo kĩ năng phân tích bản đồ, lược đồ, phân tích bảng số liệu, xử lí số liệu, vẽ và phân tích biểu đồ,...

CO5: Kĩ năng làm việc nhóm và thuyết trình các vấn đề liên quan đến phương pháp, phương tiện dạy học Lịch sử và Địa lí.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO7: Người học hình thành được năng lực cộng tác, lắng nghe, chia sẻ trong giải quyết các nhiệm vụ học tập. Có ý thức trong học tập, hoàn thành các công việc của cá nhân và nhóm liên quan đến môn học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm 3 chương: Chương 1. Cơ sở lí luận về bồi dưỡng học sinh giỏi gồm khái quát về bồi dưỡng học sinh giỏi trên thế giới và Việt Nam, Những khái niệm cơ bản về học sinh giỏi và bồi dưỡng học sinh giỏi, Những phẩm chất và năng lực quan trọng nhất của một học sinh, Những kĩ năng cần thiết của giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí, Nội dung và một số biện pháp phát hiện học sinh có thể trở thành học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí; Chương 2: Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS; Chương 3: Khai thác, sử dụng nguồn Sử liệu và phương tiện dạy học địa lí.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1: Cơ sở lí luận về bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử và Địa lí				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1- 4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết (10 tiết) 1.1. Khái quát về bồi dưỡng học sinh giỏi trên thế giới và Việt Nam 1.1.1. Vấn đề bồi dưỡng nhân trí ở các nước phát triển 1.1.2. Bồi dưỡng học sinh giỏi ở Việt Nam 1.2. Những khái niệm cơ bản về học sinh giỏi và bồi dưỡng học sinh giỏi 1.2.1. Năng lực, tài năng, năng khiếu 1.2.2. Các giai đoạn phát triển của một tài năng 1.3. Những phẩm chất và năng lực quan trọng nhất của một học sinh	Đàm thoại, thuyết trình; thảo luận;	A1, A5	Mục 1 tài liệu 1, [4]

	1.3.1. Năng lực tiếp thu kiến thức 1.3.2. Năng lực suy luận logic 1.3.3. Năng lực đặc biệt 1.4. Những kĩ năng cần thiết của giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí 1.4.1. Các nhóm kĩ năng cơ bản 1.4.2. Một số chi tiết trong kĩ năng 1.5. Nội dung và một số biện pháp phát hiện học sinh có thể trở thành học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí 1.5.1. Yêu cầu chung 1.5.2. Một số biện pháp phát hiện học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí			
	* Nội dung bài tập cá nhân/nhóm (5 tiết) - Phân tích những khó khăn có thể gặp phải khi bồi dưỡng HSG. - Loại hình trường chuyên có tác dụng như thế nào trong việc đào tạo và bồi dưỡng HSG?	Thuyết trình, bài tập cá nhân/nhóm	A2	[4] [7]
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - SV tìm hiểu phần mềm google earth và google map và ứng dụng vào nội dung bài học - Thu thập và nghiên cứu các vấn đề bồi dưỡng học sinh giỏi ở các nước trên thế giới	Yêu cầu SV: Tìm hiểu và học tập trên Internet và tương tác với giáo viên và các bạn qua nhóm zalo hoặc zoom	A1	[2] [3]
Chương 2: Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp	Học liệu	
		Dạy học	Đánh giá	
LLO5-9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (25 tiết) * Nội dung lí thuyết: (15 tiết) 2.1. Các chuyên đề phân môn Lịch sử 2.1.1. Chuyên đề Lịch sử Thế giới 2.1.2. Chuyên đề Lịch sử Việt Nam 2.2. Các chuyên đề phân môn Địa lí 2.2.1. Chuyên đề Địa lí KT-XH đại cương 2.2.2. Chuyên đề Địa lí tự nhiên Việt Nam 2.2.3. Chuyên đề Địa lí kinh tế - xã hội VN 2.2.4. Chuyên đề rèn luyện kĩ năng địa lí * Nội dung bài tập cá nhân (5 tiết) - Phân biệt các dạng biểu đồ. Lấy dẫn chứng cụ thể.	Sử dụng phương tiện trực quan, đàm thoại, thuyết trình; thảo luận; dạy học dự án	A1, A4, A5	Mục 2 tài liệu 1
	* Nội dung bài tập cá nhân (5 tiết) - Phân biệt các dạng biểu đồ. Lấy dẫn chứng cụ thể.	Thuyết trình, bài	A2	[2] [3]

	- Trình bày quy trình vẽ biểu đồ tròn, miền, đường, kết hợp,..	tập cá nhân/nhóm		
	* Nội dung thảo luận nhóm (5 tiết) - Xu hướng ra đề thi HSG Lịch sử - Địa lí theo chương trình GDPT 2018. - Những thách thức đối với GV khi ôn luyện HSG theo chương trình GDPT2018	Thuyết trình, thảo luận	A1, A3	[5] [6] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (35 tiết) - Đọc tài liệu 2,3	Yêu cầu SV: Xác định các dạng biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu thường gặp trong đề thi HSG	A1	[2] [3]
Chương 3: Khai thác, sử dụng nguồn Sử liệu và phương tiện dạy học địa lí				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 10-11	A. Nội dung thực hiện trên lớp (15 tiết) * Nội dung lí thuyết: (10 tiết) 3.1. Khai thác, sử dụng nguồn Sử liệu 3.1.1. Khai thác các nguồn Sử liệu 3.1.2. Sử dụng các nguồn sử liệu 3.2. Khai thác, sử dụng phương tiện dạy học địa lí 3.2.1. Khai thác các phương tiện dạy học địa lí 3.2.2. Sử dụng các phương tiện dạy học địa lí	Phương pháp: thuyết trình, giảng giải, đàm thoại; dạy học dự án; dạy học trải nghiệm	A1, A4, A5	Mục 3 tài liệu 1, [4]
	* Nội dung thảo luận nhóm (5 tiết) - Xây dựng đề kiểm tra và đáp án thi HSG môn Lịch sử và Địa lí lớp 6,7,8,9 - Trình bày trước lớp cấu trúc đề thi và những lưu ý khi biên soạn đề thi HSG.	Thuyết trình – báo cáo, Thảo luận	A1,A3	[5] [6] [7] [8]
	B. Nội dung tự học: (30 tiết) - Đọc tài liệu tham khảo 5,6,7,8	Yêu cầu SV: Xác định các nội dung địa lí thường được đưa vào đề thi HSG	A1	[5] [6] [7] [8]

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành 02 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thực hành	CLO1-7
3	A3. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân, thảo luận	CLO1-7
4	A4. Bài kiểm tra định kì	20	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-7
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Viết	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-7

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.

Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5,0	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập cá nhân (10 %)					
Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đạt 80 - 100% khối lượng học tập.
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Ý tưởng sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Thảo luận nhóm (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0	2,0 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 -	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 -	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.

			64% yêu cầu.	79% yêu cầu	
Trình bày báo cáo rõ ràng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Đỗ Văn Hảo, Nguyễn Văn Nam, Đề cương bài giảng chuyên đề bồi dưỡng HSG Lịch sử và Địa lí.
- [2]. Các bộ sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí 6, 7, 8, 9.
- [3]. At lat Địa lí Việt Nam.
- [4]. Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Hương, Trần Huy Đoàn, Trần Thùy Chi, Nguyễn Thị Thắm (2016), Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử - THSC và thi vào lớp 10 Chuyên Sử THPT, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [5]. Nguyễn Đức Vũ, Trần Thị Tuyết Mai (2022), Bồi dưỡng học sinh giỏi địa lí 6 (theo chương trình giáo dục phổ thông môn lịch sử - địa lí - nd), Nxb đại học quốc gia Hà Nội
- [6]. Nguyễn Đức Vũ (2023), Bồi Dưỡng Học Sinh Giỏi Địa Lí 7 (Theo chương trình GDPT môn Lịch Sử - Địa Lí cấp trung học cơ sở), Nxb đại học quốc gia Hà Nội
- [7]. Nguyễn Đức Vũ (2024), Bồi Dưỡng Học Sinh Giỏi Địa Lí 8 (Theo chương trình GDPT môn Lịch Sử - Địa Lí cấp trung học cơ sở), Nxb đại học quốc gia Hà Nội
- [8]. Nguyễn Đức Vũ (2024), Bồi Dưỡng Học Sinh Giỏi Địa Lí 9 (Theo chương trình GDPT môn Lịch Sử - Địa Lí cấp trung học cơ sở), Nxb đại học quốc gia Hà Nội

**TÊN HỌC PHẦN: CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP TRONG DẠY HỌC
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

INTEGRATED TOPICS IN TEACHING
HISTORY AND GEOGRAPHY
MÃ HỌC PHẦN: 59IHG931

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1.	Lý thuyết	33		65
2.	Thực hành	10		30
3.	Thảo luận	10		
4.	Kiểm tra, đánh giá	02		
Tổng		55		95

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: (□) Tiếng Anh: ()
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Địa lí cơ sở và PP giảng dạy; Khoa: Địa lí

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Đỗ Văn Hảo	0912700225	haodv@tnue.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Phương Liên	0913550622	liennp@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Khánh Như	0989850885	nhunk@tnue.edu.vn
4	TS. Nguyễn Văn Quyết	0353684145	quyetnv@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức:

CO1: Khái quát được những vấn đề chung và các phương pháp về dạy học tích hợp lịch sử và địa lí.

CO2: Hệ thống được các chủ đề trong chương trình lịch sử và địa lí ở trường phổ thông.

CO3: Phân tích được nội dung và quy trình thiết kế chủ đề lịch sử và địa lí.

CO4: Vận dụng được các phương pháp, hình thức dạy học để xây dựng chủ đề tích hợp.

* Về kỹ năng:

CO5: Kỹ năng xây dựng nội dung chủ đề lịch sử và chủ đề theo hướng tích hợp và phát triển năng lực học sinh.

CO6: Kỹ năng thiết kế chủ đề lịch sử và địa lí.

CO7: Kỹ năng tổ chức dạy học theo chủ đề nhằm phát triển năng lực người học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO8: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo; có trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học và có ý thức trong việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.

CO9: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng trong môn học chủ đề tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học chủ đề tích hợp trong dạy học lịch sử và địa lí ở trường phổ thông trang bị cho sinh viên kiến thức về dạy học theo chủ đề; hướng dẫn sinh viên xác định chủ đề lịch sử và địa lí, hướng dẫn quy trình thiết kế chủ đề môn Lịch sử và Địa lí. Đồng thời môn học định hướng cho sinh viên vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học theo chủ đề lịch sử và địa lí ở trường phổ thông.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC TÍCH HỢP				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1,2,3,4	A. Nội dung thực hiện trên lớp (16 tiết) * Nội dung lý thuyết (10 tiết) 1.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp. 1.2. Cơ sở của việc dạy học tích hợp khoa học xã hội trong chương trình giáo dục phổ thông. 1.3. Hình thức và mức độ tích hợp các môn khoa học xã hội 1.4. Lựa chọn nội dung và xây dựng chủ đề tích hợp	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	[1]

LLO 1,2,3,4	* Nội dung thảo luận (6 tiết) 1. Phân tích đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp. 2. Những ưu điểm của việc dạy học tích hợp khoa học xã hội. 3. Phân tích và cho ví dụ các mức độ tích hợp khoa học xã hội. 4. Quy trình xây dựng chủ đề tích hợp khoa học xã hội.	- Báo cáo thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	[1] [2]
	B. Nội dung tự học: (28 tiết) 2. Vai trò của GV trong dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí. 3. Điều kiện để dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí.	Sinh viên thu thập, xử lý tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[2] [3]
CHƯƠNG 2: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ				
	Nội dung	Hình thức/ Phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 5,6	A. Nội dung thực hiện trên lớp (20 tiết) * Nội dung lí thuyết (12 tiết) 2.1. Một số phương pháp dạy học chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 2.1.1. Dạy học dựa trên dự án 2.1.2. Dạy học giải quyết vấn đề 2.1.3. Dạy học hợp tác 2.1.4. Dạy học khám phá 2.1.5. Dạy học WebQuest 2.2. Lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí 2.2.1. Yêu cầu của việc lựa chọn phương pháp dạy học chủ đề tích hợp 2.2.2. Sử dụng phương pháp dạy học chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí Kiểm tra định kỳ số 1	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A4,A6	[1] [2] [4] [5]
LLO 5,6	* Nội dung thực hành (4 tiết) 1. Trình bày điều kiện và quy trình thực hiện phương pháp dạy học dựa trên dự án? 2. Vận dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề khi dạy một chủ đề lịch sử và địa lí. 3. Thiết kế hoạt động dạy học sử dụng phương pháp WebQuest.	- Thuyết trình - Báo cáo, thực hành; Thảo luận - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A6	[1] [2] [4] [5]

LLO 5,6	* Nội dung thảo luận (4 tiết) 1. Những ưu điểm của một số phương pháp dạy học chủ đề tích hợp khoa học xã hội. 2. Đổi mới phương pháp dạy học truyền thống trong dạy học môn khoa học xã hội? 3. Sử dụng phương pháp dạy học dạy học chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí như thế nào để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	- Báo cáo thảo luận nhóm - Dạy học trực tiếp	A1,A2, A6	
	B. Nội dung tự học: (33 tiết) Đọc thêm tài liệu tham khảo và lấy ví dụ về từng phương pháp dạy học cụ thể.	Sinh viên thu thập, xử lí tài liệu, số liệu phục vụ cho bài tập cá nhân, bài tập nhóm, câu hỏi thảo luận	A1	[1] [2] [4] [5]
CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ				
LLOs	Nội dung	Hình thức/ phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 7,8,9	A. Nội dung thực hiện trên lớp (19 tiết) * Nội dung lí thuyết (13 tiết) 3.1. Một số chủ đề dạy học tích hợp lịch sử và địa lí trong chương trình phổ thông 3.2. Thiết kế kế hoạch bài dạy chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí 3.3. Thực hành dạy học, đánh giá bài dạy chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí Kiểm tra định kỳ số 2	- Đàm thoại - Thuyết trình - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu. - Dạy học dựa trên vấn đề - Thảo luận nhóm - Dạy học thông qua dự án - Dạy học trực tiếp	A1,A3 A5,A6	[1] [2] [4] [5] [6]
LLO 7,8,9	* Nội dung thực hành (6 tiết) 1. Thực hành xây dựng sản phẩm học tập cho các chủ đề tích hợp. 2. Thực hành soạn và giảng kế hoạch bài dạy chủ đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. 3. Thực hành soạn và giảng kế hoạch bài dạy chủ đề các cuộc đại phát kiến địa lí.	- Thuyết trình - Báo cáo, thực hành; Thảo luận - Dạy học trực tiếp	A1,A3, A6	[1] [2] [4] [5] [6][8]
	B. Nội dung tự học: (34 tiết) - Đọc tài liệu tham khảo, soạn kế hoạch bài dạy một số chủ đề tích hợp KHXH - Chuẩn bị, xây dựng đồ dùng trực quan cho các chủ đề	GV hướng dẫn SV đọc tài liệu, SV đọc tài liệu, tìm hiểu cách thức thực hành theo yêu cầu.	A1	[1] [2] [4] [5] [6][8]

	- Tập giảng các chủ đề tích hợp lịch sử và địa lí			
--	---	--	--	--

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học.
- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành cá nhân. Nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên và báo cáo trước lớp theo kế hoạch.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 1,2 nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.
- Bài kiểm tra định kì: 02 bài
- Tự học: đọc các tài liệu, giáo trình theo yêu cầu của GV và theo nhu cầu của người học.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Thảo luận	10	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-5
3	A3. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO5-8
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kì 2	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Viết	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-10

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Chuyên cần (10 %)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	3,0	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,8	1,8 đến < 2,4	3,4 đến 3,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học

					Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	7,0	0 đến < 3,5 Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	3,5 đến < 5,0 Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	5,0 đến < 6,0 Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết	6,0 đến 7,0 Dự 95% - 100% số giờ lên lớp lý thuyết
Thực hành (10 %)					
Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	1	0 đến < 0,5 Không hoặc rất ít tham gia	0,5 đến < 0,6 Tham gia nhưng chưa đều	0,6 đến < 0,8 Chủ động tham gia	0,8 đến 1,0 Rất tích cực, chủ động tham gia
Thực hiện đúng các thao tác, quy trình	2	0 đến < 1,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,0 đến < 1,3 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	1,3 đến < 1,6 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	1,6 đến 2,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	3	0 đến < 1,5 Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	1,5 đến < 1,9 Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	1,9 đến < 2,4 Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	2,4 đến 3,0 Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Kết quả được giải thích và chứng minh	3	0 đến < 1,5 Chưa giải thích, chứng minh.	1,5 đến < 1,9 Có giải thích nhưng chưa đầy đủ.	1,9 đến < 2,4 Đưa ra được dẫn chứng, khá đầy đủ.	2,4 đến 3,0 Giải thích rõ ràng, dẫn chứng đầy đủ.
Báo cáo thực hành đúng yêu cầu	1	0 đến < 0,5 Không đúng yêu cầu	0,5 đến < 0,6 Đáp ứng một phần yêu cầu	0,6 đến < 0,8 Đáp ứng khá	0,8 đến 1,0 Đáp ứng tốt
Thảo luận (10 %)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4	0 đến < 2,0 Thực hiện nhiệm vụ đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	2,0 đến < 2,6 Thực hiện được 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	2,6 đến < 3,2 Thực hiện được 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	3,2 đến 4,0 Thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1	0 đến < 0,5 Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	0,5 đến < 0,6 Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	0,6 đến < 0,8 Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	0,8 đến 1,0 Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Trình bày báo cáo rõ ràng		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Trình bày khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Trình bày tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Tương tác tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Đáp ứng được 50 - 64% yêu cầu.	Kết quả khá tốt, đáp ứng được 65 - 79% yêu cầu	Kết quả tốt, đáp ứng trên 80% yêu cầu.
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không hoặc ít hỗ trợ	Có hỗ trợ nhưng chưa đều	Tích cực hỗ trợ	Rất tích cực hỗ trợ
Bài kiểm tra định kì (20%) theo đáp án, thang điểm riêng					

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên) (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, quyển 2, Nxb ĐHSP, HN.
- [2]. Đỗ Văn Hảo (2020) *Giáo trình phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông*. NXB Đại học Thái Nguyên.
- [3]. Bộ sách giáo khoa 6,7,8,9

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [4] Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2009), *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, Nxb ĐHSP, HN.
- [5] Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Anh Dũng (2001), *Các hình thức dạy học lịch sử ở trường Trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục, HN.
- [6] Trần Bá Hoàn (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb ĐHSP, HN.
- [7]. Nguyễn Trọng Phúc (2001), *Phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong dạy học địa lí*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí*.

TÊN HỌC PHẦN: CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
REFORMS IN VIET NAM HISTORY
MÃ HỌC PHẦN: 59RVH931

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	34	70
2	Bài tập	6	26
3	Thực hành	6	
4	Thảo luận	6	
5	Kiểm tra, đánh giá	2	
Tổng		54	96

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không.
- Học phần học song hành: Lịch sử Việt Nam hiện đại, MHP: 59VHM331
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Th.S Lê Thị Thu Hương	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn huongbinhtn69@gmail.com
2.	Th.S Nguyễn Thị Hòa	0973748369	hoant.his@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

- CO1: Có hệ thống kiến thức về các vấn đề cốt lõi về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam, cho nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn
- CO2: Vận dụng được các kiến thức về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam vào dạy học môn Lịch sử và tổ chức các hoạt động giáo dục khác ở trường phổ thông.

* Về kỹ năng

- CO3: Biết vận dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin thu thập, xử lý các nguồn tư liệu lịch sử về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam, để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu; biết khai thác các nguồn tài liệu phục vụ cho việc tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học.
- CO4: Có kỹ năng thuyết trình, Lập được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động học tập cá nhân, làm việc nhóm, dạy học Lịch sử cho học sinh và các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông
- CO5: Vận dụng được phương pháp dạy học bộ môn, liên môn và các phương pháp giáo dục, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO6: Người học thực hiện tốt các qui định của học phần, có quan điểm và ý thức cá nhân trong học tập, nghiên cứu và làm việc lâu dài
- CO7: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn của môn học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời, giáo dục và rèn luyện ý chí tiến thủ, sự tìm tòi sáng tạo để vươn lên

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học hệ thống hóa về những cuộc cải cách và tư tưởng cải cách trong lịch sử Việt Nam theo các vấn đề cụ thể: Khái quát được các nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách và tư tưởng cải cách, nội dung và kết quả, những nhân vật tiêu biểu của các cuộc

cải cách và tư tưởng cải cách trong các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam thời kì trung đại, cận đại và hiện đại theo phân kì lịch sử.

Các vấn đề trên được trình bày theo lịch đại, đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá khách quan và khoa học.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương 1. Những cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 1- 5	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết (12 tiết) 1.1.Cuộc cải cách của Khúc Hạo 1.2.Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly 1.3.Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông 1.4.Cuộc cải cách của Quang Trung 1.5.Cuộc cải cách của Minh Mạng	- Giáo viên thuyết trình - Bài tập cá nhân	A1,A4	[1] [2] [3] [4] [5]
LLO 1-5	* Bài tập (2 tiết) - Nêu và nhận xét về nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách ở Việt Nam thời trung đại - Khái quát và nhận xét về quá trình thực hiện cải cách thời trung đại ở Việt Nam.	-Thực hành nhóm	A1, A2	
LLO 1-5	* Thực hành (2 tiết) - SV có thể thiết kế 1 trò chơi liên quan đến chủ đề, sưu tầm truyện kể về các cuộc cải cách, các nhân vật cải cách thời kỳ trung đại ở Việt Nam		A1, A4	
LLO 1- 5	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Đánh giá về tác động của các cuộc cải cách ở Việt Nam thời kỳ trung đại.	-Thảo luận nhóm	A1, A3	
	B. Nội dung tự học (32 tiết) - Lý thuyết (24 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương 1 trên lớp. - Bài tập (2 tiết): cải cách thời trung đại (thông tin về các nhân vật; nguyên nhân) - Thực hành (3 tiết): tìm hiểu nội dung, kết quả của cải cách thời kỳ trung đại ở Việt Nam - Thảo luận (2 tiết): Nhận xét về các cuộc cải cách ở Việt Nam thời kỳ trung đại.	- vở bài tập cá nhân	A1	
Chương 2. Những tư tưởng cải cách cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 6-10	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lí thuyết (11 tiết) 2.1.Tư tưởng canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX	- Giáo viên thuyết trình - Bài tập cá nhân.	A1,	[1] [2] [3] [4] [5][6]

	2.2. Tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỷ XX			
LLO1,2,3	* Kiểm tra bài định kỳ số 1: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút; Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A5	
LLO 6-10	* Bài tập (2 tiết) Nêu và nhận xét về nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách ở Việt Nam thời cận đại.	-Thực hành nhóm	A1,A2	
LLO 6-10	* Thực hành (2 tiết) Tìm hiểu về tư tưởng cải cách cuối thế kỷ XIX và đầu TKXX ở Việt Nam		A1,A4	
LLO 6-10	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Phân tích sự thất bại của hệ ý thức tư tưởng tư sản ở Việt Nam	-Thảo luận nhóm	A1, A3	
	B. Nội dung tự học (32 tiết) - Lý thuyết (23 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương trên lớp. - Thực hành (3 tiết): Đọc tài liệu và tóm tắt các nội dung sau: Tìm hiểu thông tin về các nhân vật cải cách thời cận đại; nội dung chủ trương cải cách về các lĩnh vực cụ thể - Bài tập (3 tiết): nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách ở Việt Nam thời cận đại. - Thảo luận (3 tiết): Hạn chế của các xu hướng tư tưởng cải cách thời cận đại	- vở bài tập cá nhân	A1	
Chương 3. Công cuộc Đổi mới do Đảng Cộng sản đề xướng và lãnh đạo (1986 - 2021)				
LLOs	Nội dung	Hình thức/phương pháp		Học liệu
		Dạy học	Đánh giá	
LLO 11-15	A. Nội dung thực hiện trên lớp (18 tiết) * Nội dung lý thuyết (11 tiết) 3.1. Thời điểm lịch sử 3.2. Nhận thức mới, chủ trương quan điểm Đổi mới theo định hướng XHCN 3.3. Những thành tựu trong 35 năm Đổi mới	-Giáo viên thuyết trình - Bài tập cá nhân	A1	[1] [2] [3] [5] [7]
LLO7,8	* Kiểm tra bài định kỳ số 2: (1 tiết) - Thời gian: 50 phút - Hình thức: Tự luận	Kiểm tra	A6	
LLO 11-15	* Thực hành (2 tiết) Liên hệ địa phương trong công cuộc Đổi mới	Nhóm	A1, A4	
LLO 11-15	* Bài tập (2 tiết) - Hoàn cảnh lịch sử và yêu cầu đổi mới thời kỳ hiện đại - Chủ trương và quá trình thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam	-Thực hành cá nhân	A1, A2	

	Kết quả của công cuộc đổi mới của Đảng từ 1986 đến nay.			
LLO 11-15	* Nội dung thảo luận (2 tiết) Đánh giá về những thành tựu, hạn chế, của 35 năm Đổi mới đất nước. Liên hệ tình hình thực hiện các cuộc cải cách ở Việt Nam với khu vực và thế giới qua các thời kỳ lịch sử	-Thảo luận nhóm	A1,A3	
	B. Nội dung tự học (32 tiết) - Lý thuyết (23 tiết): Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo bổ sung thêm cho phần lý thuyết chương trên lớp. - Thực hành (3 tiết): Liên hệ địa phương cụ thể - Bài tập (3 tiết): Hoàn cảnh, chủ trương, quá trình thực hiện, kết quả công cuộc đổi mới - Thảo luận (3 tiết): Thành tựu, hạn chế của 35 năm Đổi mới đất nước.	- vở bài tập cá nhân	A1	

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn và hoàn thành bài tập cá nhân/nhóm (nếu có) theo yêu cầu trước khi đến lớp học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: vở bài tập cá nhân

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

7.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- CLO11
2	A2. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1- CLO11
3	A3.Thảo luận	5%	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-11
4	A4. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1- 5, 7, 8, 9, 10,11
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5,10,11
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5,10,11
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
7	A7. Tiểu luận	50%	01	- Đáp án, thang điểm	CLO1-11

7.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt (0-49%)	Đạt (50-64%)	Khá (65-79%)	Tốt (80-100%)
Chuyên cần (5%)					
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 50 - 64% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động thực hiện, đạt 65 - 79% nhiệm vụ học tập được giao.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao.
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	5	0 đến < 2,5	2,5 đến < 3,3	3,3 đến < 4,0	4,0 đến 5,0
		Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 80%-89% số giờ lên lớp lý thuyết	Dự 90% - 94% giờ lên lớp lý thuyết	Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết
Bài tập nhóm (10%)					
Thực hiện nhiệm vụ đúng, đủ, đúng thời hạn	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Thực hiện nhiệm vụ chưa đầy đủ, chưa đúng hạn	Thực hiện 50-60% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 60-80% nhiệm vụ, nộp đúng hạn	Thực hiện 80-100% nhiệm vụ, nộp đúng hạn
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	4	0 đến < 2	2 đến < 2,6	2,6 đến < 3,2	3,2 đến 4
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Báo cáo/sản phẩm hình thức đẹp, sáng tạo	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Hình thức đúng yêu cầu, Không sáng tạo	Hình thức đảm bảo, ít sáng tạo	Hình thức đẹp, Tương đối sáng tạo	Hình thức đẹp, sáng tạo
Trình bày báo cáo rõ ràng, kỹ năng báo cáo và trả lời câu hỏi tốt	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng, không trả lời đầy đủ câu hỏi, không tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng không khoa học, trả lời câu hỏi tương đối đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng, ít tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và tương đối thỏa đáng; có tương tác phi ngôn ngữ	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học; trả lời đầy đủ và thỏa đáng; tương tác phi ngôn ngữ tốt
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo, trả lời	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,65	0,65 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi

		trong khi báo cáo và trả lời	trong khi báo cáo và trả lời	khí báo cáo và trả lời	báo cáo và trả lời
Thảo luận (5%)					
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tương đối tốt, đạt 65% - 79% yêu cầu đặt ra.	Nội dung sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu (trên 80%).
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Lập luận giản đơn, thiếu logic, chỉ giải quyết được dưới 50% nội dung thực hành.	Bước đầu có lập luận khoa học, giải quyết được 50-64% nội dung thực hành.	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic, giải quyết được 65-79% nội dung thực hành.	Lập luận có căn cứ, dẫn chứng khoa học và logic, giải quyết trên 80% nội dung thực hành.
Trình bày báo cáo rõ ràng	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Trình bày thiếu mạch lạc	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học.	Trình bày báo cáo rất rõ ràng, khoa học, tự tin.
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1	0 đến < 0,5	0,5 đến < 0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Ít có sự tương tác.	Có sự tương tác cơ bản.	Tương tác tốt.	Tương tác rất tốt, phối hợp linh hoạt các thao tác.
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trả lời đạt dưới 50% yêu cầu, chưa thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng.	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng.	Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi đầy đủ, nội dung trả lời có lập luận, khoa học
Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	2	0 đến < 1,0	1,0 đến < 1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến ≤ 2,0
		Nhóm ít có sự phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ trong khi báo cáo và trả lời, chỉ giải quyết 50% nhiệm vụ được giao.	Nhóm phối hợp tương đối tốt, có sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, đạt từ 50 - 64% nhiệm vụ	Nhóm phối hợp tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời, giải quyết được 65 - 79% nhiệm vụ học tập.	Nhóm phối hợp rất tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo, giải quyết được trên 80% nhiệm vụ học tập.
Thực hành (10%)					
	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0

Thái độ tham gia		Thực hiện đúng yêu cầu, không đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, ít đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, Thi thoảng đóng góp ý kiến	Thực hiện đúng yêu cầu, tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6	0 đến <3	3 đến <3,9	3,9 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 50 - 60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 70 - 80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian quy định 90- 100%
Báo cáo thực hành	2	0 đến < 1	1 đến < 1,3	1,3 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 0-49%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 50 - 64%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 65 - 79%	Nội dung, hình thức, phương pháp và kỹ năng báo cáo đạt 80 - 100%

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Văn Tạo (2006), *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Hồng (1998), *Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam*, Hội KHLNVN. Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Lê Sĩ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập II, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, Viện Triết học, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[4]. Trương Hữu Quýnh (2007), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Cảnh Minh (2008), *Giáo trình lịch sử Việt Nam*, tập 1,2,3, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6]. Trần Bá Đức (2000), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Xuân Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam hiện đại 1945 - 2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>,
<http://www.tuyengiao.vn/>, <http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/>,...

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được biên soạn theo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Nhìn chung chương trình thiết kế theo đường hướng lấy người học làm trung tâm. Nên dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên

lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, trên cơ sở các khoa/đơn vị đề nghị điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT được ban hành tại Quyết định số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Phương Liên